

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
NĂM THỨ 17 - SỐ 61 - MÙA ĐÔNG 2012



CỎ THƠM

THÁNG 12, NĂM 2012

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
<dsenser@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM
<phanvyle@yahoo.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG
<dathphan1@gmail.com>

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN
<littlesaigonnews@aol.com>

NGÔ TĂNG GIAO

<giaongo@msn.com>

PHẠM VĂN TUẤN
<tuanpham1387@hotmail.com>

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH
<hanhbang@hotmail.com>

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG
NGUYỄN VĂN BÁ
THỦY SENSER
<www.cothommagazine.com>

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER
<dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

FAX: (571) 926-8962

<dsenser@yahoo.com>

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BẰNG.

HẢI BẰNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.

NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐINH CƯỜNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

VŨ HỐI. NGUYỄN QUỐC KHÁI.

PHAN KHÂM. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ. VŨ NAM.

ĐẶNG NGUYÊN. NGUYỄN VĂN NHIỆM.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐỖ PHÚ. KIM VŨ.

TRẦN BÍCH SAN. NGUYỄN SƠN.

HỒ CÔNG TÂM. NGUYỄN VĂN THÀNH.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU. HỒNG THỦY.

TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.

THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BẰNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM & NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. Phạm Tường An, B. An Hicky, Ô.B. Cung Thắng An,
B. Văn T. Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Võ Hùng Anh, Ô. Trần Hữu Bảo,
Ô. Việt Bằng (CA), Ô.B. Phạm Bính, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Đỗ Bình, Ô. Vũ Đức Bình,
Ô. Phan Thanh Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, b. Đặng Thị Bọt, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh,
B. Huỳnh Thị Chăng, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu,
Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô. Lê Văn Chính, Ô.B. Ngô Chương,
B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, Ô. Trương Duy Cường. B. Vũ Diễm,
B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.NgocDung, Ô. B. Phan Anh Dũng,
B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào, B. Dương Tâm Đạt, Ô. Nguyễn Hải Đăng,
B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Trần Đại Độ, Ô. Duy An Đông, Ô. Trần Thiên Đức, Ô.B. Hoàng Cung Fa,
Ô. Ngô Tăng Giao, B. Đỗ Thị Minh Giang, B. Võ T. Trúc Giang, B. Tôn Nữ Mặc Giao,
Ô. Lý Văn Hải, B. Lê Thúy Hà. B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải,
B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Quản T. Hạnh, Ô.B. Lê Hậu, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền,
B. Đặng Thị Hiền, Ô. Lý Thy Hiếu, B. Nguyễn Hoa, B. Tôn Nữ Khánh Hội, B. Tô Diễm Hồng,
Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô. Trần Khắc Hiếu, B. Huệ Phạm, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng,
Ô.B. Phan Tâm Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Thùy Hương N.T.T, Ô. Lê Ngọc Kha, Ô. B. Phan Khâm,
Ô. Nguyễn Quốc Khoa, B. Vi Khuê, Ô. Trần Hiệu Lai, B. Võ Lại, BS. Từ Châu Lan, BS. Từ Pháy,
Ô.B. Nguyễn Lân, B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Nghiêm Phương Lan, Ô.B. Nguyễn Khoa Lân,
Ô.B. Đạt Thu Lê, B. Đỗ Thị Hương Liên, Ô. Nguyễn Ngọc Liệu, Ô.B. Nguyễn Huy Linh,
B. Vũ Thị Linh, B. Phi Vân Loan, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô.B. Nguyễn Phú Long,
Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), B. Minh Doran, Ô. Vũ Nam,
Ô. Nguyễn Văn Nghi, Ô.B. Vũ Đức Nghiêm, Ô. Đoàn Xuân Ngọc, Ô. Đăng Nguyên,
B. Uyên Phương Minh Nguyệt, B. Phan T. Nhẫn, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Nguyễn Văn Nhiệm,
Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt,
Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, Ô. Lê Quang Phùng, B. Hoàng Hữu Phước,
B. Chu Thanh Quỳ, B. Nghiêm Thái Phương, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Nguyễn Sơn,
Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn, B. Nguyễn T. Minh Tâm,
B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân, Ô. Lê Tam Thanh, Ô.
Nguyễn Thanh, Ô.B. Vũ An Thanh, B. Nguyễn Đạp Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành,
B. Nguyễn Phương Thảo. Ô. Nguyễn Thành Thế, B. Phong Thu, Ô. B. Trịnh Đức Thông,
B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Nguyễn Thị Thuận,
B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy, B. Thương Hoff,
Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, Ô. Phạm Văn Tiến,
B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, Ô. Nguyễn B. Toàn, Ô. Lê Văn Trạch,
B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. B. Võ Trưng, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú,
BS Phan Khắc Tường, Ô. Hoàng Lý Văn, B. Khánh Vân Michalek, B. Nguyễn Tường Vân (CA),
Ô. Yên Vi, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, Hà Nguyễn & Associates,
Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, BS. Nguyễn Quốc Quân,
Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

MỤC LỤC

ĐỀ

TRANG

BIÊN KHẢO

TRẦN BÍCH SAN: Câu đối trong văn học Việt Nam	9
ĐÀO ĐỨC CHUÔNG: Lược sử chế độ khoa cử Việt Nam thời Hán học	18
PHẨM VĂN TUẤN: Marc Chagall	32
HẢI BĂNG HDB: Lê Thánh Tôn	42
NGUYỄN QUÝ ĐẠI: Munich hội beer...	58
PHẠM TRỌNG LỆ: Văn thơ tình bất hủ...	99
NGUYỄN VĂN NHIỆM: Tiếng ca dao...	167
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH: Sài Gòn cảnh cũ đường xưa	174

VĂN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG Lá thư mua đông	7
TÂM VIỆT: Về một tác phẩm dở dang....	28
TIỂU THU: Khuê	49
TÂM NGỌC: Sống chết cho tình yêu	66
DUY AN ĐÔNG: Người phụ nữ Việt Nam	72
LÊ MAI LĨNH: Nguyễn Bắc Sơn	75
VĂN QUANG: Văn hóa không tên...	83
HỒ TRƯỜNG AN: Hồi chuông kim cổ	89
VŨ MINH TẤN: Vào đảng	94
ĐỖ BÌNH: Con đường văn nghệ	105
PHẠM BÁ: Lỡ Bước Sang Ngang...	112
NGUYỄN PHÚ LONG: Tản mạn hát xẩm	117
NGUYỄN HỮU BÌNH: Bên tình bên nghĩa	123
TRẦN TAM NGUYÊN: Không gian và thời gian	127
DIỆM TRÂN: Chuyến xe lửa định mệnh	133
THANH TRANG: Về bài Tango...	137
PHONG THU: Keywest – Ốc đảo...	139

PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU Ý nghĩa cuộc sống của loài người	146
NGUYỄN MÂY THU: Những đám mây...	151
NGUYỄN HỒNG NHUNG: Cuốn lịch bí ẩn	156
Ỡ NGUYỄN: Tự truyện	
PHƯƠNG DUY TDC: Chiều bên giáo đường	188
NGUYỄN QUỐC KHẢI: Những con số kỳ diệu	191
PHẠM TRẦN: Mẹ tôi	196
TRƯỜNG ANH THUY: Tiếc thương Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện	199
MINH CHÂU: Anh là ai	201

THƠ

TRÙNG QUANG: Cối ta	31
NGUYỄN T.N. DUNG: Kiếp Dâu Tằm	31
TRÙNG QUANG: Bút ngỏ lời	41
NGUYỄN T.N. DUNG: Dòng thơ man mác	41
PHAN KHÂM: Tâm sự	41
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO: Bút thảo đôi lời	41
NGUYỄN KINH BẮC: Hoa rực sắc cờ	48
NGUYỄN ĐỨC CUNG: Hoa rực sắc cờ	48
NGUYỄN VÔ CÙNG: Giấc mộng hồi sinh	48
NGÂN SƠN: Nguyện ước	48
LÝ HIẾU: Mùa băng rã	57
LÝ HIẾU: Hát giữa đêm đông	57
BÙI THANH TIÊN: Có em Đà Lạt	57
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Chuyện Ông thần táo	65
PHAN KHÂM: Thêm	73
ĐĂNG NGUYỄN: Tình xa	91
HỒ CÔNG TÂM: Tuổi trẻ yêu nước	96
MAYA ANGELOU: Caged bird	126
TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO: Chim lồng	126
NGUYỄN BẠCH: Sắp Ngựa Mùa Đông	132

UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT:	143	State Capitol & Richmond Old City Hall	
Trách tại gió đông			
ĐỖ T. MINH GIANG: Đêm huyền diệu	153	<u>HÌNH ẢNH SINH HOẠT</u>	
PHAN KHÂM: Lập đông	173	Chiều Tưởng Nhớ Nhật Bằng,	203
HOÀNG SONG LIÊM: Khơi mộng	185	Nguyễn Túc, Văn Phụng.	
NGUYỄN KINH BẮC: Tuyết muộn	185	Hội Ngộ Nhà thơ Cung Trầm Tưởng	204
THIÊN ĐỨC: Bến sông trắng	185	Thiệp Mời Kỷ Niệm 18 Năm Cỏ Thơm	206
NGUYỄN T.N. DUNG: Thương tiếc...	200		
		<u>GIỚI THIỆU</u>	
<u>NHAC</u>		Hà Nguyễn & Associates	2
THANH TRANG: Bản Tango cho mùa thu	136	Washington Music	30
VŨ THÁI HÒA: Bài tình cho Paris	145	Kỷ yếu Cội Nguồn	93
VĨNH ĐIỆN: Chiều mùa đông	172	Phòng Mạch Bác Sĩ Võ Đạm	104
HUY LÂM: Thôi đành thế thôi	186	SOVEREIGN REALTY, INC.	122
		Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Quốc Quân	135
<u>TRANH, ẢNH</u>		Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Kim Dung	138
NGUYỄN SƠN: Bìa trước - Ngày vui mới	01	Một thời Lưu Vong #7	166
BS TỪ CHÂU LAN: Đánh cá	78	Ca Dao – Con Đường Văn Hóa	171
MINH CHÂU: Lạnh lùng	104	Harvest Moon Restaurant	207
PHẠM VĂN TUẤN: Đêm Đông	125	Phiếu mua/Gia hạn/Quảng cáo	208
PHAN ANH DŨNG: Bìa sau - The Virginia	210	Văn Phòng LS Ivan Waldman & Associates	209

LÁ THƯ MÙA ĐÔNG 2012

Sau mấy tuần sôi nổi, hồi hộp của dân Hoa Kỳ và thế giới với cuộc bầu cử tổng thống, Ông Barack Obama đã tái đắc cử ngày 6 tháng 11, 2012. Phải nhận rằng đa số dân Hoa Kỳ vẫn tiếp tục muốn có một tổng thống trẻ trung, mới mẻ, gần gũi dân chúng hơn. Đa số không ưa thích các ứng cử viên già nua, bảo thủ nữa. Ở nước nào cũng vậy, dân nghèo vẫn nhiều hơn dân giàu nên ứng cử viên nào lưu tâm tới giới trung lưu trở xuống giới nghèo vẫn có hy vọng hơn. Vậy là Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm sẽ sinh hoạt dưới pháp quyền của Tổng thống Obama 4 năm nữa. Lúc đó Cỏ Thơm sẽ được 22 tuổi và biết đâu sẽ có một Chủ nhiệm khác, và Nguyễn Thị Ngọc Dung sẽ được về vườn.

Tuổi xa người, tuổi xa đời, Nữ sĩ Trùng Quang cũng phải theo định luật thiên nhiên. Bà đã về trời ngày 6 tháng 9, 2012 tại San Jose, hưởng thượng thọ 101 tuổi. Cộng đồng người Việt hải ngoại đã mất đi một nhân vật khả kính trong sinh hoạt xã hội và văn học nghệ thuật.

Xin xem tiểu sử và thơ của Nữ sĩ trang 3 và 41. Nữ sĩ Trùng Quang đã từng cộng tác với Tạp Chí Cỏ Thơm. Bà đã mời Ngọc Dung và Phan Khâm họa hai bài thơ Đường luật ‘Cõi Ta’ và ‘Bút Ngổ Lời’. Sau đó “Dòng Thơ Man Mác” của Ngọc Dung họa “Bút Ngổ Lời” đã có trong tập thơ xướng họa cùng tên của bà. Ngô Tăng Giao cũng có bài thơ “Bút Thảo Đồi Lời” họa thơ Nữ sĩ Trùng Quang, (trang 41).

Chỉ vài ngày sau, Tam Cá Nguyệt San phải vĩnh biệt anh Đặng Văn Hiền. Anh là độc giả ưu ái của Cỏ Thơm từ nhiều năm nay. Anh đóng ấn phí mua báo cho cả bà chị ruột ở Texas. Khi đã biết sự sống không kéo dài bao lâu, anh vẫn gửi tiền mua báo thêm một năm cho anh và cho cả bà chị. Lần nào Cỏ Thơm họp mặt nhân dịp phát hành báo anh cũng tham dự và xung phong bào đu đủ để chúng tôi làm món thịt bò khô. Anh hẹn kỳ ra báo mùa thu sẽ họp ở nhà anh. Nhưng anh đã trở bệnh nặng và trút hơi thở cuối cùng ngày 11 tháng 9, 2012. Ngày đưa đám anh Đặng Văn Hiền, báo Cỏ Thơm mùa thu đã được đem tới đặt trên bàn thờ của anh với bài thơ phúng điếu, (trang 200). Hôm đó, nhiều văn thi sĩ, hội viên và độc giả Cỏ Thơm đến nhà quàn thăm viếng anh Hiền. Sau tang lễ, báo Cỏ Thơm 60 được phát hành ngay trong nghĩa trang để tưởng niệm một độc giả khả ái vừa ra đi. Xin cảm tạ sự ủng hộ của anh và vĩnh biệt anh với cả tấm lòng thương tiếc!

Chỉ ba tuần sau, Nhà thơ Nguyễn Chí Thiện, ngày 2 tháng 10, 2012, đã từ biệt cõi trần. Xin xem bài viết, trang 199, của Nhà văn Trương Anh Thụy. Và, xin nghiêng mình chào vĩnh biệt người chiến sĩ bất khuất, kiên cường chống cộng bằng thơ văn, bằng 27 năm tù đầy trong hỏa ngục Cộng sản.

Cũng trong mùa thu qua, một tên tuổi trong giới thi văn Tao Đàn trước năm 1975, nhà thơ, nhà báo quân đội, Tô Kiều Ngân đã qua đời tại Sài Gòn. Không biết giọng ngâm thơ truyền cảm và tiếng sáo tao đàn réo rắt nào thay thế được chăng? Nhà thơ Tô Kiều Ngân là một trong những chứng nhân trong đoạn hồi ký “Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương” của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Vài lần anh đã hộ tống nhân vật Nguyễn đến thăm Ngọc Dung ở cái thuở ban đầu lưu luyến ấy.

Một nhân vật khác trong đoạn hồi ký “Hà Nội Thuở Tôi Mới Lớn” - “Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội” là anh Đoàn Xuân Ngọc, tự “Ngọc Toét” đã qua đời tại San Jose. Thực ra, thuở nhỏ cô bé Ngọc Dung chỉ nghe anh chị trong nhà kể chuyện về “Ngọc Toét” và tác giả viết lại sau này chứ không gặp anh bao giờ cho đến khi ra mắt sách tại San Jose. Anh Đoàn Xuân Ngọc nổi tiếng với sự ngang tàng, hào hùng thời thiếu niên Phố Chả Cá Hà Nội, trong Quân Đội VNCH và cả trong lao tù cộng sản.

Bây giờ xin ôn lại hai sinh hoạt văn học đáng kể tại vùng Hoa Thịnh Đốn trong ba tháng vừa qua: “Chiều Nhạc Tưởng Nhớ Nhật Bằng, Văn Phụng và Nguyễn Túc”. Quan khách đầy chật Jewish Community Center. Nghe lại những lời giới thiệu, những bản nhạc của ba vị nhạc sĩ này tôi không khỏi ngậm ngùi. Hôm đó tôi đã không phải nhỏ nước mắt nhân tạo để đôi mắt có tuổi không bị khô.

Trong buổi Hội Ngộ Nhà Thơ Cung Trầm Tưởng và ra mắt tập thơ “Một Hành Trình Thơ” của ông rất đông đảo vì ở nhà hàng với ăn trưa cơm Tàu giá có \$20. Hơn 300 người tham dự mặc dầu Bão Sandy đang đe dọa ngoài trời. Nhất định là người Cỏ Thơm chúng tôi phải có mặt rồi. Xin chúc mừng Nhà Thơ Cung Trầm Tưởng.

Cơn bão Sandy dữ dằn đã đến với miền đông duyên hải Hoa Kỳ và làm thiệt hại gần 70 chục tỷ Mỹ Kim. Tiểu bang New Jersey bị nặng nề nhất. Nhà sập, xe cộ thuyền bè nổi lềnh bềnh trong thành phố. Cả tháng sau nhiều nơi vẫn chưa có điện và nước lụt chưa rút đi hết. Bao gia đình mất hết nhà cửa, của cải. Nước giàu bị bão tàn phá thì thiệt hại càng nhiều. Nước nghèo như Việt Nam, như miền Trung quê hương mình bão lụt hằng năm, dân nghèo quá rồi, còn gì đâu mà thiệt hại hơn nữa. Thật ngao ngán quá trời!

Số báo mùa đông mỗi năm vẫn vào thời gian Giáng Sinh, Tết Dương Lịch, Tết Nguyên Đán. Bìa trước Cỏ Thơm là ảnh “Ngày Vui Mới” của Nhiếp ảnh gia Nguyễn Sơn, Germany, màu sắc, ánh sáng huyền diệu như một bức tranh tĩnh vật của họa sĩ nổi danh Đỗ Quang Em. Bìa sau là ảnh “The Virginia State Capitol” và “Richmond Old City Hall” trong mùa đông của Phan Anh Dũng, Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ và chủ biên Website Cỏ Thơm.

Nội dung Cỏ Thơm vẫn dồi dào, xuất sắc với nhiều bài biên khảo, truyện ngắn, thơ, nhạc. Đặc biệt trong số báo này có ba tác giả mới cộng tác với Cỏ Thơm là Nguyễn Bạch trang 132; Nguyễn Hồng Nhung trang 156, do Nhà văn Phong Thu giới thiệu; Nhiếp ảnh gia, Bác sĩ Từ Châu Lan trang 78, do Biên khảo gia Nguyễn Văn Thành giới thiệu. Xin chào mừng ba tác giả và cảm ơn sự giới thiệu của anh Nguyễn Văn Thành và Phong Thu.

Xin cảm ơn Nhà thơ Hồ Công Tâm đã tặng tập thơ “Một Thời Lưu Vong” số 7 và Nhà thơ Song Nhị đã gửi tặng tập Kỷ Yếu đồ sộ “Cội Nguồn 20 năm Văn Học”, Nhà thơ Dương Huệ Anh đã tặng tập “Chân Dung & Giá Trị Truyện Kiều. Xin chúc mừng và cảm ơn quý thi hữu.

Thưa quý vị, sau một năm bỏ tổ chức sinh nhật Cỏ Thơm tại nhà hàng, nhưng được nhiều quý vị nhắc nhở khuyến khích, chúng tôi sẽ trở lại truyền thống đó vào ngày 5 tháng 5, 2013, để kỷ niệm 18 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm. Xin quý vị xem thiệp mời trang 206 và tham dự đông đảo để người Cỏ Thơm có dịp gặp gỡ và cảm tạ sự ủng hộ của quý vị độc giả và cộng đồng. Quý văn thi nghệ sĩ nơi xa, nếu tiện dịp du lịch USA, xin ghé qua buổi họp mặt hằng năm này để chúng ta có dịp hàn huyên, chung vui một chút văn nghệ mừng ngày xuân.

Sau hết, chúng tôi xin cảm ơn quý tác giả đã đóng góp bài vở, quý thân chủ cho quảng cáo, xin cảm ơn quý độc giả vẫn bền bỉ ủng hộ Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm suốt 18 năm qua. Kính chúc quý vị một mùa đông ấm cúng, một Giáng Sinh và Năm Mới vui vẻ, hạnh phúc, Tết Quý Ty an khang thịnh vượng. Hẹn tái ngộ quý vị với số báo mùa Xuân tháng 3-2013.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

CÂU ĐỐI

TRONG VĂN HỌC VIỆT NAM

Trần Bích San

Dân tộc Việt Nam từ thượng cổ đã tổ chức thành xã hội và sinh sống ở vùng đất Bắc Kỳ và miền cực bắc Trung Kỳ ngày nay. Trong lúc nước ta còn ở trình độ bán khai thì bị Trung Hoa đô hộ hơn một nghìn năm (từ 207 TTL đến 939 STL). Với chủ trương đồng hoá của người Tàu tất nhiên chúng ta không thể tránh khỏi bị ảnh hưởng sâu xa về chính trị, xã hội, tôn giáo, luân lý, phong tục, và nhất là phương diện văn học.

Sau khi Ngô Quyền đánh tan quân nhà Nam Hán trên sông Bạch Đằng, lấy lại được nền độc lập vào năm 939, nước ta vẫn bị lệ thuộc Trung Hoa về phương diện tư tưởng và văn hóa. Chữ Tàu (còn gọi là chữ Hán hay chữ Nho) được dùng làm văn tự của quốc gia trong việc học hành, thi cử, luật lệ, giấy tờ. Kinh, Truyện (Tứ Thư, Ngũ Kinh), sử sách (Bắc Sử, Cổ Văn) của Tàu được dùng làm sách giáo khoa.

Sĩ phu theo đạo Nho, học chữ Hán, thi cử, viết văn bằng chữ Nho, trước tác thơ văn cũng theo các thể văn và lệ luật của văn chương Tàu. Cuối thế kỷ thứ 13, Hàn

Thuyên sáng tác thi ca bằng chữ Nôm (chữ Việt được biến chế từ chữ Nho) tạo được phong trào viết văn bằng chữ Việt. Nhờ vậy, từ đó về sau mới có thêm nhiều tác phẩm bằng chữ Nôm, nhưng đa số các

thể thơ văn đều phỏng theo của Tàu, chỉ có một số ít là của riêng nước ta. Thi ca tuy làm bằng chữ Nôm nhưng làm theo phép tắc thơ Tàu, niêm luật phỏng theo thơ Tàu, thi pháp của ta tức là thi pháp Tàu. Cho tới khi có Chữ Quốc Ngữ, nền văn học lịch triều đã bị văn hóa Trung Hoa ảnh hưởng nặng nề không những về đường tư tưởng mà còn về các thể văn nữa.

CÁC THỂ VĂN

Các thể văn mượn của của Tàu gồm 3 loại:

1. Vận văn: (vận = vần) loại văn có vần gồm *thơ Đường Luật, thơ Cổ Phong, Cổ Phú, Đường Phú và Văn Tế*.

Vận văn có vần ở câu cuối, hầu hết thi phú chữ nôm đều theo Đường cách. Bài phú sớm nhất của ta hiện còn là về đời Mạc. Văn tế theo thể Đường phú chỉ thấy xuất hiện vào thời nhà Tây Sơn.

2. Biên văn: (biên = 2 con ngựa đi sóng nhau) loại văn không có vần nhưng có đối gồm các thể *Câu Đối, Tứ Lục (Chiêu, Hịch, Cáo), Văn Sách, Kinh Nghĩa* (lời hát cổ)

Biên văn là loại văn có đối trong câu. Các loại biên văn có rất ít trong văn chữ Nôm. Hai thể văn sách và kinh nghĩa chỉ còn mấy bài của Lê Quý Đôn nhưng tựa như ông làm để đùa cợt với lời văn khoa cử. Thể tứ lục có vào thời nhà Tây Sơn được dùng trong chiếu, cáo, hịch.

3. **Tân văn**: (*Tân* = không bị kiềm thúc, tự do) không có vần cũng không cần phải đối, tức là văn xuôi.

Các thể văn của riêng nước ta đều thuộc về văn vần gồm có: **lục bát**, **song thất** và các biến thể của 2 loại này là **hát nói**, **sấm**, **lý**, **hề**, **điên**, về tuồng có **nói lối**.

ĐỐI TRONG THƠ VĂN

Định Nghĩa:

Đối là 2 chữ, câu, hoặc đoạn văn đi song đôi với nhau cân xứng cả về ý lẫn lời.

Luật Đối:

Phép đối, một đặc tính của văn Tàu, đóng vai trò rất quan trọng trong nền văn học lịch triều nước ta. Ngoài các chữ đối nhau còn có các câu hoặc đoạn văn đối nhau. Không những trong vận văn và biến văn bị bắt buộc phải dùng phép đối, mà ngay cả tản văn tuy không bắt buộc, nhưng đôi khi cũng phải dùng đến cho câu văn được cân đối, xuôi tai, êm ái, du dương.

1. **Đối Ý**: hai ý tưởng cân xứng nhau, chẳng hạn như trong bài “*Chiều Hôm Nhớ Nhà*” của Bà Huyện Thanh Quan, câu 3 & 4 là hai cảnh cân xứng trong buổi chiều tà, một bên là hình ảnh vài cánh chim bay về tổ đối lại với một bên là người lữ khách tha hương băng khuâng nhớ nhà:

Ngàn mai lác đác chim về tổ

Dặm liễu băng khuâng khách nhớ nhà

2. **Đối Chữ**: gồm có đối về *thanh* của chữ và đối về *loại* của chữ:

- **Đối về thanh**: vần bằng đối với vần trắc, và ngược lại, vần trắc đối với vần bằng. Trong **thể thơ** các chữ trong câu đều phải đối về thanh, nhưng trong **thể phú**, chỉ cần đối một vài chữ theo lệ đã định về thanh mà thôi.

- **Đối về loại**: hai chữ phải cùng một loại, có 2 loại: một là *thực tự* (chữ nặng) như trời đất, cây cỏ, nhà cửa, ao vườn... hai là *hư tự* (chữ nhẹ) như các chữ thì, là, mà, vậy, ru... Thực tự phải đối với thực tự, hư tự phải đối với hư tự. Nói cách khác, 2 chữ đối nhau phải cùng một tự loại: danh từ đối với danh từ, tính từ đối với tính từ, trạng từ đối với trạng từ, động từ đối với động từ... Nếu có chữ Nho thì chữ đối cũng phải là chữ Nho. Thí dụ: câu 5 & 6 trong bài “*Đi Thi*” của Trần Tế Xương:

Lộc nước cũng nhờ thêm giải ngạch

Phúc nhà may được sạch trường qui

(giải ngạch đối với trường qui)

Nếu 2 câu mà đối được cả về ý lẫn chữ thì được gọi là *đối chỉnh* hay *đối cân*.

VỀ CÂU ĐỐI

Vế câu đối là một trong các thể văn của Tàu. Câu đối chữ Nho là *Doanh Thiếp* hay *Doanh Liên* (*Doanh* = cột, *Thiếp* = mảnh giấy có viết chữ, *Liên* = đối nhau) là hai câu văn đi song đôi với nhau cân xứng cả về ý, chữ, và luật bằng trắc.

Vế câu đối gồm có 2 câu đi song song, mỗi câu là 1 vế. Nếu câu đối do một người làm thì câu trước gọi là *vế trên*, câu sau gọi là *vế dưới*. Nếu do hai người làm thì câu của người làm trước gọi là *vế ra*, câu của người làm sau đáp lại gọi là *vế đối*. Chữ Nho hay chữ Nôm khi viết từng chữ thì các nét đi từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, nguyên câu thì viết và đọc từ trên xuống dưới và từ phải sang trái. Do đó, khi treo câu đối thì *vế trên* (hay *vế ra*) treo bên tay phải, *vế dưới* (hay *vế đối*) treo bên tay trái (phải hay trái của người đứng nhìn vào 2 câu đối) (1).

I. CÁC THỂ VÀ LUẬT CỦA VÊ CÂU ĐỐI

Vê câu đối không hạn chế số chữ, dài ngắn thể nào cũng được, gồm 3 thể chính sau:

1.a. Thể Tiểu Đối: câu đối có 4 chữ hoặc ít hơn:

Đông Tây! Đông Tây!

Vắng khách! vắng khách (2)

1.b. Luật Tiểu Đối:

Bằng đối với trắc và ngược lại: bắt buộc vần của chữ cuối về trên phải ngược lại với vần của chữ cuối về dưới. Nếu các chữ của 2 vế cùng đối nhau về bằng trắc thì tốt nhất.

2.a. Thể Câu Đối Thơ: câu đối làm theo thể thơ ngũ ngôn (5 chữ) hoặc thất ngôn (7 chữ).

- Thể ngũ ngôn:

Áo đỏ lấm phân trâu

Dù xanh che dải ngựa

(Xiển Bột)

- Thể thất ngôn:

Một chiếc cùm lim chân có đế

Ba vòng xích sắt bước thì vương

(Cao Bá Quát))

2.b. Luật Câu Đối Thơ: phải theo đúng luật bằng trắc của 2 câu *thực* (3 & 4), hoặc 2 câu *luận* (5 & 6) trong lời thơ ngũ ngôn và thất ngôn.

Lưu ý: nếu thấy *câu đối thơ* nào không theo luật thơ ngũ ngôn và thất ngôn thì những câu ấy làm theo luật bằng trắc của thể *câu đối phú*. Thí dụ như câu dưới đây tuy là thất ngôn nhưng không theo luật thất ngôn mà làm theo thể câu đối phú:

Nước trong leo lẻo cá đớp cá

Trời nắng chang chang người trời người

3.a. Thể Câu Đối Phú: làm theo lối đặt câu của thể phú, có 3 loại:

A. Song Quan: (*Song quan* = hai cửa) là câu đối có từ 6 đến 9 chữ:

Đồ chuyên trà ẩm đất sứt vôi



Cuộc uống rượu be sành chấp cổ
(Nguyễn Công Trứ, Hàn Nho Phong Vị Phú)

Miệng nhà quan có gang có thép
Đồ nhà khó vừa nhỏ vừa thâm
(Trạng Quỳnh)
Trời chân kỳ ký tra vào rọ
Rút ruột tang bồng trả nợ com (3)
(Nguyễn Công Trứ)

B. Cách Cú: (*Cách* = ngăn ra, *Cú* = câu) mỗi vế câu đối chia làm 2 đoạn:

a. Đoạn trước ngắn, đoạn sau dài:

Đất chẳng phải chồng, / đem gỏi thịt
xương sao lợi?

Trời mà chết vợ, / thử xem gan ruột mần răng?
(Thầy đồ xứ Nghệ khóc vợ)

Đá xanh xây cổng, / hòn dưới nóng hòn trên

Ngồi đồ lợp nghè, / lợp sau đề lợp trước
Ba cụ ngồi một cỗ, / cụ đủ điều cụ chẳng
sợ ai

(Vế ra của Linh Mục Trần Lục)

Một đạo há hai đường, / đạo trộm cắp
đạo còn nói lão (4)

(Vế đôi của Tam Nguyên Trần Bích San)



b. Đoạn trước dài, đoạn sau ngắn:

Cạm Bẫy Người tạo hóa khéo căng chi! /
qua Giông Tố tưởng nên Số Đò

Số Độc Đắc văn chương vừa trúng thế, /
nữ Dứt Tình Không Một Tiếng Vang (5)

(Đồ Phôn khóc Vũ Trọng Phụng mất năm 1939)

Bình gấm phát phơ, / oanh chọc én
Trướng hoa nghiêng ngửa, / phượng đề loan
(Tú Xuất, mừng đôi trai gái mới thành hôn)

C. Gối Hạc (hay Hạc Tắt): mỗi vế câu
đôi có từ 3 đoạn trở lên, đoạn giữa (gọi là
đậu câu) thường ngắn xen vào 2 đoạn kia
như đầu gối giữa 2 ống chân con hạc.

- Câu đôi có 3 đoạn:

Ai công hầu, / ai khanh tướng, / trong
trần ai ai dễ biết ai?

(Vế ra của Đặng Trần Thường)

Thế Chiến Quốc, / thế Xuân Thu, / gặp
thời thế thế thời phải thế! (6)

(Vế đôi của Ngô Thì Nhiệm)

- Câu đôi có 4 đoạn:

Người nước Nam, / hỏi tiếng Tây chẳng
biết tiếng Tây, / hỏi tiếng Tàu chẳng biết
tiếng Tàu, / cho nên phải “minh tiên
vương chi đạo dĩ đạo”

Nhà hương Bắc, / người chưa rét thì
mình đã rét, / người chưa bức thì mình đã
bức, / mới gọi là “tiên thiên hạ nhi ưu
chi ưu” (7)

(Nguyễn Khuyến)

- Câu đôi có 5 đoạn:

Đồ vương tranh bá, / thôi nói chi lịch đôi
số trời, / hỏi trước sau hơn bốn ngàn
năm, / nước biếc non xanh, / bờ cõi ai
xây bờ cõi ấy?

Vấn tổ tìm tông, / nay vẫn còn lăng xưa
miếu cũ, / kể nhiều ít hai mươi lăm triệu,
/ con đàn cháu đống, / cõi càn khôn
chẳng cõi càn khôn đây!

(Ở đền thờ 18 Vua Hùng/đền Thượng)

3.b. Luật Câu Đôi Phức:

- Chữ cuối 2 vế phải theo luật bằng, trắc.
Chữ cuối vế trên là vần bằng thì chữ cuối
vế dưới phải là vần trắc, hoặc ngược lại.

- Chữ cuối của một vế và chữ cuối của tất
cả các đậu câu (tất cả các đoạn phía trước
đoạn cuối cùng, kể cả đoạn đầu) phải
theo luật bằng trắc: Nếu chữ cuối của vế
vần bằng thì chữ cuối của tất cả đậu câu
phải là vần trắc, và ngược lại.

II. CÁC LOẠI CÂU ĐÔI

Được phân loại theo ý nghĩa, câu đôi
gồm các loại sau đây:

1. **Câu Đôi Các Dịp Vui, Buồn**: làm trong
những dịp vui như chúc thọ, thi đỗ, đám
cưới, nhà mới, thăng quan tiến chức, v.v.
hoặc trong dịp tang ma, khóc người thân:

- Mừng bạn đỗ đại khoa:
Nhất cử đăng Hoàng Giáp
Toàn gia vô bạch đình (8)

- Phúng viếng người chết:
*Bác đã về rồi, đời đáng chán!
Tôi còn ở lại, rượu cùng ai?*
(Tản Đà)

- Khóc vợ:
*Nhà chửi rất nghèo thay, nhờ được bà
hay lam hay làm, thắt lưng bó que, xắn
váy quai công, tất tưởi chân nam chân
chiều, vì tớ đỡ đần trong mọi việc*

*Bà đi đâu vội mấy, để cho lão vất vả vất
vưởng, búi tóc củ hành, buồng quần lá
tọa, gật gù tay đũa tay chén, cùng ai kể lẽ
chuyện trăm năm*
(Nguyễn Khuyến)

2. **Câu Đối Thờ**: tán tụng công đức tổ
tiên, tiên nhân, thần thánh để treo trước
bàn thờ ông bà, đình chùa, miếu mạo:

- Câu đối thờ ông bà:
*Kiểm một coi trầu thừa với cụ
Xin đôi câu đối để thờ ông* (9)
(Nguyễn Khuyến)

- Treo ở đền Hùng Vương Phú Thọ:
*Có tổ có tôn, có tôn có tổ, tổ tổ tôn
tôn, tôn tổ cũ*
*Còn non còn nước, còn nước còn non,
non non nước nước, nước non nhà*

3. **Câu Đối Tư Thuật/Tư Thán**: dán
hoặc treo ở chỗ ngồi chơi, nơi trà đàm,
thư phòng:

- Cáo quan về quê sống:
*Quan chẳng quan thì dân, chiếu trung đình
ngát ngưỡng ngồi trên, nào linh nào cả,
nào bàn ba, xôi làm sao, thịt làm sao, đóng
góp làm sao, thủ lợn nhìn lâu trơ cả mắt*
- *Già chẳng già thì trẻ, đàn tiểu tử nháp
nhô đứng trước, này phú, này thơ, này*

*đoạn một, bằng là thế, trắc là thế, lẽ lời
là thế, mắt gà đeo mãi mỗi bên tai*
(Nguyễn Khuyến)

- Tự vịnh khi chưa thành đạt:
*Chị em ơi! ba mươi sáu tuổi rồi, khắp
đông tây nam bắc bốn phương trời, đâu
cũng lừng danh công tử xác*

*Trời đất nhẽ! gặng một phen này nữa,
xếp cung kiếm cầm thư vào một gánh,
làm cho nổi tiếng trượng phu kèn*
(Nguyễn Công Trứ)

- Cảnh buồn dạy học tỉnh lẻ:
*Nhà lá ba gian, một thầy, một cô, một
chó cái*
*Học trò dăm đứa, nửa người, nửa
ngợm, nửa đười ươi*
(Cao Bá Quát)

4. **Câu Đối Tức Cảnh**: nhân cảnh trước
mắt mà làm ngay câu đối:

- Trượt té xoạc chân:
*Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất vấn dài*
(Hồ Xuân Hương)

- Cảnh thanh nhàn trăng thanh, gió mát:
*Gió tựa tường ngang, lưng gió phẳng
Trăng nhòm cửa sổ, mắt trăng vuông*

5. **Câu Đối Đề Tặng**:

- Tiệm tóc:
*Cười phán cọt son, tô điểm tóc tai
người tứ xứ*
*Mài dao đánh kéo, mở mang mày mặt
khách năm châu*
- Hàng thợ nhuộm:
*Đã chót nhuộm tay, xấu đều hơn tốt lời
Quý hồ thuận mắt, thắm lắm lại phai nhiều*

6. **Câu Đối Trào Phúng**:

- Cột một ông Chánh Tổng bị cách mới
được phục chức và có nhà mới:

*Nhất cận thị, nhị cận giang, thử địa khả
phong giai tị ốc
Sống ở làng, sang ở nước, mừng ông
nay lại vĩnh râu tôm (10)*
(Nguyễn Khuyến)

- Bỗng một ông tên là Long bị chột một
mắt mới đậu Phó Bảng khoa thi Võ:
*Cung kiếm ra tay, thiên hạ đổ dồn hai
mắt lại
Rồng mây gặp hội, anh hùng chỉ có một
người thôi*
(Nguyễn Khuyến)

- Đùa nhà sư già rụng hết răng bị móm và
chú tiểu nói ngọng:
*Phát phát phóng phong phan, pháp phải
phi phù phù phụng Phật
Căn căn canh cổ kệ, cao ca kỹ cứu cứu
cùng kinh (11)*
(Nguyễn Khuyến)

7. Câu Đối Chiết Tự: (*Chiết* = bẻ gãy,
phân ra, tách ra, *Tự* = chữ) nghĩa là lấy ra
từng nét hoặc từng phần rồi thêm vào
một hay nhiều nét khác của một chữ Hán
và đặt thành câu đối:

*Chữ Đại là câ, bỏ một nét ngang, chữ
Nhân là người, chớ thấy người sang bắt
quàng làm họ
Chữ Bì là da, thêm ba chấm thủy, chữ Ba
là sóng, chớ thấy sóng cả mà ngã tay
chèo (12)*

8. Câu Đối Tập Cú: lấy những câu có sẵn
trong sách hoặc tục ngữ ca dao để làm
câu đối:

*Tính ông hay, hay tưu hay tắm, hay nước
chè đặc, hay nằm ngủ trưa, tuổi ngoại
sáu mươi còn mạnh khỏe
Nhà ông có, có bầu có bạn, có ván com
xôi, có nồi com nếp, bày ra một tiệc thấy
linh đình*



9. Câu Đối Tết: dán nhà, đền, chùa vào
dịp tết Nguyên Đán

*Tối ba mươi, khép cánh càn khôn, ních
chặt lại kéo ma vương đem quỷ tới
Sáng mồng một, lỏng then tạo hóa, mở
toang ra cho thiếu nữ rước xuân vào*
(Hồ Xuân Hương)

*Chiều ba mươi, nợ hời tít mù, co căng
đập thảng Bần ra cửa
Sáng mồng một, rượu say túy lúy, giơ tay
bồng ông Phúc vào nhà*
(Nguyễn Công Trứ)

Ngoài các loại câu đối trên còn có vài
loại linh tinh khác như câu đối dùng dán
nơi công đường, câu đối nói lái... Có câu
đối về ra thật khó, chưa có ai đối được
cho chỉnh như 2 vế ra dưới đây:

Da trắng vỗ bì bạch (13)
(Đoàn Thị Điểm)

*Cha con thày thuốc về quê, gánh một
gánh hôi hương phụ tử* (14)

*

Câu đối đơn giản so với các loại thơ văn khác. Vốn vẹn chỉ có 2 câu, nhưng chữ nghĩa trong câu đối cô đọng, dãi lọc như lời chọn từ trong thơ. Câu đối hay có văn phong tự nhiên, phóng khoáng thoát ra ngoài khuôn sáo, câu văn mạch lạc, rõ ràng, chữ dùng chính xác, gợi hình tạo được âm hưởng, đọc lên nghe giòn giã, sang sảng.

Ngày xưa khi Hán học còn thịnh hành, câu đối rất phổ quát trong dân gian. Câu đối được treo trong nhà, hai bên bàn thờ ông bà, nơi công đường, đình chùa, miếu mạo. Câu đối được dùng trong việc quan hôn tang tế. Người ta thường sử dụng câu đối trong các dịp vui buồn: chúc thọ, thăng quan tiến chức, mừng thi đỗ, buồn hổng thi, viếng người chết, khóc bạn hữu, vợ con... Người nào được một nhà khoa bảng tặng cho đôi câu đối là một vinh hạnh. Dịp Tết nhiều người đi nhờ hoặc thuê một ông đồ chữ tốt viết giúp cho câu đối để treo trước cổng hay trong nhà. Ngoài ra, trong việc bang giao với Trung Hoa, giai thoại đối đáp giữa ta và xứ Tàu cho thấy câu đối đã giúp phần nào trong việc bảo vệ quốc thể.

Trần Bích San

CHÚ THÍCH

(01) Sau này, từ khi có Chữ Quốc Ngữ, để cho dễ đọc câu đối chữ Việt được treo ngược lại với lối treo câu đối chữ Nho, về trên (hay về ra) ở bên trái, về dưới (hay

về đối) ở bên phải của người đứng nhìn đọc câu đối.

(02) Hoàng Tích Chu, chủ bút báo Đông Tây ở Hà Nội hay lui tới phố Khâm Thiên vì quen thân với bà Đốc Sao là chủ nhà hát cô đầu mặc dù ông không biết đánh trống ả đào và bà chủ cũng chưa hề gõ phách bao giờ. Có một câu đối điều cợt hai người khi thấy họ Hoàng giờ cao roi chầu đánh mấy tiếng trống dạo “Tom! Tom!, Tom! Tom!” mà âm thanh tựa tựa như:
Đông Tây! Đông Tây!

Trong khi bà Đốc gõ dịp phách đáp lại kêu “lát chát, lát chát” âm thanh nghe na ná như:

Vắng khách! Vắng khách!

Câu đối đùa bốn dí dỏm ở chỗ chữ “đông” là đông đúc, “đông Tây” còn có nghĩa là “nhiều người Pháp”, về dưới chữ “vắng” đối với “đông”, “khách” còn có nghĩa là người Tàu, “vắng khách” là “ít Tàu” đối với “nhiều Tây”. Thêm nữa, Đông Tây là tên tờ báo của Hoàng Tích Chu, còn vắng khách chỉ sự ế ẩm nhà cô đầu của bà Đốc Sao.

(03) Kỳ ký: tên 2 loại ngựa quý; *Tang bồng*: gõ dẫu và cỏ bồng, ngày xưa cung làm bằng gỗ dẫu, tên bằng cỏ bồng, thường đi đôi với chữ *hồ thủy*, chỉ chỉ trai vẫy vùng ngang dọc.

(04) Trần Bích San sinh năm 1838 theo học Hoàng Giáp Tam Đăng Phạm Văn Nghị cùng với Nguyễn Khuyến, đỗ Tam Nguyên dưới thời vua Tự Đức. Năm 1875 ông làm Tuần Phủ Hà Nội, Linh Mục Trần Lục (tên thật là Trần Hữu Triêm) mới được phong làm Khâm Sai Tuyên Phủ Sứ từ Phát Diệm lên thăm.

Trong lúc trò chuyện, muốn thử tài vị Tam Nguyên, Linh Mục Lục đưa ra một vế câu đối nói thác đi là đã nghe được muốn đối nhưng khó quá, nhân dịp gặp nhà đại khoa nhờ đối giùm. Về ra như sau:

Ba cụ ngồi một cỗ, cụ đủ điều cụ chẳng sợ ai

Về ra rất khó vì có tới 3 chữ “Cụ” với 3 nghĩa khác nhau. “Cụ” là *cụ đạo*, tiếng gọi các Linh Mục ở miền Bắc, “Cụ” cũng có nghĩa là *sẵn sàng*, “Cụ” còn có nghĩa là *sợ hãi*. Ý và lời tỏ ra vừa ngạo mạn, vừa đắc ý của người đang gặp thời. Trần Bích San từ chối vì e rằng vế đối khiêm nhã. Linh Mục Lục cho rằng Trần Bích San không đối nổi nên càng nài ép, nài có đây là chuyện văn chương *văn hành công khí*, không có gì phải e ngại. Trần Bích San lúc đó mới bèn ứng khẩu đối lại:

Một đạo há hai đường, đạo trộm cắp đạo còn nói láo

Dùng chữ “Đạo” đối với chữ “Cụ” là tuyệt hay. Chữ “Đạo” cũng có 3 nghĩa: “Đạo” là *cố đạo* tiếng dùng gọi các Linh Mục, “Đạo” cũng có nghĩa là *con đường*, “Đạo” còn có nghĩa là *trộm cắp*. Ý và lời mỉa mai kẻ tu hành không giữ được đạo hạnh, xu thời theo thực dân Pháp không biết xấu hổ với đất nước mà còn lên mặt đắc chí.

(05) *Cạm Bẫy Người, Giông Tố, Số Đỏ, Trúng Số Độc Đắc, Dứt Tình, Không Một Tiếng Vang* là tên các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng

(06) Ngô Thì Nhiệm, con Ngô Thì Sĩ, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) đời vua Lê Hiển Tông nhà Hậu Lê, là một danh sĩ Bắc Hà. Khi được Ngô Văn Sở ngầm báo Vũ Văn Nhậm có ý làm phản, Nguyễn

Huệ đem quân ra Bắc lần thứ 2 (1788) bắt Nhậm và giết đi. Bắc Bình Vương ở lại đặt các quan lục bộ và trấn thủ, để Lê Duy Cận làm giám quốc, chủ trì các việc tế lễ, dùng Ngô Thì Nhiệm làm Lại Bộ Tả Thị Lang. Đối đặt quan quân, chỉnh đốn mọi việc xong, Nguyễn Huệ về Nam, để Ngô Văn Sở ở lại giữ Bắc Hà. Khi quân Tàu sang xâm chiếm nước ta vua Quang Trung đem quân ra Bắc đại phá quân Thanh vào ngày Tết Nguyên Đán năm Kỷ Sửu (1789), rồi sai Ngô Thì Nhiệm viết thư xin giảng hoà. Sau đó mọi việc giao thiệp với nhà Thanh trao cho ông và Phan Huy Ích đảm trách. Năm 1792 ông được cử làm Chánh Sứ sang Tàu. Khi Nguyễn Ánh lấy được Thăng Long, ông bị bắt và giao cho Đặng Trần Thường trị tội (ông và Thường vốn là bạn học thuở nhỏ và cả 2 đều nổi tiếng hay chữ, Thường theo phò Chúa Nguyễn). Thường cho giải ông và Phan Huy Ích ra trước Văn Miếu, trước khi sai lính đánh đòn, ông và Thường đã đối đáp với nhau bằng câu đối trên. Ông bị đòn đau nên khi được đưa về quê thì mất.

(07) “*Minh tiên vương chi đạo dĩ đạo*” nghĩa là làm sáng tỏ cái đức của vua đời trước mà noi theo. “*Tiên thiên hạ nhi ưu chi ưu*” nghĩa là lo trước những điều lo của mọi người.

(08) *Hoàng Giáp*: Tiến Sĩ đệ nhị giáp. *Bạch đình*: chân trắng. Thi một lần đỗ ngay Tiến Sĩ, cả nhà ai cũng có bằng cấp, chức vị, phẩm hàm.

(09) Sắp tới ngày Tết người hàng xóm sai con đem một con trâu sang xin Tam nguyên yên Đỗ một đôi câu đối về thờ ông bà. Lúc đó Nguyễn Khuyến đang

đứng bên bờ dậu đã nghe biết, cười bảo người con:

- Thôi, ta chẳng phải làm nữa, bố anh đã làm rồi!

Người con ngơ ngác không hiểu, Nguyễn Khuyến thông thả đọc cho đôi câu đối giống như lời người bố đã dặn con:

Kiểm một coi trâu thừa với cụ

Xin đôi câu đối để thờ ông

(10) “*Nhất cận thị, nhị cận giang*”: thứ nhất gần chợ, thứ nhì gần sông. *Tị ốc*: do câu “*Đường ngu chi thời, khả tị ốc nhi phong*” nghĩa là về đời Đường Ngu nước có nhiều người hiền nên nhiều nhà ở liền vách nhau đều được khen thưởng. Về trên toàn chữ Hán, về dưới toàn chữ Nôm, đây là câu đối độc đáo nhất trong kho tàng câu đối của nước ta.

(11) Câu đối này Nguyễn Khuyến làm để diễu cợt chú tiểu nói ngọng và nhà sư già ở chùa Đọi thuộc tỉnh Hà Nam thiếu đạo đức, tin vào bùa phép bậy bạ. Hai câu chữ Nho dịch nôm có nghĩa là:

Phát phơ cờ phướn bay trước gió, đạo pháp làm phép đốt bùa, bùa thờ Phật

Oang oang hòa giọng đọc kệ cổ, cát cao tiếng nghiền ngẫm kinh, nghiền ngẫm đến cùng

Câu đối rất hợp với cảnh chùa nhưng khi đọc lên thì về trên rõ ra là giọng nói phều phào của vị sư già bị móm rụng hết răng, về dưới đúng là tiếng nói ngọng lú ngọng lo của chú tiểu phát âm sai một số âm.

(12) Chữ Hán “*Đại*” (lớn, cả) nếu lấy đi nét ngang ở trên thì thành chữ “*Nhân*” (người). Chữ “*Bì*” (da) thêm 3 chấm thủy bên trái thành chữ “*Ba*” (sóng).

(13) “*Da trắng*” cũng là “*Bì bạch*”. Bì bạch vừa là danh từ vừa là động từ, đọc lên có âm thanh như tiếng vỗ vào da.

(14) “*Hồi hương*” = về quê; “*Phụ tử*” = cha con, nhưng cả 2 chữ còn là tên hai vị thuốc Bắc nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bảo Vân & Quỳnh Liên Tử, *Giai Thoại Câu Đối*, nxb Quê Hương, Canada, 1983.
- Dương Quảng Hàm, *Văn Học Việt Nam*, nxb Viet Nam Foundation tái bản, Virginia, Hoa Kỳ 1977.
- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển*, nxb Trung Tâm Học Liệu, Bộ Giáo Dục tái bản lần thứ 9, Sài Gòn, 1968.
- Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, nxb Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1968.
- Lãng Nhân, *Chơi Chữ*, nxb Zieles, Texas, Hoa Kỳ, 1978.
- Lãng Nhân, *Giai Thoại Làng Nho*, nxb Nam Chi Tùng Thư, Sài Gòn, 1966.
- Lê Kim Ngân, Võ Thu Tịnh, Nguyễn Tường Minh, *Văn Học Việt Nam Thế Kỷ Thứ XIX, Phần Cổ Văn*, nxb Văn Hiệp, Sài Gòn, 1960.
- Ngô Đức Thọ, Nguyễn Thúy Nga, Nguyễn Hữu Mùi, *Các Nhà Khoa Bảng Việt Nam 1075-1919*, nxb Văn Học, Hà Nội, 2006.
- Nguyễn Văn Ngọc, *Câu Đối*, nxb Vĩnh hưng Long, Hà Nội, 1931.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, quyển 2*, nxb Quốc Học Tùng Thư, Sài Gòn, 1962.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược, quyển 2*, nxb Vĩnh & Thành, Hà Nội 1928, Bộ Giáo Dục tái bản, Sài Gòn, 1971.

LƯỢC SỬ CHẾ ĐỘ KHOA CỬ VIỆT NAM THỜI HÁN HỌC

ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Theo các tài liệu sử, từ thời Đông Hán (25-220), nước ta đã có nhiều người sang Tàu du học, đỗ đến Mậu tài hoặc Hiếu liêm. Tuy có trình độ thông thái nhưng vua Hán không tin dùng vào việc lớn, chỉ cho làm lại thuộc trong xứ. Họ đã nhiều lần kêu nài nhưng mãi đến đời Hán Linh Đế (168-189) mới có Lý Tiến giữ chức Thứ sử Giao Chỉ, Lý Cầm làm Tư lệ Hiệu úy (tương đương tể tướng) và Trương Trọng làm Thái thú Kim Thành. Khi Sĩ Nhiếp (187-226) làm Thái thú Giao Châu (Giao Chỉ cũ) có mở mang việc học chữ Hán và trọng đãi trí thức bản xứ, nền giáo dục nước ta bắt đầu phát triển.

Sau đời Sĩ Nhiếp, việc học ở nước ta cũng được các vua chúa Trung Hoa từ Ngô, Ngụy, Tấn, Tống, Tề, Lương, Tùy, Đường tiếp tục duy trì nhưng chỉ nhằm đào tạo lớp thư lại giúp việc cho guồng máy cai trị của họ.

Từ năm 939, Ngô Quyền mở ra trang sử mới về nền tự chủ lâu dài. Các triều Ngô (939-965), Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009) còn phải lo cấp thiết về binh bị và ngoại giao hơn là chính trị, chưa thể lưu tâm đến việc học hành và thi cử.

Tuy vậy, việc học chữ Hán vẫn phát triển, nhưng theo chiều hướng tự chủ, đọc theo âm Việt. Nơi chùa chiền có những nhà sư học văn uyên thâm, thông kinh điển, giỏi việc nước, rành văn thơ. Đó là Thiên sư Đồ

Pháp Thuận (914-990), Ngô Chân Lưu (959-1011), Vạn Hạnh (?-1018) đáng bậc quân sư, đóng góp nhiều cho việc kiến quốc. Sư Vạn Hạnh còn có công dạy dỗ, gây dựng và mưu lập Lý Công Uẩn lên ngôi (1010-1028), khai sáng triều đại Nhà Lý, gây thịnh trị lâu dài cho đất nước.

Một khi nền tự chủ đã vững mạnh, guồng máy hành chính cần nhiều quan văn có khả năng cáng đáng việc nước, nhu cầu học hành tất phải được rộng mở và thi cử là điều cần thiết để tuyển chọn hiền tài. Nước ta, mạch khoa cử thời Hán học thường gắn bó với dòng lịch sử qua các triều đại.

NHÀ LÝ KHAI SINH NỀN KHOA CỬ

Tháng 8 năm Canh Tuất (1070) niên hiệu Thần Vũ thứ 2, Lý Thánh Tông (1054-1072) lập Văn Miếu ở phía nam thành Thăng Long cho các hoàng tử vào học, sai đắp tượng Chu Công, Khổng Tử, Tứ phối (Nhan Tử, Tăng Tử, Tử Tư, Mạnh Tử) và Thập Thập Nhị Hiền (72 học trò giỏi của Khổng Tử) để thờ. Đây là lần lập Văn Miếu và đúc tượng đầu tiên của nước ta.



H 1: Bái Đường Văn Miếu.
Ảnh từ Bách Khoa Toàn Thư Mở.

Để cổ súy Nho giáo và việc học hành khắp nước, vua cho lập Văn chỉ ở các địa phương, hằng năm xuân thu nhị kỳ cúng tế long trọng, chọn ngày thượng đình tế ở Văn Miếu, ngày trung đình tế ở Văn chỉ hàng tỉnh, ngày hạ đình tế ở Văn chỉ hàng xã [1].

Sang đời Lý Nhân Tông (1072-1128), niên hiệu Thái Ninh 4, tháng 2 năm Ất Mão (1075) mở khoa thi tuyển Minh Kinh Bác Học Cấp Nho Học Tam Trường. Đây là khoa thi Hán học đầu tiên của nước ta. Lê Văn Thịnh người làng Đông Cứu tỉnh Bắc Ninh đỗ thủ khoa, là người có tài, làm quan đến chức Thái sư.

Năm Bình Thìn (1076), Nhân Tông cho lập Quốc Tử Giám ở khu cuối của Văn Miếu, chọn quan viên văn chức có trình độ hoặc những ai nổi tiếng hay chữ cho vào học. Lê mở trường Quốc Tử Giám tại kinh đô có từ đây.

Tháng 8 năm Bình Dần (1086) niên hiệu Quảng Hựu 2, Nhân Tông mở khoa thi Thiên Hạ Văn Học [2]. Mạc Hiến Tích người làng Lũng Động tỉnh Hải Dương đỗ thủ khoa, sung vào Hàn lâm viện Học sĩ và làm quan đến Thượng thư.

Dưới triều Lý Anh Tông (1138-1175) niên hiệu Đại Định 13, tháng 10 năm Nhâm Thân (1152), vua đích thân hỏi thi, như thi Đình, gọi là thi Điện, không rõ tên khoa và số người thi đỗ.

Tháng 8 năm Ất Dậu (1165) niên hiệu Chính Long Bảo Ứng 3, Anh Tông mở khoa thi Thái học sinh, có kỳ thi về cách trị dân [3].

Lý Cao Tông (1176-1210) niên hiệu Trinh Phù 10, năm Ất Tị (1185) mở khoa Sĩ nhân [4] cho thí sinh từ 15 tuổi trở lên, lấy đỗ những người thông kinh Thư, Thi cho vào hầu ngự điện, tức nơi giảng sách của vua. Khoa này chọn 20 người [5] nhưng chỉ

rõ tên 3 người, trong đó Đỗ Thế Diên ở làng Cổ Liêu huyện Đường Hào, nay là thôn Thanh Xá, xã Nghĩa Hiệp, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Dương, đỗ đầu.

Năm Quý Sửu (1193), Thiên Tư Gia Thụy 8, Cao Tông mở thi chọn người tài vào hầu vua học, không rõ tên khoa và số đậu.

Năm Ất Mão (1195), Thiên Tư Gia Thụy 10, mở khoa Tam giáo (thi về Nho, Lão, Phật), chọn người thông kinh điển cho đỗ xuất thân.

Còn một khoa nữa trong thời Lý Huệ Tông (1211-1224) chép tên 5 người đỗ ở phần Biệt Lục [6], vì tài liệu ghi năm thi (Mậu Thìn, 1208) không phù hợp giữa niên hiệu và triều đại, cần tra cứu thêm.

Nhà Lý trị vì 215 năm (1010-1225), ghi được 7 khoa Nho học và 1 khoa Tam giáo, các khoa rất thưa và không đều, trung bình 11 năm và một lần cách 66 năm, có lẽ vì thiếu tài liệu nên sử sách đã bỏ sót, số đậu chỉ ghi được 38 nhưng biết rõ tên chỉ còn 11 người.

NHÀ TRẦN ĐƯA THI CỬ VÀO NỀN NẾP

Dưới triều Trần Thái Tông (1225-1258), năm Đinh Hợi (1227) niên hiệu Kiến Trung 3, mở khoa thi Tam giáo, chọn người tinh thông cả Nho, Lão, Phật.

Khoa Nhâm Thìn (1232) niên hiệu Kiến Trung 8, tháng 2 mở khoa thi Nho học đầu tiên của triều Trần, đặt lệ Tam giáp tức chia người trúng tuyển làm ba hạng và gọi tên khoa thi là Thái học sinh. Lấy đậu hàng Đệ nhất giáp có Trương Hanh thứ nhất, Lưu Diễm thứ hai; hàng Đệ Nhị giáp có Ặng Diễm thứ nhất, Trịnh Phẫu thứ hai; hàng Đệ tam giáp có Trần Chu Phổ.

Tháng 8 năm Bính Thân (1236) niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 5, Thái Tông chọn nho sinh đã thi đỗ vào hầu vua, sau thành định lệ.

Khoa Kỷ Hợi (1239) niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 8, tháng 2 thi Thái học sinh, đặt lệ hàng Đệ Nhị giáp không phân vị thứ nữa. Khoa này, Đệ Nhất giáp có Lưu Miên đồ thứ nhất, Vương Giát đồ thứ hai; Đệ Nhị giáp có Ngô Khắc và Vương Thế Lộc.

Tháng 7 năm Bính Ngọ (1246) niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 15, thi Đại tử Tiến sĩ (Thái học sinh) lấy đỗ 44 người nhưng chỉ biết tên 3 người, định lệ 7 năm 1 khoa từ đây.

Tháng 2 năm Đinh Mùi (1247) niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình 16, thi Thái học sinh, định lệ danh hiệu Tam khôi là Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa để phân vị thứ 3 người đầu Đệ Nhất giáp. Khoa này lấy đỗ 48 người, xuất thân theo thứ bậc: Nguyễn Hiền (1235-?) Trạng nguyên, Lê Văn Hưu (1230-1322) Bảng nhãn, Đặng Ma La (1234-?) Thám hoa. Đến tháng 8 lại thi khoa thông Tam giáo.

Tháng 2 năm Bính Thìn (1256) niên hiệu Nguyên Phong 6, Thái Tông cho thi Thái học sinh, lấy đầu 43 người, có 2 Trạng nguyên: Trần Quốc Lặc người Hải Dương, đồ Trạng nguyên Kinh; Trương Xán (1228-?) người Quảng Bình đồ Trạng nguyên Trại [7].

Sang đời Trần Thánh Tông (1258-1278) niên hiệu Thiệu Long 9, tháng 3 năm Bính Dần (1226) mở khoa thi Thái học sinh, lấy đỗ 47 người. Trạng nguyên Kinh là Trần Cố người Hải Dương, Trạng nguyên Trại là Bạch Liêu người Nghệ An, và cũng là khoa chót lấy 2 Trạng nguyên.

Trong đời Trần Anh Tông (1293-1314) niên hiệu Hưng Long 12, tháng 3 năm Giáp

Thìn (1304) mở khoa thi Thái học sinh lớn nhất kể từ đầu Nhà Trần [8] có hàng ngàn thí sinh, lấy đỗ 44 người, có 330 người không đậu nhưng qua 4 kỳ nên được vào học ở Quốc Tử Giám. Cải phép thi ra tứ trường, thêm môn ám tả thi ở kỳ nhất, thí sinh viết bài về Thiên y quốc và truyện Mục Tử [9]. Đặt lệ cho các vị Tam khôi đi dạo khắp kinh thành 3 ngày, dùng danh hiệu Hoàng giáp thay cho Đệ Nhị giáp bắt đầu từ đây. Khoa này, Trạng nguyên là Mạc Đĩnh Chi (1272-1346), cháu nhiều đời của Thủ khoa Mạc Hiến Tích, Bảng nhãn là Bùi Mộ, Thám hoa Trương Phóng, Hoàng giáp Nguyễn Trung Ngạn.

Từ sau năm Giáp Thìn (1304) đến năm Giáp Dần (1374), *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* còn ghi 3 khoa nữa: tháng 10 năm Giáp Dần (1314) Đại Khánh nguyên niên [10], tháng 3 năm Ất Dậu (1345) niên hiệu Thiệu Phong 5 đời Trần Dụ Tông, và tháng 3 năm Quý Mão (1363) niên hiệu Đại Trị 6. Hai khoa đầu thi Thái học sinh, khoa sau cùng thi về văn nghệ tuyển người làm việc trong những quán, các.

Đời Trần Duệ Tông (1373-1377) niên hiệu Long Khánh 2, tháng 2 năm Giáp Dần (1374) tổ chức thi Đình ở cung Trùng Hoa phủ Thiên Trường (thuộc Nam Định) vì vua đang ngự ở đây. Tên khoa thi Thái học sinh đổi là Tiến sĩ, lấy đầu 44 người [11], Trạng nguyên là Đào Sư Tích, Bảng nhãn Lê Hiến Phủ, Thám hoa Trần Đình Thám, Hoàng giáp La Tu.

Ba khoa Thái học sinh tiếp theo mở vào tháng 2 năm Tân Dậu (1381) niên hiệu Xương Phù 5 đời Trần Phế Đế, tháng 2 năm Giáp Tý (1384) niên hiệu Xương Phù 8 và tháng 2 năm Quý Dậu (1393) niên hiệu Quang Thái 6 đời Trần Thuận Tông. Riêng

khoa Giáp Tý thi ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

ăm Bính Tý (1396) niên hiệu Quang Thái 9 đời Thuận Tông, lần đầu tiên trong lịch sử khoa cử nước ta phân cấp thi Hương và thi Hội. Có chiếu qui định cách thức thi Hương, dùng phép thi 4 kỳ, kỳ I thi Kinh nghĩa (bỏ môn ám tả), ai trúng tuyển gọi là Cử nhân và mới được dự thi Hội, định lệ năm trước thi Hương năm sau thi Hội [12] có từ đây.



H 2: Văn Miếu Môn ở Hà Nội [13]

Tóm lại, nhà Trần (1225-1400) qui chế thi cử khá đầy đủ, hạn kỳ mở các khoa thi tương đối đều, trừ giai đoạn chống Nguyên. Tuy vậy, tư liệu về khoa cử mất mát nhiều vì cuộc xâm lăng (1407-1427) của nhà Minh, nay chỉ còn biết được 21 khoa thi Thái học sinh, với số liệu tạm có là 383 người thi đỗ, nhưng chỉ biết rõ tên 51 người, trong đó có 9 Trạng nguyên, 8 Bảng nhãn, 9 Thám hoa, 6 Hoàng giáp và 19 Tiến sĩ..

NHÀ HỒ CẢI TIẾN THI CỬ

Khoa Canh Thìn (1400) niên hiệu Thánh Nguyên 1 đời Hồ Quý Ly, mở thi Thái học sinh, lấy đỗ 20 người. Đệ Nhất

giáp có Lưu Thúc Kiệm, Đệ Nhị giáp có Nguyễn Trãi (1380-1442), Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên (1380-?), Hoàng Hiến, Nguyễn Thành, Bùi Ứng Đâu đều là người có tài nên khoa này rất nổi tiếng.

Năm Giáp Thân (1404) niên hiệu Khai Đại 2 đời Hồ Hán Thương, có nhiều cải cách về thi cử, cứ tháng 8 năm này thi Hương, ai đỗ được miễn lao dịch; tháng 8 năm sau thi ở bộ Lễ, ai đỗ thì được tuyển bổ; rồi tháng 8 năm sau nữa thi Hội, ai đỗ là Thái học sinh. Và tiếp tháng 8 năm sau nữa trở lại thi Hương, chu kỳ 3 năm 1 khoa. Phép thi đến 5 kỳ vì có thêm môn viết chữ và toán pháp. Quân nhân, người làm trò, kẻ phạm tội không được dự thi [14].

Khoa Ất Dậu (1405) niên hiệu Khai Đại 3, thi các Cử nhân ở bộ Lễ, trúng cách 170 người nhưng chưa kịp thi Hội (vào tháng 8 năm sau) thì xảy ra cuộc xâm lăng của quân Minh. Khoa này lấy đỗ Hồ Ngạn Thần, Lê Cung Thần sung chức Thái học sinh Lý hành (Thái học sinh chưa chính thức), Cù Xương Triều sung làm Tư Thiện Đường học sinh (nhà học của Thái tử).

Hồ Quý Ly lên ngôi ngày 28 tháng 2 năm Canh Thìn thì tháng 8 mở khoa thi Thái học sinh; Hán Thương cải tiến thi cử, chú trọng nhân tài. Một triều đại quá ngắn ngủi (1400-1407), phần thi lo cả thù trong lẫn giặc ngoài, vẫn mở được hai lần đại khoa, lấy đỗ 190 người nhưng vì sách vở của nước ta bị quân Minh thu về Kim Lăng tiêu hủy nên chỉ còn biết rõ tên 13 người, trong đó có 1 Thám hoa, 6 Hoàng giáp và 6 Tiến sĩ.

NHÀ LÊ CHÚ TRỌNG KHOA CỬ, KHÍCH LỆ NHÂN TÀI

Ngay từ lúc còn vây thành Đông Đô và đặt bản doanh ở dinh Bồ Đề, Lê Lợi đã mở

khoa thi Bính Ngọ (1426) niên hiệu Thiên Khánh 1 (Trần Cảo), lấy đỗ 32 người, chia làm hai hạng: Giáp đẳng có Đào Công Soạn, Nguyễn Dực; Ất đẳng có Nguyễn Tông Vĩ...

Dưới triều Lê Thái Tổ (1428-1433), năm Kỷ Dậu (1429) niên hiệu Thuận Thiên 2, mở khoa Minh Kinh Bác Học, số người đỗ không rõ, sử sách ghi được 7 người như Triệu Thái, Trình Thuần Du, Phan Phù Tiên...

Năm Tân Hợi (1431) niên hiệu Thuận Thiên 4, mở khoa Hoành từ, không rõ số đậu.

Khoa Quý Sửu (1433), Thuận Thiên 6, vua lại thân thi văn sách, số đậu không rõ, chỉ biết 1 người là Chu Xa.

Lê Thái Tông (1434-1442) năm Thiệu Bình 1 (1434) xuống chiếu định phép thi chọn kẻ sĩ, cứ thi Hương năm trước ở các đạo thì năm sau thi Hội ở Đô Sảnh đường, định lệ 3 năm 1 khoa, thi 4 kỳ: Trường I, kinh nghĩa và Tứ Thư nghĩa; Trường II, chiếu, chế, biểu; Trường III, thơ, phú; Trường IV, văn sách.

Và khoa thi Tiến sĩ năm Nhâm Tuất (1442) niên hiệu Đại Bảo 3 đời Thái Tông là qui củ nhất, quan trường được chuẩn hoá chức danh, phân nhiệm rõ rệt: quan Đề điều giám sát, chịu trách nhiệm tổng quát khoa thi; chánh phó Chủ khảo và các Giám thí trách vụ chấm bài; vị Tuần xức cai quản quân canh, lính hầu, voi ngựa, lo việc trật tự trường thi; ban Di phong lo niêm phong, đánh mật mã, rọc phách bài thi; ban Đăng lục trách nhiệm sao chép y nguyên văn bài làm của thí sinh; ban Đối độc lo việc đối soát giữa bản chính và bản sao của bài thi. Các tân khoa được ban áo mũ Tiến sĩ, dự tiệc yến ở vườn Quỳnh Lâm, được cấp lính hầu và ngựa tốt, đón rước về quê quán vinh qui bái tổ và được khắc tên vào bia đá dựng

ở Văn Miếu. Những ân điển đó thành lệ bắt đầu từ khoa này.

Đời Lê Nhân Tông (1443-1459), các khoa thi văn tiến hành theo định lệ. Niên hiệu Thái Hoà 6, tháng 8 năm Mậu Thìn (1448) thi Hội. Vào thi Đình, Ngự đề văn sách hỏi về lễ, nhạc, hình, chính; chia số người đỗ làm hai hạng: Chính bảng gồm Tam khôi và 12 vị Hoàng giáp, Phó bảng gồm 12 người đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Riêng hai khoa Quý Dậu (1453) và Mậu Dần (1458) không thi Đình nên chỉ có Hội nguyên mà không có Tam khôi.

Triều Lê Thánh Tông (1460-1497) niên hiệu Quang Thuận 3, mở khoa thi Hương năm Nhâm Ngọ (1462) ở các đạo, gọi những người trúng cả 4 trường là Hương cống (Cử nhân), trúng 3 trường là Sinh đồ (Tú tài). Định lệ thi Hương vào các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu; thi Hội các năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất. Đặt lệ bảo kết cho thi Hương: kẻ nào bất hiếu, bất mục, bất nghĩa, loạn luân, điều toa dù có văn tài cũng không được dự thi. Ngoài ra, những kẻ phường chèo, con hát, tội phản nghịch, nguy quan có tiếng xấu thì bản thân và con cháu (3 đời) bị cấm thi. Xã trưởng làm giấy bảo đảm và quan sở tại ký nhận người dự thi có đủ đức hạnh và không phạm những điều trên.

Khoa thi Hội năm Quý Mùi (1463) niên hiệu Quang Thuận 4, các Hương cống về kinh dự thi đến 4400 người, lấy đỗ 44 Tiến sĩ, vẫn theo lệ nhà Trần phân Tam giáp và Tam khôi, nhưng danh hiệu Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa thì gọi là Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Nhất danh, Đệ Nhị danh, Đệ Tam danh; Hoàng giáp gọi là Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, không phân biệt thứ bậc, chỉ yết bảng theo thứ tự số điểm cao

thập; hàng Đệ Tam giáp gọi là Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân (không phân thứ hạng). Đặt lệ trao cờ Tam khôi, truyền lô ở nhà Thái học, treo bảng vàng ở cửa Đông Hoa. Khoa này nổi tiếng vì hàng Tam khôi có Lương Thế Vinh (1441-?) Đệ Nhất danh, Quách Đình Bảo (1440-?) Đệ Tam danh; hàng Đệ Nhị giáp có Vũ Hữu (1444-1530); hàng Đệ Tam giáp có Lê Nghĩa đều là những nhân tài, chính trực danh tiếng.

Khoa Tân Sửu (1481) niên hiệu Hồng Đức 12 đời Thánh Tông, lấy đỗ 40 người gồm 3 Tiến sĩ cập đệ, 8 Tiến sĩ xuất thân và 29 Đồng Tiến sĩ xuất thân. Phạm Đôn Lễ đỗ đầu cả ba khoa Hương, Hội, Đình lúc 27 tuổi, người đời gọi là Tam nguyên Đôn Lễ.

Khoa Giáp Thìn (1484) Hồng Đức 15, thi Hội có 44 người trúng cách, Phạm Trí Khiêm đạt Hội nguyên nhưng vào thi Đình, gặp ngự đề văn sách Triệu Tống dùng Nho,



H 3: Vườn Bia Tiến Sĩ trong khu Văn Miếu. Nhiếp ảnh gia Nguyễn Huy Trục chụp, 1993.

chỉ được học vị Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp), Nguyễn Quang Bật vượt lên lãnh Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Nhất danh (Trạng nguyên). Đáng nhớ hơn hết, khoa Giáp Thìn đánh dấu một sự kiện quan trọng, lần đầu tiên trong lịch sử khoa bảng

thực hiện dựng bia đồng loạt cho các khoa Tiến sĩ từ năm 1442 đến 1884, gồm 10 tấm, đặt ở Vườn Bia trước Đại Thành Môn trong khu Văn Miếu tại kinh đô Thăng Long.

Triều Lê gần đúng 100 năm (1428-1527), ngay từ lúc mới nối ngôi, năm 1434, niên hiệu Thiệu Bình 1, Lê Thái Tông đã xuống chiếu nói rõ chủ trương: "*Muốn có được nhân tài, trước hết phải chọn lựa kẻ sĩ, mà phép chọn lựa kẻ sĩ phải lấy thi cử làm đầu...*" [15].

Vì thế suốt thời đại ấy việc học hành, thi cử phát triển mạnh và thành nền nếp. Từ năm 1505 càng về sau liên tiếp gặp biến loạn nhưng thi cử vẫn thịnh, các khoa Tiến sĩ vẫn mở đều ở các năm 1505, 1508, 1511, 1514, 1518, 1520, 1523, 1526, sĩ tử vẫn đông. Chẳng hạn khoa Giáp Tuất (1514) niên hiệu Hồng Thuận 6 đời Lê Tương Dực có đến 5700 Hương cống (Cử nhân) dự thi.

Tóm lại, thời Lê sơ đã mở 31 khoa thi Tiến sĩ, có đến 1038 lượt người thi đỗ, biết rõ tên 1008 người, trong đó có 20 Trạng nguyên, 21 Bảng nhãn, 22 Thám hoa, 316 Hoàng giáp và 629 Tiến sĩ.

NHÀ MẠC, THI CỬ THEO NỀN NẾP THỜI LÊ

Dưới triều Mạc Đăng Dung, niên hiệu Minh Đức 3, năm Kỷ Sửu (1529) mở khoa Tiến sĩ, lấy đỗ 27 người: hàng Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ có Đỗ Tổng đệ nhất danh, Nguyễn Hăng đệ nhị danh, Nguyễn Văn Huy đệ tam danh; hàng Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân có 8 người, Nguyễn Văn Quang đứng đầu; hàng Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân có 16 người, Nguyễn Hữu Hoán đứng đầu.

Nhưng khoa thi nổi tiếng vẫn là khoa Ất Mùi (1535) niên hiệu Đại Chính 6 đời Mạc Đăng Doanh, lấy đỗ 32 người. Nguyễn

Bỉnh Khiêm (1491-1585) cả 5 trường thi (4 kỳ thi Hội và kỳ thi Đình) đều đỗ đầu, xứng đáng đạt học vị Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Nhất danh. Tuy ông xuất thân dưới triều Mạc, nhưng cả ba thế lực Mạc, Trịnh, Nguyễn đều nể trọng, xem như bậc thầy, các việc trọng đại đều hỏi ý kiến và người đời quen gọi là Trạng Trình (đỗ Trạng nguyên và tước Trình Quốc Công).

Trong 68 năm (1527-1595) nhà Mạc trị vì, đất nước ta lâm vào tình trạng nội chiến khốc liệt giữa Nam Bắc Triều, nhưng các vua Mạc vẫn mở khoa thi Tiến sĩ đều đặn 3 năm một lần, từ khoa năm 1529 đến 1592 cả thấy là 22 khoa với 485 lượt người thi đỗ và biết rõ tên, trong đó có 11 Trạng nguyên, 12 Bảng nhãn, 19 Thám hoa, 101 Hoàng giáp và 342 Tiến sĩ.

LÊ TRUNG HUNG VỚI CÁC KHOA THI ĐẶC BIỆT

Lúc đầu, chưa dẹp được nhà Mạc, các khoa thi Tiến sĩ và tương đương được tổ chức tại Hành cung thuộc làng Vạn Lại thôn An Trường huyện Thụy Nguyên (nay là Thọ Xuân) trấn Thanh Hoá. Các khoa thi từ năm 1580 về trước có ban học vị như định lệ nhưng chưa thi Đình nên gọi là Chế khoa.

Năm Giáp Thìn (1554) niên hiệu Thuận Bình 6, đời Lê Trung Tông (1549-1556), mở Chế khoa đầu tiên kể từ khi Trung Hưng (1533), lấy đỗ 13 người, chia làm hai giáp gồm: Đệ Nhất giáp Chế khoa xuất thân có 5 người, đứng đầu là Đình Bạt Tuy; Đệ Nhị giáp Đồng Chế khoa xuất thân có 8 người, đỗ đầu là Chu Quang Trứ.

Lần thứ hai thi Chế khoa vào năm Ất Sửu (1565) niên hiệu Chính Trị 8 đời Lê Anh Tông (1557-1573). Lần thứ ba vào

năm Đinh Sửu (1577) niên hiệu Gia Thái 5 đời Lê Thế Tông (1573-1600).

Năm Canh Thìn (1580) niên hiệu Quang Hưng 3 đời Lê Thế Tông, bắt đầu phục lại thi Hội và lệ 3 năm một khoa, chưa có thi Đình, lấy đỗ 6 người gồm 4 Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân và 2 Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân. Hàng Đệ Nhị giáp đứng đầu là Nguyễn Văn Giai (1554-1628), thứ hai là Phùng Khắc Khoan (1528-1613), cả hai đều là nhân tài của đất nước. Thế nhưng, họ Phùng vẫn được người đời tôn kính với biệt danh Trạng Bùng (Trạng nguyên ở làng Bùng).

Năm Ất Mùi (1595) Quang Hưng thứ 18, lần đầu tiên của triều đại Lê Trung Hưng tổ chức thi Hội cho các Công sĩ (Cử nhân) tại kinh thành Thăng Long ở bên Thảo Tân (bờ phía nam sông Nhị), trúng cách 6 người, Nguyễn Viêt Tráng đỗ Hội nguyên. Vào thi Đình lấy Nguyễn Thực và Nguyễn Viêt Tráng đỗ Đệ Nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, Nguyễn Đức Mậu và 3 người nữa đậu Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân.

Năm Nhâm Thìn (1652) niên hiệu Khánh Đức 4 đời Lê Thần Tông, thi Hội lấy 9 người trúng cách, vào thi Đình phân ra 2 người Đệ Nhị giáp và 7 người Đệ Tam giáp. Một sự kiện đáng kể là khoa này khởi công xây dựng 25 tấm văn bia cho các khoa còn tồn đọng từ năm 1554. Đây là đợt dựng bia lớn nhất trong lịch sử khoa bảng nước ta, hoàn thành năm 1653.

Khoa Tiến sĩ năm Ất Mùi (1715) niên hiệu Vĩnh Thịnh 11 đời Lê Dụ Tông, tiến hành dựng 21 bia bị tồn đọng từ khoa 1656, đợt dựng bia đồng loạt thứ ba tại Văn miếu Thăng Long.

Ngoài các khoa thi Tiến sĩ chính thức và Chế khoa, thời Lê Trung Hưng còn mở



H 4: Toàn cảnh Thiên Quang Tỉnh trong Văn Miếu [16].

thêm các khoa thi Sĩ vọng (đời Lê sơ gọi là Hoàn từ, cuối Lê Trịnh gọi là Tuyển cử). Người đỗ Hương cống (Cử nhân) mới được dự thi, trúng tuyển ghi là "đỗ khoa Sĩ vọng", chưa được gọi là Tiến sĩ nên có thể dự thi Hội. Các khoa Sĩ vọng diễn hình như: khoa Mậu Tuất (1658) niên hiệu Vĩnh Thọ 1 đời Lê Thần Tông (1649-1662) lấy đỗ 22 người; khoa Đinh Sửu (1697) niên hiệu Chính Hoà 18 đời Lê Hy Tông (1676-1705) lấy đỗ 19 người; khoa Quý Mùi (1703) Chính Hoà 24 lấy đỗ 20 người. Riêng năm Đinh Sửu (1757) niên hiệu Cảnh Hưng 18 đời Lê Hiển Tông (1740-1786) có hai lần thi Sĩ vọng: khoa tháng 7 gọi là Tuyển cử, khoa tháng 9 gọi là Hoàn từ. Một loại thi đặc biệt nữa, trên cấp Tiến sĩ, gọi là khoa Đông các, dành cho những vị Tiến sĩ làm việc tại triều mới được dự thi.

Nói chung, thời Lê Trịnh vẫn giữ lệ 3 năm 1 khoa, phép thi có phần nghiêm chỉnh nhưng so với thời Lê sơ (1428-1527) thì quá kém cỏi. Phan Huy Chú, Khoa mục chí, đã nhận xét:

"Khi trước văn gọn và ý sâu, đến sau Trung Hưng thì văn rườm rà mà ý cạn... Từ đời Quang Hưng (1578-1599), Hoàng Định (1601-1619) về sau, văn vận đã biến, học nghiệp cũng khá, người đi học chỉ biết noi theo khuôn sáo, không biết học rộng là hơn; người chấm văn chỉ câu lấy người nhớ sách thuộc cú, mà không nghĩ hiểu rộng là đáng

chuộng. Theo thường giữ cũ, quê vùng thành nề, các triều sau đều muốn đổi mới, nhưng thói quen đã lâu, khó lòng sửa đổi..."

Đến đời Lê Hiển Tông, từ năm Canh Ngọ (1750), niên hiệu Cảnh Hưng 11, đặt lệ thu tiền thông kinh tức người đi thi Hương muốn miễn khảo hạch thì nộp 3 quan tiền; thời ấy có câu ví von "sinh đồ 3 quan" chê trách việc ấy. Tuy vậy cũng có vài khoa thi chọn được người tài như khoa Nhâm Thân (1752), Cảnh Hưng 13, hàng Tam khôi chỉ chọn một người là Lê Quý Đôn (1726-1784) đỗ Đệ Nhất giáp Tiến sĩ cập đệ Đệ Nhị danh; khoa Ất Mùi (1775), Cảnh Hưng 36, chỉ lấy đỗ Đệ Tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân, có Ngô Thì Nhậm (1746-1803) và Phan Huy Ích (1751-1822) là những ngôi sao sáng của xứ Bắc hà.

Tóm lại, thời Lê Trung Hưng (1533-1788) mở 71 khoa thi Tiến sĩ với 807 lượt người thi đỗ, nhưng biết rõ tên là 774 người; trong đó có 6 Trạng nguyên, 7 Bảng nhãn, 20 Thám hoa, 108 Hoàng giáp và 633 Tiến sĩ.

CHÚA NGUYỄN ĐẶT PHÉP THI RIÊNG

Từ Sông Gianh (Quảng Bình) vào Nam là xứ Đàng Trong thuộc quyền chúa Nguyễn, việc học và thi không theo nền nếp cũ, cần thực tiễn để đáp ứng với hoàn cảnh mới.

Năm Tân Mùi (1631), chúa Sãi Hy Tông Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1634), tương đương với niên hiệu Đức Long 3 đời

Lê Thần Tông (1619-1643), mở khoa Nhiêu học đầu tiên của xứ Đàng Trong gọi là Xuân Thiên Quận Thí (quận thí mùa xuân) tại các trấn dinh. Việc quan trường, chúa dùng tri phủ, tri huyện làm sơ khảo, ký lục làm phúc khảo. Đề thi gồm một bài thơ, một đạo văn sách, thời hạn 1 ngày, người thi đỗ gọi là Nhiêu học được miễn sưu thuế 5 năm. Lại thi Hoa văn Tự thể (viết chữ Hán), trúng tuyển được bổ ở Tam ty: Xá sai (văn án, tô tụng), Tướng thần (thu thuế, phát lương), Lệnh sử (tề tự, lễ tiết, quan điền).

Năm Bính Tuất (1646), chúa Thượng Thần Tông Nguyễn Phúc Lan (1635-1648), tương đương niên hiệu Phúc Thái 4 đời Lê Chân Tông (1643-1649), định phép thi Thu vi Hội thí (thi hội mùa thu) 9 năm 1 kỳ, mở khoa Chánh đồ và Hoa văn tại phủ chúa ở Phú Xuân. Thi Chánh đồ dùng các quan tri phủ, tri huyện, văn chức làm sơ khảo; cai bộ, ký lục làm phúc khảo; nha úy làm giám khảo; nội tả, nội hữu, ngoại tả, ngoại hữu làm giám thí. Phép thi 3 kỳ: kỳ nhất tứ lục, kỳ nhì thơ và phú, kỳ ba văn sách; thi trong 3 ngày, mỗi ngày 1 môn. Danh sách trúng tuyển trình lên chúa, chia làm ba hạng: Giáp, Ất, Bính. Hạng Giáp gọi là Giám sinh, bổ Tri phủ, Tri huyện; hạng Ất gọi là Sinh đồ, bổ Huân đạo; hạng Bính cũng gọi là Sinh đồ, bổ Lễ sinh hoặc cho Nhiêu học suốt đời. Thi Hoa văn cũng 3 ngày, mỗi ngày làm 1 bài thơ, trúng tuyển có 3 hạng, bổ ở Tam ty hoặc được Nhiêu học.

Năm Giáp Dần (1674), chúa Hiền Thái Tông Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), tương đương niên hiệu Đức Nguyên 1 đời Lê Gia Tông (1672-1675) mở khoa Chánh đồ và Hoa văn, phép thi như trên [17].

Năm Ất Mão (1675) chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đặt thêm khoa Thám

phông, thi trong 1 ngày, hỏi việc binh, dân và cách đối phó với Lê Trịnh. Ai trúng, được bổ vào ty Xá sai.

Năm Giáp Tý (1684) chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần bãi bỏ phép thi Nhiêu học và Hoa văn, chỉ giữ lại khoa Chánh đồ.

Năm Kỷ Ty (1689) chúa Nghĩa Anh Tông Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691), tương đương niên hiệu Chính Hoà 10 đời Lê Hy Tông (1676-1705), trở lại phép thi trước có cả Chánh đồ và Hoa văn.

Năm Ất Hợi (1695) chúa Quốc Hiền Tông Nguyễn Phúc Chu (1691-1725), tương đương niên hiệu Chính Hoà 16, bắt đầu đặt khoa Văn chức và khoa Tam ty, thi ở sân phủ chúa. Thi Văn chức theo phép 3 kỳ: kỳ nhất tứ lục, kỳ nhì thơ và phú, kỳ ba văn sách. Khoa Tam ty, nếu là thi Xá sai hỏi việc ngục tụng xử quyết trong 1 năm; nếu thi Tướng thần hỏi việc xuất nhập thóc; thi Lệnh sử phải làm 1 bài thơ.

Năm Quý Ty (1713) chúa Quốc Nguyễn Phúc Chu, tương đương niên hiệu Vĩnh Thịnh 9 đời Lê Dụ Tông (1705-1729), thi Chánh đồ vào mùa thu, có 130 người trúng được dự kỳ thi, nhưng vì khảo quan bất hoà nhau nên đánh hỏng cả. Chúa phải cho thi lại và tự ra đề thi, lấy trúng cách 1 sinh đồ bổ làm Huân đạo, và 7 Nhiêu học bổ làm Lễ sinh. Thi Hoa văn và Thám phông lấy đỗ hơn 10 người, bổ vào Tam ty.

Năm Quý Mão (1723) chúa Nguyễn Phúc Chu mở thi Nhiêu học, trúng cách 77 người, dư luận không tốt về khoa thi này, chúa ra lệnh hợp tất cả thí sinh ở Chính dinh để thi lại môn tứ lục, thơ và phú, không ai đạt được nên bị truất cả.

Năm Canh Thân (1740) chúa Võ Vương Thế Tông Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), tương đương niên hiệu Vĩnh Hựu 6 đời Lê Ý

Tông (1735-1740), định lại phép Thu vi Hội thí có 4 kỳ: kỳ nhất thi tứ lục, ai trúng gọi là Nhiều học tuyển trường, được miễn sai dịch 5 năm; kỳ hai thi thơ phú và kỳ ba thi kinh nghĩa, ai đỗ gọi là Nhiều học thí trúng, được miễn sai dịch suốt đời; kỳ bốn thi văn sách, ai đỗ gọi là Hương cống được bổ tri phủ, tri huyện, huân đạo.

Chúa Nguyễn giữ đất Nam Hà 217 năm (1558-1775), về phía Bắc phải thường trực đối phó với lực lượng hùng hậu của Lê Trịnh, về phía Nam lo mở mang bờ cõi để có được hậu phương giàu mạnh. Vấn đề thi cử là việc thứ yếu nên còn sơ lược, phép thi chưa hoàn bị, khoa thi thưa thớt. Tuy vậy, xứ Đàng Trong đã mở các khoa Hoa văn, Thám phông, Tam ty tuyển người có khả năng chuyên môn cho các ngành sở, mà xứ Đàng Ngoài không hề có. Các khoa Chính đồ, Văn chức chú trọng đến văn học hơn, nên phép thi tương tự như thi Hương. Theo Lê Quý Đôn (*Phủ Biên Tạp Lục*) tỷ số lấy đậu khoa Hoa văn gấp năm lần khoa Chính đồ để đủ cung ứng viên chức cho các ty sở.

Nói chung, đặc điểm nền thi cử Nam Hà hướng vào thực tiễn, nhằm đào tạo lớp viên lại giỏi, và các quan chức am hiểu tình thế, hợp thành guồng máy vững mạnh trong công cuộc giữ nước, kiến quốc và an dân. Dưới thời chúa Nguyễn không lập Quốc Tử Giám (trường đại học công) nhưng có mở Thu thí tại sân phủ chúa ở Phú Xuân, tiếc rằng thiếu tài liệu thống kê các khoa thi ấy.

TÂY SƠN ĐEM QUỐC ÂM VÀO THI CỬ

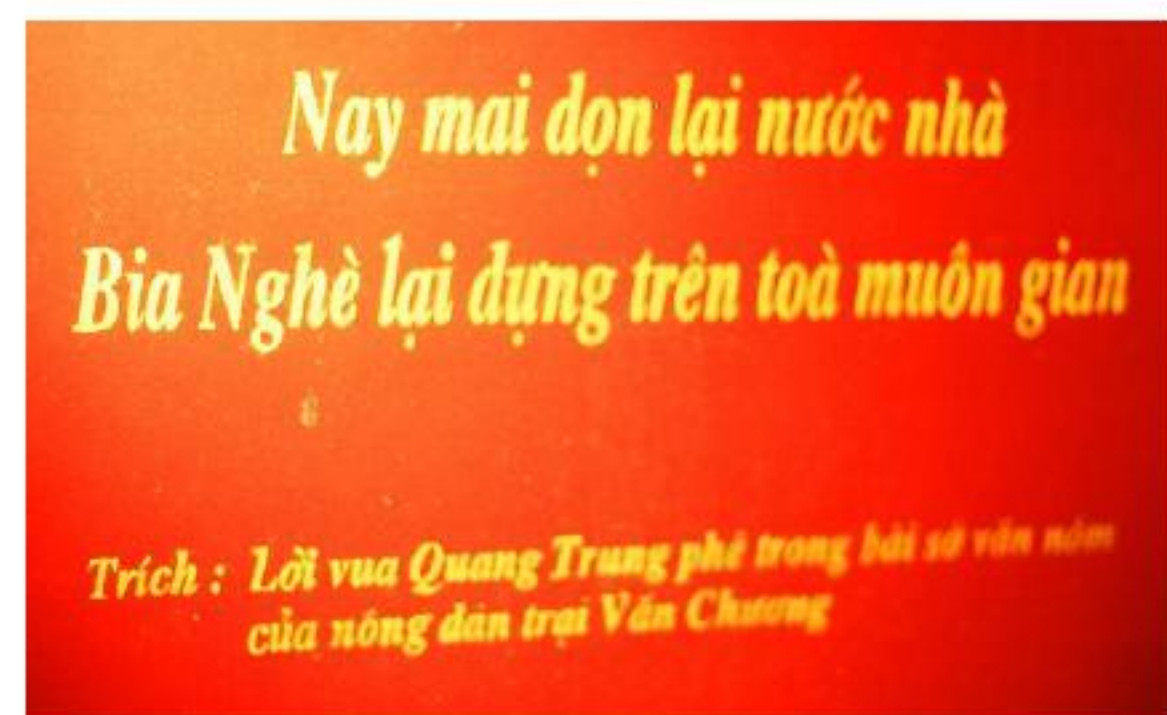
Việc học hành mở rộng đến tận cấp xã, trường làng gọi là Xã học, chọn nho sĩ tại địa phương làm Xã giảng, dưới quyền quan

Huân đạo ở huyện. Lập Viện Sùng Chính, mời Nguyễn Thiếp tức La Sơn Phu Tử làm viện trưởng, chuyên dịch sách chữ Hán ra chữ Nôm. Vua Quang Trung có tinh thần quốc gia mãnh liệt, song song việc dạy chữ Hán lại muốn dùng chữ Nôm làm chữ viết chính thức. Theo *Việt Nam Sử Lược*, thời ấy thường dùng chữ Nôm trong việc cai trị, nên nhà vua bắt quan trường ra đề bằng quốc âm và thí sinh làm bài bằng chữ Nôm.

Đối với hạng "sinh đồ 3 quan" của thời Lê Hiển Tông, đều bị truất và phải chịu lao dịch như thường dân.

Năm Kỷ Dậu (1789) niên hiệu Quang Trung 2, mở khoa Tuấn sĩ (như thi Hương) tại Nghệ An, Nguyễn Thiếp làm Đề điệu (từ để gọi chức Chánh khảo thời ấy). Theo *Việt Sử Tân Biên*, thí sinh trúng, vào trường ba thi thơ, phú bằng quốc âm.

Rất tiếc thời Tây Sơn quá ngắn ngủi, hơn nữa trong 14 năm (1788-1802) có đến hai lần đại phá quân ngoại xâm và nội chiến liên miên, vua Quang Trung lại mất đột ngột (1792), mọi việc dở dang nên chỉ mở 1 khoa thi Hương, chưa có thi Hội.



H 5: Lời của vua Quang Trung.
Trung bày tại Văn Miếu Hà Nội [18].

(Còn tiếp một kỳ)

VỀ MỘT TÁC-PHẨM DỞ DANG CỦA PHẠM QUỲNH: "ĐỒ THIẾU LẪNG TOÀN TẬP TIÊN CHÚ"

Tâm Việt

Hôm rồi, thứ Bảy 8 tháng 9, 2012, Viện Việt-học ở Westminster, California, đã có một buổi thuyết-trình về "Phạm Quỳnh và 95 năm Nam Phong Tạp Chí," do báo này đã khai trương ra mắt độc-giả vào năm 1917.

Tham-dự buổi họp, người ta thấy có nhiều bộ mặt quen thuộc trong giáo-giới và giới học-thuật ở Quận Cam cũng như có sự hiện diện của ông bà Phạm Tuấn đến từ Maryland. Nhạc-sĩ Phạm Tuấn là con út của học-giả Phạm Quỳnh.

Mở đầu sinh-hoạt, nhà văn Phạm Phú Minh đã được mời lên nói về tiểu-sử của Phạm Quỳnh, sinh năm 1892 và mất năm 1945 do Cộng-sản Việt Minh ám-hại, một bộ mặt văn-hoá lớn của VN trong thời Pháp-thuộc. Là một nhà báo, công lớn của ông là đã chủ-trương và duy-trì được tạp-chí *Nam Phong* trong 17 năm, từ năm 1917 đến 1934, một tạp-chí viết bằng ba thứ tiếng, Việt, Hán và Pháp-ngữ. Là một thượng-thư dưới triều vua Bảo Đại, ông đã mang lại được một số cải cách và cũng là người viết bản tuyên-ngôn độc-lập đầu tiên trong thời hiện-đại của Việt-nam (chứ không phải Hồ Chí Minh viết nửa năm sau). Là một công-dân trong một nước bị

trị, ông đã tranh đấu ngay bằng ngôn ngữ của người Pháp, đi diễn-thuyết ở Việt-nam cũng như ở Paris để buộc cả giới trí-thức của "mẫu-quốc" phải nể trọng nền văn-hoá của dân-tộc ông.

Nhà văn Phạm Phú Minh sau đó cũng nhắc đến một hội-thảo về Phạm Quỳnh mà ông và báo *Thế Kỷ 21* đã đứng ra tổ-chức vào năm 1995 ở báo Người Việt. Đây là lần đầu tiên danh-dự được phục lại cho Phạm Quỳnh ở hải-ngoại, lần đó có nhiều diễn-giả và trong gia-đình của ông Phạm Quỳnh cũng đã có mặt hai người con gái, bà Phạm Thị Hảo và Phạm Thị Ngoạn ở Pháp qua, và người con trai út, ông Phạm Tuấn.

Mấy đóng góp của Phạm Quỳnh

Đến lượt G.S. Nguyễn Ngọc Bích nói chuyện qua Videocam từ Virginia, ông cho biết là theo ông, Phạm Quỳnh có nhiều đóng góp mà ta không nên quên.

Trước hết, ông là một nhà báo và lúc nào ông cũng hãnh-diện về cái tit "journaliste" của ông. Theo ông, nhà báo khác một nhà văn. Nhà báo là một người sống với thời-sự trong khi nhà văn có thể bỏ thời giờ ra trải chuốt chữ nghĩa của mình mà không cần để ý đến thời-sự. Một nhà báo, như vậy, sống hơn với thời-đại của mình và có thể mở rộng chân trời hiểu biết

của người đọc rất nhiều, đem những chuyện Âu-Á đến cho người đọc VN, người mà trước đó có khi tầm nhìn không quá cái cổng làng và bụi tre đầu ngõ.

Trong chuyện này, ông và Nguyễn Văn Vĩnh trước ông đã đi trước thời-đại rất nhiều. Và quả không sai, nhiều người thời đó nghĩ: Ta cần gì biết đến chuyện bên Tây bên Tàu! Nhưng Thế-chiến thứ 2 đến và chả mấy lúc, nhiều người nhà quê VN bỗng thấy mình bị bắt đi làm lính thợ tận bên Pháp để đi đánh Đức.

Và cũng trong chuyện này, ông là tiên-phong cho hàng ngàn, hàng vạn người mà ngày hôm nay đang phục-vụ trong các ngành truyền-thông từ báo viết đến báo nói và báo nhìn.

Đóng góp thứ hai của Phạm Quỳnh, theo ông Bích, là: Sản-phẩm của một giai-đoạn giao-thời (giữa nho-học của đàn anh và Tây-học của đàn em, giữa thói hủ-văn của người xưa và cái khoa-học của đời nay, giữa cái phong kiến của quá-khứ và cái phóng khoáng của thời mới), Phạm Quỳnh đã biết làm việc hài-hoà với tất cả những lớp người khác nhau đó, thậm chí cả với người nông-dân VN và người Pháp thuộc-địa. Qua tờ Nam Phong, ông đã giới-thiệu được không biết bao nhiêu kiến thức mới về Tây-phương, chủ-yếu là văn-minh Pháp, mà vẫn không quên nguồn gốc văn-hoà dân-tộc qua những bài trong phần Hán-Văn và Quốc-ngữ.

Phần đóng góp đồ sộ này của Phạm Quỳnh và ê-kíp Nam Phong của ông có thể thấy trong bộ DVD Nam Phong Tạp Chí 35 nghìn trang, thu lại trên 200 số báo, mà Viện Việt-học ở Cali đã thực-hiện cách đây ít năm.

Tuy-nhiên, thu lại và chụp lại mới là giai-đoạn đầu của việc ghi lại công lao của nhóm Nam Phong. Phải có người xem lại để làm những bảng mục-lục phân-tích như chính bà Phạm Thị Ngoạn, con gái Phạm Quỳnh, đã viết thành luận-án tiên-sĩ của bà ở Pháp. (Ở đây, ông Bích mở một dấu ngoặc để nói là hiện ta đang có nhu-cầu lập những bảng mục-lục phân-tích tương-tự cho nhiều báo khác của VNCH, như bộ Bách Khoa, chẳng hạn.)

Ta còn phải đi vào từng tác-giả để nghiên cứu sự-nghiệp của họ. Phạm Quỳnh chỉ là một cây viết trong ê-kíp Nam Phong, và đóng góp của ông, tuy có được in lại một phần cả ở trong nước lẫn ở ngoài nước hồi sau này, nói chung là vẫn chưa đủ.

Khi sinh-thời, Phạm Quỳnh có cho in bộ *Thượng Chi Văn Tập*, ra năm 1943 với ông Nguyễn Mạnh Bổng viết lời giới-thiệu. Bộ sách bốn tập này, vì được chính Phạm Quỳnh chọn lựa lúc còn sống (có lẽ thế), nên có thể coi là những bài mà ông cho là đáng kể nhất trong sự-nghiệp viết văn của ông. Vì thế một số bài của ông đã được đưa vào chương-trình học của Miền Nam và VN tự do, nói lên sự gắn bó của người Việt không CS với di-sản văn-học cận-hiện-đại của nước nhà. (Trái lại, người CS trong hơn nửa thế-kỷ gán cho Phạm Quỳnh cái nhãn phản quốc và do đó, không cho ai đến gần tác-phẩm của ông, bóp méo hẳn lịch-sử văn-học nước nhà trong một thời-gian dài.)

Tuy-nhiên, *Thượng Chi Văn Tập* chưa phải là hết Phạm Quỳnh. Để biết cận kề về ông, ta còn phải đi xa hơn thế nhiều. Ta cần phải xem lại những tác-phẩm dịch của ông, từ tiếng Pháp, tiếng Hán, để biết đầy

đủ về ảnh-hưởng của ông trong văn-học thời-đại của ông.

Dịch thơ Đỗ Phủ

Như một thí-dụ, ông Bích nói, Phạm Quỳnh còn để lại một tập nhật-ký mà tới nay ta mới thấy trích dẫn đây đó dăm ba đoạn. Trong khi đó, để hoàn-tất một bộ Phạm Quỳnh Toàn-tập trong tương-lai thì chắc chắn ta phải in lại toàn vẹn tập nhật-ký của Phạm Quỳnh mà hiện ông Phạm Tuấn còn giữ được.

Một thí-dụ khác nữa là một tập dịch thơ Đỗ Phủ mà ông Phạm Tuấn đã cho mượn coi, ông Bích nói. Cuốn sách viết tay, nghĩa là có thủ-bút của Phạm Quỳnh trong cả chữ Quốc-ngữ lẫn chữ Hán, được đóng lại trong bìa simlicuir màu đỏ Booc-đô với gáy ghi "Thượng Chi" ở trên và tên sách ghi là "Đỗ Thiếu Lăng Toàn-tập tiên-chú."

Phần viết trong sách, chữ rất nhỏ và khá rõ, gồm 87 trang và trước cũng như sau phần chữ viết có triện son có lẽ của ông Nguyễn Tiến Lăng, triện mực đen tên ông Lăng và chữ ký bằng bút mực của bà Ngoạn (tức Phạm Thị Ngoạn, vợ ông Lăng).

Đi vào nội-dung cuốn sách ta sẽ thấy có 10 trang đầu giới-thiệu sách *Đỗ Thiếu Lăng Toàn-tập tiên-chú*, 35 tập, còn có tên tắt là *Đỗ-thi tường-chú*, bộ sách gốc mà Phạm Quỳnh dùng để trích ra một số bài mà ông có ý dịch sang tiếng ta. Tiếp theo là 6 trang tiểu-sử của Đỗ Phủ trình bày theo lối biên niên từ năm Nhâm-tý 712, năm ông sinh, đến năm Canh-tuất 770 là năm ông mất. Từ trang 17 trở đi là phần thơ dịch.

Khởi đầu là 13 bài mà Phạm Quỳnh chắc là ưng ý nên để đầu sách (trang 17-27). Đến giữa trang 27, ông ghi bên lề: "Từ đây

là dịch Đỗ-thi [tức 'thơ họ Đỗ'] trong tập *Đường-thi hợp-tuyển* của Lưu Báo-quân chú thích (in năm đầu Đạo-quang)." Sau đó ông chép lại đầy đủ tên của 73 bài trong sách gồm "Ngũ ngôn cổ-thi" (10 bài), "Thất ngôn cổ-phong" (7 bài), "Ngũ ngôn tuyệt-cú" (3 bài), "Thất ngôn tuyệt-cú" (2 bài), "Ngũ ngôn luật-thi" (36 bài), "Thất ngôn luật-thi" (14 bài) và "Ngũ ngôn bài-luật" (2 bài).

Nhưng rồi vì cái chết bất đắc kỳ tử của ông, ông không bao giờ hoàn-tất được dự-án này. Trong 73 bài thơ của họ Đỗ trong sách *Đường-thi hợp-tuyển*, ông chỉ dịch và chú thích được có 36 bài (40 bài nhưng trong đó có 4 bài đã dịch ở phần đầu). Như vậy, cộng với 13 bài của phần đầu, Phạm Quỳnh đã dịch xong cả thấy 49 bài thơ của Đỗ Phủ. Đây là một cuốn sách còn dở dang (un livre inachevé) nhưng cũng đủ để cho ta thưởng thức và đánh giá tài dịch thơ chữ Hán (và nhất là thơ Đỗ Phủ) của Phạm Quỳnh. Ông dịch không vắn nhưng rất sát ý và giữ nguyên nhịp 5 hay 7 chữ của nguyên-bản, tóm lại một cách dịch rất mới tương-tự như người ta dịch thơ Đường sang tiếng Anh hay tiếng Pháp ngày hôm nay.

Tâm Việt
(Virginia)

TẬP SAN CỔ THƠM
có bán tại
WASHINGTON MUSIC
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979

CỐI TA

1999

Rũ bụi trần đi đến cõi thơ
Cối ta không bến cũng không bờ
Vẽ tranh thế sự đôi hàng đậm
Chép chuyện ân tình mấy nét mơ
Đã chẳng đua chen trò hiện tại
Chi cần so sánh nơi xa xưa
Đường hương giấy vãi thên thang nhẹ
Dù dặt thi đàn mấy tiếng tơ

Trùng Quang (1912-2012)

Họa

KIỆP TẦM DÂU

1999

Nặng nghĩa nặng tình thả cánh thơ
Trùng dương lai láng nối đôi bờ
Quê Nam mù mịt còn nhung nhớ
Quán Bắc xa xăm vẫn mộng mơ
Mây núi trập trùng tên tuổi mới
Sông hồ đầy ắp chuyện ngày xưa
Dưới trời lấp lánh ngàn sao lạ
Mang kiếp tầm dâu nhả kén tơ

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tiểu sử Nữ Sĩ Trùng Quang

Nữ Sĩ Trùng Quang tên thật là Lê Thị Tuyên, sinh tại Hà Nội năm 01-01-1912. Năm 18 tuổi Cô Lê Thị Tuyên kết duyên với một sinh viên tài

năng và nhiệt huyết chống Pháp, chống Việt Minh. Nhưng chỉ vài tháng sau Việt Minh đã ám sát người chồng của Cô Tuyên.

Nữ sĩ đã từng là Hội Trưởng Hội Phụ Nữ đầu tiên tại Việt Nam, Phụ Nữ Tương Tế từ 1949-1954, Hiệu Trưởng Trường Việt Nữ Hà Nội và Trường Phương Chính tại Sài Gòn. Qua sự vận động của Nữ Sĩ, Nam Phương Hoàng Hậu đã chọn ngày Lễ Hai Bà Trưng là Ngày Phụ Nữ Việt Nam.

Nữ sĩ sáng tác văn thơ, làm ký giả, viết thi thoại kịch đã được trình diễn tại Hà Nội và Sài Gòn, phụ trách chương trình truyền thanh, truyền hình về vấn đề phụ nữ. Vào thập niên 1950-1960, Nữ sĩ gia nhập Thi Đoàn Quỳnh Giao. Sau 1954 Nữ sĩ di cư vào Nam. Năm 1956 Nữ sĩ sang Nhật học tiếng Nhật và cách làm búp-bê bằng vải. Khi về nước bà mở trường nữ công, xưởng làm búp-bê Việt Nam.

Sau 1975, Nữ sĩ Trùng Quang vượt biển tìm tự do và tỵ nạn tại Pháp, sau đó định cư tại San Jose, California. Nữ sĩ học tiếng Anh tại Đại Học Cộng Đồng, tiếp tục sinh hoạt thi văn học. Năm 2002 trúng giải "Viết Về Nước Mỹ" với bài viết "Tôi Đi Tìm Tự Do Dân Chủ". Năm 2004, Cụ cho xuất bản cuốn hịch "Bình Ngô Đại Cáo" của Nguyễn Trãi do cụ trích dịch và chú giải. 2006 Cụ viết và chủ trương tập truyện ngắn quy tụ 32 tác giả nữ Việt Nam Hải Ngoại. Nữ Sĩ đã từng mời các nhà thơ Cổ Thơm xướng họa.

Nữ Sĩ Trùng Quang từ trần ngày 6 tháng 9, năm 2012, hưởng thọ 101 tuổi

Vô Cùng Thương Tiếc.

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỔ THƠM...

MARC CHAGALL

(1887 - 1985)

Nhà Danh Họa của các Giác Mơ

Phạm Văn Tuấn

1/ Thời niên thiếu tại nước Nga.

Moshe Segal (tức là Marc Chagall sau này) chào đời vào ngày 7 tháng 7 năm 1887 trong cộng đồng Do Thái ít người cư ngụ tại ngôi làng nhỏ Pestkowitz thuộc nước Nga. Sau khi sinh người con trai đầu lòng Moshe, ông Zachar Segal và bà Feiga-Ita Segal đã dọn nhà tới Vitebsk, một thị trấn lớn hơn rồi đổi họ thành Chagal.

Vitebsk là một thị trấn nằm bên giòng sông Dvina thuộc nước cộng hòa Belorussia tại phía tây của nước Nga, gần biên giới xứ Lithuania. Các người Do Thái bị trục xuất khỏi thành phố Moscow đã tới định cư tại nơi đây và vào năm 1897, khi Moshe Chagal lên 10 tuổi, một nửa số cư dân 65,000 người là dân Do Thái. Tại địa phương này, các nhà thờ Do Thái làm bằng gỗ, không được cao hơn nhà thờ Thiên Chúa và trong số 8,000 căn nhà, chỉ có 650 tòa nhà làm bằng đá. Các căn nhà gỗ đều nhỏ, được gọi tên là "isbas". Người dân gốc Do Thái tại địa phương này làm việc trong xưởng kim loại, xưởng dệt vải, nhà máy làm kính đeo mắt, xưởng đóng đồ gỗ... Một số ít người hành nghề bác sĩ, luật sư, giáo sư, nhân viên ngân hàng và thương gia. Gia đình Chagal thuộc lớp người Do Thái Hasidic. Cha của ông Zachar là một giáo sư tôn giáo nhưng lại muốn các con làm nghề lao động chân tay.

Ông Zachar có 8 người con, Moshe là con trai lớn rồi tới David và 6 người con gái: Aniuta, Zina, Lisa, Manya, Rosa và Maroussia. Để nuôi dưỡng các con, bà Feiga-Ita mở một cửa hàng tạp hóa nhỏ.

Vào tuổi thơ ấu, Moshe Chagal theo học bậc tiểu học, học nói tiếng Do Thái Yiddish và tiếng Nga, học Thánh Kinh Torah và ưa thích sao chép các bức họa. Moshe đã năn nỉ mẹ cho theo học ông Jehuda Pen, một nghệ sĩ chuyên vẽ các chân dung cổ điển. Tại lớp hội họa, Moshe không bắt chước thầy Pen vẽ các bức tranh giống như các tấm ảnh chụp, không vẽ những gì mắt đã nhìn thấy, mà vẽ những gì cậu tưởng tượng ra. Trong lớp học, Moshe làm quen với Victor Mekler là chàng thanh niên thuộc một gia đình Do Thái giàu có. Victor đã rủ Moshe theo học hội họa tại thành phố St. Petersburg là thủ đô của nước Nga vào thời kỳ đó. Với sự trợ giúp rất hạn hẹp của cha, Moshe khi đó 19 tuổi, đã ra đi cùng Victor.

Tại St. Petersburg, Moshe thi trượt vào trường nghệ thuật và thủ công của Bá Tước Stieglitz nên xin vô trường Bảo Vệ Nghệ Thuật (The Society for the Protection of the Arts). Một ngôi trường hội họa khác mà Moshe theo đuổi là của ông Leon Bakst. Ông Bakst này mới trở về từ thành phố Paris, là thủ đô nghệ thuật của châu Âu. Nhờ theo lớp hội họa của ông Bakst, Moshe được nghe nói tới các nghệ sĩ cải cách danh tiếng

như Picasso, Monet, Manet, Matisse, Cézanne, Gauguin, Van Gogh... Moshe đã mơ về thành phố Paris, mơ được học hỏi những kiến thức hội họa mới lạ. Thế rồi nhờ ông Max Vinauer tặng vé xe lửa và một món tiền trợ cấp hàng tháng, Moshe đã lên xe lửa qua nước Pháp vào tháng 9 năm 1910, để lại đằng sau người yêu Bella Rosenfeld.

2/ Sinh hoạt tại Thành Phố Paris.

Thành phố Paris vào thời kỳ này là kinh đô của nước Pháp, thủ đô của Nghệ Thuật và Văn Hóa Thế Giới. Tại thành phố này, các nghệ sĩ với quá trình và tài năng khác nhau có thể theo đuổi nhiều ngành nghề mà không chịu sự kiểm soát nào của chính quyền. Ngoài ra, các nghệ sĩ gốc Do Thái còn giúp đỡ lẫn nhau. Tự Do và Công Bằng được cho không tại nơi đây. Moshe không còn bị sợ hãi, bị đàn áp như trước kia sống tại nước Nga. Khi sinh sống tại thành phố Paris này, Moshe Chagal đã đổi tên từ Moshe sang MARC và thêm chữ L vào họ, thành CHAGALL.

Vào các ngày đầu tiên, Marc Chagal đã đi thăm Phòng Triển Lãm của các Họa Sĩ Độc Lập (Salon des Independants), nơi trưng bày hàng trăm bức tranh thuộc các trường phái Lập Thể, Ấn Tượng, Dã Thú... Chính tại kinh đô nghệ thuật này, các họa sĩ tìm kiếm nhiều phương pháp thử nghiệm mới, nhiều lối nhìn mới, nhiều cách vẽ mới. Marc đã ngây ngất và thán phục nhiều họa phẩm của các họa sĩ tiên phong trong khi vẫn nghĩ rằng có thể có một lối nhìn nào đó, một cách diễn tả hội họa nào đó mà mọi người chưa quen thuộc. Trong lúc này, anh bạn Victor đã theo học Hội Họa nhưng không cảm thấy tiến bộ nhiều nên trở về nước Nga vào mùa hè năm 1911. Tới tháng 6 năm đó, Marc gặp

lại ông thầy cũ Bakst. Khi nhìn các bức họa do Marc vẽ ra, ông Bakst đã phải sửng sốt và thốt lên “tới lúc này, các màu sắc của anh biết ca hát rồi đó”.

Mùa đông năm 1911, Marc dọn phòng vẽ về ngoại ô của thành phố Paris thuộc vùng Vaugirard, trong tòa nhà có tên là Tổ Ong (La Ruche) với các phòng nhỏ giống như một tổ ong được xếp theo một cầu thang ở giữa. Tại nơi này, Marc đã gặp các họa sĩ Do Thái di cư như Jaques Lipchitz và Amedeo Modigliani, nhà thơ Blaise Cendrars và nhà phê bình kiêm nhà thơ Guillaume Apollinaire. Họa sĩ Robert Delaunay là một trong các người bạn thân của Marc Chagal đồng thời Marc cũng làm quen với các giới văn nghệ sĩ thuộc các bộ môn Văn Chương, Âm Nhạc, Nghệ Thuật...

Tại tòa nhà Tổ Ong, Marc đã vẽ, vẽ rất nhiều, vẽ từ hai hay ba giờ sáng và tìm cách thử nghiệm các màu sắc tươi sáng, rực rỡ. Đối với Marc, màu sắc quan trọng hơn đường lối Lập Thể (Cubism) dù cho đây là phong trào hội họa chính, đang thịnh hành tại thành phố Paris. Chính thành phố này đã cho Marc cách nhìn mới, cách diễn tả mới bởi vì Kinh Đô Ánh Sáng Paris tượng trưng cho “ánh sáng, màu sắc, Tự Do, Mặt Trời và niềm vui sống”. Marc bắt đầu phát triển một thể vẽ của riêng mình qua tác phẩm “Paris qua khung cửa sổ” (Paris through the Window) đặc sắc tới độ nhiều nhà phê bình đã coi họa phẩm này là đáng kể nhất trong thế kỷ mô tả thành phố Paris.

Khi tới Paris, Marc đã mang theo nhiều bức vẽ cảnh vật của miền Vitebsk và đây là lúc Marc sửa lại các tác phẩm cũ qua trí nhớ, với cảm giác mới về cách diễn tả bằng màu sắc. Một trong các bức họa quan trọng nhất của thời kỳ này là tám tranh “Tôi và Ngôi

Làng” (I and the Village) qua đó Marc đã mô tả các người nông dân và gia súc sống cạnh nhau trong niềm vui, và cảnh sống như giấc mơ hướng về quá khứ, diễn tả theo chuyện cổ tích của nước Nga. Các ý tưởng lạ lùng của Marc Chagall bộc lộ qua các tác phẩm hội họa, đã khiến cho bạn bè gọi Marc là “Nhà Thơ” (le poète) và cũng chính vì sở thích hướng về những điều huyền ảo, mơ mộng, mà Marc kết bạn với nhà thơ Blaise Cendrars. Còn một người bạn nữa của Marc, đó là Apollinaire, người đã nhận ra đường lối thi ca trữ tình (lyric poeticism) trong các tác phẩm hội họa của Marc, đặc biệt là họa phẩm “Người lái buôn gia súc” (Cattle Dealer). Apollinaire đã nói tác phẩm này mang tính “siêu nhiên” (supernatural).

Vào tháng 3 năm 1914, Apollinaire giới thiệu Marc Chagall với Herwath Walden, người phát ngôn của phong trào Biểu Tượng (Expressionist art movement), thời đó rất phổ biến tại nước Đức. Ông Walden đã xếp đặt cuộc triển lãm các họa phẩm của Marc Chagall tại Phòng Triển Lãm Nghệ Thuật Der Sturm tại thành phố Berlin và trong kỳ trưng bày, tác phẩm Golgotha (sau này được gọi bằng tên Calvary) đã được một nhà sưu tầm mua. Vào thời kỳ này Marc 27 tuổi, sống cô đơn trong kinh đô ánh sáng Paris nên không khỏi nhớ nhà, nhớ người yêu Bella.

3/ Trở lại nước Nga.

Ngày 15/5/1914, Marc lên xe lửa tạm biệt thành phố Berlin, tại nơi này chàng họa sĩ đã để lại hơn 160 bức họa vẽ bằng bột màu (gouaches) và màu nước, 40 tấm sơn dầu vẽ trên gỗ. Về tới Vitebsk, Marc không cưới được người yêu vì gia đình này không tin tưởng rằng một họa sĩ có đủ khả năng

nuôi vợ con về sau. Thế rồi Chiến Tranh Thế Giới Thứ Nhất bùng nổ, không cho phép Marc trở về nước Pháp.

Sống trong một thị trấn nhỏ bên bờ sông Dvina, Marc vẫn sáng tác và họa phẩm “Người Do Thái Cầu Nguyện” (The Praying Jew) đã là một trong các tuyệt tác do hình ảnh người Do Thái nghèo, thường gặp tại Vitebsk nhưng lại có vẻ xuất phát từ Kinh Cựu Ước. Trong một năm trường, Marc Chagall đã vẽ gần 60 bức họa và khi không còn phẩm màu, chàng đã dùng bút và mực thường, và tất cả các họa phẩm mô tả thị trấn Vitebsk là một nơi xa xôi, bất hạnh và buồn tẻ. Cũng chính tại thị trấn này, vào ngày đẹp trời 25/7/1915, Marc Chagall đã làm lễ kết hôn với cô nàng Bella và tình yêu đối với người yêu này là sức mạnh giúp cho Marc sáng tác được nhiều họa phẩm trong suốt cuộc đời nghệ thuật.

Vào mùa xuân năm 1916, một bé gái chào đời được vợ chồng Chagall đặt tên là Ida. Chàng họa sĩ đã vẽ nhiều bức tranh bên trong có Bé Ida cùng với nhiều phong cảnh miền quê Vitebsk: “Chân dung kép với ly rượu” (Double Portrait with Wine Glass), “Cuộc dạo chơi” (Promenade), “Trên thành phố” (Above the City)... Chagall cũng vẽ một loạt hình ảnh nghĩa địa Do Thái, chẳng hạn như bức họa “Cổng vào nghĩa địa” (Cemetery Gates, 1917)...

Sau Cuộc Cách Mạng Tháng Mười diễn ra trên đất nước Nga, mọi cấm đoán đối với người Do Thái bị bãi bỏ và Marc Chagall được Bộ Trưởng Văn Hóa chỉ định làm Ủy Viên Nghệ Thuật tại Vitebsk. Ngày 6/11/1918, thị trấn Vitebsk đã tổ chức lễ kỷ niệm năm thứ nhất Cuộc Cách Mạng thành công, với cờ đỏ treo rợp trời trên cổng chào, tại mọi tòa nhà, mọi cột đèn...

Chagall đã vẽ nhiều bức họa trong đó có tám tranh “Một người nhảy qua thành phố” (Man Leaping Over the City) nhưng trong các tác phẩm này thiếu đi các hình ảnh của lãnh tụ Lenin, của triết gia Karl Marx... vì thế chính quyền Cộng Sản không tin tưởng vào chàng họa sĩ, mọi người tìm cách xa lánh con người nghệ sĩ mơ mộng.

Từ đầu năm 1918, nội chiến đã diễn ra. Tại nhiều nơi, dân chúng không có bánh mì, không có cả áo ấm. Nhiều làng mạc bị binh lính cướp phá. Tháng 5 năm 1920, Chagall cùng vợ con rời bỏ thị trấn thân yêu, tới thành phố Moscow. Giấc mơ trước kia của Chagall là được vẽ cho các giáo đường thì nay người ta yêu cầu chàng trang trí các bức tường trắng của Rạp Hát Do Thái nhỏ bé của thành phố Moscow. Thế rồi cuộc sống chật vật không cho phép chàng tiếp tục sinh sống theo sở thích Hội Họa, chàng đành nhận chân giáo viên dạy các trẻ em mồ côi tại một địa điểm ngoại ô.

Năm 1921, cha của Chagall là ông Zachar qua đời vì một tai nạn xe hơi. Người em David cũng chết vì bệnh lao phổi. Từ nay Chagall phải đảm đương việc phụ giúp mẹ già và các em gái. Trong hoàn cảnh chật vật do chiến tranh gây ra, Chagall đã nghĩ tới 40 tấm sơn dầu, hàng trăm bức bột màu và vẽ nét còn để lại tại thành phố Berlin. Tháng 4 năm 1922, Marc Chagall để gia đình lại Moscow mà trở lại nước Đức.

Chagall tới Berlin vào tháng 5 năm đó và được biết rằng danh tiếng của chàng đã được lưu truyền trong giới Nghệ Thuật của châu Âu, trong khi đó những tác phẩm trước kia để tại Phòng Triển Lãm Der Sturm đã tản mạn trong tay nhiều nhà sưu tập. Số tiền mà Herwath Walden bán tranh và đầu tư đã trở thành số không vì nạn lạm

phát của nước Đức hậu chiến. Nhưng Chagall tìm lại được dấu tích của ba tác phẩm “Vẽ về Nước Nga” (To Russia, Asses and Others), “Nhà Thơ” (the Poet) và “Tôi và Ngôi Làng của Tôi” ((I and My Village).



Ngày Sinh của Marc Chagall

Trong thời gian 16 tháng sinh sống tại nước Đức, Marc Chagall đã học thêm Hội Họa với ông Hermann Struck, một bậc thầy về Ấn Họa (graphic) và cũng vào thời gian này, người vợ Bella và cháu Ida đã theo sang Đức. Tại Berlin, Chagall nhận được thư của người bạn cũ là Blaise Cendrars viết từ Paris cho biết “Hãy trở lại, Anh đã nổi danh và Vollard đang chờ Anh”. Ambroise Vollard là nhà buôn tranh hiện đang sưu tập các tác phẩm của Cézanne, Bonnard, Renoir, Van Gogh, Pissaro, Picasso, Matisse cũng như nhiều nhà danh họa khác.

4/ Sáng tác tại nước Pháp.

Nhận được thư, Chagall cùng vợ con rời nước Đức tới thành phố Paris vào ngày 1/9/1923. Tại Paris, chàng họa sĩ đã lấy lại được niềm tin và sự bình an. Chagall trở lại tòa nhà Tổ Ong (La Ruche) để tìm lại 150

tác phẩm đã vẽ khi trước nhưng tất cả đã bị mất hết vì các người ở đây cho rằng chàng họa sĩ đã chết trong Cuộc Cách Mạng Nga. Như vậy ngoài 40 tấm sơn dầu và 160 bức họa thất lạc tại Berlin, Chagall lại bị mất một số lớn tác phẩm khác.

Khi tới thăm Vollard, Chagall được yêu cầu trang trí một số quyển sách mà nhà sưu tập này ưa thích. Chagall bèn chọn minh họa cuốn truyện “Các Linh Hồn Chết” (Dead Souls) của Gogol, một nhà văn Nga lưu vong. Trong hai năm trường, Chagall đã vẽ 117 bức tranh minh họa qua đó phản ánh các cảm xúc sâu xa nhất đối với đời sống và dân tộc Nga qua hồi tưởng. Sau đó Vollard lại yêu cầu Chagall minh họa cuốn “Ngụ Ngôn” (Fables) của La Fontaine nên trong khoảng các năm 1928 tới 1931, Chagall đã vẽ xong 100 bức họa.

Từ năm 1924 tới năm 1931, Chagall và vợ con đã đi tới nhiều nơi trên đất Pháp. Vì chàng họa sĩ say mê các miền quê với các con vật như gà, bò, cừu, dê... với cảnh gia súc trên mảnh vườn bên mái tranh, tất cả rất cần thiết cho các giấc mơ mô tả trên khung vải. Chagall đã diễn tả phong cảnh rực rỡ của miền Midi, phía nam của nước Pháp, diễn tả bằng niềm vui và tình yêu qua những bó hoa rực rỡ trong các tác phẩm màu.

Các họa phẩm của Marc Chagall dần dần xuất hiện trong các phòng tranh tại các thành phố London và Paris rồi tới năm 1926, cuộc Triển Lãm đầu tiên của Chagall được tổ chức tại thành phố New York do nhà buôn tranh Pierre Matisse, con trai của nhà danh họa Henry Matisse. Marc Chagall được coi như người đứng đầu một trong các trường phái Hội Họa chính, giống như Pablo Picasso, và một nhà phê bình đã viết rằng “Picasso là khái hoàn của sự thông

minh, Chagall là khái hoàn của vẻ rực rỡ của trái tim” (Picasso is the triumph of intelligence, Chagall the glory of the heart).

Tháng 2 năm 1931, Chagall cùng vợ Bella và con gái Ida du lịch qua xứ Palestine và tại nơi này, chàng họa sĩ bắt đầu vẽ, mô tả Thánh Kinh qua các phong cảnh u tối của nước Nga. Bức họa “Đền thờ tại Safed” (Synagogue at Safed) hiện nay còn treo trong Viện Bảo Tàng Stedelijk ở thủ đô Amsterdam là một hình thức mô tả niềm tin tôn giáo qua ánh sáng và màu sắc trong tác phẩm. Khi trở lại sống tại Paris và sau nhiều năm làm việc, Chagall đã hoàn thành 105 tác phẩm mô tả Thánh Kinh. Các bức minh họa khác của Chagall cũng xuất hiện trong tác phẩm “Các Linh Hồn Chết” (Dead Souls) xuất bản năm 1948, “Ngụ Ngôn” năm 1951 và “Thánh Kinh” năm 1956. Các công trình này do Pierre Tériade thực hiện sau khi Vollard bất ngờ qua đời vào năm 1939.

Trong thập niên 1930, Marc Chagall đã đi du lịch nhiều nơi: 1932 thăm viếng Hòa Lan, 1934 tới Tây Ban Nha. Cũng vào năm này cô con gái Ida kết hôn với luật sư trẻ Michel Gorday, người Nga gốc Do Thái và Chagall đã vẽ bức họa “Chiếc ghế bành của Cô Dâu” (the Bride’s Armchair). Vào thời gian này Adolf Hitler bắt đầu chính sách khủng bố người Do Thái. Chế độ Quốc Xã đã ra lệnh loại bỏ tất cả các tác phẩm hội họa của Marc Chagall ra khỏi các Viện Bảo Tàng Đức. Từ năm 1936 tới năm 1939, Chagall thường gặp gỡ Picasso, cả hai cùng chung tâm sự lưu vong, cùng chung nỗi buồn của những kẻ xa xứ vì nên độc tài tại quê hương. Trong khi Picasso mãi mê vẽ đại tác phẩm Gernica mô tả cảnh dội bom thị trấn Basque vào ngày 26/4/1937, thì

Chagall say sưa với bức họa mô tả các giáo đường bốc cháy, các binh lính đập phá nhiều căn nhà isbas, các người tị nạn mắc kẹt dưới các cây thánh giá, đây là tác phẩm “Đóng đinh vào thập giá màu trắng” (White Crucifixion).

Năm 1940 ở tuổi 53, Marc Chagall được xác nhận là một trong các nghệ sĩ của Thế Kỷ 20, ngang hàng với Picasso và Matisse. Thế Chiến Thứ Hai bùng nổ. Mùa xuân năm 1940, quân đội Đức Quốc Xã tiến vào thành phố Paris. Chagall cùng gia đình dọn về Gordes, một làng nhỏ gần Avignon thuộc miền nam của nước Pháp. Tại nơi này, Chagall đã gặp Varian Fry, Giám Đốc của Ủy Ban Cứu Giúp Khẩn Cấp (the Emergency Rescue Committee) và Harry Bingham, Phó Lãnh Sự Mỹ tại Marseille. Hai người này chuyển giấy mời Chagall sang Hoa Kỳ do Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Mới của thành phố New York (the Museum of Modern Art in New York). Gia đình Chagall đã từ chối vì họ còn luyến tiếc nước Pháp. Nhưng sau đó, Marc Chagall và vợ đã bị cảnh sát địa phương giao nộp cho Gestapo vì là dân Do Thái. Nhờ ông Harry Bingham can thiệp, nhà danh họa và vợ được trả tự do rồi vào ngày 7 tháng 5 năm đó, hai người được một đường dây dùng thông hành giả đưa qua biên giới Tây Ban Nha tại Canfranc rồi tới Madrid. 500 bức họa, hàng trăm tấm bột màu và vẽ nét đã bị mật vụ Gestapo giữ lại nhưng nhờ vận động của Ida trong nhiều tháng, các tác phẩm này đã được trả lại rồi sau đó chuyển qua Hoa Kỳ. Ngày 11 tháng 5, Marc Chagall và Bella xuống tàu biển, rời Lisbon đi qua New York và từ nay, Chagall thực sự là nhà Danh Họa lang thang gốc Do Thái.

5/ Cuộc sống tại Hoa Kỳ.

Marc Chagall và Bella tới New York, được Pierre Matisse đón tại bến tàu rồi đưa về khách sạn St. Moritz sống trong một căn phòng nhìn xuống công viên Central Park. Pierre Matisse là nhà buôn tranh của Chagall và tình bạn giữa hai người vẫn còn được duy trì mãi về sau.

Tại châu Âu khi chế độ Quốc Xã gia tăng khủng bố các người Do Thái thì ngày càng nhiều Văn Nghệ Sĩ đặt chân lên thành phố New York: Max Ernt, Jacques Lipchitz, André Breton, Piet Mondrian, Chaim Gross... Trong 6 năm sống lưu vong tại đây, Chagall bắt tay vào vẽ một loạt các tác phẩm về người Do Thái. Khi gia đình này dọn về sống tại địa chỉ số 4 East 74 Street, họ gặp thêm một số bạn mới gồm có nhà triết học Jacques Maritain, nhà phê bình Lionello Venturi, nhà văn Do Thái Joseph Opatoshu, nhà sử nghệ thuật học (art historian) Meyer Schapiro... rồi về sau còn có nhà điêu khắc người Mỹ Alexander Calder.

Mùa xuân năm 1942, Marc Chagall được Rạp Hát Ballet (Ballet Theater) đề nghị vẽ kiêu cho các phong cảnh và y phục của màn vũ ba lê Aleko, căn cứ vào bài thơ “Các Người Du Sinh” (The Gypsies) của nhà thơ Pushkin người Nga, phối hợp với bản nhạc Piano Trio của Tchaikovsky. Marc Chagall đã làm việc cùng với Léonide Massine, nhà biên đạo múa. Hai nghệ sĩ này đã bàn thảo với nhau trong khi nghe kỹ bản nhạc của Tchaikovsky và đây là một trong các thời kỳ sung sướng nhất của Chagall trên đất Mỹ.

Vì lý do kỹ thuật, vở nhạc kịch Aleko được trình diễn lần đầu tại Mexico City. Đầu tháng 8 năm 1942, Marc Chagall và đoàn nghệ sĩ sang Mê Tây Cơ. Ngày

8/9/1942, lần đầu tiên vở nhạc kịch được trình diễn với thành công rực rỡ. Trí tưởng tượng và óc sáng tạo của Marc Chagall đã thể hiện qua thật nhiều phong cảnh và y phục biểu diễn trong vở kịch. Một tháng sau tại Hí Viện Metropolitan Opera House của thành phố New York, cũng thấy các thành công rực rỡ không kém.

Vào tháng 8 năm 1944, Bella Chagall bị mắc bệnh, được đưa vào bệnh viện địa phương nhưng tới ngày 2/9/1944, đã qua đời. Bella đã là “Nàng Thơ” của Marc, là ý nghĩa cuộc đời của nhà danh họa. Tới lúc này, Chagall phải ngưng vẽ trong 9 tháng!

Đầu mùa đông năm 1944, Chagall cùng vợ chồng Ida dọn về một căn nhà mới tại 75 Riverside Drive, có phòng vẽ rộng rãi nhìn xuống giòng sông Hudson. Nhà danh họa cảm cô trở lại và nói rằng “vẽ tranh cần thiết đối với tôi như bánh mì, tâm tranh là một khung cửa sổ từ đó tôi bay sang một thế giới khác”. Rồi theo lời yêu cầu của Ida, một phụ nữ đã ngồi làm mẫu và phụ giúp việc nhà cho Chagall, bà Virginia Haggard này có một con gái riêng 5 tuổi, tên là Jean. Bà Virginia là con gái của một nhà ngoại giao người Anh, sinh tại Paris và nói tiếng Pháp lưu loát. Marc Chagall đã mua một ngôi nhà gỗ tại High Falls, trong miền núi Catskill, đã chung sống với Virginia, bé Jean và bắt đầu minh họa cuốn truyện “Ngàn Lẻ Một Đêm” (One Thousand and One Nights).

Tháng 4 năm sau, Marc Chagall thực hiện một cuộc triển lãm tại Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Mới của thành phố New York (the Museum of Modern Art in New York). Trong số các tác phẩm trưng bày có một số bức vẽ của thời kỳ ban đầu và tám tranh “Người Do Thái Cầu Nguyện” (The

Praying Jew). Tháng 5 năm 1946, trong khi Chagall tham dự một cuộc triển lãm khác tại thành phố Paris thì đưa con trai David của nhà danh họa và Virginia chào đời.

Trở lại Hoa Kỳ, Chagall tiếp tục vẽ tác phẩm “Thiên Thần Rơi Xuống” (The Falling Angel). Nhà danh họa đang ổn định cuộc sống tại New York trong cộng đồng Do Thái lưu vong thì Ida từ thành phố Paris thúc dục Chagall trở về nước Pháp nên cuối cùng vào tháng 8/1948, Marc cùng với Virginia, Jean và David ra về. Họ định cư tại Orgeval, gần thành phố Paris.

6/ Trở về nước Pháp.

Do bị hấp dẫn bởi ánh sáng chan hòa và hoa tươi rực rỡ của miền Nam nước Pháp, gia đình Chagall đã dọn nhà tới Vence, một thị trấn trên ngọn đồi gần Cannes và sống trong biệt thự “Les Collines” (Các Ngọn Đồi), một nơi nhìn xuống vùng biển xanh Địa Trung Hải. Tại nơi này, Chagall được Ida lo công việc kinh doanh các tác phẩm sau khi cô gái này ly dị với Michel Gorday. Công việc quảng bá tranh của nhà danh họa sau đó được Aimé Maeght đảm nhận.

Tại Vence, Marc Chagall thường tới thăm nhà danh họa Henry Matisse cư ngụ tại Cimiez, thường gặp Picasso, người đã gọi Chagall là “Họa Sĩ Màu Sắc bậc nhất” (the greatest living colorist). Chagall bắt đầu sáng tác với các bó hoa muôn màu mua tại chợ hoa Ponchettes của thành phố Nice, màu sắc rất quan trọng đối với nhà danh họa và ông đã từng nói “màu sắc phải ăn sâu như thể đi trên một tấm thảm dày” (Color should be as penetrating as walking on a thick carpet).

Sau lần viếng thăm cuộc triển lãm tổ chức tại Jerusalem năm 1951 và trở về sống

tại Vence, Chagall khởi công vẽ các tác phẩm lớn mô tả nhiều quang cảnh trong Kinh Cựu Ước, đó là các bức họa “Moses nhận các tấm bảng viết Luật” (Moses Receiving the Tablets of the Law), “Moses bẻ gãy các tấm bảng” (Moses Breaking the Tablets of the Law) và “Cuộc Vượt Qua Hồng Hải” (The Crossing of the Red Sea). Vào thời gian này, trong khi Ida chuẩn bị kết hôn với Franz Meyer, giám đốc Viện Bảo Tàng Kunsthalle tại Basel, Thụy Sĩ, thì Virginia và Marc lại chia tay nhau vì không hòa hợp. Sau đó Ida giới thiệu cho cha một người đàn bà khác gốc Nga và Do Thái, đã từng ly dị, tên là Valentina Brodsky. Sau nhiều tháng, Marc Chagall và Valentina với tên gọi tắt là Vava, đã làm lễ cưới vào ngày 12/7/1952.

Cũng vào năm 1952 khi nhà xuất bản Pierre Tériade yêu cầu Chagall minh họa tập thơ “Daphnis và Chloe”, Marc và Vava đồng ý viếng thăm nước Hy Lạp để thu nhận các cảm giác thực tế. Năm 1958, Marc Chagall được mời trang hoàng các cửa sổ kính màu của ngôi giáo đường Gothic tại Metz và các công trình nghệ thuật này của Chagall được gỡ ra và trưng bày tại thành phố Paris vào năm 1959. Sau đó tổ chức phụ nữ Do Thái Hadassah mời nhà danh họa trang trí 12 cửa sổ của một nhà thờ Do Thái tại Jerusalem. Trước khi được gắn lên ngôi giáo đường kể trên, các tác phẩm của Chagall được mang triển lãm trong khuôn viên của Viện Bảo Tàng Louvre, Paris, vào tháng 6/1961, rồi tại Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Mới của thành phố New York một tháng sau đó. Marc Chagall được toàn thể Thế Giới Hội Họa công nhận là một bậc Thầy, được mời trang trí cho các cửa sổ kính của nhiều giáo đường trong nước Anh, nước Thụy Sĩ, cho nhà thờ

Pocantico Hills tại Tarrytown, New York, cho Tòa Nhà Liên Hiệp Quốc để tưởng nhớ ông Dag Hammarskjold, nguyên Tổng Thư Ký tử nạn năm 1961. Marc Chagall cũng lo phần trang trí các tấm thảm dệt và các tác phẩm do nhà danh họa phác thảo đã được xưởng dệt Gobelins Tapestry Manufactures thực hiện.

7/ Vẽ ra các Giác Mơ.

Vào năm 1959 khi trở nên Bộ Trưởng Văn Hóa, André Malraux nghĩ tới việc mang một luồng sinh hoạt mới cho nước Pháp. Ông Malraux mời Marc Chagall trang trí lại cái trần của Đại Hí Viện Opera Paris, một tòa kiến trúc danh tiếng trong nhiều thế kỷ. Vào tuổi 77, nhà danh họa Marc Chagall bắt tay vào một công tác vĩ đại, thường đứng trên dàn cao 70 feet (khoảng 20 mét) để vẽ một diện tích 2,153 foot vuông bằng 200 kilô sơn màu. Chagall đã làm việc trong các tiếng nhạc của các tác giả Mozart với bản “Chiếc Sáo Thần” (The Magic Flute), Tchaikovsky với bản “Hồ Thiên Nga” (The Swan Lake), Ravel với bản “Daphnis và Chloe”, Debussy với bản “Pelleas và Melisande”, Berlioz với “Roméo và Juliet”, Wagner với “Tristan và Isolde”... ngoài ra nhà danh họa còn sáng tác hội họa trong không gian của các nhạc bản của Moussorgsky, Gluck, Bizet, Verdi, Beethoven...

Tối ngày 23/9/1964, hơn 2,000 quan khách đến Đại Hí Viện Opera. Trong khi nhạc bản “Daphnis và Chloe” vang lên dần dần, khi các vũ công xuất hiện với y phục do Chagall vẽ kiểu thì bỗng nhiên đèn bật sáng, chiếu thẳng vào các tác phẩm Hội Họa rực rỡ vẽ trên bức trần của tòa Đại Hí Viện. Toàn thể khán giả đã đứng dậy, vỗ

tay ca ngợi một công trình tuyệt tác của nhà danh họa Marc Chagall.

Tháng 7 năm 1966, Marc Chagall dọn về St. Paul de Vence và tại nơi này, nhà danh họa đã hoàn thành 2 bức họa lớn có kích thước 36 x 30 feet (12 x 10 mét) có tên là “Nguồn Nhạc” (The Sources of Music) và “Khải Hoàn của Âm Nhạc” (The Triumph of Music). Hai tác phẩm này được treo trong Hí Viện Opera Mới (The Metropolitan Opera House) của thành phố New York.

Từ năm 1955, Marc Chagall đã vẽ 17 bức sơn dầu lớn với màu sắc rực rỡ liên quan tới Thánh Kinh như bức “Sáng Thế” (Genesis), “Xuất Hành” (Exodus) và “Bài Ca của các Bài Ca” (The Song of Songs). Tới lúc này, Chagall thêm vào 39 tấm tranh bột màu, 3 bức điêu khắc và các hình vẽ nét, toàn bộ được gọi tên là Bộ Tranh “Lời Thánh Kinh” (The Biblical Message). Nhà danh họa dự tính tặng Bộ Tranh này cho Quốc Gia Do Thái nhưng Vava đã ngăn cản và chuyển món quà sang nước Pháp. Bộ Trưởng Văn Hóa André Malraux khi đó đã nhận quà tặng và thực hiện một vinh dự lớn lao cho nhà danh họa bằng cách triển lãm những tác phẩm này tại Viện Bảo Tàng Louvre, một danh dự chưa từng làm cho một họa sĩ còn sống. 300,000 khán giả hâm mộ Nghệ Thuật đã thăm viếng Khu Triển Lãm vào mùa hè năm 1967.

Bộ Trưởng Malraux còn cho xây dựng tại Cimiez, trên ngọn đồi cao nhìn xuống thành phố Nice, “Viện Bảo Tàng Quốc Gia Lời Thánh Kinh Marc Chagall” (Le Musée National Message Biblique Marc Chagall). Viện này được khánh thành vào ngày 7/7/1973 nhân ngày sinh nhật thứ 86 của nhà danh họa.

Năm 1973, Marc Chagall cùng vợ trở về Liên Xô, thăm viếng thành phố Moscow, Leningrad và gặp lại hai người em gái. Mẹ và các em khác của nhà danh họa đã qua đời khi quân đội Đức Quốc Xã xâm lăng Vitebsk vào tháng 6/1941. Năm 1974, Chagall hoàn thành công việc trang trí các cửa sổ lớn của Giáo Đường Reims, một ngôi nhà thờ quốc gia của nước Pháp.

Marc Chagall đã nhận được rất nhiều phần thưởng và bằng cấp danh dự từ nhiều trường Đại Học. Ông được công nhận là Công Dân Danh Dự của thành phố Jerusalem và vào năm 1985 do sức khỏe suy yếu, ông không thể tham dự Cuộc Triển Lãm tại Viện Bảo Tàng Philadelphia (The Philadelphia Museum of Art). Marc Chagall qua đời vào ngày 28/3/1985, an nghỉ trong nghĩa trang của làng St. Paul de Vence.

Marc Chagall là nhà Danh Họa xuất sắc của Thế Kỷ 20, đã từng thực hiện nhiều tác phẩm đặc sắc thuộc nhiều thể loại nghệ thuật: sơn dầu, in thạch bản, điêu khắc, đồ gốm, đồ khảm (mosaics), kính màu, thảm dệt, vẽ kiểu y phục và trang trí nghệ thuật. Màu sắc quan trọng nhất của Marc Chagall là màu xanh và nhà danh họa đã trả lời thắc mắc này như sau: “Tại sao lại xanh, bởi vì tôi là màu xanh, giống như Rembrandt là màu nâu”(Why blue? Because I am blue, just as Rembrandt was brown).

Marc Chagall là "nhà Danh Họa của các Giác Mơ", là một nhân vật mang tới cho mọi người dù với niềm tin khác nhau, một lời nhắn, đó là “Hòa Bình và Tình Yêu”./.

Phạm Văn Tuấn
(Virginia)

BÚT NGỎ LỜI

Thu 2005

Mấy chục năm cư ngụ xứ ngoài
Nỗi niềm ai có khác chi ai?
Đường xưa lối cũ bao lưu luyến
Đất lạ trời xa những ngậm ngùi
Núi Tản, Trường Sơn mây tản mạn
Cửu Long, Sông Nhị nước đầy vơi...
Đông, Tây, Nam, Bắc ngàn tâm sự
Ngời sáng mùa trăng bút ngỏ lời.

Trùng Quang (1912-2012)

DÒNG THƠ MAN MÁC

10/14/2005

Lá vàng xao xác trước hiên ngoài
Mùa lại vào thu chạnh nhớ ai
Vườn cúc ngạt ngào niềm luyến tiếc
Rừng phong hiu hắt nỗi bùi ngùi
Một phương trời tím lòng chưa tắt
Nửa thế kỷ dài tình chẳng vơi
Mượn bút trao về nơi cố quận
Dòng thơ man mác gửi đôi lời

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Bài họa 2

TÂM SỰ

2005

Tình cảm chưa để lộ ra ngoài
Tâm sự đời này tỏ với ai
Mặt nước bèo trôi lòng khắc khoải
Bến sông thuyền đợi dạ bùi ngùi
Lá vàng thêm cũ rơi không ngớt
Hoa tím vườn xưa nhớ chẳng vơi
Hương lửa ba sinh còn chuyển kiếp
Cầu xin phút cuối một đôi lời

Phan Khâm

Bài họa 3

BÚT THẢO ĐÔI LỜI

(10/2012)

Vàng trắng toả sáng mé hiên ngoài
Soi bước vườn thơ một bóng ai?
Nhớ suối hồ xưa lòng quặn thắt
Thương đôi núi cũ dạ bùi ngùi
Dáng thông thoáng hiện luôn không dứt
Tiếng thác vắng nghe mãi chẳng vơi
Đào thăm hương thầm ươm ký ức
Tha hương mượn bút thảo đôi lời

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

LÊ THÁNH TÔNG

(1442-1497)

++++

Hải Bằng. HDB

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua tài giỏi và đạo đức nhất trong lịch sử Việt. Dưới triều đại của ông, đất nước ta sống trong cảnh thịnh trị và phát triển tốt đẹp về mọi mặt. Cảnh thanh bình kéo dài khoảng 300 năm đã để lại nhiều huyền tích sâu xa mà sau này nho sĩ Đặng Trần Côn đã gián tiếp bày tỏ trong “*Chinh Phụ Ngâm*” qua những câu như:

Nước thanh bình ba trăm cũ
Áo nhung trao quan vũ từ đây
Sứ Trời sớm dục đường mây
Phép công là trọng, niềm tây xá nào

Trần Trọng Kim trong *Việt Nam Sử Lược* đánh giá Lê Thánh Tông là một ông vua thông minh, có hiếu với mẹ. Ông viết:

Vua Lê Thánh Tông đã sửa sang được nhiều việc chính trị, mở mang sự học hành, chinh đốn các việc vũ bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ cõi, khiến cho nước Nam...bấy giờ được văn minh thêm ra và lại lừng lẫy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ cường thịnh như vậy.

Đại Việt Sử Ký Toàn Thư đánh giá Vua Lê Thánh Tông là:

Một bậc vua anh hùng tài lược, dẫu Vũ Đế nhà Hán, Thái Tông nhà Đường cũng không thể hơn được.”

Sử gia Phan Huy Chú (1782-1840) ghi nhận về Lê Thánh Tông:

Tay không rời sách, kinh sử, dịch số, toán chương đều tinh thông, văn thơ càng giỏi hơn các bề tôi ... văn vũ tài lược hơn cả các đời.

Lai Lịch Vua Lê Thánh Tông

Nguyên Vua Lê Thái Tông có 4 người con trai: Nghi Dân, Băng Cơ, Khắc Xương, và Tư Thành. Khi Vua Thái Tông đột ngột qua đời, bà ái phi Nguyễn Thị Anh cho lập con của bà mới hai tuổi là Băng Cơ lên làm Vua Đại Việt tức là Vua Nhân Tông. Nhắc lại lúc Thái Tông còn sống, ái phi Nguyễn Thị Anh đã tìm cách hãm hại bà phi Ngô Thị Ngọc Dao đang có mang Tư Thành (tức vua Lê Thánh Tông sau này) để giành ngôi thái tử cho con mình. **Nguyễn Trãi và Thị Lộ xin Thái Tông che chở và thuận cho bà phi Ngọc Dao đi trốn ở Chùa Huy Văn (Thăng Long), rồi sau tẩu tán về An Bang tức Quảng Ninh ngày nay.**

Năm 1459, Hoàng Tử Nghi Dân đảo chính giết Nhân Tông và Thị Nga rồi lên làm vua. Tư Thành được cải phong làm Cung Vương. Chín tháng sau, Nguyễn Xí và Đinh Liệt, nguyên là cựu thần từ thời Vua Lê Lợi, làm cuộc đảo chính, giết Nghi Dân và đưa Lê Khắc Xương lên ngôi vàng. Nhưng Khắc Xương có lẽ tự biết mình tài đức không bằng Tư Thành nên nhường ngôi báu cho Tư Thành.

Ngày 8 tháng 6 năm Canh Thìn (1460), Lê Tư Thành lúc đó được 18 tuổi lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Thuận (1460-1469), sau này đổi niên hiệu là Hồng Đức (1470-1497). Các đại công thần Nguyễn Xí và Đinh Liệt được nắm chức vụ cao quý nhất trong triều đình.

Sau một năm chấp chánh, vua Lê Thánh Tông (20 tuổi) đã thẳng thừng trách tư tưởng tự ti của hai cựu thần Ngô Sĩ Liên và Nghiêm Nhân Thọ với những câu như sau:

Ta vừa mới coi chính sự, sửa mới đức tính, mà các người đã lưu ý ta rằng nước ta chỉ là hàng phiên bang của Trung Quốc thuở xưa. Thế là các người đã theo con đường chết, mang lòng không vua!”

Chính vậy thôi chứ nhà vua không bắt tội họ. Sau này chính sử gia Ngô Sĩ Liên viết về Lê Thánh Tông:

“Vua sáng lập chế độ, mở mang đất đai, bờ cõi; văn vật tốt đẹp. Thật là vua anh hùng, đảm lược.”

Tại sao Lê Tư Thành lại có thể trở thành một vị vua tài giỏi và hiền đức?

Chắc chắn là vì nhà vua đã có cơ hội được giáo dục rất tốt từ chính bà mẹ hiền đức Ngô Thị Ngọc Dao lúc mang thai được nương náu nơi Cửa Phật – Chùa Huy Văn. Thật vậy, trong hơn mười năm tròn lánh, che dấu thân phận, bà Ngọc Dao (mẹ của Tư Thành) cũng như là thân tộc của Thái bảo Ngô Tử (ông ngoại của vua) chắc hẳn đã tập trung nỗ lực nuôi dạy Tư Thành để trở thành một con người tài đức vẹn toàn. Điều này đã được chứng minh ở tài năng lãnh đạo của nhà vua trên khắp mọi lãnh vực và đặc biệt là lòng hiếu thảo với mẹ và

lượng từ bi đối với những vây cánh của Nguyễn Thị Anh.

Triều đại Lê Thánh Tông quả là một thời đại vàng son, hiền hách nhất trong lịch sử nước ta: vua hiền, tôi giỏi, dân no vui. Nhà vua có 14 hoàng tử và 20 công chúa.

Những Thành Tựu dưới Đồi Vua Lê Thánh Tông

Nhờ có *hiếu biết và đạo đức hơn người*, và với một lòng *vì nước, vì dân*, nhà vua đã được nhiều nhân tài hết sức phò giúp trong sạch hóa triều đình, tiến hành nhiều cuộc cải cách xã hội quan trọng, sáp nhập vùng đất của Chiêm Thành, mở rộng bờ cõi xuống tận phía nam, và đặc biệt là ban hành một bộ luật cấp tiến mang tên là **Quốc Triều Hình Luật** được gọi tắt là **Luật Hồng Đức** do chính nhà vua khởi xướng.

Binh Bị

Về Binh Bị, nhà vua tổ chức quân lực thành 5 Đạo tương tự như 5 Quân Đoàn ngày nay và quân sĩ thường xuyên phải tập luyện. Nhà vua đích thân tuần tra nhằm khuyến khích quân sĩ. Trong một lần đi thăm quân sĩ ở vùng biển Hạ Long, nhà vua có bài thơ khắc trên vách núi, sau này dân địa phương gọi đó là **Núi Bài thơ**. Các lực lượng trừ bị cũng được thành lập cùng bộ quân luật gồm 43 điều khoản để duy trì quân kỷ.

Nhà vua đặc biệt lưu ý các quan trú phòng ở biên cương về sự xâm nhập gián điệp của Nhà Minh và cải thiện các loại vũ khí và đạn dược theo kỹ thuật của Tây Phương và của Hồ Nguyên Trừng trước đó. Về lương thực cho quân đội có loại lương khô bằng thóc sấy chín có thể dùng trong

vài năm. Nhà Minh vì vậy rất e dè không dám hạch sách hay dòm ngó.

Hành Chánh

Về Hành Chánh, để chia sẻ quyền hành nhằm tăng cao năng suất quản trị, nhà vua cho thành lập 6 Bộ thay vì chỉ có 3 Bộ dưới đời Vua Lê Lợi. Đại cương trách nhiệm của sáu bộ đó là:

1. Bộ Lại: trách nhiệm tuyển mộ, phân phối, thăng thưởng các quan chức.
2. Bộ Lễ: trách nhiệm về văn hoá và giáo dục: tổ chức trường ốc, thi cử, và gìn giữ văn miếu, đền chùa, phong tục, tập quán.
3. Bộ Hộ: Trông coi về tài chánh, lương bổng, ruộng đất, nhà cửa, kho tàng, thuế khóa.
4. Bộ Binh: Trách nhiệm tổ chức, huấn luyện, thanh tra quân đội; canh phòng giặc giã.
5. Bộ Hình: Trông coi về việc thi hành pháp luật; tổ chức các tòa án xét xử các vụ kiện cáo.
6. Bộ Công: Trách nhiệm về xây cất cầu đường, dinh thự, thành trì, quản lý thợ thuyền.

Về Kinh Tế và Thương Mại, nhà vua cho sửa đổi luật thuế đinh, thuế điền, trợ giúp nhà nông, khuyến khích mở đồn điền cụ thể qua các Chỉ, Dụ, hay Chiếu như “Chiếu Khuyến Nông”, Chiếu Lập Đồn Điền”, Chiếu Định Quan Chế”, v.v. Nhờ các chính sách đó, nhiều ngành thủ công nghiệp đã phát triển đáng kể như nghề in và làm giấy, nghề làm đồ gốm, đồ sứ, dệt lụa, ương tơ, dệt vải, nghề mộc, trạm trổ. Nhà vua đích thân chỉ dụ rằng:

Trong dân gian hễ có dân là có chợ để lưu thông hàng hóa mở đường giao dịch cho dân. Các xã chưa có chợ có thể lập thêm chợ mới không được trùng hay trước

ngày họp chợ cũ để tránh tình trạng tranh giành khách hàng của nhau.

Thêm vào đó, nhà vua còn cho áp dụng những quy định đặc biệt như ấn định tuổi 65 là tuổi về hưu và bãi bỏ luật tập quyền (cha truyền con nối) đối với các gia đình có công trạng.

Giáo Dục

Chọn người *tài đức* ra làm quan.

Đề cao Khổng Học, thành lập Hàn Lâm Viện, Quốc Sử Viện, Nhà Thái Học, và Quốc Tử Giám.

Lập *Bia Tiên Sĩ* đặt tại Văn Miếu tức Quốc Tử Giám vào năm 1484.

Thành lập *Hội Tao Đàn* với 28 nhà thơ xuất sắc gọi là *Nhị Thập Bát Tú* và ông được coi là *Sao Bắc Đẩu*.

Luật Pháp

Nổi bật nhất trong triều đại Lê Thánh Tông là công trình tiếp tục biên soạn và hoàn tất bộ *Quốc Triều Hình Luật* hay *Luật Hồng Đức* và tinh thần thương tôn pháp luật. Chính nhà vua đã ra chỉ dụ rằng: “Pháp luật là phép công của nhà nước. Ta cùng các người phải tuân theo.”

Bộ Luật Hồng Đức được coi là một bộ luật cấp tiến vào thời đại đó với những điều luật bảo vệ quyền lợi cho nữ giới như chồng và vợ phải có nghĩa vụ ngang nhau (tục ngữ: “của chồng, công vợ”); cấm ngược đãi vợ; **vợ có quyền xin ly hôn**; **con gái có quyền thừa kế ngang với con trai**; và nêu lên những nguyên tắc cơ bản như “**vô luật bất thành hình**” (không có luật thì không bị tội); “**pháp bất vị thân**” (pháp luật không chừa ai dù là thân thích); “**nguyên tắc tự vệ chính đáng**”; “**tình trạng khẩn cấp**”; “**tình trạng bất khả kháng**”; “**tự thú**”; và

v.v. Thêm vào đó, để bảo đảm sự công lý và tránh sự lạm dụng quyền lực, *Luật Hồng Đức* minh thị những điều khoản luật tổ tụng quy định thẩm quyền của các hệ cấp tòa án, thủ tục xử án, phương pháp xử án, thủ tục bắt người.

Nhiều quy định cấp tiến kể trên không thấy có trong các bộ luật sau này vào thời Nhà Nguyễn.

Luật Hồng Đức bao gồm nhiều bộ môn như: quân luật, hình sự, dân luật, tổ tụng, hôn nhân, gia đình, và hành chính. Đầu thế kỷ 20, bộ luật này được dịch sang tiếng Pháp và được Lương Thân Cao Nãi Quang thuộc Đại Học Luật Khoa Saigon chuyển sang quốc ngữ, Nguyễn Sĩ Giác hiệu đính, Vũ Văn Mẫu viết lời tựa, và Nguyễn Văn Của ấn hành vào năm 1956. Bộ Luật Hồng Đức có 6 quyển bao gồm 722 điều trong 13 chương.

1. Chương Danh lệ: 49 điều quy định về những vấn đề cơ bản có tính chất chi phối nội dung các chương điều khác (quy định về thập ác, ngũ hình, bát nghị, chuộc tội bằng tiền v.v)
2. Chương Vệ cấm: 47 điều quy định về việc bảo vệ cung cấm, kinh thành và các tội về cấm vệ.
3. Chương Vi chế: 144 điều quy định về hình phạt cho các hành vi sai trái của quan lại, các tội về chức vụ.
4. Chương Quân chính: 43 điều quy định về sự trừng phạt các hành vi sai trái của tướng, sĩ, các tội quân sự.
5. Chương Hộ hôn: 58 điều quy định về hộ tịch, hộ khẩu, hôn nhân-gia đình và các tội phạm trong các lĩnh vực này.
6. Chương Điền sản: 59 điều, trong đó 32 điều ban đầu và 27 điều bổ sung sau (14 điều về điền sản mới tăng thêm, 4 điều về

luật hương hỏa, 9 điều về chiêm chúc bổ sung luật hương hỏa) quy định về ruộng đất, thừa kế, hương hỏa và các tội phạm trong lĩnh vực này.

7. Chương Thông gian: 10 điều quy định về các tội phạm tình dục.

8. Chương Đạo tặc: 54 điều quy định về các tội trộm cướp, giết người và một số tội chính trị như phản nước hại vua.

9. Chương Đấu tụng: 50 điều quy định về các nhóm tội đánh nhau (ẩu đả) và các tội vu cáo, lăng mạ v.v

10. Chương Trá ngục: 38 điều quy định các tội giả mạo, lừa dối.

11. Chương Tạp luật: 92 điều quy định về các tội không thuộc các nhóm tội danh trên đây.

12. Chương Bộ vong: 13 điều quy định về việc bắt tội phạm chạy trốn và các tội thuộc lĩnh vực này.

13. Chương Đoán ngục: 65 điều quy định về việc xử án, giam giữ can phạm và các tội phạm trong lĩnh vực này.

Tóm lại, các định chế pháp lý là biểu hiện của thượng tầng kiến trúc của xã hội văn minh phản ánh tư duy của giới cầm quyền. ***Bộ Luật Hồng Đức (khoảng giữa thế kỷ 15: 1449) là một điểm son chói lọi biểu thị tinh thần pháp trị trong thời đại quân chủ của đất nước ta.*** Nhờ đó mọi hoạt động về văn hóa, văn học, giáo dục, nghệ thuật, quân sự, và kinh tế, ngoại giao phát triển tốt đẹp. ***Ngược lại, các bộ luật sau này của Nhà Nguyễn Gia Long (1811) đã tỏ ra có sự thụt lùi trong chủ trương trở lại chế độ quân chủ chuyên chế.***

Một số điều khoản trong Luật Hồng Đức về hôn nhân, điền sản, và thừa kế quy định chi tiết và cụ thể hơn so với luật đời Nhà Đường nên sau này các tòa án dưới thời Pháp Thuộc và Việt Nam Cộng Hòa

đến tài sản của vợ chồng.

So với bộ *Hoàng Việt Luật Lệ* hay còn gọi là *Luật Gia Long*, Giáo Sư Vũ Văn Mẫu có nhận xét:

“*Bao nhiêu những sự tân kỳ, mới lạ trong bộ luật Triều Lê đã không còn lưu lại một chút dấu tích nào trong luật lệ Nhà Nguyễn. Không còn liên quan đến hương hỏa, đến chúc thư, đến các điều kiện về giá thú, hay đến chế độ tài sản của vợ chồng.*” (Vũ Văn Mẫu, *Cổ Luật Việt Nam và Tư Pháp Sử*, 1973).

Điểm tiến bộ vượt bậc trong *Luật Hồng Đức* là vai trò của nữ giới được đề cao và bảo vệ hơn hẳn so với các bộ luật đương thời: người vợ có quyền quản lý tài sản khi chồng qua đời và có quyền thừa kế như nam giới; hình phạt cho nữ giới bao giờ cũng nhẹ hơn so với nam giới. Cho nên xin đừng vội hàm hồ viện dẫn câu nói “Chồng chúa vợ tôi” để nói rằng phụ nữ Việt ngày trước bị coi rẻ.

*

Thơ Lê Thánh Tông

Ngoài tài về lãnh đạo chỉ huy, vua Lê Thánh Tông còn tỏ ra lỗi lạc về văn chương thi phú và phê bình văn học hơn hẳn so với các nhà nho đương thời trong Hội Tao Đàn của nhà vua sáng lập nhằm khuyến khích các quan **làm thơ Nôm**. Nhà vua đã tự nói về tính *ham học hỏi và phụng sự* như sau:

Trống đời canh, còn đọc sách
Chiêng xế bóng, chưa thôi châu

Nhiều bài thơ của nhà vua tỏ ra *khẩu khí của bậc đế vương* như bài “Vịnh Con Cóc”. Chẳng hạn:

Bố mẹ sinh ra vốn áo sồi
Chón nghiêm thăm thăm một mình ngồi

Chép miệng nuốt ba con kiến gió
Nghiến răng chuyển động bốn phương trời

*

Nhân buổi sáng đi tuần tra từ Sông Cẩm ra Biển Đông, vua Lê Thánh Tông ghi lại cảm hứng của bậc đế vương anh hùng trước phong cảnh hùng vĩ của non sông qua những câu thơ thật lâm liệt và sống động như sau:

Nắng âm nghìn trùng
Tỏa trên ngọn cờ
Khí thế ba quân át cây cáo
Phương đông mặt trời ló dạng
Mây nhẹ trôi
Phóng mắt nhìn
Núi sông dài muôn dặm

Và sau đây là một vài bài *thơ tình cảm* của nhà vua:

Hoa Biết Nói

Quốc sắc xem bằng ngọc mới đông
Hay cười hay thốt khá bằng bông
Nhiều phen hỏi nguyệt theo hơi quế
Mấy phút chào xuân kém nhụy hồng
Một thức thơm tho lâu gác phượng
Mười phần tươi tốt mặt tai rồng
Bên thành, cách ngõ, lòng chưa phỉ
Bao mượn thuyền Đò đắp đỉnh Bồng

*

Nhớ Người Xa

Sông trong, sao lạt, về sao thưa
Gác cũ rêu đầy lấp dấu thơ
Mưa tạnh, hoa rầu, chiều lạt mặt
Xuân về, én thắm, tiếng u ơ
Đèn tàn, ruột thắt, hồn xơ xác
Gối chiếc, châu đầm, giấc ngắn ngơ
Lá thắm, thơ bày, mong bắt chước
Nước xuôi, thơ ngược, biết bao giờ?

*

Trung Vương

Trợ dân, dẹp loạn, trả thù mình
Chi cũng như em cất nghĩa binh
Tô Định bay hồn, vang một trận
Lĩnh Nam mở cõi, vững trăm thành
Còn nước, còn non, còn miếu mạo
Nữ trung đệ nhất đẳng tài danh

*

Trong dịp du ngoạn qua Miếu Vũ Nương
tức Thiều Phụ Nam Xương, người đã nhay
xuống sông tự vẫn để tự mình oan với
chồng vì nghi nàng ngoại tình trong lúc
chàng đi lính xa nhà, nhà vua có bài thơ:

*

Điều Vũ Nương

Nghi ngút đầu ghềnh tỏa khói hương
Miếu ai như Miếu Vợ Chàng Trương?
Ngọn đèn dù tắt đừng nghe trẻ
Dòng nước chỉ cho lụy đến nàng?
Chứng quả đã đôi vàng nhật nguyệt
Giải oan chớ mượn tới đàn tràng
Qua đây mới biết nguồn cơn ấy
Khá trách chàng Trương quá phũ phàng

*

*Thương cảm cho Vũ Nương bị oan
khuất, nhưng tại sao nhà vua lại không có
lấy nữa bài thơ thương cảm cho Thị Lộ,
người đã có ơn cứu mạng mẹ con nhà vua
dưới đời Lê Thái Tông?* Chắc hẳn nhà vua
không còn muốn nhắc tới câu chuyện
thương tâm ấy nữa vì nhắc tới bao nhiêu
chẳng nữa thì cũng chẳng làm sao đền bù
lại được. Chi bằng giữ nguyên vẹn tâm
lòng biết ơn hơn là khua động lại làm cho
linh hồn người oan khuất không được an
nghỉ. Tuy nhiên nhà vua đã xuống chiếu
giải oan cho Nguyễn Trãi với một câu nói
giản dị mà rất sâu xa: “**Ức Trai tâm thượng
quang Khuê tảo**” nghĩa là “Tâm lòng Ức
Trai sáng như Sao Khuê”.

Tổng kết

Vua Lê Thánh Tông là một vị vua
thông minh, hiểu biết cao rộng, và đức hạnh
hơn người. Chắc hẳn nhà vua đã được bà
mẹ Ngọc Dao chăm sóc thật chu đáo và các
vị chân sư hết lòng truyền thụ kiến thức và
kinh nghiệm kể từ khi bà Ngọc Dao phải ẩn
tránh ở Chùa Huy Văn.

Nhà vua khi lên ngôi đã giải nổi hăm
oan cho Nguyễn Trãi và không cho truy
cứu ai là thủ phạm giết vua Thái Tông, có
thể vì bà Ngọc Dao đã dặn vua Thánh Tông
rằng: “Chính Nguyễn Thị Anh đã ngấm sai
Tạ Thanh bỏ thuốc độc cho Thái Tông chết.
Nhưng con nên giữ kín việc ấy.” (Hoàng
Cơ Thụy, *Việt Sử Khảo Luận*).

Với tất cả những công trình cải cách
vượt bậc về mọi địa hạt cùng với sự mở
mang bờ cõi Đại Việt đem lại một thời gian
thái bình thịnh trị dài tới 300 năm mà đời
sau vô cùng luyến tiếc, **Vua Lê Thánh
Tông nên phải được tuyên dương là
“Danh Nhân Cải Cách Xã Hội Thế Giới”.**

*

Hải Bằng. HDB





Bài Xướng :

HOA RỰC SẮC CỜ

Ôi những bông hoa rực sắc cờ
Khơi hồn dân tộc quyen hồn thơ
Với bao nỗi hận tràn sông núi
Vẫn một lòng tin chẳng bến bờ
Mây trắng trời xanh hòa ý hẹn
Nền vàng sọc đỏ dậy niềm mơ
Mai về, sẽ đẹp mùa dân chủ
Ngày ấy quê hương thỏa ngóng chờ

Nguyễn Kinh Bắc

Philadelphia, 22-9-2012

Bài Họa 2 :

GIẤC MỘNG HỒI SINH

Ước buổi quê hương rợp bóng cờ
Cho tình non nước dậy tình thơ
Xem trời lại xót chim về núi
Ngắm biển mà thương sóng vỗ bờ
Đò dọc hỏi thăm người lái cũ
Giếng làng tìm lại ánh trăng mơ
Trải bao dâu bể đời xuôi ngược
Đất mẹ hồi sinh mộng vẫn chờ

Nguyễn Vô Cùng

Suối Bạc, 23-9-2012

Bài Họa 1 :

HOA RỰC SẮC CỜ

Diêm thiêng ứng hiện dưới màu cờ
Sắc kiếm loang trời đẹp tứ thơ
Máu hận cuồng tim xô bạt sóng
Gan bầm quận ruột vô nghiêng bờ
Lời ca tự nghĩa, lời non nước
Tiếng gọi đảng trình, tiếng ước mơ
Gió lộng buồm căng giờ đã điểm
Về đi, cố quận mãi trông chờ

Nguyễn Đức Cung

Philadelphia, 22-9-2012

Bài họa 3 :

NGUYỆN ƯỚC

Từ buổi quê hương vắng bóng cờ
Đem lòng u-uẩn gửi vào thơ
Tình thương dân tộc nung mây gió
Nỗi nhớ giang sơn vượt cõi bờ
Dân chủ mong thành tròn giấc mộng
Tự do ước đến trọn niềm mơ
Quốc kỳ phát phới trên toàn quốc
Thỏa chí bao năm đã đợi chờ

Ngân Sơn

Tây Bắc Hoa Kỳ - 27-9-2012

KHUÊ

.....

TIÊU THU

Thơ Thơ vừa mặc cái robe mới mua hôm thứ bảy tuần trước vừa ngắm nghía hình ảnh người thiếu phụ phản chiếu trong tấm gương lớn, tỏ vẻ hài lòng. Chiếc robe màu đen, dài phủ đầu gối, để lộ cặp chân trắng ngần. Thứ bảy tuần rồi đi shopping với Nga ở Rockland Center, ngang qua tiệm BCBG Nga lôi Thơ Thơ vào, mặc cho nàng đây này:

- Thôi mi ơi, tiệm này mắc thấy mồ. Lương ta ba cọc ba đồng...

Nga cắt ngang:

- Tuần này nó hạ 70%. Vô đi. Ta thấy một cái robe màu đen rất hợp với mi. Mặc hôm party tuần tới là có khối chàng... xui!

Vừa nói Nga vừa nháy mắt với Thơ Thơ. Thơ nguyệt cô bạn vàng một cái sát rạt:

-Vớ vẩn! Ai mà thèm bà già háp này chứ!

Nga cười bí mật:

- Ha! Vậy mà có người... Nói tới đây cảm thấy mình lờ lờ, Nga đánh trống lảng bằng cách reo lên:

- Đây rồi. May quá "Nó" chưa bị chôm đi mất!

Nga lôi chiếc áo đầm treo tuốt trong góc đưa cho Thơ Thơ. Chiếc áo cắt khéo, cổ trễ vừa phải và những lần xếp chéo trước ngực đầy nghệ thuật. Thơ Thơ thấy chiếc áo thật đẹp. Nhìn giá cũng phải chăng, nên sau khi thử nàng đã trả tiền lấy chiếc áo.

Nga tuyên bố tổ chức party để chào đón ông anh họ từ Pháp qua chơi. Vốn không có tính tò mò nên Thơ Thơ cũng không hỏi gì

nhiều về ông ấy. Chỉ biết ông ta đến tuổi sắp về hưu, có bằng Tiến sĩ và dạy ở một trường Đại Học tại Paris. Có gia đình nhưng đã ly dị và tên là Tú. Nga khen ông anh này hết mình. Đến nỗi Thơ Thơ phải kêu:

- Thôi, khen quá coi chừng té hen đó mi. Ta phải thấy tận mắt mới tin. Mi là hay tô màu tét nì cô lo lắm!

Nga chỉ cười mỉm chi:

- Ồ, mai một gặp anh của ta rồi, nhớ đừng có bị coup de foudre đó nha. Lúc đó chỉ sợ có người năn nỉ tui nói... tốt dùm hồng chừng!

- Thôi, cho em xin hai chữ bình an. Từ ngày thoát khỏi ách "đô hộ" của lão Nguyên, em sống rất thoải mái. Có điên mới đeo gông vào cổ lần nữa...! Nga chỉ cười cười, không trả lời.

...Thơ Thơ ngắm mình trong gương một lần nữa. Mái tóc cắt đơn sơ úp vào cổ, màu son hồng fuchsia khiến nàng trẻ ra cả chục tuổi. Tối nay Thơ đeo nữ trang hạt trai trắng càng tôn thêm nét quý phái. Dù đã qua tuổi năm mươi từ lâu, nhưng nhờ tập thể dục đều đặn nên thân hình nàng vẫn còn thon gọn trong chiếc robe bằng soie màu đen sang trọng. Cầm chiếc ví soirée màu bạc, mang đôi giày cùng tông, Thơ Thơ cảm thấy đầy tự tin.

Đến nơi đã thấy xe hơi đậu kín hêt trước cửa nhà Lê Nga, Thơ Thơ phải đậu xe ở con đường ngang hông và đi bộ đến nhà Nga. Bước vào phòng khách đã thấy bạn bè quen thuộc đứng đầy. Thơ Thơ mỉm cười, gật đầu chào tổng quát. Ánh mắt cánh đàn ông nhìn nàng toát đầy vẻ ngưỡng mộ, nhưng cánh đàn bà không dấu nổi sự e dè! Thơ Thơ biết, từ khi li dị Nguyên, nhiều người đã không còn nhìn nàng với ánh mắt

như xưa. Những lời mời dự party cũng thưa dần. Có vẻ như, nơi những người đàn bà độc thân nói chung, có cái gì đó khiến cho các bà vợ không yên tâm. Chỉ có Lệ Nga là không thay đổi. Nhờ bờ vai của bạn mà suốt những tháng đầu chia tay với Nguyên, Thơ Thơ đã có nơi nương tựa tinh thần vững chắc. Bất cứ lúc nào nàng cũng có thể gọi cho Nga. Có những đêm không ngủ được, đầu óc căng thẳng tột độ, những ý nghĩ đen tối bắt đầu nhen nhúm, Thơ Thơ vội vàng gọi cho bạn và Lệ Nga đã yên lặng lắng nghe, lòng đầy thương cảm và xẻ chia. Tiếng nước nở của Thơ Thơ nhiều lần khiến Lệ Nga cũng rơi nước mắt âm thầm. May mà Sĩ, chồng Nga, thông cảm cho hoàn cảnh của Thơ Thơ. Nàng đang trải qua thời kỳ đen tối nhất cuộc đời của một người đàn bà. Mất con và li dị chồng. Vì thế Sĩ không hề cần nhằn khi thấy vợ bỏ nhiều thời giờ an ủi, chăm nom cho Thơ. Đứa con trai duy nhất của vợ chồng Thơ đã qua đời năm hai mươi lăm tuổi, trong một tai nạn xe mô tô. Biết con trai có niềm đam mê nguy hiểm, nhưng Nguyên chiều con, không hề ngăn cản.

Sau cái chết của con, Nguyên suy sụp dần rồi đắm ra nghiện rượu. Chuyện ly dị sẽ không xảy ra nếu như Nguyên không theo bạn bè đi Casino và càng ngày càng lún sâu vào trò chơi đen đỏ. Bao nhiêu tiền dành dụm cho tuổi già cũng lần lượt đội nón ra đi, mặc cho Thơ Thơ năn nỉ, khóc lóc... Có là thánh nàng cũng không thể chịu đựng nổi ông chồng vừa nghiện rượu, vừa nghiện cờ bạc. Thế rồi một ngày... xấu trời, Nguyên nhận được lá đơn ly dị của Thơ Thơ. Nàng đứng đưng, chai đá trước những lời hứa hẹn, thề thốt thứ một trăm lẻ... của chồng. Cuối cùng Nguyên đành đầu hàng, đặt bút ký vào lá đơn. Không có sự tranh

giành, kiện tụng nào xảy ra. Hai người chia tay êm thấm trong sự đón đầu, hối tiếc. Hối tiếc một hạnh phúc đã qua. Hình ảnh gia đình ba người đầm ấm, vui vẻ ngày nào đã trôi vào dĩ vãng. Như một giòng suối chảy xuôi và mất hút vào vô tận...

May mà Thơ còn có Lệ Nga. Hai người quen nhau từ lúc cùng ở nội trú Régina Pacis. Thơ học Luật và Lệ Nga học Dược. Phòng hai cô sát cạnh nhau, cùng tuổi nên hai người dễ thân thiết. Lệ Nga từ Đà Lạt xuống và Thơ Thơ từ Cao Lãnh lên. Ba má Lệ Nga quê Sài Gòn nhưng lên Đà Lạt lập nghiệp lúc cô bé còn nhỏ xíu. Suốt bốn năm học, rất nhiều lần Thơ Thơ lên Đà Lạt nghỉ mát và Lệ Nga về Cao Lãnh nghỉ hè. Cả hai có với nhau biết bao kỷ niệm đẹp tuyệt vời của thời con gái ngây thơ. Chính Thơ Thơ đã là phù dâu cho Lệ Nga trong ngày cưới. Sĩ, chồng Nga là Bác sĩ Quân y. Sau đó Lệ Nga cho mượn bằng Dược sĩ và theo chồng đổi ra Quy Nhơn. Vợ chồng cô chỉ về Sài Gòn dự đám cưới của Thơ Thơ với Nguyên. Sau đó thì Nguyên cũng đổi đi làm Phó Tỉnh Trưởng một tỉnh miền Cao nguyên xa xôi. Hai cô chỉ còn gặp nhau qua những cơ hội hiếm hoi. Đất nước giặc giã điêu linh biết làm sao bây giờ?

Cho đến tháng Tư Bảy Lăm, cả hai tình cờ gặp nhau trên đảo Guam. Ôi! không lời nào có thể diễn tả được cái cảm giác hạnh phúc của hai cô bạn chí thân khi gặp lại nhau trong một hoàn cảnh oan khiên như thế. Cả hai oà lên khóc trước ánh mắt ngạc nhiên của những người tị nạn. Những giọt nước mắt xót xa lẫn vui mừng... Khi phái đoàn Canada đến phỏng vấn, hai gia đình ghi tên và chỉ một tuần sau là họ có mặt tại thành phố Montréal. Rồi những ngày cơ cực cũng dần qua. Sĩ cày cục thi lấy lại

bằng bác sĩ, Lê Nga cũng lấy được bằng được sĩ. Cả hai đều đi làm chăm chỉ nên đời sống thật dư dả, thoải mái. Nguyên học ra Kỹ sư cơ khí, có việc làm tốt. Phần Thơ Thơ, thấy nghề computer dễ tìm việc nên nàng ghi tên học. Sau khi yên ổn rồi Thơ Thơ mới sinh cu Nhật. Vì nhau không tróc, Thơ bị làm bằng suýt chết. Bác sĩ cuối cùng phải cắt bỏ tử cung. Biết vợ không thể sinh nở thêm nữa, bao nhiêu tình thương Nguyên dồn cả vào thằng con trai duy nhất. Cả hai cùng con như châu báu. Thế mà định mệnh lại bắt nó lìa cha bỏ mẹ mà ra đi ở độ tuổi tươi đẹp nhất, như trái còn xanh mơn mơn trên cành... chột rưng và một gia đình tan vỡ!...

- Thơ Thơ. Tiếng Lê Nga phát ra từ ngưỡng cửa phòng đọc sách. Vô đây ta giới thiệu với mi một người.

Thơ Thơ tiến về phía bạn, vừa cười vừa hỏi:

- Làm gì mà bí mật dữ vậy...

Nhưng nụ cười trên môi nàng vụt tắt. Thay vào đó là một sự ngạc nhiên tột độ. Thơ Thơ tự hỏi mình đang tỉnh hay mơ. Người đàn ông trong bộ complet màu kem, dáng dấp sang trọng đứng giữa phòng có phải là...? Quay sang định hỏi Lê Nga, nhưng nàng ta đã biến tự hồi nào, sau khi kín đáo khép cửa phòng lại. Giờ thì chỉ có hai người đối diện nhau. Một cảm giác mơ hồ vừa xa lạ vừa thân thiết xâm chiếm Thơ Thơ. Nàng không thốt được lời nào, chỉ nhìn đắm đắm người đối diện. Cặp mắt to, vẫn còn tinh anh sau cặp kính trắng, mái tóc hơi quăn có nhiều sợi bạc hai bên thái dương và chiếc cằm chẻ đôi. Chỉ có một người có đôi mắt này và chiếc cằm này... Lần cuối cùng nàng thấy người ấy trong

tâm ảnh treo trên vách nhà của Nguyệt. Năm đó nàng mười sáu tuổi.

Người đàn ông tiến lại gần, cặp mắt đắm đuối nhìn sâu vào mắt Thơ Thơ, giọng êm như ru:

- Thơ Thơ. Còn nhận ra anh không?

Thơ Thơ đáp khẽ, giọng có chút ghen ngào:

- Anh Khuê! Phải anh Khuê không?

Người đàn ông cúi xuống cầm hai bàn tay đang run rẩy của Thơ Thơ, siết nhẹ, giọng đầy chột trầm xuống:

- Anh đây. Anh Khuê đây...

Sự xúc động mãnh liệt khiến đôi chân Thơ Thơ hều như mềm nhũn. Người đàn ông tên Khuê vội vòng tay ngang lưng, dìu Thơ Thơ ngồi xuống chiếc ghế bành bọc nhung đỏ gần đó. Sau khi an vị, Khuê đứng lên nói:

- Để anh ra ngoài lấy cho em ly rượu.

Nhưng Thơ đã vội vàng nắm tay chàng kéo ngồi xuống. Nàng không muốn xa rời Khuê dù chỉ vài phút. Đã mất nhau gần nửa thế kỷ rồi vẫn chưa đủ sao? Từ năm Thơ lên chín và Khuê là một cậu bé mười hai tuổi.

- Không cần đâu. Khuê ngồi đây với em. Trời ơi, Thơ đang tỉnh hay đang mơ đây? Anh Khuê... Anh Khuê! Thơ không bao giờ ngờ có ngày được gặp lại anh.

Khuê không trả lời, chàng vòng tay ôm Thơ Thơ thật chặt và bất ngờ đặt lên môi nàng một chiếc hôn nóng bỏng. Chàng cắn nhẹ lên bờ môi đang căng mọng của Thơ Thơ rồi nói, giọng mơ màng:

- Em có tưởng tượng được là anh ao ước giây phút này suốt cả cuộc đời của anh không Thơ Thơ. Từ khi theo ba má nuôi lên Sài Gòn, rồi sang Thụy Sĩ, Pháp và cho đến ngày hôm nay... chưa bao giờ anh quên được Thơ Thơ cũng như những ngày tháng hai đứa mình sống hồn nhiên như cây cỏ ở

Tân An. Anh đã có một tuổi thơ thật cơ cực, nghèo nàn. Nếu như không có cô tiên bé nhỏ tên Thơ Thơ bên cạnh, thì những ngày sống trong gia đình cậu hai của anh càng đau khổ biết bao nhiêu! Anh đã bị bắt làm việc như một người ở đợ, bị sự hà hiếp của mấy đứa con cậu Hai, bị bà mợ đánh đập, bỏ đói... nhưng bù lại anh có Thơ Thơ. Cô tiên đã băng bó những vết thương thể xác và xoa dịu những vết thương tinh thần cho thằng bé mồ côi khốn khổ. Em nghĩ là anh có thể quên được sao? Ngàn lần không. Anh đã nhớ, đã nghĩ đến em hằng ngày. Liên miên từ năm nọ sang năm kia. Những khi gặp khó khăn, buồn chán... anh chỉ cần nghĩ đến nụ cười rạng rỡ, trong như pha lê, cặp mắt đen huyền ngây thơ, lấp lánh khi gặp chuyện vui và nét mặt phụng phịu, cặp môi cong lên thật dễ thương khi gặp chuyện không vừa ý của Thơ là trong anh lại tràn đầy sức mạnh để vượt qua.

Khuê nói xong, móc chiếc ví con trong túi quần, lấy ra một tấm ảnh đen trắng đã ủa vàng. Trong hình là hai cô nhỏ độ tuổi mười lăm, mười sáu. Mái tóc dài xõa ngang lưng, nụ cười tươi như hoa và một trong hai cô là Thơ Thơ! Nàng kêu lên kinh ngạc:

- Ô! Đây là tấm hình em chụp với Nguyệt khi hai đứa còn học ở Cao Lãnh. Sao anh có được?

- Lần đó, trước khi đi du học bên Thụy Sĩ, anh đã về Cao Lãnh thăm và từ giã gia đình cậu Hai. Đáng tiếc là em đi vắng. Nguyệt khoe anh tấm ảnh hai cô chụp chung. Anh viện cớ muốn giữ kỷ niệm với Nguyệt nên xin tấm ảnh và nó đã theo anh cho đến ngày nay. So với người trong ảnh, Thơ Thơ không khác gì mây. Chỉ có mái tóc ngắn hơn và người thật trước mặt anh bây giờ... đẹp và quyến rũ hơn xưa!

Thơ Thơ mắc cỡ:

- Xí! Anh chỉ sạo! Em bây giờ già xòm. Anh đâu có biết em đã trải qua biết bao nhiêu đau khổ với...

Khuê cắt ngang:

- Anh biết! Anh biết. Lệ Nga đã kể cho anh nghe hết rồi.

Thơ Thơ chợt nhớ ra:

- À, nói tới nhỏ này. Em phải la nó một trận mới được. Tụi em chơi với nhau mấy chục năm. Nó chỉ nói là có một ông anh ở Paris tên Marcel Tú! Như vậy nghĩa là sao?

Khuê cười:

- À, cái này không phải lỗi của Nga. Để anh kể cho Thơ nghe. Em biết là má sanh anh xong, chỉ hai tháng sau là mất vì bệnh sản hậu. Từ đó anh sống với gia đình cậu Hai và bà ngoại. Lúc nhỏ bà ngoại chăm sóc cho anh tử tế, nhưng khi anh sáu tuổi thì bà mất. Từ đó anh mới bị cậu mợ ngược đãi.

Thơ Thơ cắt ngang:

- Đúng rồi. Má em kể, cô ba Huê má của anh tuy nhà nghèo nhưng đẹp lắm. Tóc dài da trắng. Trong làng biết bao nhiêu người đeo đuổi mà cô không ưng. Năm cô mười chín tuổi thì gặp ba anh. Nghe nói ông là con nhà giàu trên Sài Gòn, vì lý do gì đó chạy theo kháng chiến. Một hôm ông về làng làm công tác dân vận, gặp và thương cô thôn nữ xinh đẹp tên Huê. Nàng cũng thương anh chàng công tử Sài Thành lắm, nên dù gặp sự chống đối quyết liệt của gia đình bên đảng trai, cô Ba vẫn quyết định trao thân gởi phận cho chàng công tử hào hoa. Họ chỉ làm một bữa cơm đơn sơ ra mắt ông bà. Ông anh Hai, tuy không bằng lòng nhưng vì nể mẹ nên cũng đành chấp nhận. Ông ta nghĩ con em lấy một chàng trai nào đó trong làng, tương lai còn tốt hơn là lấy anh chàng công tử cha căng chú kiết,

chỉ có cái mã đẹp trai này. Khi cô ba Huệ sinh anh ra, dượng ba từ trong đồng lén về thăm, bị lính ở đồn ngoài đồn rình bắt chết. Hình như có người ghen ghét báo tin rằng thế nào ba anh cũng mò về thăm vợ con. Họ đã rình 3 ngày liền. Xác dượng ba được ông nội em cho chôn trong đất gia đình em, gần ngoài lộ mới. Cô ba đau khổ quá nên hai tháng sau cũng qua đời. Má em nói gia đình bên nội anh thật là tệ. Khi nghe tin, chỉ cho người con gái lớn xuống Cao Lãnh. Sau khi làm lễ cúng kiến trước mộ người em xong là bà ta trở về Sài Gòn, sau khi cho mẹ anh một món tiền nho nhỏ. Rồi từ đó về sau không có tin tức gì nữa mặc cho anh sống cực khổ với gia đình cậu Hai. À, mà sao anh lại tên Tú?

Khue kể tiếp, giọng ngậm ngùi:

- Thơ còn nhớ không, khi anh được mười hai tuổi. Một hôm có cặp vợ chồng và một bà đứng tuổi thật sang trọng từ Sài Gòn xuống Cao Lãnh kiếm nhà cậu Hai. Thì ra đó là vợ chồng chú Út và cô Hai của anh. Gia đình bên nội, ngoài cô thứ hai không chồng, còn cô Tư và chú Út. Vợ chồng chú Út lấy nhau mười năm mà không có con. Một hôm cả nhà họp mặt đám giỗ ông nội, cô Hai mới nhắc đến ba anh. Hình như cô ấy có ý ân hận đã không nhìn nhận thằng cháu đích tôn là anh. Họ tin tưởng chú Út lấy vợ thế nào cũng sinh con nối dõi tông đường. Có ngờ đâu! Khi sự việc xảy ra chú anh còn quá trẻ nên không để ý. Giờ nghe nhắc lại chú mới hỏi phăng tới và vợ chồng chú quyết định xuống Cao Lãnh tìm anh để nhận làm con nuôi. Lúc gặp mặt, thấy anh giống hệt ba anh, cô Hai đã ôm anh khóc mùi mẫn. Chú Út cũng cảm động rung rung nước mắt. Anh tuy không hiểu gì lắm, thấy họ khóc anh cũng khóc theo. Đúng là tình

máu mủ thật thiêng liêng phải không em? Gia đình bên nội anh rất giàu. Chú Út anh là Luật sư. Ông đã làm giấy khai sinh nhận anh làm con. Họ muốn đổi tên khác, nhưng anh nhất định đòi giữ tên Khuê, chú Út đành đặt là Nguyễn Khuê Tú. Từ đó về sau mọi người đều gọi anh là Tú. Thơ biết không, sở dĩ cậu Hai bằng lòng cho anh về bên nội là vì chú Út đưa ra một món tiền rất lớn, gọi là đền ơn công lao cậu mợ đã nuôi nấng anh trong suốt bấy nhiêu năm. Cậu mợ mừng hóm nhận lời ngay. Họ đón anh đi ngay hôm ấy, có lẽ sợ cậu mợ đổi ý. Anh chạy đến nhà từ giã Thơ, nhưng em đi thăm ông bà ngoại trên Đốc Vàng. Xa em, anh đã nhớ và khóc thầm mỗi đêm hàng mấy tháng trời mới hơi nguôi ngoai. Tuy nhiên hình ảnh em thì choán đầy trái tim của anh, không chừa chỗ cho người con gái nào khác.

- Em cũng vậy. Thơ Thơ xen vô. Ở nhà ngoại về, hay tin anh đi rồi em khóc quá chừng. Em buồn rĩ rượi không thiết chơi nhà chòi, nhảy giây, đánh chuyền hay bắt cứ trò gì tụi con Hải rủ. Đến nổi, con Hải còn chọc em "Tụi bây coi con Thơ kia. Nó nhớ thằng Khuê, giống như thằng Khuê là chồng nó vậy đó..." Em vừa tức vừa mắc cỡ, xông tới nắm cái đuôi ngựa của nó kéo một cái thật mạnh. Con nhỏ té lăn cù xuống đất, khóc một trận như mưa.

Nghe Thơ kể, Khuê bật cười, hai tay ôm mặt Thơ Thơ, hôn tới tấp lên má, lên môi, lên cặp mắt nhắm hờ của nàng, thì thầm:

- Thơ là tình yêu duy nhất của anh! Chưa bao giờ anh ngừng yêu em.

Thơ Thơ ngạt thở, né tránh những chiếc hôn nóng bỏng của Khuê, cười rúc rích:

- Coi kìa, để em thử với chứ. Coi chừng Lệ Nga đi vào bắt gặp thì quê lắm đó.

Vừa nhắc Tào Tháo thì Tào Tháo tới liền. Lệ Nga mở cửa bước vào:

- Sao, hai anh chị tâm tình xong chưa? Bên ngoài bắt đầu nhập tiệc rồi đó. Ngạc nhiên không Thơ Thơ?

Thơ hừ một tiếng, xỉ ngón tay trở vào trán Lệ Nga:

- Ta còn chưa hạch tội nhà ngươi. Bao nhiêu năm nay không hé môi cho ta biết ông anh mi chính là anh Khuê...

Lệ Nga giơ hai tay lên trời phân bua:

- Thượng đế chứng giám nỗi oan của con! Ta có biết anh Tú có tên là Khuê bao giờ đâu? Hồi nào tới giờ mọi người đều gọi ông ấy là Tú. Anh phải làm chứng cho em đó nha anh Tú! Ủa mà tên Khuê từ đâu nhảy ra vậy? Em bị tẩu hỏa nhập ma rồi anh Tú ơi!

Khuê và Thơ Thơ bật cười trước vẻ mặt ngớ ra của Lệ Nga. Khuê nói:

- Thôi chúng ta ra ngoài đi. Chuyện này anh sẽ kể cho Nga nghe sau. Vừa nói Khuê vừa nắm tay Thơ Thơ kéo ra ngoài. Lệ Nga nhìn theo, lắc đầu tỏ vẻ bất lực, nhưng trong lòng tràn ngập niềm vui!

Suốt buổi tối, Khuê không rời Thơ Thơ nửa bước. Họ đã nhảy với nhau những bài slow mùi mẫn, những bản tango tình tứ, luân vũ lả lướt... Thơ Thơ cảm thấy nàng đã thực sự hồi sinh. Khi Khuê bước lên bục hát tặng Thơ Thơ bài "Niệm Khúc Cuối" thì mắt nàng nhòa lệ:

*Dù cho mưa tôi xin đưa em đến cuối cuộc đời
Dù cho mây hay cho bão tố có kéo qua đây
Dù có gió, có gió lạnh đây
Có tuyết buồn lây, có lá buồn gầy
Dù sao, dù sao đi nữa xin vẫn yêu em...*

Giọng Khuê ập ập, tựa tấm chăn len êm ái phủ lên tâm hồn đang băng giá của Thơ

Thơ. Nàng cảm thấy lòng mình mềm đi, mềm đi, lãng đãng khói sương... Khuê hướng vào góc tối, nơi Thơ Thơ đang ngồi, ánh mắt đắm đuối như muốn nói lên ngàn lời tha thiết. Thơ nhìn chàng đứng đó mà vẫn tưởng như một cơn mơ. Nàng thầm van vái giấc mơ đừng bao giờ tàn và nàng đừng bao giờ tỉnh giấc. Tiếng vỗ tay rào rào kéo Thơ Thơ trở về thực tại. Khuê đi xuống, ngồi vào chiếc ghế bên cạnh Thơ Thơ, ghé tai nàng thì thào:

- Em thích bản nhạc này không?

- Bắt đầu từ đây, với em, Niệm Khúc Cuối là bản nhạc hay nhất của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên! Thơ Thơ trả lời, ranh mãnh nhưng chân thành.

- Anh đã để hết tâm tình của mình vào trong bản nhạc. Thơ có hiểu ý anh không?

Thơ không trả lời. Nàng đứng lên ra hiệu cho Khuê đi theo mình. Cả hai đi ra khu vườn phía sau nhà. Đang giữa mùa hạ nên hoa nở tung bừng rực rỡ. Lệ Nga rất yêu hoa. Có nhiều loại hoa rất lạ. Từ khi chia tay Nguyên, Thơ bán nhà và mua một condo ở cho tiện. Một mình trong căn nhà rộng lớn càng thấy trống trải, cô đơn. Thơ dắt tay Khuê đến ngồi trên chiếc băng đá dưới vòm dây clématiss đang trổ hoa màu tím hồng long lanh. Nàng nói khẽ, như sợ phá tan cái tĩnh lặng của đêm trường:

- Khi nào buồn, em đến đây để ngắm hoa, ngắm bướm và nghe tiếng chim hót. Tâm hồn cảm thấy bình yên lạ lùng. Ban đêm em còn nhìn thấy những vì sao lấp lánh trên cao... À, em quên hỏi vì sao anh biết em ở đây?

- Hôm vợ chồng Lệ Nga qua Paris thăm ba má anh, tình cờ anh thấy hình em đứng chụp chung với cô ấy. Anh hỏi tên thì đích thị là Thơ Thơ của anh. Em có biết anh đã

mất ngủ bao nhiêu đêm hay không? Khi biết em đã li dị, anh cảm ơn Thượng Đế còn cho anh cơ hội tìm lại được mối tình thơ ngây của anh. Anh nói với Lệ Nga em là cô bạn thân thiết nhất của anh thuở nhỏ. Anh dặn Nga không được tiết lộ tí gì về anh để dành cho em sự ngạc nhiên. Cuối cùng không thể chờ đợi lâu hơn, anh đã bay sang đây để gặp em. Thơ Thơ, em chưa trả lời câu hỏi của anh lúc nãy. Khuê nhẹ nhàng nhắc nhở, mắt ánh lên vẻ chờ đợi và lo lắng.

Thơ nhìn chàng mỉm cười, cặp mắt long lanh:

- Khuê, anh có nhớ không. Năm em lên bảy tuổi. Một lần tắm sông với bọn con Hải, thằng Lân... chiếc hors-bord của ông Quận từ ngoài sông Cái chạy vào, những lượn sóng lớn lan thật mau. Mấy đứa kia nhanh chân chạy hết lên bờ. Chỉ có em còn lên chưa kịp, bị sóng đánh sắp chìm. Nếu không có anh tình cờ đi ngang nhảy xuống kéo em lên, thì giờ này đâu còn Thơ Thơ ngồi đây với anh nữa phải không? Từ đó, đối với em, Khuê là người con trai quan trọng và đáng yêu nhất trong đời. Em nghĩ đó chưa phải là tình yêu trai gái mà là lòng biết ơn, lòng ngưỡng mộ đối với ân nhân của mình. Em đã bất chấp những lời chế nhạo của tụi bạn, cứ đeo theo anh như hình với bóng. Bên anh, em cảm thấy được an toàn. Nhớ lại tức cười ghê!

- A! hèn nào có món gì ngon cô bé Thơ Thơ cũng chia cho anh. Nhớ nhất là lần Thơ đem cho anh mấy trái nho khô. Trời ơi, sao mà nó ngon không thể tả. Anh chỉ dám cắn mỗi lần một chút xíu. Ngậm trong miệng để "nghe" tất cả sự ngọt ngào, thơm tho của nó rồi mới dám nuốt!

Thơ cười, giọng trong veo:

- Ủ. Ngày còn nhỏ ăn thứ gì cũng ngon hả anh. Bác Tư em ở Sài Gòn thỉnh thoảng về thăm ông bà nội. Lần nào bác cũng đem những thứ hàng nhập cảng hiếm quý về biếu ông bà. Mà ông thì cưng em nhất nhà, nên lúc nào em cũng được ông cho. Em ăn một nửa còn một nửa để dành cho Khuê. Anh Thiên em theo dự khi em cũng không cho. Có lần em bị anh ấy cốc lên đầu một cái đau điếng. Em vừa khóc vừa chạy mét ông nội. Anh Thiên bị ông nội xách ba ton rượt chạy có cờ.

- Hèn chi anh bị nó đổ nguyên bình mực vô cuốn vở. Về nhà còn bị cậu anh đánh một trận nên thân. Nhà anh nghèo đâu có tiền mua tập vở mới. May nhờ anh học giỏi nên được thầy cho anh cuốn vở khác để viết bài.

- Không ngờ ông Thiên lại nhỏ mọn như vậy. Mà anh thông minh thật, làm quần quật suốt ngày mà vẫn đứng đầu lớp. Hèn chi ông Thiên không ganh tức!

Thơ Thơ tựa đầu vào vai Khuê, mắt nhìn những vì sao lấp lánh trên bầu trời nhưng đen, giọng ngậm ngùi:

- Em còn nhớ một buổi chiều, ăn cơm xong em đem trái soài thanh ca chín vàng qua tìm anh. Không thấy anh trong nhà, con Nguyệt kéo em ra sau hè chỉ cho em xem anh đang bị bà mợ phạt quỳ. Quỳ và không được ăn cơm vì tội kho nồi cá linh bị khét. Anh quỳ mà hai tay không ngừng đập muỗi đang bu quanh. Anh đang đói, được trái soài bèn ăn ngấu nghiến. Em thấy vậy chạy về nhà, lên xuống bếp bới một chén cơm nguội, rưới nước cá kho còn lại hồi chiều. Vậy mà anh đã ăn ngon lành.

- Thơ Thơ, nói thật, đó là chén cơm ngon nhất trong đời anh. Sau này ở với ba má nuôi trên Sài Gòn, dù ăn sơn hào hải vị

ngon đến đâu anh cũng không thấy ngon bằng chén cơm chan nước cá kho chiều hôm đó. Một chén cơm chan đầy tình nghĩa. Ân tình của Thơ Thơ ban cho anh.

Thơ Thơ ngồi thẳng lên nhìn Khuê, cười một cách thú vị:

-Khuê còn nhớ cái lần hai đứa mình leo lên cây soài gần chùa Phước Lâm Tự không. Hái đầy túi, khi nhảy xuống đất em bị trặc chân. Khuê phải cõng em từ đó về đến nhà. Nằm trên chiếc lưng tuy êm ái nhưng đầy mồ hôi, con nhỏ mới tám tuổi đầu đã có ước muốn được anh cõng trên lưng như vậy mãi mãi. Đó có phải là tình yêu không anh? Sau này khi nhớ đến anh, em vẫn tự hỏi.

Khuê cảm động, giọng hơi nghẹn ngào:

- Nếu biết vậy, ngày đó anh không cõng Thơ về nhà mà cõng đi hoài, đi mãi đến chân trời góc biển nào cũng được...Và bây giờ Thơ có còn muốn anh cõng đi mãi... đi hoài... suốt đời nữa hay không?

Thơ Thơ không trả lời ngay, cắn môi cố nén tiếng cười:

- Khuê, anh còn nhớ khi anh cõng em về gần tới nhà thì gặp tụi thằng Lân, thằng Hiền, thằng Tín đang chơi tán u, thấy anh cõng Thơ trên lưng, tụi nó đã nói gì không?

Khuê bồi hồi nhớ lại cảnh tượng một thằng bé đi chân đất cõng đứa con gái trên lưng. Thằng bé mồ hôi mồ kê nhễ nhại. Nó cắn răng bước, vì hai bàn chân đi đất cắn đá xanh đau điếng. Thằng Tín thấy hai đứa thì la lên "Tụi bây coi vợ chồng thằng Khuê, con Thơ kia!" và cả ba đứa phá lên cười, lêu lêu chọc

quê. Khuê cúi đầu bước thẳng, nhưng Thơ Thơ tức quá òa lên khóc nức nở. Con bé úp mặt lên lưng, nước mắt thấm qua áo cậu bé Khuê nóng hổi. Số là hồi hè, trường có tổ chức văn nghệ cuối năm. Trong hoạt cảnh cho bài hát Vợ Chồng Quê do Khuê trình diễn, cậu bé đã chọn Thơ Thơ đóng vai cô vợ. Tụi thằng Tín tức lắm, có dịp là trêu ghẹo ngay... Chuyện mà Thơ không biết là ngày hôm sau lỗ mũi thằng Tín bị Khuê cho ăn trầu, vì tội đã làm Thơ Thơ khóc! Chàng dịu dàng nắm hai bàn tay Thơ Thơ đưa lên môi, mắt đắm đuối nhìn vào mắt nàng, nói khẽ khàng:

- "Vợ chồng thằng Khuê- con Thơ"! Đúng là định mệnh đã se duyên cho chúng mình từ hồi còn bé, chỉ là bắt mình phải lạc nhau một thời gian. Giờ tìm lại được, em nghĩ thế nào hở Thơ Thơ?

Thơ cười, giọng bồn chồn nhưng đầy hạnh phúc:

- Em còn nghĩ gì nữa khi đã trót mang tiếng là "Vợ thằng Khuê" ngay từ lúc mới lên tám? Chắc là đành chịu mang "danh hiệu" này trọn cuộc đời! Thôi chúng mình vào nhà đi anh. Em bắt đầu thấy lạnh rồi đó.

Khuê kéo Thơ Thơ sát vào mình, ghé tai nàng nói nhỏ, trước khi đặt nụ hôn nồng nàn lên cặp môi đang hé mở:

- Xin tuân lệnh... Vợ thằng Khuê!

Có một ánh sao băng trên nền trời đen thăm thẳm, lấp lánh muôn vạn vì sao đêm. Sương bắt đầu rơi rơi trên cỏ cây hoa lá đang im lìm say ngủ...

Tiểu Thu
Mùa Hạ 2012



MÙA BĂNG RÃ

Đặt cuối đường đời dấu chấm than !
Tan cùng bọt biển nắm tro tàn
Tinh anh quẩn quít làn hương thoảng
Thống khổ chìm vào gợn sóng lan
Địa ngục lửa soi màn bạo ngược
Hoa thơ máu nhuộm sắc huy hoàng
Trùng trùng nghi án mùa băng rã
Khuấy động giang hồ tiếng nhật khoan

LÝ HIỂU

VA 10/2012

HÁT GIỮA ĐÊM ĐÔNG

Ngày về nắng nhạt cuốn theo mây
Liều rủ buồn tênh mấy nhánh gầy
Hoa cúc thở than mùa gió chướng
Hương trà lắng đọng nỗi niềm tây
Thấy mình hoang thú tách rời cội
Lạc lối nhân gian réo gọi bày
Hát giữa đêm đông cùng thấp nển
Bên nhau trân trọng phút sum vầy

LÝ HIỂU

VA 10/2012

CÓ EM, ĐÀ LẠT...

*Nghe chiều rớt nhẹ rừng thông
Hoa đào trong gió tóc bông lên xanh
Nắng nghiêng lấp lánh trên cành
Cam Ly nước đổ thác ghềnh bọt xa..*

*Vòng tay ân ái thướt tha
Ôm tròn nỗi nhớ mướt mà yêu thương
Hồ Than thở tỏa hơi sương
Có em, Đà Lạt như vương sợi tình..*

*Em tôi, cô gái mơ xinh
Bồ câu đôi mắt, lung linh nụ cười
Áo học trò, má hồng tươi
Cả trời say, và cõi người cùng say..*

*Em ơi, thung lũng mưa bay
Couvent đồng phục... những ngày bên nhau
Nụ hôn quyến luyến đưa trao
Cà phê từng giọt, ôi sao... ngọt ngào...*

*Đà Lạt ơi, kỷ niệm dâng trào
Yêu chi rồi cũng ngỡ vào chia ly
Tình không trọn, rũ cánh đi
Con tim gọi lại... mấy khi nhạt nhòa..!*

tặng HNĐ, Couvent ngày xưa

BÙI THANH TIÊN

8 tháng 9, 89

MUNICH HỘI BEER THÁNG MƯỜI

(22.9.2012 - 07.10.2012)

Nguyễn Quý Đại

Mùa hè nắng ấm qua nhanh, thời tiết vào thu gió se lạnh, những chiếc lá xanh bắt đầu đổi màu vàng úa, những đàn chim lần lượt rủ nhau đi tìm miền đất ấm... Thời gian này theo lịch sử cách đây 202 năm (1810-2012) Hoàng tử Ludwig (sau này là vua Ludwig đệ nhất) cưới Công chúa Therese von Sachsen-Hildburghausen ngày 12.10.1810. Vua Maximilian I mở tiệc linh đình để mừng ngày cưới của Hoàng tử kéo dài 5 ngày, khoản đãi dân chúng vui chơi ăn uống và tổ chức đua ngựa trên đồng cỏ trước cửa ngõ của thành phố. Hàng năm Hoàng gia tổ chức Lễ Hội kỷ niệm ngày cưới và sau đó đã trở thành phong tục...

Dân chúng ngưỡng mộ Công chúa Therese, nên lấy tên nàng ghép với chữ Wiese, gọi đồng cỏ này là Theresewiese hay nói ngắn gọn là „Wiesn“, rộng 42 Hektar (0,42 km²) nơi này trở thành địa danh tổ chức Hội Bia Tháng 10. „Octoberfest“. Hàng năm sử dụng diện tích khoảng 26 đến 31 Hektar. Bên phải đi từ cổng vào có tượng Bavaria

đồng đen khổng lồ cao 18,52 m, nặng khoảng 87,36 tấn, chiều cao của bức tường đá là 8,92 mét. Tượng do nhà điêu khắc nghệ thuật Ludwig Schwanthaler tạo mẫu năm 1840, vương miện cài trên tóc và tay phải giơ cao vòng hoa đều làm từ gỗ sồi „Eichenkranz“, tay trái cầm thanh kiếm, mặc áo da gấu và con sư tử đứng bên cạnh. Tượng đài này là một biểu tượng của dân bà Bavaria lãng mạn nhưng dũng cảm...

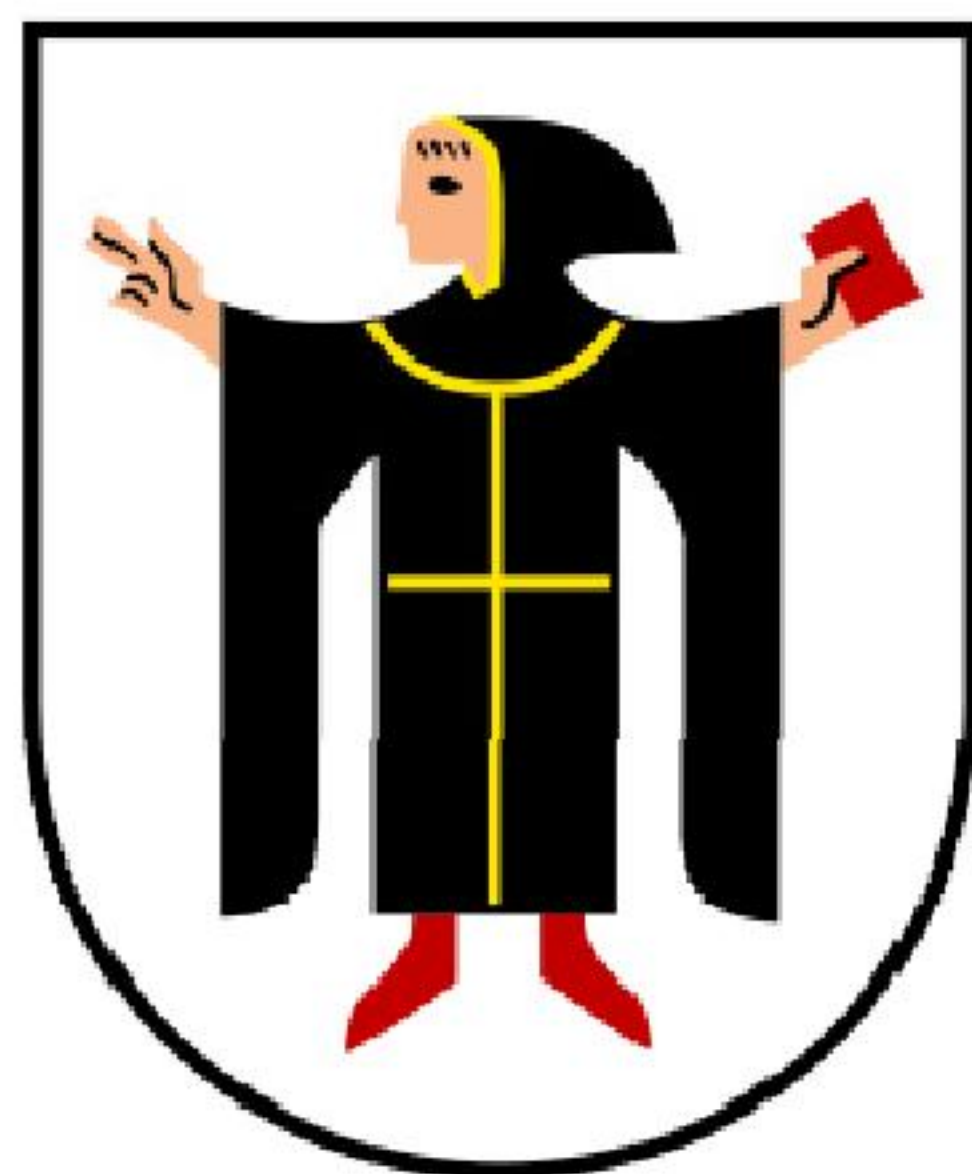


Theo lịch sử Lễ Hội lúc đầu có đua ngựa và các trò chơi dân gian đơn sơ, từ năm 1818 có thêm những chiếc đu cho trẻ em và những lều nhỏ để quan khách ngồi uống bia. Đến năm 1870 kinh tế phát triển người ta bắt đầu dựng những lều bia lớn,

thu hút nhiều người đến với nhiều trò vui chơi được mở rộng, nhiều gian hàng bán đồ chơi, hàng kỷ niệm.... Hội Bia Tháng 10 năm 2012 là lần thứ 179, lễ hội Bia từng bị gián đoạn 24 lần vì chiến tranh, nạn dịch tả (Cholera), lạm phát ...

1813 Bayern bận chống lại Napoleon
 1854 Munich bị dịch tả (cholera- epidemie) hơn 3000 người chết
 1866 Bayern chiến tranh Phổ Áo
 1870 chiến tranh Đức Pháp
 1873 Dịch tả
 Thế chiến thế 1 sau chiến tranh chỉ tổ chức lễ hội mùa thu "Herbstfest"
 1923-1924 lạm phát (Hyperinflation)
 1939-1945 thế chiến thứ 2
 1946-1948 chỉ tổ chức lễ hội mùa thu "Herbstfest"
 1980 bị đặc bom nổ gây thương tích 200 người, 13 người chết, nhưng vẫn tiếp tục.

Năm 1835 tổ chức diễu hành trang phục để mừng ngày cưới bạc của vua Ludwig đệ nhất và Therese của Bayern. Từ năm 1950 theo lịch trình thường xuyên tổ chức. Đoàn diễu hành trang



phục dân tộc gọi là: Der Trachtenzug und Schützenzug zum Oktoberfest / The Trachtenzug and infantry platoon to the Oktoberfest. Trachtenfestzug có thêm các đoàn xe hoa Einzug der Festwirte & Brauerein/ Introduction of the fixed landlords and Brauerein.

Sáng thứ Bảy từ 10 giờ đến 11 giờ ngày 22.9 mưa nhỏ hạt khoảng 1000 hội viên gồm các ban nhạc cùng đoàn xe ngựa kết hoa „Einzug der Festwirte & Brauerein/ Introduction of the fixed landlords and Brauerein của các hãng bia đến khai mạc Lễ Hội Bia 2012. Theo tục lệ 12 giờ trưa ông Christian Ude thị trưởng dùng búa gỗ đóng vôi vào thùng bia mở ly bia đầu tiên khai mạc lễ Hội. với sự tham dự của thủ tướng tiểu bang Bayern ông Horst Seehofer

Chúa Nhật từ 10 giờ ngày 23.9.2012 thời tiết đẹp nắng hanh vàng đoàn trang phục diễu hành „Der Trachtenzug und Schützenzug zum Oktoberfest“ qua các ngã đường dài đã ấn định đến Oktoberfest thời gian kéo dài khoảng hơn 3 giờ.

Những đoàn nhạc với 40 xe ngựa kết hoa lá lông lầy của các hãng bia và rượu nho, những đàn ngựa, bò to lớn chở những thùng bia „Fass“ bằng gỗ. Hơn 9000 người với bản sắc văn hóa đặc trưng từ các địa phương trong tiểu bang Bayern, và các tiểu bang khác cũng như các Quốc gia láng



giềng như: Italien/Italy; Koatien/Croatia; Österreich/Austria; Polen/Poland; Schweiz/Switzerland; Ungarn; Spanien/ Spain tham dự diễn hành. Người Đức mặc sắc phục cổ truyền đàn ông quần da ngắn tới đầu gối, đội mũ có lông gà hay lông chim, trước ngực đeo nhiều huy chương. Đàn bà y phục gọi là „Dirndl“ áo hơi hở phần trên ngực, váy dài, có thêm miếng yếm cột ngang bụng cái nơ phía bên phải là người đã lập gia đình, ngược lại bên trái còn độc thân. Diễn hành phô trương sinh hoạt các ngành tiểu công nghệ, các hãng xe nổi tiếng xe BMW, Mercedes, Audi, nông nghiệp, săn bắn. ... Đoàn người nhảy múa, tay cầm cờ đủ màu sắc. Những đoàn nhạc cổ truyền đủ các loại nhạc khí, tiếng trống bùm bùm rộn rã, tiếng phèng la, tiếng kèn vang dội, tiếng

sáo trầm bổng....Những chiếc kèn đồng to lớn sáng chói dưới ánh nắng ban mai. 40 chiếc xe hoa đủ loại và đoàn người, ngựa, bò, xe...Ngoài ra luôn có biểu tượng Münchner Kindl /Munich theo truyền thống văn hóa lâu đời "Kunst und Bierstadt/ Art and City Beer". Cô Maria Neffzeller 19 tuổi

từ năm 2010 chọn làm diễn viên Münchner Kindl mặc áo dòng đen viền vàng cưỡi ngựa luôn vẫy tay chào mừng. Khách danh dự ngồi trên xe ngựa như: Thủ tướng tiểu bang Bavaria, Thị trưởng Munich... Hàng trăm ngàn người đứng hai bên đường vỗ tay chào đón. Đài truyền hình ARD chiếu trực tiếp cuộc diễn hành và khai mạc lễ hội, nhưng chúng ta đến tận nơi tham dự sẽ thấy tận mắt vui hơn, mời độc giả vào xem toàn bộ hình ảnh rõ ràng ngày diễn hành¹

Những hãng bia ở Munich chế bia theo truyền thống Munich là: Augustiner, Hacker-Pschorr, Hofbräuhaus, Löwenbräu, Paulaner và Spatenbrau. Các loại bia này có hương vị thơm ngon chứa trong các thùng lớn bằng gỗ rót vào ly sành hay bằng thủy tinh, giá mỗi Maß (1lít) bier năm 2012 từ 9,10€ đến 9,50, sản xuất loại bia đặc biệt gọi „Oktoberfestbier“ hay „Wiesnbier“ độ rượu (Alc) khoảng 5,3% - 6,6 % có mùi vị thơm ngon màu sắc khác nhau. Kỹ thuật biến chế bia giống nhau, nhưng bia sản xuất ở tận gốc có hương vị riêng, nhờ khí hậu

1

<http://www.youtube.com/watch?v=WyTPIJ4I61M>

cho sự lên men tốt, nguồn gốc nước giếng, bia chứa trong thùng gỗ, bí mật trong cách biến chế gia vị... Hãng bia hiệu con sư tử „Löwenbräu“ có sản xuất tại Hoa Kỳ, Trung cộng và ở Sài Gòn có nhiều nơi nấu bia theo phương pháp của Đức, nhưng không ngon bằng ở Munich. Số người tham dự Oktoberfest trong 17 ngày, năm 2008 khoảng 6,3 triệu, năm 2009 là 5,7 triệu, năm 2010 kỷ niệm 200 năm lễ hội khoảng 6,4 người; 2011 có 6,9 triệu người nhưng đông nhất trong lịch sử lễ hội năm 1985 là 7,1 triệu người tham dự. Lễ hội Oktoberfest là những ngày "ấm áp và lấp lánh". Bốn triệu du khách đi du lịch bằng xe buýt, tàu điện ngầm và xe điện đến Oktoberfest. "Họ muốn là một phần của lễ hội." đặc biệt là Scotland, Hoà Lan và Nam Tirol họ mang theo truyền thống riêng mặc y phục cổ truyền, mang guốc gỗ...

Bảng tổng kết các năm Lễ Hội

Oktoberfest 2011

6,9 triệu người tham dự
7,5 triệu Maß bia (lít)
118 con bò đực thiu (mỗi con nặng hơn 500 kilo)
53 con bê thui
522.000 gà nướng
125.000 đôi heo
226.000 Bierkrüge (ly lớn) bảo vệ phải thu gom
48 vụ xảy ra trẻ em thất lạc
2175 phiên trực, tuần tra của cảnh sát, phải can thiệp gần 1000 trường hợp say đánh lộn
58 vụ; bắt giữ 497 người móc túi
527 trường hợp uống rượu lái xe
4671 cấp cứu vì tim mạch, và quá say....

Oktoberfest 2010 (kỷ niệm 200 năm)

6,4 triệu người tham dự
7,1 triệu lít Bia
89.259 lít rượu nho
39.733 lít rượu Sekt
245.335 tách Cafe
505.901 con gà nướng
119.302 cặp xúc xích nướng
69.293 cái đùi heo nướng
119 con bò đực thui
817 tấn các loại thịt
367 tấn..các loại khác như khoai tây..



Oktoberfest 2009

5.700000 người tham dự
79. 359 lít rượu nho
31. 111 chai rượu sekt
210. 585 tách Cà phê
1.109.074 chai nước giải khát
488.137 con gà nướng
116.923 cặp xúc xích thịt heo
626 tạ cá
51.468 đùi heo nướng
111 con bò thui

Ngoài ra còn có loại dồi trắng, vịt nướng... và các thực phẩm khác nhưng không thấy thống kê bao nhiêu con cá Markrelen nướng thơm ngon? những bông hồng đỏ thắm, những bánh hình trái tim có chữ „anh yêu em“... các chàng mua tặng người đẹp? Hội bia Munich hàng năm du khách đến rất đông từ Anh quốc, Ý, Áo, xa xăm như Úc, Mỹ, Nhật cũng nhiều người đến, khách sạn cuối tuần giá tăng gấp 2 hay 3 lần, nhưng thường hết chỗ nên nhiều người phải cắm lều ngủ qua đêm. Kinh tế Âu châu khủng hoảng, đồng Euro mất giá vì ảnh hưởng sự sa sút kinh tế của các nước: Hy Lạp, Ý, Tây Ban Nha. Cộng Hoà Liên Bang Đức vẫn là nước hùng mạnh hàng đầu ở Âu Châu phải chia xẻ gánh nặng, vật giá leo thang nhưng hy vọng năm 2012 nhiều người về uống bia vui chơi quên đi lo âu trong năm. Hội bia, các cô, các bà cùng bình đẳng ngồi uống chung với chồng hay bạn đồng nghiệp ca hát, nhảy múa vui vẻ, uống bia để vui thưởng thức nghệ thuật, nói lên nét sinh hoạt tốt đẹp về văn hóa, nếp sống văn minh của người Tây Phương, tuy nhiên cũng có trường hợp ngoại lệ không đáng kể (bạn đồng nghiệp của tôi uống từ 18:00 đến 24:00 hơn 5 maß nhưng vẫn trầm tĩnh vui chơi, ca hát cho đến lúc chia tay đi Taxi về nhà)

Tiểu bang Bayern/ Bavaria diện tích 70.551,57 km², dân số hơn 12,5 triệu có 300 hãng bia sản xuất theo truyền thống lâu đời, trong mùa lễ hội chỉ có 14 lều bia lớn, nổi tiếng thế giới lâu đời như: Augustiner (1328) hình các thầy dòng; Paulaner (1516) nhãn hiệu nhà thờ Đức bà; Spaten (1397) hình cái xên, Löwenbräu hình con Sư tử... (lịch sử về bia mời độc giả đọc lại bài: Bia Trong Khoa Học và Đời Sống). Mỗi lều bia

rộng lớn trang trí khác nhau, năm 1913 hãng bia Pschorr đã có lều lớn nhất 12.000 chỗ, lều của Hofbräu 10.000 chỗ.

Chương trình dành cho gia đình có trẻ em tham dự, được giảm giá là ngày thứ Ba từ 12:00 đến 18:00 giờ, trẻ em dưới 6 tuổi 20:00 không được phép ngồi trong lều bia, ngày thứ Bảy không được đẩy xe trẻ em vào. Hàng ngày trong tuần các lều bia đều mở cửa lúc 10:00 chỉ bán bia trên lý thuyết tới 22:30, muốn uống thêm phải mua trước giờ ấn định, khách có thể ngồi vui chơi tới 1:00 sáng.

Những sinh hoạt trong lễ hội hơn 617 các cửa hàng, 79 nơi phục vụ khách hàng về ăn uống, 214 các trò chơi khác nhau. 12 ngàn người làm việc (8000 chuyên môn 4000 phụ giúp việc). Nữ phục vụ chen trong biển người, miệng thổi còi, 10 ngón tay móc vào quai 10 ly (Maß) bia lớn trước ngực mang đến bàn khách. Trong 17 ngày làm việc lương và tiền pourboire trung bình khoảng 15.000 €. Uống bia theo từ địa phương gọi là „O'zapft is“ bia chứa trong thùng gỗ lớn hay nhôm, ly uống bia đặc biệt dung tích 1 lít trọng lượng 2, 35 Kilo (Ly & bia). Ly có quai cầm gọi là Maßkrug, ngoài ra còn có thêm nhiều loại rượu trắng. Các món nhậu đủ loại rất hấp dẫn, trong các lều bia đều có nhân viên bảo vệ trật tự, lịch sự vui vẻ phục vụ khách hàng nhanh chóng, không thể thiếu món gà quay với nhiệt độ 350 độ (Wiesnhendl) truyền thống có từ năm 1881. Thịt bò thui, (con bò đực nặng hơn 500 kilô phải thui 6 tiếng) đùi heo nướng, cá nướng và các món thịt nguội, các món dồi (xúc xích) thơm ngon và sà lách, củ cải trắng ăn để bớt say...

Sinh hoạt rất vui nhiều người không quen uống bia, thì tham dự các trò chơi

như: như bắn súng câu cá...nhưng cũng có nhiều trò chơi nguy hiểm nếu ai bị bệnh tim thì đừng chơi các trò chơi quá căng thẳng thần kinh như: Achterbahn, Euro Star xe chạy nhiều vòng như số 8 đảo ngược, nhiều trò chơi khác như Zum Pia, TopSprin, Rocket... những nhà ma tưởng như có thật. Năm 2012 là thứ 202 năm Oktoberfest có thêm rất nhiều trò chơi mới như khu „Oidn Wiesn“... nên đi chơi vào buổi tối, dưới ánh đèn màu rực sáng giống như Las Vegas thật hấp dẫn „dập dìu tài tử giai nhân“ muốn uống bia với đông bạn bè, phải reservieren giữ chỗ, chỗ đẹp nhất mỗi khu phải trả thêm từ 400 đến 800€. (cuối tuần và buổi chiều nếu không đặt trước thì khó có bàn để ngồi)

Chương trình lễ Hội Bia tháng 10 cho những năm kế tiếp :

2014 từ 20.9 bis 05.10

2015 từ 19.9 bis 04.10

14 lều bia dựng bằng thép và gỗ mái lợp vải ny lon đặc biệt, (dựng một lều bia lớn chi phí từ 2,5 triệu €), thường là màu xanh trắng tượng trưng cho màu cờ của tiểu bang



Bayern, chia nhiều khu từ A đến Z cho tiện việc phục vụ cũng như đặc chỗ, chính giữa lều là bục cao dành cho ban nhạc đánh trống thổi kèn, ca sĩ hát nhạc dân ca, quan khách có thể hát theo ngồi trên ghế dài hai khuỷ tay móc vào tay người ngồi bên cạnh, mọi người đều làm như mắc xích ngồi lắc qua lắc lại, có nhiều nhóm cao hứng ôm vai đứng luôn trên ghế nhảy theo điệu nhạc.

Để giải quyết vấn đề vệ sinh có hơn 1080 Toiletten „Sitzplatte“, chỗ đứng „Stehplätze“ cộng lại dài hơn 850 m, và 17 nơi dành cho người tàn tật, nước tiểu thải ra 7,1 triệu lít. Số nước tiêu thụ 90.000 Kubikmeter, điện tốn 2,6 triệu Kilowattstunden, hơi đốt Gas 188,529 Kubikmeter.

Các lều bia

Hippodrom Spaten-Franziskaner-Bräu 3200 chỗ, ngoài vườn 1000 chỗ)

Armbrustschützenzelt Paulaner 5.830 chỗ ngoài vườn, 1.600

Hofbräu Festzelt München 6.898 chỗ, ngoài vườn 3.022

Hacker-Festzelt 6.950 chỗ, ngoài vườn 2.400)

Schottenhamel Spaten-Franziskaner-Bräu 6.000 chỗ ngoài vườn 4.000

Weinzelt Paulaner Weißbier, Sekt- und Schnapsbar

Nymphenburger Sektkellerei 1.300, ngoài 600

Löwenbräu-Festhalle 5.700 chỗ, ngoài vườn 2.800)

Augustiner-Festhalle 6000 chỗ, ngoài vườn 2500. Năm 2010 dựng thêm tháp cao 25 m bằng những thùng bia có thể nhìn xa trên đồng cỏ. Hàng năm các lều trang trí đều thay đổi đẹp hấp dẫn hơn. Trên 115.000 chỗ ngồi với loại bàn và ghế gỗ dài

trong 14 lễ chưa tính các chỗ đứng. Ngày 04 Juli 2010 tiểu bang Bayern trưng cầu dân ý, luật cấm hút thuốc nơi công cộng cả nhà hàng bởi vậy trong các lễ không được phép hút thuốc. Năm 2010 tiền bán bia khoảng 65.320.000 €. Năm 2011 giá một Maß bia từ 8,70 đến 9,20 tính thêm tiền pourboire là 10€. ½ con gà nướng: 7,8€ ½ vịt nướng: 14,50€, đùi heo 6,5€... Theo tổng kết của báo địa phương „Münchener Wochenend Zeitung“ hàng năm mùa lễ hội Bia Munich thu gần 1 tỷ €. (chưa trừ thuế)

Thiếu niên dưới 16 tuổi không được phép mua bia, nếu cần nhân viên trật tự (Security) có thể hỏi căn cước. 17 ngày lễ hội sinh hoạt của thành phố rộn ràng náo nhiệt hơn, tàu điện ngầm U Bahn cứ 5 phút một chuyến, nhân viên trật tự làm việc nghiêm túc ngăn ngừa trường hợp bị say rượu, té xuống đường hầm gây tai nạn, các chuyến tàu điện ngầm U5, U4 tại trạm Theresienwiese nhiều lần phải tạm đóng cửa do tình trạng quá đông người dưới hầm chưa lên tàu. Cảnh sát lưu thông kiểm tra người lái xe nếu có mùi rượu thì bị thử máu hay thổi bong bóng, uống nhiều thì bị tịch thu bằng lái phạt tiền! Bởi vậy người ta sử dụng phương tiện lưu thông công cộng, tàu điện, Tram, xe bus chạy tới 2 giờ sáng, Cảnh sát cũng đã bắt giữ một số người đến từ các nước Đông Âu lợi dụng cảnh đông người chen lấn để móc túi, các vụ vì quá say gây xô xát. Các trạm Y Tế cấp cứu cho người uống nhiều bia rối loạn tim mạch....

Thành phố Munich tập nập du khách đến tham dự Hội Bia Tháng 10. Thời gian trôi qua hơn 33 năm

người Việt Ty Nạn CS đã có mặt vui chơi lễ hội Oktoberfest hàng năm, đây là dịp vui với bạn bè, uống một vài ly bia để quên đi chút muộn phiền, nhắc lại những kỷ niệm vui buồn của đời người thay đổi như những chiếc lá vàng mùa thu ...

Đất say đất cũng lặn quay,

Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?

Tản Đà

Mời độc giả vào vườn hoamunich đọc bài
“Bia trong khoa học và đời sống”

www.hoamunich.wordpress.com.

Nguyễn Quý Đại

Munich Hội Bia Tháng Mười 2012

339 tấm hình của tác giả tại Lễ Hội ngày 23.9.2012

<http://bit.ly/RPgARx>.

<http://bit.ly/SqBO6A>



CHUYỆN ÔNG THẦN TÁO

Tháng chạp này anh quên cúng hăm ba.
Đề Ông Táo đi xa trong đôi rách .
Chuyện có thể mà em rơi nước mắt.
Lại đem tâm thương xót một ông thần.

Mẹ kể rằng: nghe nói... thuở xa xăm.
Trời đất tối tăm, thế nhân khôn khôn.
Ngọc Đế thương tình cho thêm ánh lửa,
Vượt vũ môn, cá chép hóa ra thần.

Là Đông Trù Tây Mạng Táo Phủ Thần Quân.
Thám tử trần gian, may nhờ rủi chịu.
Sinh bất phùng thời, trai thừa gái thiếu.
Hai Ông chung thân dang dúi một Bà.

Sợ miệng đời mắu muối gièm pha.
Nên Thần phải ẩn thân xó bếp.
Nghĩ tội nghiệp tám thân con cá chép.
Chút hư danh dè bẹ kiếp sông hồ.

Cúi đầu buồn trong bếp lạnh than khô.
Hay đau đớn cảnh dầu sôi lửa bỏng.
Vẫn nín lặng, vẫn mơ về ngọn sóng.
Nhưng vô phương, cá đã trót lên bờ.

Rồi một ngày Táo nắm được thời cơ.
Khi thần Nước muốn cao hơn thần Núi.
Khi cướp giết đã ngang tầm lễ cưới.
Thì thần linh cũng hóa thành tinh.

Cá chép về sông, ôm khối u tình
Khóc với nước đến nay còn đỏ mắt..
Từ đó mỗi lần hăm ba tháng chạp.
Trong sương khói, công thiên đình vắng ngắt.

Thiên tiên buồn dõi mắt ngóng tin nhau.
Chỉ thấy mây giăng, tuyết phủ một tinh cầu.
Đời cũng xót đau ra sông lấy đất.
Nắn hình tượng với niềm tin vững chắc.

Rằng con người chưa bắt nghĩa vô ân.
Sức mạnh tâm linh... đất sẽ hóa ra thần...
Sông cạn núi mòn qua mấy ngàn năm.
Thần thánh đổi ngôi, lòng người biến chuyển.

Anh đâu biết táo có còn linh hiển,
Có theo ta thành bếp điện lò ga,
Hay phải khom lưng đói lạnh bếp quê nhà.
Tháng chạp này anh không cúng hăm ba

Đâu phải thế mà hóa ra bội bạc ?
Hay em sợ Táo đem lòng phẫn uất,
Bới lông tìm vết, nói xấu trần gian?
Hãy tin anh: Thân rách rưới cơ hàn.

Lời nói thật cũng giống lời nói trệt.
Anh từng trải những năm tù đói khát.
Nghĩ mà thương ông Táo hiền lành:
Đá núi gập ghềnh làm đổ ập gô canh.

Lửa cháy trong lòng, lửa bùng lên tóc .
Mất một miếng ăn lộn gan lên óc.
Anh đập ba ông táo tan tành.
Nhưng táo là Thần, đâu có tệ như anh.

Lam Điền Nguyễn Thử
North Carolina

SỐNG CHẾT CHO TÌNH YÊU

Tâm Ngọc

(Tôn Nữ Mặc Giao)

(Bài giải nhất về truyện ngắn năm 2012 do “Văn Thơ Lạc Việt” tổ chức).

Tôi là một đứa con gái được sinh ra đời dưới một vì sao... xẹt. Thật tình mà nói, bây giờ nhìn lại, tôi không biết mình là ngôi sao tốt hay xấu nên tôi gọi nó là “sao xẹt” cho rồi. Tôi “xẹt” vào bụng mẹ lúc nào thì không biết, chỉ biết hơn chín tháng sau tôi xẹt ra ngoài giữa cơn hỗn loạn binh đao của đất nước. Quê hương tôi đó! Hình cong như chữ S với hơn 4000 năm Văn Hiến đang giấy dựa hấp hối để bước sang một trang sử mới. Một trang sử đã chia cách mẹ cha tôi mỗi người một phương. Một trang sử đã biến đổi và cuốn hút mẹ cha vào cơn lốc xoáy cuộc đời nói riêng, mà giờ phút đó không ai có thể làm chủ cuộc đời mình được. Một trang sử hải hùng nói chung đã làm quê hương tôi sụp đổ, đồng bào tôi nước mất nhà tan, kẻ sống còn phải lưu linh lưu địa khắp năm châu. Người kết lại chịu tù đầy khổ ải bởi sự “khoan hồng độ lượng” của cách mạng như lời “nhà nước” ta hằng tuyên bố thời bấy giờ.

“Con sao xẹt” giờ đây đã lớn khôn với một cái tên đầy ý nghĩa mà cha mẹ đã cố ý đặt cho tôi: “Trịnh Ngọc Văn Hiến”. Ngọc để hoài niệm Sài Gòn, hòn Ngọc Viên Đông không bao giờ quên trong lòng mẹ. Văn Hiến để nhắc nhở và dạy dỗ con cái trong khuôn khổ giáo dục cổ truyền Đông Phương. Không bao giờ quên công lao khô

nhọc, tổn hao xương máu của Ông Cha từ ngàn xưa, trải bao triều đại dựng nước rồi giữ nước mới có được một nền văn hóa hơn bốn ngàn năm Văn Hiến đưa chen cùng thế giới như bây giờ. Chỉ tiếc là khi ngôi sao tôi bắt đầu biết xẹt lung tung, đủ trí khôn để “phán xét” chuyện đời thì mẹ đã vĩnh viễn rời xa tôi mà chưa hề một lần được trùng phùng với cha.

Ôi! Khổ đau nào bằng sinh ly tử biệt? Thương tâm nào bằng mẫu tử phân hai? Giờ phút cuối cùng trước khi “sao rụng” (mẹ tôi mới là vì sao xấu). Mẹ đã nắm chặt tay tôi chỉ nói một câu: “Đừng quên mình là người Việt Nam con nhé!”. Lúc đó tôi như một vì sao lạc, xẹt lung tung, kêu gào thảm thiết vẫn không làm sao níu kéo được sự sống cho mẹ. Người yêu ôm tôi trong tay vỗ về (lúc đó chưa trở thành chồng tôi sau này). Ông bà ngoại nắm chặt hai tay tôi khuyên tôi “calm down” và hãy đọc kinh cho mẹ. Nhưng lòng tôi lúc đó đau còn hơn dao cắt, cái cảm giác mất mẹ vĩnh viễn khiến tôi như điên như dại. Tôi gào khóc dấy dựa như một con điên, miệng lảm nhảm kêu gào cái gì cũng không nhớ rõ. Trong thâm tâm tôi lúc đó chỉ muốn mẹ sống lại, chỉ khao khát ước mình được trở về thời còn nhỏ, để được mẹ ôm trong tay, được nghe mẹ kể chuyện về cha, về chuyện tình của hai người, về đất nước Việt Nam thân

yêu. Về những giai đoạn khổ ải sau này khi mẹ quyết định giao tôi cho ông bà ngoại bỗng đi để ở lại với bà nội chờ cha...

Mẹ lấy chồng năm 19 tuổi, cái tuổi vừa mới chập chững bước vào ngưỡng cửa đại học năm đầu tiên của cuộc đời sinh viên. Cha là một Sĩ Quan Biệt Động Quân của Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà, xuất thân từ trường Võ Bị Thủ Đức. Chuyện tình của Cha Mẹ kể đến bao giờ cho hết đây? Tôi nghe mẹ kể đến thuộc lòng và ngưỡng mộ vô cùng cái tình yêu của mẹ dành cho cha, phải yêu cha lắm mẹ mới có thể hy sinh cả một thời xuân sắc cho tình yêu. Một lòng chờ cha mặc dù ai cũng nói nhiều phần là cha đã chết rồi, và dạy dỗ nuôi tôi khôn lớn thành một thiếu nữ Việt Nam chính hiệu con nai thỏ nhàn giáo lý Khổng Mạnh. Hiểu thấu câu “Tam Tông Tứ Đức” để trưởng thành với đầy đủ “Công Dung Ngôn Hạnh” như ý mẹ mong muốn. Tôi luôn luôn ghi nhớ trong đầu mình là người Việt Nam và sống với 3 đức tính mà mẹ đã dạy cho tôi: Thành thật, bao dung và không tham lam. Lòng thành thật đã khiến tôi được sự tin tưởng của mọi người, sự bao dung đã làm cho thân tâm tôi được an lạc. Và không tham lam đã cho tôi nhận được rất nhiều sự ân sủng từ “trên Trời rơi xuống”. Nói theo thuyết nhà Phật là gieo nhân nào thì gặt quả nấy. Và ngày hôm nay, giữa xứ Mỹ với một nền kinh tế đang te tua như vậy (2011) mà tôi vẫn có được một mái gia đình êm ấm, vẹn toàn. Một người chồng “toàn năng” và những đứa con được di truyền 3 đức tính mà mẹ đã dạy cho tôi há chẳng phải là một phần thưởng Trời ban hay sao? Mặc dù các con tôi vẫn còn rất nhỏ, ngoài ba đức tính được di truyền ra, tôi còn nhìn được sự thương yêu, đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau của

chúng và lòng hiếu đạo mà tôi đã và đang nhận được bởi sự gieo trồng là lòng thương yêu với mẹ ngày xưa. Minh yêu thương mẹ như thế nào thì mai sau con mình cũng sẽ thương yêu mình như vậy.

Trở lại chuyện tình của cha mẹ, tôi không bao giờ tưởng tượng được là có ngày tôi sẽ gặp lại cha. Có lẽ mẹ linh thiêng đã dun rui để cha con tôi tìm được nhau. Chính vì sự trùng phùng ly kỳ như phim bộ Hàn Quốc, đầm nước mắt như truyện Quỳnh Dao của Tào đã cuốn hút tôi vào sự mơ mơ, hồ hồ tưởng chừng như chiêm bao. Nếu cha đã mất trí nhớ bao nhiêu năm dài thì tôi giờ đây cũng như người câm, không nói được một tiếng nào khi nhận lại người cha mà từ lúc ra đời đến giờ tôi chưa từng biết mặt. Để rồi âm thầm lặng lẽ đổ không biết bao nhiêu là nước mắt khóc thương cho số phận hẩm hiu, bạc phước của mẹ. Trách ai đây? Trách ông trời đây đưa tạo cảnh trở trêu hay trách câu: “Đời cha ăn mặn thì đời con khát nước?” Phải bắt đầu làm sao đây hờ trời khi tôi quyết định viết lại câu truyện “thần thoại” của mẹ cha? Với số vốn liếng Việt ngữ học hỏi được từ người mẹ đáng thương và kinh nghiệm đọc trong sách báo, liệu tôi có thể diễn tả hết được những gian nan cuộc đời mà hai đứa sanh thành ra tôi đã gánh chịu không? Tôi có thể viết bằng English, nhưng tôi không muốn. Tôi muốn viết bằng tất cả tiếng lòng tôi, bằng tiếng mẹ đẻ thân yêu mà những ngày còn sống mẹ đã từng hát ru tôi ngủ mỗi tối, sau khi đã giảng dạy cho tôi học và viết xong một bài tiếng Việt. Mẹ ơi! Con nhớ hoài câu hát ru của mẹ (mẹ tôi có giọng hát ngọt ngào lôi cuốn như ca sĩ Thái Thanh): “Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời... à à ơi! Tiếng ru muôn đời...”. Mặc dù khi gặp lại

mẹ tôi đã 8 tuổi, nhưng tình mẹ con là sợi dây thiêng liêng, là những giao cảm máu mủ không thể diễn tả được nên tôi thân thiết ngay khi gặp mẹ lần đầu. Từ đó tôi quán mẹ không rời. Mỗi tối mẹ dạy tôi học tiếng Việt và ngủ với tôi cho nên tiếng ru của mẹ không thể nào phai nhạt trong tôi. Tôi sẽ thuật lại câu chuyện về cha mẹ bằng “tiếng nước tôi từ khi mới ra đời” để mẹ trên Trời có đọc được sẽ mỉm cười sung sướng khi nhìn thấy tôi đã không làm uổng công mẹ từng kiên nhẫn uốn nắn dạy dỗ, khuyến khích an ủi khi tôi chảy nước mắt vì học tiếng Việt khó quá! Nhưng tôi đã vượt qua được tất cả những trở ngại khó khăn đó nhờ lòng kiên nhẫn và sự hy sinh của mẹ, để ngày hôm nay tôi mới có thể bắt đầu viết....

Hai mươi sáu tuổi tôi tốt nghiệp đại học San Jose State với mảnh bằng Nurse Practitioner, nói nôm na là y tá cao cấp. Thay vì y tá học 4 năm, tôi học thêm 2 năm nữa để có được mảnh bằng trên, có nghĩa là khi vắng mặt bác sĩ, tôi có thể thay thế để chẩn bệnh và kê toa cho thuốc. Tôi tìm ngay được *job* ở bệnh viện Alexan Brother cũ, bây giờ là Regional Medical Center of San Jose. Hai năm sau tôi kết hôn với bác sĩ chuyên khoa về tim Lê Đức Hải cũng là người yêu đầu đời của tôi, chồng tôi làm việc tại bệnh viện San Jose. Sau hơn mười ngày đi hưởng tuần trăng mật ở Âu Châu về, tôi đi làm trở lại thì chứng kiến ngay được một ca bệnh lạ lùng. Một người đàn ông Việt nam bị một tai nạn về đầu, đã giải phẫu nhưng “không chịu” tỉnh lại. Vì thế bệnh nhân phải nằm phòng chăm sóc đặc biệt (ICU) để được theo dõi thường xuyên, và tôi là người y tá có nhiệm vụ chăm sóc ông nhiều nhất. Tôi làm ca ngày, từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối, ca đêm đã có người khác

thay tôi. Bệnh nhân nằm phòng ICU được một tuần thì các bác sĩ đồng ý chuyển bệnh nhân xuống phòng TCU, vì xét thấy ngoài vấn đề ông định công không chịu thức dậy ra chẳng có vấn đề gì về vết thương và sức khỏe cả. Cho nên khi tôi vừa bước vào phòng bệnh để thay ca cho cô y tá ban đêm về thì nhận được ngay cú điện thoại của Bác sĩ báo chuẩn bị dời phòng cho bệnh nhân. Tôi “yes” và máy móc làm tròn trách nhiệm như bao lâu nay đã làm chứ chẳng chú ý gì nhiều đến bệnh nhân. Trong khi chờ đợi người có nhiệm vụ đến chuyển bệnh nhân đi, tôi vừa lay hoay làm cho xong những “thủ tục” giấy tờ giao ca hằng ngày vừa đưa mắt liếc sơ qua nét mặt bệnh nhân. Tôi chợt phát hiện bệnh nhân đã mở mắt từ hồi nào và đang nhìn tôi đăm đăm. Tuy ngạc nhiên nhưng tôi cũng nắm lấy tay ông hỏi han trước khi báo cho bác sĩ biết:

- Bác tỉnh lại rồi phải không?

Người đàn ông không trả lời, bàn tay chợt nắm chặt lấy tay tôi không buông. Tôi giật tay ra định nhấc điện thoại báo cáo tình hình với bác sĩ mà gỡ không ra, hoảng quá tôi la toáng lên. Mọi người làm việc phía ngoài chạy từa cả vào, bấy giờ người đàn ông mới thều thào nhưng vẫn không chịu buông tay tôi ra:

- Bội Ngọc! Châu Bội Ngọc phải không?

Mọi người làm cách gì cũng không làm sao gỡ bàn tay bệnh nhân để kéo tôi ra được, cuối cùng phải chích cho ông ta một mũi thuốc an thần thì bàn tay tôi mới từ từ rời lỏng ra được. Bệnh nhân được đẩy đi kiểm tra lung tung và tiếp tục ở lại phòng ICU do tôi chăm sóc. Phần tôi tuy có hốt hoảng vì hành động lạ lùng của bệnh nhân nhưng cũng không để tâm lắm! Chỉ hơi thắc mắc, hình như bệnh nhân gọi tên một

người nào đó trùng tên với mẹ tôi thì phải. Ngày hôm đó, bệnh nhân ngủ li bì, bà Lê Thu tên người vợ của ông ta hằng ngày vẫn đến bệnh viện để thăm nom, chăm sóc cho chồng. Khi nghe tôi thuật lại diễn biến ban sáng của bệnh nhân, đã ngồi cả ngày bên giường bệnh thủ thủ thì thầm những gì với ông ta mà tôi chỉ nghe được câu mất câu còn khi đi ra đi vào chăm sóc cho ông ta mà thôi! Thỉnh thoảng lại bắt gặp bà cầm tay ông áp vào má, rớm lệ thì thầm: "... Dù gì thì em cũng vẫn yêu anh trọn đời trọn kiếp...". Nghe những lời thốt ra từ cửa miệng một người đàn bà với độ tuổi trên dưới ngũ tuần như vậy, sao tôi không thấy "nổi da gà" một chút nào hết, mà chỉ nhớ nhiều đến mẹ rồi nghĩ đây cũng là một người đàn bà thuộc loại suốt một đời "sống chết cho tình yêu" như mẹ của tôi đây.

Đến giờ tan ca, tôi vào "thăm bệnh" lần cuối và trò chuyện chút xíu với bà Lê Thu để ra về. Trước khi rời phòng bệnh, tôi bỗng dưng xúc động muốn đưa một câu vô thưởng vô phạt với bệnh nhân để an ủi bà Lê Thu khi bà ôm tôi mếu máo:

- Cảm ơn cô đã ân cần chăm sóc cho nhà tôi và không khó chịu khi tôi "nói chuyện" với nhà tôi từ sáng đến giờ

Tôi cũng ôm lại bà vỗ về rồi quay sang vỗ nhẹ vào bàn tay bệnh nhân nhắn nhủ:

- Bác ơi! nếu ngủ nhiều rồi thì hãy thức dậy kể chuyện về Châu Bội Ngọc cho cháu nghe nhé!

Thật là bất ngờ, Bệnh nhân lại mở bật mắt ra nắm lấy tay tôi kêu lên và hỏi dồn dập:

- Bội Ngọc! Quả thật là em rồi! Anh đã gặp lại được em! Con chúng ta đâu? Nó là con trai hay con gái? Em đã sanh rồi không phải sao?

Tôi chưa kịp phản ứng gì hết thì bà Lê Thu đã vội gỡ tay người bệnh kéo tôi ra và ôm chầm lấy chồng nói:

- Anh Tâm! Hãy bình tĩnh! Cô đây là y tá bệnh viện đang chăm sóc cho anh chứ không phải Châu Bội Ngọc... của anh (bà ngập ngừng nói đại như thế vì đã nghe tôi kể lại hồi sáng.)

Người đàn ông nhíu mày nhìn vợ lắp bắp:

- Đừng để Bội Ngọc đi, đừng để Bội Ngọc rời khỏi anh nữa!

Trong khi cô y tá trực đêm thay ca cho tôi gọi điện thoại báo cho bác sĩ biết thì tôi cứ đứng chết trân vì tò mò chứ không chịu ra về khi đã tan ca. Lập tức các bác sĩ rần rần chạy đến (sở dĩ tôi nói các bác sĩ là vì bệnh nhân này đã được "qua tay" quá nhiều bác sĩ bởi sự "không chịu thức dậy" của ông ta. Bác sĩ chuyên khoa giải phẫu về đầu, bác sĩ chuyên khoa thần kinh, bác sĩ tâm lý, bác sĩ lục phủ ngũ tạng... v v...). Các bác sĩ yêu cầu thân nhân ra ngoài để bác sĩ khám bệnh. Khoảng nửa giờ sau, các bác sĩ rời khỏi phòng chỉ trừ bác sĩ tâm lý ở lại và cho mời bà Lê Thu cùng con "Sao xẹt" này vào. Tôi ngạc nhiên vô cùng và thắc mắc không hiểu tại sao lại có tôi dính vào đây? Tuy vậy, tôi vẫn theo bà Lê Thu bước vào vì tò mò nhiều hơn. Điểm ghi nhận đầu tiên của tôi là khuôn mặt bệnh nhân lúc này rất là bình thường, chứng tỏ ông ta đã qua cơn xúc động khiến tôi yên tâm không sợ bị ông nắm chặt tay nữa. Vị bác sĩ tâm lý người Mỹ đang đứng cạnh giường bệnh nhân nói với chúng tôi:

- Người bệnh đang có chút xáo trộn về tâm lý, vì muốn tìm hiểu nên tôi bắt buộc phải có mặt để quan sát cuộc đối thoại giữa các người, yêu cầu "speak English". Vừa

rồi người bệnh cứ đòi gặp Châu Bội Ngọc, vậy ai là Châu Bội Ngọc?

Cuộc đối thoại dĩ nhiên là phải diễn ra bằng Anh ngữ rồi, nhưng tôi viết lại bằng tiếng Việt vì tôi là người Việt Nam. Nghe bác sĩ tâm lý hỏi, tôi trả lời:

- Châu Bội Ngọc là tên của mẹ tôi. Rồi nhìn bệnh nhân tôi hỏi luôn: Bác có quen với mẹ của cháu?

Người đàn ông nhìn tôi gật gù lẩm bầm:

- Phải rồi! Đã trải qua bao nhiêu năm Bội Ngọc không thể nào còn trẻ mãi được.

Linh tính như báo cho tôi biết hình như sắp có “cái gì” đó! Hệ trọng lắm xảy ra nên tôi hỏi một câu gợi ý cho bệnh nhân nói để tìm hiểu câu chuyện:

- Có lẽ cháu rất giống mẹ nên bác lẩm?

Người đàn ông ngoắc tôi lại gần nói:

- Cháu lại đây! Xin lỗi cháu trong một phút hồ đồ đã làm cháu sợ. Tôi hứa sẽ không kích động nữa! Mời cháu lại đây, tôi chỉ muốn hỏi chuyện thôi!

Bà Lệ Thu dắt tôi lại gần bệnh nhân, ông đưa tay nắm lấy tay tôi. Tôi toan rút tay lại nhưng nhìn thấy có bác sĩ và bà Lệ Thu kề một bên nên tôi an tâm đứng yên. Ông ta nắm tay tôi nhỏ nhẹ hỏi:

- Cháu nói Châu Bội Ngọc là tên của mẹ cháu? Vậy ông ngoại cháu có phải tên Châu Trọng Đạo không?

Tôi gật đầu không trả lời, trong lòng đã bắt đầu hồi hộp và hoang mang cực điểm. Thấy tôi gật đầu, bệnh nhân hấp tấp nói nhanh:

- Vậy tên của cháu phải là Trịnh Ngọc Văn Hiến rồi?

Nên nhớ lúc đó tôi đã không còn mặc đồ y tá và cũng không còn đeo thẻ làm việc nên bệnh nhân không thể nào nhìn thấy tên của tôi được. Huống chi tên của tôi trên thẻ làm việc chỉ có hai chữ “Trịnh Helene”,

ông ta không thể nào biết bốn chữ “Trịnh Ngọc Văn Hiến” được. Tôi vừa xúc động vừa hoang mang khi thoáng có ý nghĩ ông ta có thể là người cha ruột của tôi lắm! Nhưng tại sao tôi họ Trịnh mà tên ông ta lại là Đỗ Thành Tâm? Thấy tôi cứ đực mặt ra, ông ta lay lay tay tôi dục:

- Phải không cháu? Phải tên cháu là “Trịnh Ngọc Văn Hiến” không?

Tôi chỉ vừa kịp gật đầu thôi là ông ta đã ôm chầm lấy tôi khóc như mưa:

- Cha là cha của con đây! Cha đã tìm lại được vợ con của cha rồi! Cha đã tìm được Bội Ngọc, tìm được con gái của cha rồi! Con ơi! Con ơi!...

Trong khi ông bác sĩ tâm lý vuốt vai, vuốt lưng người bệnh luôn miệng nói: “calm down! Calm down!” thì tôi hỏi như mê sảng:

- Nhưng trong khai sanh của con tên cha là: Trịnh nguyên Khải mà... “ông” lại là Đỗ... Đỗ... Tôi xúc động đến cả lăm không nói được trọn câu.

Nghe tôi hỏi thế, người đàn ông tự nhận là cha tôi nức nở lắc đầu nói:

- Chuyện dài dòng lắm con ơi! Phải có thì giờ cha mới kể hết cho con nghe được. Bây giờ hãy nói về mẹ con cho cha nghe, mẹ có khoẻ không?

Bây giờ bà Lệ Thu mới ôm lấy tôi nói trong nước mắt (bà cũng bị xúc động theo):

- Đúng rồi! Nhiều phần “ông ấy” là cha ruột của con rồi. Cũng thật là bất ngờ đối với tôi về phần đời trước của cha con trước khi chúng tôi kết hôn với nhau, nhưng tôi biết rõ vì sao cha con phải thay tên đổi họ. Chúng tôi sẽ cho thử “DNA” để con tin và sẽ kể chuyện cho con nghe về sau. Bây giờ chúng tôi muốn biết về mẹ của con.

Kể từ giây phút ấy tôi như người á khẩu, buồn thương giận ghét cứ loạn cào cào cả lên. Buồn vì tủi cho mẹ giờ đây cha đã có “tình” khác rồi. Thương vì tội nghiệp mẹ suốt một đời ở vậy chờ cha cho đến chết mà chẳng được gì. Giận vì “kẻ bạc tình” sao quá vô tâm, nỡ vui duyên mới chẳng hề đi tìm mẹ trong khi mẹ lại rất nặng tình với cha. Khi cơn biến động 30 tháng 4 năm xưa xảy ra, mẹ đã ở lại chờ cha. Nhà cửa đó, địa chỉ đó, mẹ cũng ở đó và cha cũng còn sống, sao không quay về tìm mẹ? Tôi hậm hực trong bụng trách cứ lung tung, cứ tưởng bỏ “ông” yêu mẹ lắm! Mỗi lần kể chuyện về cha, mẹ thường chắc ăn như bắp: “Cha con rất yêu mẹ, trừ khi cha chết, chứ nếu còn sống không khi nào cha bỏ mẹ con mình”. Đó! Bây giờ “người ta” vợ con đùm đê, có còn để mẹ trong lòng nữa đâu? (Cha có hai người con với bà Lệ Thu, một trai một gái nhỏ hơn tôi vài tuổi thường hay vào bệnh viện thăm “ông”). Tôi đã giận thật sự, có lẽ tôi ghen dùm cho mẹ. Tôi bỗng dưng thấy ghét bà Lệ Thu và giận người đàn ông đang ngồi trên giường bệnh kia, đang mở to cặp mắt hướng về phía tôi nóng lòng chờ nghe tôi nói về mẹ. Con xúc động trào lên, tôi bung mắt khóc chạy ra khỏi phòng hét lên:

- Mẹ tôi chết rồi!

Đồng nghiệp bên ngoài phòng ôm lấy tôi an ủi (họ cũng vì tò mò mà đổ xô cả về phía cửa phòng nơi cha tôi nằm để theo dõi câu chuyện), và tôi cũng kịp ngã vào lòng chồng tôi vừa đúng lúc anh đến đón tôi về sau khi nhận được cái “text message” vắn tắt của tôi là tôi không thể lái xe về ngày hôm nay được. Những ngày sau đó, “người ấy” (cha tôi) hồi phục tinh thần và thể xác một cách nhanh chóng. Không hiểu sao tôi cứ hậm hực và giận khi nhìn thấy “họ” thật

là hạnh phúc bên nhau. Mẹ ơi! Mẹ đã từng dạy con là phải có lòng bao dung, phải biết khoan hồng và độ lượng. Con nhớ hoài câu mẹ nói: “Con người ta khi lọt khỏi lòng mẹ để bắt đầu một kiếp con người, hành trang một kiếp sống sẽ rất dài và rất nặng trên vai. Phải biết buông bỏ để cho đôi vai được nhẹ nhàng bớt và cuộc đời có ý nghĩa hơn”. Con đã rất khách quan để bao dung mọi chuyện, bây giờ là người trong cuộc sao con lại không thể rộng lòng với kẻ “bội bạc” kia được? Nhất là người đó lại là cha ruột của mình, là người đã tạo ra hình hài để con có mặt trong cõi “ta bà” này. Con có phạm tội bất hiếu khi đã “phán xét” cha như vậy không? Có bị “đánh” xuống “chín tầng địa ngục” như lời mẹ thường thuyết giảng về đạo Phật cho con nghe khi mẹ còn sống không? Ôi bây giờ con mới thấy cái “sân” trong con người thật là đáng sợ, “tham và si” con có thể “control” được, nhưng cái sân sao nó cứ hùng hực khó chịu quá mẹ ơi! Bình tĩnh, phải bình tĩnh, phải biết bao dung, phải nghe lời mẹ dạy, phải nghĩ tới mẹ (tôi tự nhủ với lòng như thế). Bao nhiêu cái “phải” tôi đem ra tận dụng hết mỗi khi đối diện với cha để cho lòng được nhẹ nhàng, tự nhiên hơn. Chồng tôi cũng “dạy” rằng: “Khi mở một phiên tòa để xét xử phạm nhân, họ đều có luật sư để biện hộ cho mình. Nói cho công bằng một chút, chúng ta chưa nghe cha kể chuyện thì chưa thể kết luận cái gì được hết. Thông cảm được hay không chờ sau này hãy nói”.

(Còn tiếp 1 kỳ)

Tâm Ngọc
(Tôn Nữ Mặc Giao)

NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM

Duy An Đông

Nói đến người phụ nữ Việt Nam không chỉ phụ nữ ngày nay mà có những nữ anh thư ngày xưa đã làm nên lịch sử như hai bà Trưng, phát cờ ra quân đánh thắng Tô Định rồi xưng Vương. Ngoài ra còn có cô Bắc, cô Giang, có cả Huyền Trân Công Chúa. Lịch sử cận đại có nữ tướng Bùi Thị Xuân giúp chồng Trần Quang Diệu làm nên chuyện lớn.

Ở thế kỷ hai mươi, vai trò người phụ nữ Việt Nam càng được nhân cao rộng. Liên tưởng đến những thập niên sau Tự Lực Văn Đoàn, người đàn bà Việt Nam thoát ra khỏi những ràng buộc luân lý cổ xưa - xuất giá tòng phu, tề gia nội trợ, được bung ra xã hội và con đường khởi đầu “nhập thể” chính là học đường. Sau hiệp định Geneve 1954, các thành thị miền Nam nơi nào cũng mở các trường nữ bên cạnh những trường Nam hoặc nam - nữ học chung. Tà áo trắng của các nữ sinh xinh đẹp trên các nẻo đường đến lớp và những lúc tan trường là một bức tranh sống động tuyệt mỹ nơi các đô thị như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng, Hội An, Đà Lạt, Biên Hoà, Cần Thơ ... Những “đàn bướm trắng” đó khi rời ghế nhà trường họ nhập vào dòng chảy xã hội giữ nhiều vai trò then chốt và đóng góp không nhỏ vào công cuộc chung của đất nước.

Ở độ tuổi “áo trắng sân trường”, là độ tuổi đang trở nét duyên, biết yêu và đang yêu. Rồi khi rời ghế nhà trường, các cô tốt nghiệp, trở thành những người phụ nữ đảm nhận những vai trò trong xã hội theo nghề nghiệp của mỗi người. Rồi các cô tìm được ý trung nhân trở thành người vợ tốt, người mẹ hiền, người nội tướng đảm đang trong gia đình.

Chúng ta thường nghe: “Sự thành công của người đàn ông, luôn bên cạnh có hình bóng của người đàn bà”. Quả thật như vậy, từ những người vợ trong gia đình đến các bậc mệnh phu phu nhân cho tới những đệ nhất phu nhân xưa nay họ ảnh hưởng không nhỏ vào sự thành công của người chồng.

Lịch sử Việt Nam thời cận đại nhắc đến một số nhân vật nữ như Nam Phương Hoàng Hậu, người phụ nữ đầu tiên đã cải cách nhiều lễ lối cũ kỹ trong hoàng cung, bãi bỏ chế độ cung tâng mĩ nữ, bà cũng có nhiều ý kiến hay đẹp giúp Bảo Đại, ông Vua cuối cùng của triều nhà Nguyễn trong những ngày đất nước rối beng năm 1945 giữa Pháp, Nhật và Việt Minh.

Vào thập niên 50 và những năm đầu 60 thử hỏi có một phụ nữ Việt Nam nào bản lĩnh hơn bà Trần Lệ Xuân, phu nhân ông Ngô Đình Nhu. Người phụ nữ mới ngoài ba mươi này đã dám dấn thân vào lãnh vực chính trị, phụ giúp chồng và giúp anh chồng “Tổng Thống Ngô Đình Diệm” lèo lái công việc xây dựng và bảo vệ chế độ Đệ Nhất Cộng Hoà miền Nam, chống lại công sản miền Bắc.

Thời Đệ Nhất Cộng Hoà, bà Ngô Đình Nhu người phụ nữ nổi bật, xuất sắc trong các hoạt động đoàn thể và xã hội. Bà lập nên đoàn quân “Thanh Nữ Cộng Hoà”, đoàn ngũ hóa “phái yếu” xây dựng hậu phương. Bà đệ trình Quốc Hội luật hôn nhân, một vợ một chồng; từ đó người phụ nữ tương đối được bình đẳng với nam giới, và nếp sống gia đình trở nên nề nếp, tốt đẹp hơn cảnh đa thê trước đó.

Nói về người phụ nữ, chúng ta hồi tưởng những thế hệ nữ giới ở miền Nam, đặc biệt tại các thành thị như Sài Gòn, Cần Thơ, Huế, Đà Lạt, Đà Nẵng, Hội An, và các tỉnh ly từ Quảng Trị đến mũi Cà Mau. Khi còn là nữ sinh ở nhà trường, họ hồn nhiên nhìn cuộc đời như những "con nai vàng ngơ ngác". Họ có những giấc mơ về tương lai vẻ vời lý tưởng, thật là tuyệt đẹp, họ ao ước sau này có mái ấm gia đình sống bình thường, vợ chồng sống hạnh phúc bên nhau.

THÊM

*Thêm mộng chín vào trái cây
Thêm cơn gió tới tóc bay rồi bời
Thêm đóa hoa thắm nụ cười
Thêm ly rượu đỏ hồng mười ngón tay
Thêm bờ cỏ mượt đêm nay
Đừng vùi vãnh nữa thêm này... thêm kia...*

Phan Khâm

Nhưng đất nước trong cảnh chiến tranh, những ước mơ của họ, ít ai được hoàn toàn. Họ chỉ được hưởng hạnh phúc và sống bên nhau không bao lâu thì bao người chồng phải vào quân ngũ. Từ đó, những người phụ nữ, những người vợ ở hậu phương, sống trong cảnh tay ôm con dại, tay xoay xở đủ ngành nghề để nuôi con. Hàng đêm họ cầu nguyện, mong đất nước thái bình, người yêu sẽ giã từ vũ khí trở về vui thú đoàn viên với gia đình. Nhưng, có những người trai ra đi mà không trở về, để lại nỗi đau cho người chinh phụ. Thế là từ cô nữ sinh sân trường giờ đã hóa thành người thiếu phụ tiếp tục vất vả nuôi con dại trong nỗi mất mát, cô đơn ...

Số khác các đức lang quân may mắn không phơi xác nơi chiến trường, thì sau

biến cô 30-4-1975 họ phải vào các trại tập trung cải tạo. Người phụ nữ miền Nam, người vợ lính lại hai vai gánh nặng, nuôi con lẫn nuôi chồng vất vả hơn thời còn chinh chiến. Việc nuôi con đã khó, việc đi thăm nuôi chồng càng khó hơn, các bà vừa phải lo cái ăn cái mặc cho con; vừa phải nhín từng hạt gạo, củ khoai trong mỗi bữa ăn, gom góp dành dụm từng chút lương thực mỗi ngày để thăm nuôi chồng trong tù.

Việc xin giấy phép đi thăm nuôi tù cũng không phải dễ. Đường đi đến trại giam từ mãi rừng sâu núi thẳm lại càng khó khăn hơn. Những bà có "đức lang quân" cải tạo mãi tận miền Bắc, hành trình đi thăm phải mất mấy ngày đường, phương tiện giao thông hạn chế, phải qua mấy lần nằm chờ đợi ở sân ga, xả thân cho muối, phải qua mấy lần chờ đợi ở bến đò, đôi chân lội bộ đường trường đã quá mỏi mệt mà cũng ráng sức trèo đèo, băng sông... Và đến nơi chỉ thăm chồng được khoảng vài mươi phút. Chồng

vợ nhìn nhau rơi lệ không nói nên lời. Họ chỉ nhìn nhau để thấu hiểu nỗi lòng! Chồng hiểu vợ khó khăn nơi quê nhà, vợ hiểu chồng khổ đau nơi trại tù cải tạo. Sau vài mươi phút phù du, người vợ ra về, người chồng vào phòng giam ở trại, cả hai cùng một suy nghĩ chung nhất "yêu thương nhiều và thù hận".

Người vợ lính miền Nam trung kiên tiết liệt, sau 1975 đã thể hiện rõ nét đức tính người phụ nữ "Công Dung Ngôn Hạnh" theo truyền thống luân lý Việt Nam. Trong hoàn cảnh ấy, sự hy sinh của họ quả thật phi thường, đáng trân quý.

Một số các góa phụ vì thương chồng, thương con, họ tự nguyện không tái giá, mỗi tối họ cầu nguyện xin chồng "sống khôn thác thiêng" phò hộ cho họ đủ nghị lực để sống nuôi con thành người, làm

rạng danh cho nhà chồng. Trời chẳng phụ lòng người, phần đông những người góa phụ này đạt được ước nguyện, các con cái họ học hành thành đạt.

Một số khác may mắn người chồng trở về từ nhà tù cải tạo, gia đình đoàn tụ, họ nương nhau tái lập cuộc sống và ổn định mái ấm gia đình rồi cùng nhau theo chương trình H.O xuất ngoại sống bên chồng con nơi xứ người, đền bù những năm thân cò lặn lội ...

Cuộc sống nơi đất khách quê người tinh thần tự do, thoải mái; vật chất đầy đủ, nhưng các bà lại phải lo bươn chải để xây dựng cuộc sống mới thích nghi, nhất là lo cho con cái học hành. Trên thế giới ngày nay nhiều phụ nữ Việt Nam là bác sĩ, kỹ sư, nha sĩ, dược sĩ, giáo sư, luật sư, các nhà kinh doanh thành đạt, các phi hành gia, các khoa học gia như Dương Nguyệt Ánh, vừa làm mẹ, vừa làm vợ, vừa là một nhà khoa học, chế tạo bom cho quân đội Mỹ dùng trong chiến trường Iraq. Bà làm việc ở Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ; hay như Thiếu Tá Elizabe lái phản lực cơ trong quân đội Hoa Kỳ tham chiến ở Iraq, nữ khoa học gia giáo sư Jame X Lưu đoạt giải "Nobel" thiên văn học 2012" của thế giới, và nhiều nhà văn, nhà thơ nữ tiếng tăm ở hải ngoại. Trong nước nữ giới can đảm đứng lên đòi hỏi tự do nhân quyền có luật sư Lê Thị Công Nhân, Trần Khải Thanh Thủy, Bùi Thị Mạnh Hằng, Huỳnh Thục Vy, Đỗ Thị Minh Hạnh, Trần Kim Tiến... thật đáng kính nể.

Câu chuyện về nữ giới thực ra rất phong phú và đa dạng. Có nhưng câu chuyện tưởng như là riêng tư của mỗi người nhưng lại thể hiện cả một tấm lòng và phong cách thật đáng trân trọng.

Tôi biết câu chuyện một nữ sinh viên thiết tha với một ý trung nhân học cùng trường, họ thương yêu hứa hẹn và trao đổi bao nhiêu giấc mơ về tương lai tươi sáng. Họ hứa khi ra trường sẽ làm lễ cưới.

Nhưng cả hai chưa tốt nghiệp thì chàng trai nhận lệnh động viên nhập ngũ. Họ ôm nhau khóc và rồi hẹn khi nàng ra trường sẽ làm lễ cưới. Oái ăm thay! Nàng chưa ra trường thì chàng bị thương nặng, hai chân đã bị cưa cụt và ngồi xe lăn.

Một lần tôi chứng kiến cảnh nữ sinh viên này đang đẩy chiếc xe lăn đưa người tình chưa cưới đi đây đó. Tôi cảm phục vô hạn cô nữ sinh viên này nói riêng và thương cho người phụ nữ Việt Nam nói chung, họ đã bị chiến tranh gây nên bao cảnh trở trêu, thua thiệt. Người phụ nữ Việt Nam nói chung, họ gian nan vì loạn lạc, vất vả vì chồng con, bị tập quán xã hội lạc hậu o ép.

Tôi biết cô nữ sinh viên này sau đó giữ đúng lời hứa ban đầu, nguyện sống cùng người yêu tàn phế cho đến khi tóc bạc răng long. Nàng tiếp tục đến trường học rồi tốt nghiệp ra trường, nuôi chồng theo hẹn hò lý tưởng của mình. Hiện bà ta đang sống với người yêu là anh sĩ quan thương phế binh Trần Văn T. tại Huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Biến cố 30-4-1975, đã xô đẩy hàng trăm ngàn gia đình vào cảnh ngộ điêu linh tan tác. Hàng trăm ngàn viên chức VNCH bị luà vào các trại tập trung cải tạo; hàng trăm ngàn người vợ, người phụ nữ Việt Nam phải sống trong cảnh đơn chiếc "thân cò lặn lội", nuôi dạy con cái, nuôi chồng trong tù cải tạo, chờ đợi năm mười năm; thậm chí mười lăm, mười bảy năm mới có ngày vợ chồng cha con sum họp.

Người phụ nữ "chân yếu tay mềm" trong cảnh ngộ ấy đã chứng tỏ sự đảm đang và lòng trung kiên tiết liệt, nghĩa tình trong một giai đoạn lịch sử đen tối, bi ai của dân tộc.

Những tấm gương ấy xứng đáng ngàn sau ghi tạc ./.

Duy An Đông
(California)

NGUYỄN BẮC SƠN, CHÚT TÌNH MANG XUỐNG MỘ CHÍ

-O-O-O-O-O-

Lê Mai Lĩnh

Thầy ông Nguyễn Bắc Sơn chịu chơi quá, ông Tử Thần, và ông Định Mệnh chào thua.

Còn như cái việc ông NBS chưa “*an*

giác nghìn thu” là một điều không may cho chúng tôi. Là tại làm răng rứa? Xin thưa là tại vì: nếu như ông “*thôi còn thở*” khi viết về ông, chúng tôi *hoàn toàn tự do, viết hươu, viết vượn, viết cọp, viết beo, viết thần lằn, rắn rết, chúng tôi không sợ. Khi vui, chúng tôi cho ông lên tận chín tầng mây. Khi buồn, chúng tôi đập ông xuống bùn đen. Khi thương, chúng tôi*

gọi ông là thi hào, thi bá. Khi buồn, chúng tôi gọi ông là nhà thơ tép riu, cò con.

Thật tội nghiệp, khó khăn cho chúng tôi là ông còn thở. Nên viết khen ông, thì sợ rằng, ông cho chúng tôi là một: lũ nịnh bợ, thấy ông là Thi Bá nên tìm cách tâng bốc để được đến gần ông. Nếu viết chê ông, thì sợ rằng, ông sẽ đánh cho chúng tôi sặc máu đầu có làm đơn năn nỉ xin ông tha, ông cũng không tha. Tôi phải viết hoa hai chữ Võ Sĩ. Thưa ông NBS, tôi biết sợ ông quá đi chứ. Tôi sợ nhất ở ông là ngón đòn “Song Cước” và nhiều ngón đòn khác nữa... Tôi đã có những đêm trắng Phan Thiết, chứng kiến ông dạy võ cho những đệ tử choai choai của ông dưới những tàn lá cây dừa, trước sân nhà của một người bạn gần cổng chữ Y.

1.

Điều không may cho Nguyễn Bắc Sơn, cũng là điều không may cho chúng tôi, những người bạn, những độc giả đang muốn viết về ông, là cho tới nay ông vẫn chưa về bên kia chín suối. Tại sao lại là điều không may cho ông, là tại vì Đời Là Một Bể Khô, như Phật nói. Do vậy, chưa chết là chưa hết khổ. Mà, điều cũng là lạ, là đã rất nhiều lần ông muốn chết.

Năm mới 15 tuổi, ông đã lên nghĩa địa, cắt gân tay, nằm chờ chết. Không may cho ông là có người vào thăm nghĩa địa, thấy ông nằm, máu me tùm lum tà la, người đó đã cứu ông, đã cản trở bước đi của ông “*phiêu diêu miền cực lạc*”. Sau đó, ít nhất ông cũng có ba lần nhảy lầu tự tử, nhưng cũng chỉ sứt trán, rụng vài sợi lông, trầy da, tróc vảy chút chút. Không chết, trong khi đời là bể khô. Điều này Phật nói, chắc chắc là đúng, chứ không phải Lê Mai Lĩnh tôi nói. Thế là ông tiếp tục Ngụp, Lặn, Bơi, Nhảy, Đánh Đu trong bể khô.

Như thế ít ra là ông đã chơi cho tới “bốn lần” thách thức, đùa với ông Tử Thần, và thách đó, đánh đu với ông Định Mệnh.



Từ những đêm hôm ấy, tôi bắt đầu “kết-mô-đen” với ông.

2.

Bảy giờ là tháng 9 năm 1968, sau khi tốt nghiệp trường Bộ Binh Thủ Đức, tôi chọn về tiểu khu Bình Thuận (Phan Thiết). Sau khi trình diện phòng Tổng Quản Trị/Ban I, viên Đại úy Trưởng Phòng cho tôi thêm một tuần nghỉ phép, để sau đó đến nhận Sự Vụ Lệnh ra đơn vị là một đại đội Địa Phương Quân đóng gần cổng chữ Y, đường lên Quân Y viện Đoàn Mạnh Hoạch, cũng là đường lên sân bay.

Trong một tuần nghỉ phép này, không biết do ai giới thiệu, tôi quen anh Nguyễn Văn Hải, tên khai sinh của thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn. Trong lần đầu gặp anh cùng với một số anh em văn nghệ địa phương trong một cuộc rượ, anh em yêu cầu tôi đọc thơ. Lần đó tôi đọc thơ và tôi đã khóc giữa cuộc rượ. Tôi không biết và nhớ là tôi đã khóc. Mãi tới lần sau đó, anh em nói cho tôi biết.

Từ đó chúng tôi quen nhau. Nhưng mãi tới hai năm sau, khi tuần báo Khởi Hành của Hội văn nghệ sĩ Quân Đội giới thiệu những bài thơ viết về chiến tranh “*quá đã, quá xuất sắc, quá xuất thần*” của Nguyễn Bắc Sơn, tình bạn và tình thơ giữa anh và tôi mới keo sơn gắn bó.

Tôi cũng được biết, người cha của anh cũng tham gia Kháng Chiến và tập kết như người cha của tôi. Và hẳn nhiên, người mẹ của anh cũng như người mẹ của tôi phải buôn bán tảo tần, đầu sông cuối chợ, mua mai nắng trưa, nuôi con cho chồng “đi làm cách mạng”. Còn như các ông càng làm cách mạng chừng nào thì loài người càng thêm sặc máu, nói như thơ NBS, thì đó là chuyện về sau. Nhưng trước nhất, vào cái

thời điểm Thực Dân Pháp xâm lăng, “*Đúng là các ông đã đi làm cách mạng*”

Chúng tôi thành lập một nhóm văn nghệ tỉnh lẻ, gồm các anh: Tạ Chí Đại Trường, bảy giờ là trung úy phục vụ tại quân Y viện Đoàn Mạnh Hoạch, nhà thơ Từ Thế Mộng, nhà thơ Nguyễn Như Mây, nhà văn Phạm Văn Nhân, nhà thơ Nguyễn Dương Quang, nhà thơ Nguyễn Quốc Hùng, nhà thơ Mai Việt, nhà báo Nguyễn Ngọc Hương, nhà thơ Phạm Cao Hoàng, nhạc sĩ Phan Anh Dũng, nhà thơ Nguyễn Bắc Sơn và tôi... Sương Biên Thùy, một bút hiệu rất chi Cải lương, Hồ quảng.

Chúng tôi chủ trương và phát hành tờ Nguyệt san Quê Hương, ra được 2 số. Đó là tờ tạp chí văn học, nghệ thuật đầu tiên trong lịch sử văn chương chữ nghĩa của tỉnh Bình Thuận.

Tôi còn nhớ trong số 2, chủ đề viết về người nữ sinh Phan Thiết, có một bài phỏng vấn nhiều người, nhiều giới, xem họ nghĩ gì về người nữ sinh Phan Thiết. Bài phỏng vấn này do Nguyễn Bắc Sơn phụ trách.

Trong bài phỏng vấn đó, có một cô nữ sinh Phan Bội Châu trả lời rất vui, rất ngộ nghĩnh. Cô nói: “*Cha mẹ chúng tôi sinh chúng tôi ra đâu phải để cho các ông nhìn.*”

Tôi biết, trước đoạn đường gân trường Phan Bội Châu có một quán cà phê vỉa hè. Thường thường, mỗi ngày, mỗi buổi sáng, trước khi tới nhiệm sở, anh em chúng tôi, đa số là sĩ quan, ghé vào quán uống một ly cà phê đầu ngày, nhưng chủ đích thật ra là ngồi để chiêm ngưỡng nhan sắc của các cô.

Có lẽ cô này phàn nàn, khiếu nại, ta thán, nguyên rủa chúng tôi về trường hợp các cô “bị nhìn” như thế.

Vào năm 1971, tôi không nhớ tháng nào, tôi nạp đơn ứng cử dân biểu. Hình như điều này không làm cho NBS vui, nên trong

thời gian đó tôi chạy ngược chạy xuôi, lắm lần ngày đêm đi kiếm, đi xin phiếu, đi mót, đi ăn mày phiếu, Nguyễn Bắc Sơn đã không giúp tôi dù chỉ một tiếng nói. Tôn trọng tài năng của bạn, tôn trọng tự do của bạn, lẽ nào tôi ghét NBS về chuyện này.

Tôi là ứng cử viên đối lập, nên sau khi tôi thất cử, Đại tá Ngô Tấn Nghĩa (Tỉnh Trưởng Bình Thuận) đòi tôi lên Đà Lạt.

Đêm 1/4/75 Đà Lạt di tản. Đêm hôm sau, tôi định ngủ tại nhà Nguyễn Bắc Sơn chờ sáng mai tìm đường bênh. Đêm đó, lính tan hàng, vô kỷ luật, đã nhiều lần chĩa súng vào nhà NBS đòi mở cửa. Vợ chồng con cái

NBS nằm trên lầu, tôi nằm núp dưới bàn dưới lầu. Nhiều lần tình trạng như thế xảy ra, và tôi phải quyết định từ giã gia đình NBS từ đêm đó, trên chiếc Honda, tôi chạy về hướng Bình Tuy.

Sau ngày 30/4/1975, người cha của thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn trở về, không biết gia đình của NBS đã nói như thế nào mỗi liên hệ tình cảm giữa vợ chồng tôi và vợ chồng NBS. Ông cụ, bảy giờ là Đại tá Quân đội Nhân dân, đã đến thăm và tặng quà cho vợ chồng tôi trong trại tù. Ông cụ cũng có hứa sẽ làm đơn “bảo lãnh” cho vợ tôi về sớm

Một thời gian ngắn sau, ông cụ qua đời



ĐÁNH CÁ: Ảnh BS TỪ CHÂU LAN

Fishing Moment được giải Honorable Mention của Hội ICS USA năm 2011.

trong một tai nạn xe hơi.

Sau này về Phan Thiết, tôi được dư luận cho biết: là cụ chết do sự tranh chấp địa vị và quyền lợi giữa những người miền Nam tập kết và những người Hà Nội vào tiếp thu. Lại có dư luận khác, cái chết của cụ là do sự tranh chấp, thanh toán nhau giữa cánh theo Trung Quốc và cánh theo Liên Xô.

Những đoạn trích sau đây nằm trong một bài thơ Nguyễn Bắc Sơn làm sau khi cụ mất 5 năm, bài Chuyện Hai Bô Con Tôi. Bài thơ quá hay. Hình như bài thơ nào của NBS cũng quá hay.

...

*Bố tôi qua đời đúng năm năm
Tôi viết bài thơ này để tâm sự cùng một
người khuất núi
Thuở sinh tiền
Ông rất thương tôi
Và tôi rất thương ông
Nhưng hai chúng tôi
Đúng là hai người đàn ông có bề ngoài
lãnh đạm.
Bố tôi ước mơ làm cho loài người sung
sướng
Và thế là ông từ tuổi thanh xuân
Cùng bạn bè đi làm cách mạng
Ông càng làm cách mạng chừng nào
Thì loài người càng thêm sặc máu
Tôi ước mơ cõi đời tốt đẹp
Và thế là tôi làm thơ ca tụng loài người
Tôi càng ca tụng chừng nào
Thì loài người càng xấu xa chừng nấy
...
Nếu mỗi chúng ta có làm điều gì tốt đẹp
Chẳng qua là để phát huy một tấm lòng son
Còn trái đất cứ ngày đêm sáng tối
Thịnh đã rồi suy*

Suy rồi lại thịnh

Bố ơi bố đã ra về

Con ở lại làm thơ và chữa bệnh

*Chúng ta đến nơi này để phát huy một tấm
lòng son*

Thành hay bại chỉ là chuyện vặt

Rất nhiều bài thơ của thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn, từ trong tập **Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi**, ra đời cách đây đã hơn 30 năm, đến những bài thơ làm mới nhất sau này, đều có cái size, cái kích thước, cái tâm cỡ rất chi là Nguyễn Bắc Sơn. Không thể làm lẫn với người khác. Cái size, kích thước, tâm cỡ của một thi hào.

Do vậy, khi đọc thơ NBS, quý độc giả có nổi da gà, nhịp tim đập mạnh, hơi thở dồn dập, muốn cười to khóc thét, muốn la toáng lên là do chất thơ của NBS đang ngấm vào người quý vị. Nhưng điều này cam đoan không có hại cho sức khỏe. Hoàn toàn an toàn trên xa lộ. Xa lộ thơ.

Ngày 30.11.1983 tôi ra khỏi trại tù Z30A, Gia Rai/Long Khánh, trại phát cho tôi 50 đồng và hai bộ quần áo. Như các bạn tù khác, ra tới chợ Gia Rai tôi bán hai bộ áo quần tù, được bao nhiêu tiền tôi không còn nhớ. Tôi đã ăn một tô phở và uống hai ly nước mía.

Tất cả bao nhiêu và còn lại bao nhiêu, tôi không còn nhớ. Nhưng có một điều mà tôi đã nghe nói trước khi còn ở trong trại là tôi không bao giờ quên. Đó là, khi những người đi học tập cải tạo về tài xế xe đồ cho đi không lấy tiền, cũng có lúc hành khách cùng chuyến xe, họ tranh nhau trả tiền cho người tù. Tôi ăn phở, tôi uống hai ly nước mía là quá ít. Khi đã có Quới Nhon giúp đỡ như thế, tại sao mình không ăn nhiều hơn, không uống nhiều hơn cho cái bao tử được...

Tôi đưa tất cả số tiền còn lại cho người tài xế để mua vé về Phan Rang. Người tài xế nói là với số tiền đó tôi chỉ đi tới Phan Thiết. Và tôi đã đi Phan Thiết.

Từ bến xe Phan Thiết, tôi đi bộ về nhà NBS. Cả nhà vui mừng khi thấy tôi trở về. Bà mẹ của Sơn cầm tay tôi và khóc. Khi đó, nhìn lên bàn thờ tôi đã thấy chân dung của người cha của NBS.

Sau một đêm ngủ đõ, sáng hôm sau mẹ của NBS cho tôi 100 đồng và NBS chở tôi lên bến xe bằng chiếc Honda Dame.

Ngày 20.4.2005 vừa qua. Khi gọi điện thoại về cho chị NBS xem chị đã nhận được tiền tôi gởi về tặng vợ chồng chị hay chưa. Chị cho biết ngay hôm sau ngày tôi gọi điện báo tin trước là tôi đã gởi tiền. Trong câu chuyện thăm hỏi, chị cho tôi biết, cái xe Honda Dame đó, vào thập niên 80, anh NBS đã cho ai rồi, trong nhà không biết. Công việc của NBS bây giờ là mỗi ngày, theo Thi sĩ Từ Thế Mộng cho biết qua điện thoại, là mỗi sáng, NBS ra đường rong chơi. Trước khi đi, vợ hay con cho vài chục ngàn dán trong túi. Nhưng khi ra đường, thấy ai nghèo khó, hành khất là anh cho tất, tặng tất. Hôm sau cũng thế, ngày mai cũng vậy.

Vậy nhân đây tôi xin đề nghị, là những ai ở Hải Ngoại có lòng Từ Bi, Bác Ái muốn giúp đỡ người nghèo tại Việt Nam, xin liên lạc với bạn tôi, Thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn, nhà số 5, đường Chu Văn An, Phan Thiết.

... Cam đoan tiền đến đúng tay người nhận.

3.

Nhưng có thật bạn tôi. thi sĩ Nguyễn Bắc Sơn làm thơ hay không?

Để trả lời câu hỏi này, tôi xin mạo muội đề thưa rằng: Nguyễn Bắc Sơn không làm thơ.

Nguyễn Bắc Sơn chỉ là một gã thư ký riêng “rất đặc biệt” của nàng thơ “*đẹp, múp và mướt, trường túc, núi, đồi nhấp nhô. Quá đỗi*”.

Nguyễn Bắc Sơn chỉ là tên tà lọt làm cái công việc chỉ ghi chép cho ông Thần Thơ hay ông Thánh Thơ.

Hay nói một cách khác, thơ của Nguyễn Bắc Sơn viết là “thơ Thần, thơ Thánh, thì một người tự nhận mình là một tên DU ĐĂNG như NBS, không thể làm được những bài thơ thần sầu quỷ khốc như thế:

... *Trên trái đất có rừng già, núi non cùng sông biển*

Trong Nguyễn Bắc Sơn có một kẻ làm thơ

Kẻ làm thơ đôi khi biến thành du đăng

Hoặc làm thơ theo khí hậu từng mùa

...

(chân dung Nguyễn Bắc Sơn, trong Chiến Tranh Việt Nam Và Tôi)

Hẳn quý độc giả còn nhớ như tôi, là trong Quốc văn Giáo Khoa Thư (nếu tôi không lầm) có bài nói về Chăn Trâu, có câu:

“Ai bảo chăn trâu là khổ. Chăn trâu sướng lắm chứ?”

Tôi nói lại theo cái ngu của tôi:

“Ai bảo làm thơ là sướng, làm thơ khổ quá đi chứ?”

Làm thơ khổ quá đi chứ?

Tôi nhớ cách đây 50 năm, khi tôi mới tập tễnh làm thơ để thực hiện “*giấc mơ làm thi sĩ*” mẹ tôi còn sống, nhưng tôi thử xem như mẹ tôi đã chết, để làm bài thơ “*khóc mẹ*”. Tôi bắt đầu bài thơ Khóc Mẹ với câu:

“Than ôi mẹ đã đi rồi”

Thì đúng rồi, Mẹ đã đi rồi, nhưng mà là: mẹ tôi đi chợ.

“Đi rồi” trong ý nghĩ của tôi là chết. Nhưng mẹ tôi đang ngồi nấu ăn kia, mẹ tôi

đã chết đâu. Nên câu thơ “Than ôi mẹ đã đi rồi” vừa là câu đầu cũng là câu cuối.

Nhưng đến năm 1988, mẹ tôi chết thật, thì từ đó tới nay tôi chưa làm được bài thơ nào để Khóc Mẹ.

Đây, quý vị thấy chưa Làm Thơ Khổ Quá Đi Chứ.

Một ví dụ khác để quý vị thấy làm thơ khổ quá đi chứ.

Năm nay tôi 70 tuổi, hai người đàn bà tôi đang yêu là cô Condoleezza Rice và bà Hillary Clinton. Thế mà tôi yêu từ năm tôi 68 tuổi nay là 70 tuổi, tức là đã hai năm yêu thâm yêu trộm, yêu như điên như cuồng, tôi vẫn chưa làm được một bài thơ tỏ tình cùng lúc với hai nàng.

Đây, quý vị thấy chưa: làm thơ khổ quá đi chứ.

Nhưng lần này thì tôi biết tại sao mà tôi làm thơ khó. Đó là, trong thâm ý của tôi là để tiện việc sổ sách. Tôi chỉ làm một bài thơ như để tỏ tình với cả hai nàng. Vì rằng, làm thơ khổ quá đi chứ, nên tôi ngu gì để làm hai bài cho hai nàng cùng một lúc cho nhọc thân và mất thời gian. Thời gian là dollar kia mà. Nhưng cái dễ là giá như hai nàng là một cặp song sinh. Nhưng cái khó là hai nàng, người đầu sông kẻ cuối chợ. Nói rõ ra là, tính cách của hai nàng hoàn toàn khác nhau. Một nàng, thì nước da hồng quân, mà theo Cổ Nhân phán, xin lưu ý với quý vị là Cổ Nhân phán chứ không phải là tôi. Theo Cổ nhân “*nước da hồng quân cời quần không kịp*”. Tôi không biết Cổ Nhân muốn nói gì.

...

Vậy thì, một tên tự nhận mình là du đảng như Nguyễn Bắc Sơn, thì hẳn rằng có thể cho ra đời những bài thơ như Thần như Thánh như thế. Tôi nghi ngờ tài năng của

NBS lắm. Tôi đã để ra nửa đời nghiên cứu, tra hỏi, thẩm định, cân nhắc, tìm tòi, đắn đo, suy tính.

Nay, tôi đi tới kết luận, là trong đầu của Nguyễn Bắc Sơn, có một nàng thơ xinh đẹp, múp mướt, trường túc... cũng có thể là trong đầu NBS có một ông Thần Thơ hay Thánh Thơ nằm vùng, đóng chốt, mai phục, trong đó. Có khi NBS nói: “*Làm Thơ Theo Khí Hậu Từng Mùa*” có nghĩa là NBS chờ cho tới khi Nàng Thơ, Thần Thơ, Thánh Thơ đọc và tên tà lọt Nguyễn Bắc Sơn cứ thế chỉ ghi ghi chép chép. Một người tự nhận mình là Du Đảng, là NBS, không thể làm được những bài thơ dễ dàng, hay ho, mê ly rùng rợn, vô tiền khoáng hậu như thế, nếu không có Nàng Thơ (...) Thần Thơ, Thánh Thơ thường trực, đóng chốt, mai phục, nằm vùng trong đầu Nguyễn Bắc Sơn để đọc, để gạ, để làm được những bài thơ người chết cũng đội mồ dậy đòi xem, đòi đọc cho bằng được Từ đó, tôi cũng suy ra rằng, những lúc Nguyễn Bắc Sơn “*lên cơn nổi khùng, quậy, phá, điên, nhẩy lều*” đó cũng là lúc ông Thần Thơ và ông Thánh Thơ đang gây chiến tranh, mà chiến trường là cái đầu của NBS, để tranh đoạt chiến lợi phẩm là Nàng thơ...

Nếu những ai đó, kia, này, nọ... cũng có những nghi ngờ như tôi, hãy cùng tôi góp tiền lại, áng chừng 1.000.000.000 đô la, bắt cóc NBS, có hay không Nàng Thơ, Thần Thơ, Thánh Thơ mai phục, nằm vùng, đóng chốt...

4.

Sau đây là những câu thơ của Thần Thơ, của Thánh Thơ được chép chép ghi ghi bởi Thi sĩ du đảng Nguyễn Bắc Sơn.

...

Bên cạnh nhà tôi
Sống một kẻ lảng giềng
Y thường phóng uế trước nhà
Khi con gà nòi của y đi lạc
Y nhìn vào nhà tôi
Và chửi thề như máy
Tôi định đến mùa hè này
Tôi sẽ đá Y một đá

(Viết Tặng Những Nhà Cách Mạng Giả Hình
Trong Thời Đại Tôi – Chiến tranh VN và tôi)

...
Khi em chết đi
Em sẽ thành sấm sét
Thành bụi vàng
Thành gió thành mây
Trong vũ trụ hoài hoài sinh diệt
Con sinh ra đời
Chắc gì đã là điều đáng vui
Bạn ta gục chết
Chắc gì đã là điều đáng tiếc.

(Con Trai Ta Ra Đời, Người Bạn Ta
Năm Xuống – Chiến tranh VN và tôi)

...
Có khi nghĩ trời sinh một mình ta là đủ
Vì đám đông quây bản nước hồ đời
Nhưng lại nghĩ trời sinh thêm bè bạn
Để quàng vai ấm áp cuộc rong chơi
Dù mỗi ngày ta xé đi năm mươi tờ lịch
Thì thời gian đâu có chịu trôi nhanh
Dẫu đen bạc là nơi có xứ
Bỏ đi biên biệt cũng không đành

(Mai Sau Dù Có Bao Giờ – Chiến tranh
VN và tôi)

...
Ta vốn ghét đàn bà như cứt
Nhưng vì sao ta lại yêu em
Ôi mắt em nhìn như là bầy chuột
Ta quàng xiên nên đã yêu em

(Trên Đường Tới Nhà Xuân Hồng-
Chiến tranh VN và tôi)

...
Kẻ thù ta ời những đứa xâm mình
Ăn muối đá mà hằng say chiến đấu
Ta vốn hiền khô ta là lính cậu
Đi hành quân rệu rã vẫn mang theo
Mang trong đầu những ý nghĩ trong veo
Xem cuộc chiến như tai trời ách nước
Ta bắn trúng người vì người bạc phước
Vì căn phần người xui khiến đó thôi
Chiến tranh này cũng chỉ là một trò chơi
Suy nghĩ làm gì lao tâm khổ trí
Lũ chúng ta sống một đời vô vị
Nên chọn rừng sâu núi cả đánh nhau
Mượn trời đất làm nơi đốt hỏa châu
Những cột khói giả làm rồng thiêng uốn khúc
Mang bom đạn chơi trò chơi pháo tết
Và máu xương làm phân bón rừng hoang
(Chiến tranh Việt Nam Và Tôi-)

Sau đây là hai bài thơ của Thần của
Thánh, được ghi ghi chép chép bởi tên tà
lọt, thi sĩ du đảng Nguyễn Bắc Sơn.

Bài Thơ Tình Viết Khi Nổi Sùng

Thời mạt thế người ta yêu nhau bằng cái búa
Và tặng nhau hàng chục nhát dao găm
Anh, kẻ chấp chờn giữa càn khôn lão đảo
Tặng cho em nguyên một đóa trăng rằm
Thôi, thời đại chúng ta, thời của những
thằng lẩn dứa đá cá
Tâm hồn em ô nhiễm cũng là thường
Trời đất đã cho anh nụ cười bất sá
Sá gì cái chuyện tơ vương
Gặp Mùa Gió, Lòng Mình Cũng Gió
(Chép tặng Lê Văn Chính)

Rồi một hôm gió bắc có ai ngờ
Ai lãnh đặng ngờ chi con gió bắc
Cây bạch đàn trước cửa nhà em đang còn
hay đã mất
Sao anh hình dung như có vết thương

*Đang loang ra trong vũng máu vô thường
 Truyền tin hiệu đến ngậm ngùi vô tận
 Anh có nghe chuyện đời em lận đận
 Những chuyến đi buôn, những chuyến xe đò
 Tiếng nói sau lưng lời chưa chát nhỏ to
 Giọng lệ em khô nhưng vẫn là giọng lệ mặn
 Đã qua chưa ôi cái đời đắng đặng
 Đứng bên kia sông cũng ngó thấy điêu tàn
 Bằng giá chuyển mình bằng giá mau tan
 Tiếc câu thơ anh không thể làm cho đời em
 ấm cúng
 Tiếc loài người bày ra xích xiềng huyễn vọng
 Đến nỗi quên mình là hạt giống vô biên
 Câu chuyện tình như ngọn gió miền miền
 Thổi ấm Kinh Thi thổi lạnh hồn Kinh Dịch.*

5. và 6.

Trong chiến tranh Việt Nam vừa qua, hậu quả của nó đưa tới nhiều mất mát, nhiều tai ương, khổ đau cho nhân dân. Những mất mát, khổ đau đó, đã có nhiều người nói tới, viết ra, khắc ghi trong lòng. Nhưng có một điều, chưa ai nói tới, là cũng từ cuộc chiến tranh đó, lịch sử đất nước ta, xét về lãnh vực văn học, đã sản sinh ra được hai nhà Thiên Tài. Đó là, về âm nhạc có Nhạc Sĩ Trịnh Công Sơn, về Văn Chương có Thi Sĩ Nguyễn Bắc Sơn.

Trịnh Công Sơn có những bản nhạc phản chiến, Nguyễn Bắc Sơn cũng có những bài thơ phản chiến.

Hẳn nhiên bên cạnh đó cũng có những khác biệt, như Trịnh Công Sơn phản chiến khi ông đứng ngoài cuộc chiến. Nguyễn Bắc Sơn phản chiến khi ông là MỘT NGƯỜI LÍNH TRONG CUỘC CHIẾN.

Một khác biệt nữa, sau 1975 Trịnh Công Sơn đã đầu hàng CS, trong khi Nguyễn Bắc Sơn vẫn cho mình sự ngang tàng của MỘT NGHỆ SĨ, KẺ SĨ.

Dù có những khác biệt đó, nhưng chúng ta phải công tâm và rộng lượng để xác nhận rằng: CẢ HAI ÔNG ĐỀU LÀ THIÊN TÀI CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM.

**Lời sau chót gửi người bạn xưa.
 Phan Thiết**

Thưa ông, Biết ông là một võ sĩ, tôi đã tuyên bố, là : tôi sợ ông rồi. Nhưng điều tôi muốn thưa với ông, rằng thì là, đừng vì bài viết này mà ông cao hứng đưa thêm nữa với Tử Thần và Định Mệnh.

Đêm qua, tôi đã gặp Tử Thần và Định Mệnh, hai ông ấy có nhắn với tôi rằng: mày hãy nói cho thằng bạn mày, tên thi sĩ du đảng Nguyễn Bắc Sơn, là đừng đùa dai với bọn ông. Những lần trước, ông tha. Nhưng lần này mà đùa nữa, bọn ông bắt.

Tôi được Thi Sĩ Từ Thế Mộng cho biết, thư tiêu khiển từ lâu nay của ông, là muốn làm một vị Bồ Tát, đem tiền bố thí cho chúng sanh. Ông yên tâm, tôi sẽ có tiền mang về cho ông chơi trò chơi Từ Bi, Bác Ái. Để ông chơi một mình không vui. Tôi sẽ chơi với ông, cùng với Nguyễn Như Mây, Nguyễn Ngọc Hương, Từ Thế Mộng. Chúng mình sẽ lập một cái bang mệnh danh là Ngũ Hồ Bình Tài. Chúng mình sẽ mua năm chiếc xe đạp cho Ngũ Hồ. Mỗi sáng, sau châu cà phê chào bình minh đầu ngày, chúng mình sẽ lên đường vào tận hang cùng ngõ hẹp, tặng tiền cho người nghèo. Mà là tặng tiền Mỹ. Đô la xanh. ok.

Tôi đang gom tiền. Khi nào đủ một tỉ đô la. Sáng hôm sau đã có mặt tôi tại Phan thiết.

Sau chót, xin ông hãy xem bài viết này như một món quà tặng ông, chị Hồng và các cháu, cũng như tặng bạn bè của chúng ta ngày xưa ở Phan Thiết.

Lê Mai Linh
 (Bạn ông)

“Văn hóa không tên” tạo nên linh hồn của Sài Gòn xưa

-o-o-o-o-o-

Văn Quang

Viết từ Sài Gòn

Buổi sáng thứ sáu tuần vừa qua, tôi được một ông bạn điện thoại đến rủ ra Givral uống cà phê. Tôi rất ngạc nhiên vì từ hơn 2 năm nay Givral nằm trong thương xá Eden đã bị đập phá tan tành để... làm một cái gì đó, chắc cũng “vĩ đại” như tòa nhà Vincom chiếm trọn khu vườn hoa trước mặt. Mỗi lần đi ngang qua đường Đồng Khởi, tôi không thể nào quên đó là đường Tự Do xưa kia... của chúng tôi. Nhìn toàn bộ khu tứ giác Eden chỉ còn là đồng gạch vụn với những hàng rào kiên cố xung quanh cứ như nhìn thấy... cái gọi là “trại cải tạo”. Thì ra, sau hơn 12 năm, cái “trại cải tạo” ấy vẫn còn ám ảnh tôi ngay cả trong vô thức, đôi khi ngay cả trong giấc mơ. Thế nên mỗi khi đi qua khu Eden bị tàn phá đó, tôi bỗng cúi đầu, chẳng muốn nhìn lâu và cũng chẳng muốn tìm hiểu xem trong thời gian tới, nó sẽ mọc lên cái gì. Tôi cứ nghĩ Gival đã thuộc hẳn về quá khứ, như những người bạn tôi ra lò hỏa thiêu, không bao giờ gặp lại.

Ông bạn thấy tôi khựng lại, ông giải thích:

– Nó mở lại Givral hôm qua (10-10-2012) ở chỗ cũ rồi ông ạ. Cũng điểm tâm, cà phê như xưa. Ra ngồi xem cho biết, nhớ lại chút kỷ niệm xưa.

Nghe bùi tai, tôi đồng ý ngay. Dù biết rằng ra đó ngồi sẽ rất ngậm ngùi nhớ bạn, nhớ tình, nhớ thời trai trẻ, nhớ đủ thứ... trong cái không gian ấy.

Cái “trục văn hóa không tên”

Nói đến Gival là nhớ đến La Pagode, Brodard... chắc chắn những người đã từng sống, từng ghé qua Sài Gòn chưa ai quên. Nhất là những văn nghệ sĩ, nhà báo, dân biểu, thường ngồi ở đây làm nơi trao đổi tin tức nghề nghiệp. Còn một số lớn khách du lịch, sĩ quan, quân nhân, công tư chức làm việc tại “thủ đô miền Nam” và các bạn trẻ Sài Gòn thập niên 60-75 cũng hay lui tới nơi này. Một địa điểm trung tâm thành phố, rất thuận tiện cho mọi việc, từ hẹn hò, mua sắm vài thứ, đợi giờ vào rạp chiếu phim, hoặc chỉ đi “bát phở” mà hồi đó chúng tôi gọi là đi “hittuking”, tức là đi “hít tủ kính” chứ không mua bán gì. Hơn thế, thương hiệu bánh ngọt Gival rất nổi tiếng, thu hút nhiều khách sành ăn. Máy bà đi ngang qua Lê Lợi - Tự Do ghé vào mua vài cái bánh mang về cho chồng con là chuyện bình thường.

Gival, La Pagode, Brodard đã trở thành một cái “trục văn hóa không tên” phảng phất mà rất sâu đậm trong cái hồn của Sài Gòn.

Sau năm 1975, Gival vẫn còn sống sót cho đến khi khu này bị “giải tỏa”, nhưng khách không còn “chọn lọc” như thời xưa. Khách hàng đủ mọi loại, ông Tây bà Đầm,

ông Hàn Quốc bà Đài Loan, chân dài đẹp, chân dài xấu, nghệ sĩ thập cẩm ra vô thong thả và giá cả cũng vào loại trung bình, không “mềm” cũng không “cắt cổ”.

Givral ngày ấy... bây giờ

Trong khi ông bạn tôi tìm chỗ gửi xe, tôi đứng trên đường Lê Lợi nhìn qua khung kính vào nhà hàng Givral mới. Nó vẫn ở cái góc Lê Lợi – Đồng Khởi, mấy cái cửa kính lớn vẫn cho khách có thể nhìn ngắm hai mặt đường phố và tất nhiên khách đường phố cũng có thể chiêm ngưỡng những khách hàng “đẳng cấp” ngồi bên trong.



*Givral ngày xưa trên góc
đường Tự Do – Lê Lợi*

Điều đáng tiếc nhất là cái cột to tướng đứng vào góc đẹp nhất che lấp mất tầm nhìn nơi cửa chính trước kia, làm cho không gian có vẻ như chật chội hơn, không thể nhìn thẳng ra nhà hát lớn, khách sạn Continental với phong cách rất Tây và khách sạn Caravelle cùng cái vòng xoay và những con đường chảy vào giữa lòng thành phố.

Chúng tôi bước vào nhà hàng với một vẻ lạ lẫm. Những chiếc bàn ghế mới toanh,

những bộ salon kê hai bên góc khá đẹp. Tất cả đều mang dáng vẻ sang trọng như bất cứ một nhà hàng cà phê, điểm tâm “có hạng” nào ở những thành phố lớn.

Khoảng 9g sáng, khách đã chiếm hết số bàn trong tiệm. Số còn lại ngồi rải rác quanh chiếc comptoir hình móng ngựa. Những người hoàn toàn xa lạ ngồi riêng biệt, chẳng ai nhìn ai. Cái không khí ấy khiến tôi không thể quên những ngày xưa. Tuy ngồi khác bàn nhưng chúng tôi vẫn có thể biết xung quanh mình có những ai.

Bàn bên kia là bốn năm anh ký giả chuyên làm tin hành lang Quốc Hội, bàn góc trái là mấy ông dân biểu Hạ Nghị Viện thời Đệ Nhị Cộng Hòa đang say sưa bàn về những “ý kiến” đã và đang chuẩn bị lên diễn đàn. Bàn giữa nhà là mấy “dân chơi” quen mặt, có lẽ ngồi đợi người đẹp... Thỉnh thoảng một cái gật đầu, một cái vẫy tay, một ánh mắt thân thiện. Sự gần gũi, quen thuộc ấy chính là cái linh hồn của Givral trước 1975. Bây giờ không tìm lại được nữa.

Cái “trục văn hóa” từ La Pagode, Givral đến Brodard khác nhau thế nào?

Nằm chung trên đường Tự Do xưa, có ba quán cà phê cùng nổi tiếng như nhau. Bắt đầu từ nhà hàng La Pagode ở góc Lê Thánh Tôn – Tự Do, qua vài nhà hàng đến tiệm sách Xuân Thu, đến hành lang Eden, trong đó có rạp Ciné Eden từ hồi... cựu hoàng Bảo Đại mới lên ngôi. Đến góc đường này là Givral nằm đối diện với khách sạn Continental, sát bên trụ sở Hạ Nghị Viện (nhà hát lớn TP cũ), nhìn chéo sang phải là khách sạn Caravelle sinh sau đẻ muộn. Đi quá chút nữa là nhà hàng Brodard.

Ba tiệm cùng nằm trên một con đường rất gần nhau, chỉ cách khoảng trên dưới 100m và gần

như có kiểu kinh doanh giống nhau. Nhưng thật ra, nếu để ý kỹ, khách hàng thường chia làm 3 loại khác nhau. Ở đây tôi chỉ kể riêng về mặt “sinh hoạt văn hóa”.

Trước hết phải kể đến nhà hàng La Pagode, tôi cho là “cổ kính” nhất. Ngay từ những năm 1953, khi tôi mới biết taxi là “cái giống gì” (bởi ở miền Bắc hồi đó chưa có taxi), tôi đã biết La Pagode. Hồi đó La Pagode còn bày hàng ghế salon bọc da ra ngoài hành lang, theo lời ông Nguyễn Sa thì nó giống hết nhiều nhà hàng ở Paris. Ngồi ở đây thoáng đặng. Khách đến thường chỉ dùng một ly cà phê, ngồi từ chiều đến tối mịt. Phía trong có một bàn đánh “tin” dành cho khách giải trí chứ không có mục đích cờ bạc kiếm tiền. Ông Hoàng Hải, anh ruột của cố chuẩn tướng Lưu Kim Cương, có thể kể là một “nhà vô địch” về môn giải trí này. Chúng tôi chỉ cần mua một chục cái jeton, như đồng xu, bỏ vào khe là chơi triền miên. Cứ sắp hết lại kêu ông ông Hoàng Hải “cứu giá”, bonus lại đổ xuống hàng đồng jeton tha hồ chơi.

Từ đâu có “Radio Catinat”

Khách hàng của La Pagode hầu hết là nhà văn nhà thơ, nhạc sĩ, ca sĩ. Cứ vào buổi chiều, sau giờ tan sở là tụ tập lại đây. Tất nhiên cũng ngồi thành nhóm. Những ngày đầu tôi thường đi cùng Thanh Nam, Thái

Thủy, Hoàng Thư và đến đây thường gặp các anh Nguyễn Sa, Trần Thanh Hiệp, Mặc Thu, Cung Trầm Tưởng, Mai Thảo, Phạm Đình Chương, Tạ Quang Khôi, Viên Linh, Nguyễn Đạt Thịnh, Phạm Huân, Anh Ngọc,

Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Đình Toàn...

Quá nhiều, tôi không thể nhớ hết. Thật sự cái nhu cầu chính là đến đây gặp nhau, để... nói dóc, “bình loạn” vài cái tin văn nghệ, thời sự chính trị cho vui thôi. Cả ba nhà hàng này với những cái “loa

ngâm, loa không ai kiểm chứng” nên có thời người ta gọi những tin tức ấy là “radio catinat” (bởi con đường Tự Do, thời Pháp được đặt tên là đường Catinat). Tuy nhiên cũng có những nguồn tin “bí mật quốc gia” rất chính xác bên cạnh những nguồn tin chẳng bao giờ là sự thật. Nó cứ nhập nhằng như thế nên “radio Catinat” chưa chắc đã là “láo toét” như nhiều người kết tội nó.

Vậy tạm gọi Pagode dành cho giới viết lách gặp nhau, xả stress.

Quyền lợi hỗ tương giữa phóng viên và các ông “nghị”

Còn Givral đông nhất và đáng kể nhất vào mỗi buổi sáng. Phóng viên trẻ thường tụ tập ở nhà hàng này vì nó ở ngay trước trụ sở Hạ Nghị Viện, các ông dân biểu thường ra ngồi giải lao tại đây và “thảo luận” đủ thứ chuyện bên lề. Và chuyện bên lề bao



La Pagode ngày xưa

giờ cũng hấp dẫn hơn chuyện trong nghị trường. Chuyện “bí mật quốc gia”, chuyện phe nhóm, “gia nô” và không “gia nô”, chuyện tình bà nghị ông nghị..., cứ nghe mấy ông này là có đủ tin “giật gân” trong ngày. Cảnh phóng viên thường bắt mỗi rất chặt chẽ với các ông bà dân biểu và nghị sĩ thượng hạ nghị viện. Thật ra họ có quyền lợi “hồ tương”, anh cho tôi tin, báo tôi yểm trợ lập trường của anh. Trong số những phóng viên VN còn có một số phóng viên người Mỹ, Pháp từ khách sạn Continental trước mặt ghé sang. Hoặc cũng có một số phóng viên người Việt làm cho các đài truyền hình, truyền thanh nước ngoài sẵn tin tại đây.

Nhà thơ hàng đầu VN thường hẹn hò ở Givral

Có một nhà thơ hàng đầu VN thời đó là thi sĩ Đinh Hùng, bình thường ông hay ngồi ở La Pagode, nhưng khi “hữu sự” ông lại ngồi ở Givral. Dáng người “thanh thoát” nhỏ nhắn rất thư sinh. Lúc nào ông cũng chải chuốt, complet, cravate, đầu chải mượt gọn gàng, tay luôn xách chiếc cặp da, ông còn giữ nguyên vẻ đom đàng, lịch lãm của “công tử Hà Nội” những năm 50. Ông thường hẹn gặp những người ái mộ ở đây. Tôi để ý thấy hầu hết là những nữ độc giả rất trẻ, đẹp. Khi ông ngồi cùng 3-4 cô, khi ông lại rù rì với một người đẹp duy nhất. Đúng là ông có số đào hoa và

dù đã ngoại ngũ tuần nhưng trái tim vẫn còn rất trẻ. Những lúc nhìn ông “say” như thế, tôi có cảm tưởng như ông cũng giống như những cậu trai 20 ngồi bên cô gái 18. Ông sống thật với rung cảm của mình. Có lẽ vì vậy thơ ông bao giờ cũng mang cái óng mượt, thần thoại rất đặc trưng. Có thể, Givral chính là nơi bắt nguồn cho những cánh thơ thăng hoa của cảm xúc này.

Hôm nay ngồi ở Givral, hình bóng anh Đinh Hùng vẫn quanh quẩn đâu đây. Nhớ lại, khi tôi viết truyện dài “Đời chưa trang điểm”, tiêu đề này chính là đã mượn trong câu thơ “đời chưa trang điểm mà xuân đã về” của anh. Lúc gặp nhau, anh Đinh Hùng nói với tôi: “Ừ, cái tit ấy có vẻ tiểu thuyết lắm, cứ lấy xài đi, đóng thuế cho tớ một cuốn thôi”. Mới đây mà đã hơn nửa thế kỷ rồi anh Đinh Hùng ơi!

Brodard với những “dân chơi”

Còn nhà hàng Brodard nằm ở góc Tự Do – Nguyễn Thiệp, nhìn sang bên kia là vũ trường Tự Do của ông Cường lùn và chị “tài phán” Nhựt, bà chị này hành nghề cai quản các em “ca nhe” từ vũ trường Ritz Hà



Nhà hàng Brodard xưa

Nội vào Nam. Ở đây lại đông vui vào những buổi sáng muộn và buổi tối khi “gà lên chuồng”. Nơi lui tới của những “dân đi chơi đêm” Sài Thành. Những anh hùng “hảo hớn” như Khê - Thăng Long Xích Thổ, anh em ông Kim đầu bạc, Kính tennis,

Chương Marine cũng lui tới ngôi tán chuyện giang hồ. Các “đại gia, tiểu gia” thời đó không nhiều, chỉ vồn vện một số ông được sĩ, tu bip, doanh nhân có “xế bốn bánh” đủ để chở các em đi ăn đêm. Thỉnh thoảng một vài em vũ nữ, thường là loại có hạng như Lê Hằng, Thủy Tiên, Mỹ Khuê... ở mấy cái vũ trường gần đó như Tự Do, Mỹ Phụng, Olympia cũng la cà vào đây tán dóc.

Ba nhà hàng ấy là 3 sắc thái riêng biệt làm nên cái trục “văn hóa không tên”, cái linh hồn của Sài Gòn, khó phai mờ trong ký ức của những người Sài Gòn.

Còn một địa chỉ nữa ở gần chợ Bến Thành là nhà hàng Thanh Thế, nơi này là chỗ gặp nhau của những ký giả thể thao như đàn anh Huyền Vũ, Thiệu Võ và một số những nhà báo miền Nam.

Tai nạn nghề nghiệp tại Givral, chuyện bây giờ và chuyện ngày xưa

Nhắc đến Givral và gần đây có câu chuyện về tin “siêu hot” trên nhiều tờ báo ở VN, tôi chợt nhớ đến câu chuyện cũng gần giống như thế xảy ra giữa mấy anh phóng viên với nhau ngay tại nhà hàng Givral hồi xưa. Xin ghi lại chuyện vừa xảy ra trước.

Hẳn bạn đọc còn nhớ câu chuyện “tin không nổi” mới xảy ra vài tuần trước. Ngày 18-9, VOV online, một trang thông tin trên mạng của VN, đã đăng tải thông tin với nội dung rất kỳ cục về “quan hệ” bố chồng nàng dâu. Sau khi VOV online đăng thông tin này, rất nhiều báo, trang thông tin điện tử ở VN đã trích nguồn tin này, có báo còn vẽ rắn thêm chân cho tình tiết thêm phần “thật” và tăng độ “gay cấn” lên cao. Xin nhắc lại câu chuyện có thể kể là chuyện ly

kỳ quái đã nhất thế kỷ tại VN. Trang mạng này đưa tin nguyên văn như sau:

“Bố chồng “yêu” con dâu, cùng phải đi cấp cứu

Ông A (58 tuổi) có quan hệ tình dục với cô con dâu (36 tuổi). Trong khi thực hiện hành vi vô đạo đức này, người con dâu bị chứng co thắt âm đạo làm cho bố chồng không tách rời ra được

Chiều 18.9, Phó Giáo sư, tiến sĩ Tạ Văn Trầm - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang xác nhận, vừa quyết định chuyển 2 bệnh nhân (cư ngụ ở xã Tân Trung, thị xã Gò Công) lên tuyến trên điều trị trong tình trạng “dính” nhau. Điều đáng nói là 2 bệnh nhân này là bố chồng và con dâu.

Trước đó, trong lúc người con trai đi làm ở TP.Hồ Chí Minh, ông A (58 tuổi) có quan hệ tình dục với cô con dâu (36 tuổi).

Trong khi thực hiện hành vi vô đạo đức này, người con dâu bị chứng co thắt âm đạo làm cho bố chồng không tách rời ra được, được đưa đi cấp cứu ở Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh”.

Thật ra đây chỉ là người tin do BS Tạ Văn Trầm - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang nói vui với bạn bè thôi. Hoàn toàn không có thật. Sau đó vài ngày, sáng 22-9 trang báo VOV online đã phải xin lỗi:

“Ngày 18-9, VOV online đã đăng tải thông tin với nội dung về quan hệ bố chồng nàng dâu. Tuy nhiên qua xác minh, phóng viên viết tin này đã có sai sót khi chỉ dựa trên một nguồn tin không chính xác, thiếu thẩm định lại, dẫn đến tin đưa không đúng sự thật. VOV online chân thành cáo lỗi cùng bạn đọc”.

Chuyện ở Givral thời xưa

Thưa bạn, chuyện này làm tôi nhớ đến câu chuyện có thật ở Givral hồi xưa, do anh Hồng Dương kể lại. Khi đó anh là phóng viên của Đài Phát Thanh Quân Đội phụ trách tin tức nghị trường. Hầu như ngày nào anh cũng ngồi với cánh phóng viên ở Givral. Trong số những phóng viên đi săn tin có một ông, lớn hơn vài tuổi. Ông này thích “mần văn nghệ đủ thứ”, làm thơ, viết văn, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học kiêm luôn nghề săn tin. Ông lại thích tỏ ra hiểu biết hơn người, coi mình là cái rốn của vũ trụ nên anh em không ưa. Ông nói và viết nhiều hơn những gì ông biết. Ông chỉ đọc chừng 10 cuốn sách nhưng phê bình đến cả trăm văn nghệ sĩ. Chúng tôi ông chỉ nghe lỏm chứ không biết đâu là đúng đâu là sai.

Một lần anh em đang ngồi tán dóc, thấy ông (xin giấu tên, tạm gọi là ông X.Y) đi tới. Mọi người đều im bặt. Ông X.Y đoán chắc có tin gì hay, tui nó giấu mình. Ông hỏi, nhưng anh em không ai nói câu nào, ông càng nghi. Sau cùng ông lựa một anh có vẻ “thật thà” nhất gặng hỏi cho được cái tin “bí mật” kia. Anh phóng viên “thật thà” bèn bịa ngay ra một “tình sử” tiết lộ cho đàn anh X.Y. Tôi không nhớ rõ là chuyện gì, nhưng đại khái là thứ tin tức động trời như kiểu tin “bố chồng dính lẹo với nàng dâu”.

Ông X.Y tức khắc viết bản tin đăng trên báo hàng ngày. Ông chủ nhiệm bị thiên hạ gọi đến tòa soạn hỏi tới tấp và có nhiều phản ứng rất gay gắt. Ông chủ nhiệm báo này cũng giống như ông chủ nhiệm VOV phải đi xác minh. Cánh phóng viên nói hoàn toàn không có tin này. Chủ nhiệm đành đăng lời “cáo lỗi cùng bạn đọc” và chỉ còn cách cho anh phóng viên nằm nhà làm việc vặt.

Cái bẫy của mấy ông bác sĩ

Trở lại chuyện ngày nay trên VOV, tôi thấy có dư luận chê trách BS Tạ Văn Trâm - Phó Giám đốc Bệnh viện Đa khoa trung tâm tỉnh Tiền Giang nói bậy. Nhưng suy luận cho cùng, tôi nghĩ đây cũng chỉ là chuyện ông BS Trâm thấy anh PV kia hay nghe lỏm, viết văng mạng nên ông ta cùng bạn bè ghét mặt, bèn dăng cái bẫy, bịa chuyện “bố chồng nàng dâu”, cho anh ta nghe lỏm, cũng giống như cái bẫy của mấy anh bạn phóng viên ngồi ở Givral hồi xưa thôi. Chẳng có lý do gì một BS phó giám đốc BV lại nói một chuyện không hề có như vậy. Thiếu gì chuyện để mấy ông tu bip nói đồn với nhau, sao lại nhè lúc anh phóng viên có mặt mà “khui” ra chuyện kỳ quái kia, phải không bạn? Bài học này quả là đắt giá cho những người cầm bút chuyện nghiệp và không chuyện nghiệp.

Tôi kể lại chuyện cũ, chuyện mới để bạn đọc dễ dàng so sánh hai chuyện có cùng một nguyên nhân không.

Không thể tìm lại dĩ vãng

Tóm lại, trong bài này, tôi chỉ muốn thông tin đến bạn đọc một nét “văn hóa xưa” vừa được khơi gợi lại giữa TP Sài Gòn. Nhưng với tôi, nó chỉ còn cái tên Givral của thời xa xưa thôi. Tất cả đều khác trước, giá cả lại quá cao không phù hợp chút nào với cánh phóng viên VN. Nó sẽ chỉ còn thích hợp với khách du lịch ghé ngang qua TP này.

Dù sao cũng xin gửi đến bạn đọc nặng lòng với những hoài niệm cũ, với Sài Gòn xưa, một cái gì đã mất đi không thể tìm lại được.

Văn Quang
Sài Gòn 19-10-2012

Hồi Chương Kim Cổ

Hồ Trường An

Dù có thể nào chẳng nữa, chúng ta cần phải sống cho trọn kiếp này, bằng mọi ý thức nào, bằng triết lý hay nhân sinh quan nào. Dĩ nhiên ta phải tìm hạnh phúc cho mình. Hạnh phúc có mọi nơi, trong tay chúng ta, trong ánh sáng hay trong bóng tối.

Hôm nay, tôi xin kể các câu chuyện thịt không ra thịt, cá không ra cá. Đó là những câu chuyện không biết có ba sồn bốn sứt hay không ? Hay dở ra sao ? Nhưng xin bà con cho tôi được phong chức nghệ sĩ. Tôi chẳng có một chỗ nào vinh diệu trong ánh sáng cuộc đời. Tôi thất bại nhiều hơn là thành công. Nhưng van xin các bạn đừng quá hà tiện. Trong văn chương, dù tôi không thể làm một nhà văn, thì cũng làm người kể chuyện, hay người biên chép cũng là quý hóa rồi.

Chết cha ! Tôi có để lời ra mặc cảm tự ti hay mặc cảm tự tôn hay không đó ? Tự ti và tự tôn của mọi cá nhân của chúng ta làm bức kinh của người chung quanh.

Thôi nhé ! Xin bà con cô bác cho tôi được kể chuyện nếu không nhảm tai thì cũng lắng xẹt, cũng trời ơi đất hỡi cho bà con nghe chơi.

Đôi danh hài Quang Minh và Hồng Đào qua bên Úc Châu trình diễn, có ghé thăm nhà văn kiêm nhà báo Nhất Giang. Ông Nhất Giang kia có giới thiệu cuốn tiểu thuyết "*Khung Rêu*" của chị tôi (nhà văn nữ Nguyễn Thị Thụy Vũ) đoạt giải Văn Học Nghệ Thuật Toàn Quốc năm 1971. Ông Minh & bà Đào bằng lòng chuyển nó thành kịch. Tôi chẳng

biết kịch dài hay kịch ngắn ? Bi kịch hay hài kịch ? Đôi uyên ương danh hài này đã từng phóng tác tiểu thuyết các tác phẩm "*Đoạn Tuyệt*" của Nhất Linh, "*Chú Tư Cầu*" của Lê Xuyên và "*Đò Dọc*" của Bình Nguyên Lộc đưa vào hài kịch.

Hỏi ra thì biết cặp Quang Minh và Hồng Đào là Học trò của nhà văn kiêm kịch tác gia Nguyễn Thị Minh Ngọc. Trước năm 1975 chị lấy bút hiệu Nguyễn Thị Ngọc Minh. Lớp nhà văn nữ có 5 con quý cái (nói theo nhà văn Lan Đình) là Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Nhã Ca, Trùng Dương, Nguyễn Thị Thụy Vũ. Lớp đi sau gồm có: Lệ Hằng, Trần Thị Ng H (Trần Thị Nguyệt Hồng), Nguyễn Thị Ngọc Minh, Ngô Thị Kim Cúc là 4 cây bút sáng giá, bài vở văn chương của họ xúng đáng đăng trên các tập san dành cho các thức giả như Bách Khoa, Văn, Văn Đền. Ngọc Minh có lối văn cười ra nước mắt thật độc đáo, khá thân với chị Nguyễn Thị Vinh và nhóm bạn gồm có họa sĩ Nghiêu Đề và vợ, Nguyễn Đình Toàn và vợ, chị Lê Thị Ý và chị của tôi. Họ vui vẻ chung cảnh thất nghiệp. Chị tôi hành nghề bói bài và cô bạn thơ ấu Dư Thị Tuyết Hồng làm nghề lên đồng nhập cốt.

Công cuộc làm ăn của chị khá trôi chảy. Nhà thơ nữ Lê Thị Ý toan tính chung góp hiện kim với một tên đầu sỏ nào đó để vượt biên. Chị Ý tìm chị tôi nói trớ rằng muốn tính chuyện làm ăn muốn chị tôi bói một quẻ. Chị tôi ngó vào quẻ được trưng bày bằng các lá bài, rồi can:

-- Quẻ xấu quá. Mày mà mong đi chui sẽ bị bọ bọ bọ bọ gậy gậy sau khi mày chung tiền hay chung vàng cho tụi nó.

Lê Thị Ý thờ dài. Chừng hai tuần sau, chị tìm tới chị tôi thú thiệt:

-- Mây bói đúng lắm. May cho tao là tao chưa chung 20 lượng vàng cho tụi gian xảo kia.

Lần sau, chị Ý cũng tới xem quẻ. Chị tôi sau khi những lá bài được xếp thành quẻ, vui mừng :

-- Quẻ của mây tốt lắm. Lá bài **mụ đầm rô** là bốn mạng của mây xoay qua lá **ách cơ** tượng trưng cho sự thành công rực rỡ. Di Ý của sắp nhỏ nên tiến hành rụp rụp cho ngon lành đi.

Kỳ đi chui đó chị Lê Thị Ý thành công. Qua tới Mỹ, chị gửi về cho chị tôi ba bộ bài cào.

Nguyễn Đình Toàn cũng toan vượt biên, nhưng qua một quẻ bói bài, chị tôi nói:

-- Coi bộ ông gặp trắc trở rồi. Quẻ bốn mạng của ông là **thằng cha bồi rô** lại đối diện với **ông vua bích**, xui lắm!

Quả nhiên, kỳ đi chui đó anh Toàn gặp trở ngại. May cho anh là không bị công an tóm cổ. Nhưng rồi thằng con anh đi chui được nên vợ chồng anh được sang qua Mỹ theo diện ODP.

Trong các bạn bè, chị tôi thân nhất là bà vợ anh Toàn; cách đây một năm anh Toàn gửi thư về báo tin cho chị tôi rằng phu nhơn anh mất trí nhớ trầm trọng. Không lúc nào anh phiên muộn như trong thời gian gần đây. Tuy thế, mới đây chị Toàn về Việt Nam thăm gia đình thằng con trai, rồi đòi thăm Thụy Vũ.

Chị Thụy Vũ tôi bảo vào năm năm cuối của thập niên 80 (thế kỷ 20), không bao giờ vui hơn lúc này. Những văn nghệ sĩ còn kẹt lại Việt Nam xúm nhau họp bạn vui cười, có gì ăn nấy, có rượu đem ra uống tới chén choáng, không cần kể tháng ngày, Ông Trời sanh cỏ, thì Trời nhỏ sương cho

cỏ sống xanh tươi ngăn ngắt. Bọn này gồm chị Nguyễn Thị Vinh, vợ chồng Nguyễn Đình Toàn, vợ chồng họa sĩ Nghiêu Đề, Lê Thị Ý, đôi khi có Nguyễn Thị Ngọc Minh.

Vợ chồng Nghiêu Đề sang Mỹ vào năm năm cuối của thập niên 80. Cách đó không lâu hai vợ chồng anh trở về thăm Việt Nam. Anh rủ anh Nguyễn Đình Toàn và Thụy Vũ đi Đà Lạt. Trong chuyến đó có thêm một thiếu phụ đã từng ái mộ anh Toàn.

Chị tôi bảo rằng tài bói quẻ trúng phong phóc là có ma dựa quỷ ám. Cho nên trong thời gian bói bài để kiếm tiền mưu sinh, chị bị một chứng bệnh kỳ lạ: Cứ ban đêm chị đau đớn khắp thân thể và có cảm tưởng tứ chi như bị bẻ gãy khắp các khớp xương. Và lúc ngủ, chị có cảm tưởng có ai kêu réo bên tai, trước khi chìm sâu vào ác mộng quái đản. Sau đó chị gặp một nhà sư khuyên chị nên bỏ nghề bói bài để tránh khỏi ma dựa quỷ ám. Chị tôi chẳng những bỏ nghề bói bài mà còn đem các con quỉ y tam bảo.

*

Nhắc tới Nghiêu Đề, tôi nhớ vào năm 1966, 1967 thi phải, lúc đó chị Thụy Vũ tôi muốn thực hiện cuốn "*Ba Miền Mười Khuôn Mặt*" gồm có Nhã Ca, Lê Tất Điều, Nhật Tiến, Nguyễn Thụy Long, Viên Linh, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Dương Nghiễm Mậu, Nghiêu Đề... Hơn nửa thế kỷ trôi qua, tôi chỉ nhớ bấy nhiêu đó. Tôi đã từng đọc cuốn tùy bút "*Sợi Tóc Trăm Năm*" của Nghiêu Đề nên tìm tới nhà anh để mời anh cộng tác. Nhà của anh bày vài bức tranh sơn dầu vừa vẽ, xong, trên sàn gạch ngôn ngang những ống màu, những tập san văn chương. Thuở đó anh trạc tuổi hăm tám ba mươi, anh có vẻ lười cách phục sức. Nhưng anh đẹp trai, vẻ đẹp rất nghệ sĩ, tóc chải

TÌNH XA

*Tôi vỡ đất hoang cây lúa hiền
Bừng bừng nhịp sống mới lên men
Em từ du mục thời nguyên thủy
Đã bỏ xa tôi cõi muôn phần.*

*Lúa trở đồng đồng thơm nắng hạ
Xanh non bờ cỏ gió bung biển
Hoang vu đến cả đời phiêu bạt
Xa chốn phồn hoa không tuổi tên.*

*Tôi ở bờ xa nghe gió lạ
Phiêu phiêu hồn mộng để say quên
Xuôi theo mạch đất phù sa mới
Nắng sớm mưa chiều gọi nhớ em.*

*Ai chở dùm tôi cơn bão táp
Xua tan mây khói thuở truân chuyên
Để còn đơn lẻ tình xa xứ
Gọi gió Thu về lá đổ thêm.*

Maryland, Thu 2012

Đăng Nguyên

không vén khéo, râu không khéo cạo gọt nên anh không thuộc tí người mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao như tên Mã Giám sinh trong truyện. Kiều. Ánh mắt anh long lanh tinh quái, nụ cười dí dỏm và tuyệt đẹp như nụ cười của nam minh tinh Marlon Brando. Từ đó anh trở thành bạn thân của hai chị em chúng tôi.

Một hôm chị tôi đưa cho anh một số tiền mặt, bảo anh:

-- Coi bộ dạo này ông biếng nhác, làm người ếch, lặn sâu dưới đáy biển, không ai thấy tung tích ông ra sao. Đây là số tiền mặt, ông vẽ cho tôi hai cái tranh bìa sách, nếu thấy không đủ thì tôi sẽ đưa ông thêm. Nhớ vẽ cho xong trong hai tuần tới. Đừng có hứa ầu hứa tả rồi lặn sâu dưới đáy nước... Nghiêu Đề không làm con ma nhà họ Hứa. Cho nên bìa của hai cuốn tiểu thuyết "*Thú Hoang*" và "*Ngọn Pháo Bông*" của chị do Nghiêu Đề chăm nom với màu thiên thanh, hồ thủy và cái tựa sách và tên tác giả lẫn tên nhà xuất bản màu đen lấp lánh. Nghiêu Đề là nghệ sĩ tài hoa trong nhóm Họa Sĩ Trẻ gồm có Nguyễn Trung, Đinh Cường, Nguyễn Khai, Lâm Triết, Lê Tài Điền, Hồ Hữu Thủ...

Có lần Thụy Vũ thú thiết với Nghiêu Đề và tôi:

-- Có lần tui đi lại nhà in để canh chừng coi anh thợ in pha màu đúng như màu của hình vẽ cái bìa hay không. Vì mang thai, ngồi hơi lâu nên tui ngủ gục. Anh thợ in đánh thức tui dậy và bảo rằng: "May cho bà. Nếu tôi pha màu ầu tả thì cái bìa sách làm bà kêu thất vọng, kêu ca om sòm. Biết đâu những thân chủ cũ của tôi sẽ rút lui có trật tự."

Về vụ in ấn bìa sách, nhà thơ nữ Hoàng Hương Trang, bạn thân của tôi cảm râm:

-- Tui vẽ cho con Lê Thị Ý cái bìa tập thơ của nó, dặn nó phải coi chừng màu. Ai dè nó quên. Màu đen trước khi in phải pha một chút màu xanh để màu đen thêm óng ả, mượt mà như màu huyền hồ phách (ony). Nếu chỉ dùng màu đen thuần túy thì màu đen khi in ra sẽ mốc cời.

Dù chưa thấy tập thơ của chị Lê Thị Ý, nhưng tôi trở tài địa, tài xạo ra:

-- Ừ hén, màu đen không pha một chút màu xanh thì trở thành màu đen của cứt chuột.

Chị Hoàng Hương Trang là bạn khá thân của Lê Thị Ý, nhưng giao du rất hơi hợt với chị tôi.

Tập truyện "*Ba Miền Mười Khuôn Mặt*" do mười tác giả Bắc Trung Nam đóng góp, chị tôi chọn một tùy bút của Nghiêu Đề tựa là "*Ngôi Sao Miền Đông*" rất đẹp ở bút pháp, ở bối cảnh, ở nhạc điệu du dương như một bài thơ.

Tôi còn nhớ có một dạo tôi mập ú, phải làm *diet*. Mỗi ngày tôi chỉ ăn một bữa cơm trưa. Tôi không nhớ vào khoảng thời gian nào, lúc đó tôi làm việc ở Ban Thông Tin Báo chí thuộc Quân đoàn III Quân Khu 3 (Biên Hòa). Trong vụ nghỉ phép thường niên, tôi ghé thăm Nghiêu Đề. Tới 12 giờ trưa, tôi kiêu từ anh để về nhà người bạn khác. Nhưng Nghiêu Đề giữ tôi lại dùng cơm trưa. Hai ba phen tôi từ chối. Anh tưởng tôi áy náy từ chối để khỏi làm khách cầu cơm. Thực ra, tôi giấu anh về việc tôi ăn uống ít oi để khỏi mập phì. Anh cứ nài ép tôi dùng làm khách khi đến thăm anh. Từ nhà bếp, mùi cá kho bay ngát tới phòng khách. Ôi chao! Tôi bỗng thèm ăn dữ dội. Thế nên tôi nhận lời dùng bữa với anh. Đó là cá linh, cá ròi kho sả ớt. Đó là một bữa ăn xoàng. Nhưng bây giờ trên đất khách, mỗi khi tôi nhớ lại, lưỡi tôi như hóa lỏng, nước bọt ứa ra tràn họng. Hình ảnh anh tuy chập chờn trong phút hồi tưởng mong manh, nhưng vẫn làm tôi bồi ngùi như nghe tiếng chuông hồi kim cổ từ đâu vang vọng lại.

Nghiêu Đề chết trên đất khách, vợ anh tuy tái giá, nhưng vẫn lui tới viếng thăm bạn cũ của chồng. Các con của anh đã ăn học thành tài. Chị Giang (vợ của anh) mỗi

khi viếng Thụy Vũ thường nhắc nhở tới anh và đoạn đời khổ cực của bạn bè quen thân đùm bọc với nhau. Đó là thời Cộng Sản siết chặt gọng kềm đối với phe Quốc gia xưa cũ trên đất nước.

*

Trước năm 1975, chị tôi không hề tiếp xúc với nhà văn Doãn Quốc Sĩ. Nhưng sau khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản, Doãn Quốc Sĩ cho rằng cái quốc nạn của người quốc gia là chất xi-măng để cho các nghệ sĩ phe bại trận nối kết với nhau. Cho nên khi Thanh Tâm Tuyền vừa được phóng thích ra khỏi nhà tù của Cộng Sản, Doãn Quốc Sĩ, Tạ Ty cùng hai chị Thái Thanh và Nhã Ca đến thăm ông Tuyền.

Thụy Vũ trong cuộc điện đàm với tôi có cho tôi biết một lần nọ ông Doãn có tiếp xúc với chị và mời chị đi ăn. Ông hỏi:

-- Bây giờ đã đổi đời rồi, liệu em có thể viết lại không?

Trong lớp văn nghệ sĩ của Miền Nam Việt Nam, ai cũng biết cha tôi thân Cộng. Họ tưởng cha tôi sẽ giúp đỡ chị tôi viết lách lại. Cho nên ông Doãn mới hỏi như thế. Chị tôi phân trần:

-- Anh ơi, thuở trước em viết lách như anh em mình. Bây giờ thì em chỉ lách chớ không dám viết nữa đâu.

Trước năm 1975, nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng và chị tôi không thân với nhau. Cả hai có sự bất bình nho nhỏ, nhưng khá bén nhọn. Trước đó, chị tôi có lui tới với chị Hoàng để hỏi mua bản thảo truyện dài "*Vòng Tay Học Trò*" của chị ấy. Cũng xin nhắc lại cốt truyện. Đây là mối tình rất đẹp giữa cô giáo Trâm và cậu học sinh tên Minh. Hai nhân vật trong truyện này có thật, được tiểu thuyết hóa. Cô giáo Trâm là Nguyễn Thị Hoàng, còn cậu học sinh tên

thật là Mai Tiến Thành, về sau Thành là bạn thân của tôi. Qua hai cuộc tình với giáo sư Cung Giũ Nguyên và Mai Tiến Thành, chị Hoàng kết hôn với giáo sư Nguyễn Phúc Bửu Sum. Đáng trọng phu của chị Hoàng cường tráng đẹp trai. Khi cuốn *"Vòng Tay Học Trò"* chào đời, Mai Tiến Thành làm quen với chị tôi, yêu cầu chị đưa hẳn đến nhà chị Hoàng. Chị tôi nhận lời. Tại sao chị tôi không biết rằng cuộc viếng thăm đó làm cho chị Hoàng bị bẽ mặt, còn anh Bửu Sum lúng túng như con thằn lằn bỏ trong cái thùng?

Mai Tiến Thành có cho xuất bản 2 tác phẩm văn chương. Đó là *"Tiếng Nói Học Trò"* (tự truyện), *"Bi Ca Nhục Cảm"* (tập thơ).

Cũng xin nói rõ thêm: Nghiêu Đề là em con nhà cô của anh Bửu Sum.

Trong nhóm 5 nhà văn nữ thời danh Trùng Dương, Túy Hồng, Nhã Ca, Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ thì Trùng Dương thân với Thụy Vũ, còn Nhã Ca thân với Nguyễn Thị Hoàng. Túy Hồng cũng như chị Nguyễn Thị Vinh (nhà văn) và chị Trần Thị Tuệ Mai (nhà thơ) thân mến với tất cả ngũ long công chúa trong làng văn của Miền Nam Việt Nam tự do.

Năm 2008 thì vợ chồng anh Nguyễn Xuân Hoàng về viếng Sài Gòn có đặt tiệc mời các nhà văn nhà thơ còn kẹt lại trên đất nước quê hương trong đó các nhà văn nữ có chữ Thị trong bút hiệu như Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thị Minh Ngọc, Trần Thị NH (Trần Thị Nguyệt Hồng), Ngô Thị Kim Cúc.

Hồi trước quốc nạn Nhã Ca viết cuốn truyện dài *"Phượng Hoàng"* quyết tâm biện hộ bạn Nguyễn Thị Hoàng của mình qua nữ nhân vật Phượng Hoàng.

Chị tôi bây giờ đã ăn chay và tu theo Pháp môn Tịnh Độ (bằng cách niệm A-di-đà Phật) đã gần 2 năm. Một hôm, trong tháng 11 của năm 2012, chợt nhớ tới Nguyễn Thị Hoàng, chị *phone* chị Hoàng. Cả hai cùng cảm động vì trên 30 năm qua cả hai chỉ có gặp một lần trong bữa dạ yến do vợ chồng anh Nguyễn Xuân Hoàng thiết đãi.

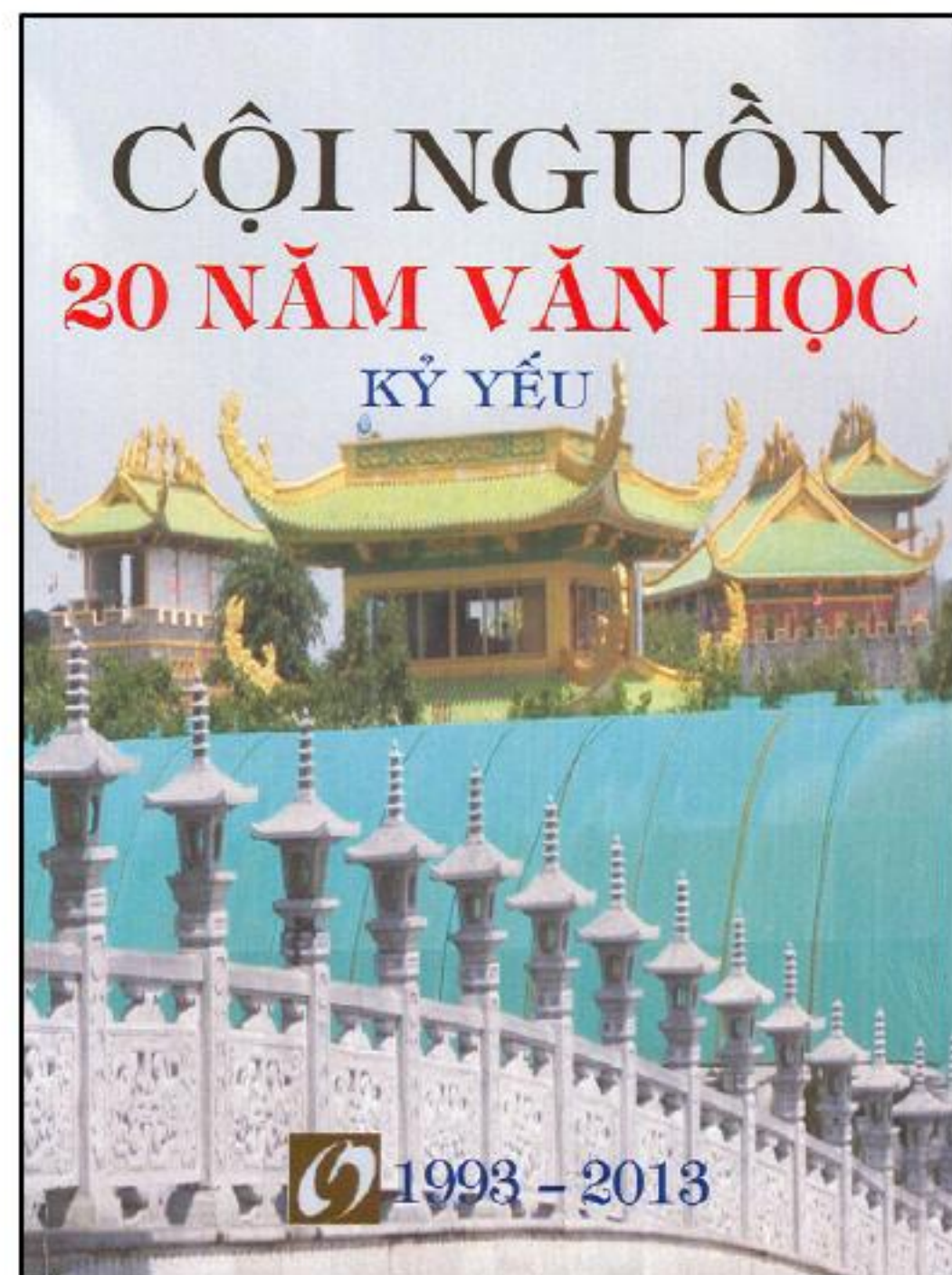
*

Người già thường sống trong dĩ vãng, dù dĩ vãng của mình bị thăm thì cái hiện tại của mình cũng như áng khói màn sương phảng phất một cách mơ hồ. Huống hồ dĩ vãng của tôi có nhiều kỷ niệm đẹp, nhất là vào giai đoạn tôi lặn xả vào hai thứ văn nghệ sáng tác (văn chương) và văn nghệ trình diễn (ca nhạc và kịch ảnh).

Xin cho tôi sống lại một thời hoặc một ngày với cái dĩ vãng lộng lẫy trong cõi xa xăm xưa cũ.

HỒ TRƯỜNG AN

Ngày 23 tháng 10 năm 2012



VÀO ĐẢNG

(trích trong hồi ký “CÁCH MỆNH MỘT THỜI”)

Vũ Minh Tấn

Lời giới thiệu: Bài viết sau đây trích từ hồi ký “*Cách Mệnh Một Thời*” của Vũ Minh Tấn, một đảng viên kỳ cựu của Đại Việt Quốc Dân Đảng, nằm trong số 25 người đầu tiên được huấn luyện tại căn cứ Lạc Triệu. Ông cũng là tác giả “*Công Dân Việt Sử*”, một cuốn sách giá trị về lịch sử nước Việt Nam từ thời lập quốc cho đến năm 1975, dày 444 trang khổ lớn với rất nhiều hình ảnh màu minh họa, và với cách trình bày mới mẻ rất hấp dẫn người đọc, mà bạn đọc có thể tham khảo trên trang mạng www.vietnam.webtoday.se.

Sau đây là một đoạn trích từ cuốn sách “*Cách Mệnh Một Thời*” nêu trên, vẽ lên một bức tranh sống động và lý thú về một giai đoạn lịch sử còn rất cần được soi sáng bởi những người trong cuộc. Xin trân trọng giới thiệu đến quý độc giả. - **Thanh Quang**

1943: Tôi tròn 20 tuổi, vừa nhập học lớp “Dự Bị Y Khoa” của Đại Học Đông Dương để rồi hết năm học đó sẽ thi vào năm thứ nhất Y Khoa chính-thức.

Đông-Pháp vẫn còn thuộc quyền cai-trị của nước Pháp dưới chính-phủ Vichy, với thống-chế Pétain làm quốc-trưởng. Tại Hà nội, “*Đại Học Đông Dương*” hay “*Université de l’Indochine*” đã có từ lâu, nhưng sinh-viên gần như chỉ có từ hai phần Bắc và Trung-Kỳ tới theo học. Người Nam thường tìm vào các đại-học ở ngay Pháp. Sau khi giao-thông giữa Pháp và Đông-Á bị cắt-đoạn, sinh-viên trong toàn-thể Đông-Pháp đều phải tập-trung tại Hà-Nội tại đó, theo mẫu Paris, chính-quyền cũng đã cho xây một làng học-xá, chỗ tụ-hợp của đủ mọi thanh-niên trí-thức để ... dần-dần trở thành một cái tổ phiên-loạn, một cái lò thuốc súng chỉ đợi dịp bùng nổ mà Pháp không tránh được hậu-quả. Tuy chính-

quyền tại Đông-Pháp thời đó, dưới vị Toàn-Quyền cuối cùng là Thống-Độc Decoux, đã cố-kính tìm ra nhiều thay-đổi để phân hấp-dẫn dân bản-xứ, phân để tranh-dành ảnh-hưởng với Nhật như: Tổ-chức thanh-niên thể-thao từ thành-thị tới thôn-quê; Mở những lớp huấn-luyện cứu-thương, phòng-thủ thụ-động; Tổ-chức hội-đồng hàng xã v.v.

Cái kỳ thi nhập vào chính-thức Y Khoa này cũng chỉ là một trong những mảnh-khoé của chính-phủ “*Cách-mệnh Quốc-gia*” đó của chế-độ Pétain để xác-nhận việc muốn khai-tử cái chế-độ “*Tự-do, Bình-đẳng, Huynh-đệ*” của Đệ-tam Cộng-Hòa-Pháp, và thay nó bằng cái chế-độ “*Cần-Lao, Gia-đình, Tổ-quốc*” của Quốc-Gia-Pháp. Lớp Dự-Bị vào Y-khoa đó cũng vẫn dạy qua những môn cũ của lớp PCB (Lý-Hóa-Sinh) ngày xưa, nhưng thêm vào đó, sinh-viên cũng đã được một lần mỗi tuần khoác chiếc áo dài trắng để theo đuôi mấy anh lớn đi vòng buổi sáng qua các ban

trong bệnh-viện Yersin và để ”nhìn ... đàn bà” như bà cô Giáo Ngô sỗ-sàng thổ-lộ ra. Một trong những đổi-thay đã đột-nhiên xoay hẵn vận-mệnh của tôi.

Ngay ngày đầu tiên mới ngồi vào ghế Y-Khoa tôi đã được gặp Bảy Cảnh¹, một sinh-viên người Nam từ Gò-Công tới ngồi vào cạnh và lập-tức bắt chuyện. Tôi thì lại vốn tính tò-mò và hiếu tân nên bắt bạn ngay. Vừa sau khi kết thân với một anh người Quảng-Châu, nay lại đến lượt một anh người Gò-Công. Sau 80 năm cai-trị Việt-Nam, người Pháp đã thành-công trong việc chia rẽ Bắc Nam đến nỗi với con mắt người Bắc như tôi hồi đó, người Nam là một người ngoại-quốc như tất cả những người ngoại-quốc khác, ”dân Tây”². Bảy Cảnh rất

¹ Phạm Đăng-Cảnh, thân cận của Anh Cả Phương (Trương Từ-Anh) người sáng-lập và đảng-trưởng Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng. Anh này, trong suốt cả thời-kỳ ba bốn mươi năm Đại-Việt, nhất nhất đi theo đường lối hoạt-động của đảng-trưởng, nghĩa là hoàn-toàn trong bí-mật, không bao giờ đứng ra công-khai hay nhậm một chức-vụ gì, ngay cả dưới thời-kỳ Nguyễn Tôn-Hoàn và Phan Huy-Quát ra lập chính-phủ dưới Đệ-Nhị Cộng-Hòa. Tôi lãng quên mất bí danh đầu của anh. Chỉ nhớ là dưới thời Đệ Nhất Cộng-Hòa, anh vẫn tiếp tục làm việc trong bóng tối (cũng như tất cả anh em Đại-Việt thời đó) dưới tên Khôi. Sau 1975 anh tiếp-tục làm việc đảng với chức chủ-tịch trong khi anh tôi là Phân giữ chức phó chủ-tịch.

² Tuy rằng theo hòa-ước Pháp-Việt tới đó người Việt sinh tại Hà-Nội, Hải-Phòng và một vài thành-phố lớn nữa cũng là công-dân Pháp như những người Việt sinh tại Nam-Kỳ, nhưng với người Bắc thời đó thì Ta vẫn là Ta, Tây cũng vẫn cứ là Tây, phân-biệt như vậy. Thật ra thì người Việt trong Nam cũng cùng một tư-tưởng nhưng hồi đó tôi đâu có biết.

thân-mật và là người ”ngoại-quốc” đầu tiên mời tôi tới tận nhà ăn cơm và bàn-bạc. Trước hết tôi ngạc-nhiên vì cái cử-chỉ của một ”người Tây” đối với một người ”bản-xứ” như tôi để rồi dần-dần khám-phá được ra rằng anh cũng ”Ta” như tôi chứ không phải là ”Tây” như tôi vẫn tưởng.

Không lâu, sau khi Cảnh không những đã chỉ làm cho tôi hay là anh cũng Ta như tôi mà lại còn cho hay là anh đã từ lâu hoạt-động trong một đảng cách-mệnh quốc-gia, với mục-đích là chống Pháp để tranh-đấu lấy lại độc-lập cho Việt-Nam. Thế là tôi ”sa vào bẫy”. Mà lúc đó không phải chỉ có tôi mới dễ bị lôi-kéo vào phong-trào. Bầu không-khí trong các thành-phố lớn tại Việt-Nam thời đó - nhất là tại thủ-đô Hà-Nội, với đại-học và ba bốn trường trung-học - các chính-đảng mọc lên như nấm và đua nhau tuyên-truyền trong các giới thanh-niên và sinh-viên, là những nơi dễ bị truyền-nhiễm hơn hết. Với một thể-hệ thanh-niên chán-nản việc học- hành và thời-thế; Với những tin-tức như ”Phục-Quốc-Quân” do Nhật đưa về lập chiến-khu chống Pháp để rồi bị bỏ rơi cho Pháp tiêu-diệt; Rồi đến tin những danh-nhân như Trần Trọng-Kim, Nguyễn Tường-Tam, Ngô Đình-

Diệm bị Pháp tình-nghi muốn bắt nhưng được Nhật che-chở và gửi ra đi ngoại quốc. Và sau hết với tin-tức chiến-khu Việt-Minh tại Thái-Nguyên cũng đã bắt đầu có gửi cán-bộ xuống các tỉnh đồng-bằng để tuyên-truyền và hoạt-động khủng-bố

Tuổi Trẻ Yêu Nước!

Mến tặng Anh Bình và Việt Khang, hai nhạc sĩ trẻ vừa bị nhà cầm quyền CSVN, tay sai Tàu Cộng kết án người thì 6 năm, người thì 4 năm tù vì “tội” sáng tác nhạc nói lên lòng yêu nước.

**Việt Nam Tuổi Trẻ anh hùng
Hôm nay cương quyết chẳng dung giặc Tàu
Ngẩng đầu không hổ ngàn sau
Cùng nhau chia xẻ nỗi đau giống nòi!
Biên cương lãnh thổ rạch ròi
Gươm thiêng ái quốc trắng soi đá vàng
Anh Bình cùng với Việt Khang
Hai chàng nhạc sĩ mở Trang Sử Hùng!**

**30.10.2012
Hồ Công Tâm**

“agitprop” ... thanh-niên thời đó không còn ai là người đã bị bỏ qua, hay được quên đi, ra ngoài cái phong-trào yêu nước đó.

Rồi, một hôm, nghe như tôi đã chín muối, Bấy Cảnh dí vào tay tôi một cuốn sổ bằng cỡ một bàn tay mang tên “Tuyên-ngôn của Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng”, với những lời lẽ khiêu-khích nói về thành-tích của tổ-tiên chống ngoại-xâm, với những nhắc-nhở tới những lãnh-tự sáng-suốt v.v. Thế là thuốc đã bén mùi. Chỉ còn chuyện tò-mò, dĩ-nhiên, muốn biết những lãnh-tự đó là ai. Những tên như Nguyễn Hải-Thần, Vũ Hồng-Khanh lúc đó chưa mấy ai biết tới. Ngoài Cường-Đề từ Nhật và những danh-nhân như đã kể đang được Pháp-Nhật tranh-chấp, chỉ còn tên Nguyễn Ái-Quốc mà, dù bị cấm-đoán, theo-đuổi, chóc-nã, tù-tội đến đâu nữa, vẫn là cái tên mà không ai tránh PHẢI nghe tới. Cái tên, cái người mà ai cũng biết là đã từng được huân-luyện thành nhà cách-mệnh chuyên-nghiệp tại Liên-Xô, nhưng đối với người Việt-Nam yêu nước lúc đó cũng chỉ là

một người cách-mệnh ái-quốc mà thôi. Khi được hỏi tới, Bấy Cảnh trả lời rằng “*Nguyễn Ái-Quốc cũng là người mình*”³ ... Nhưng còn *nhiều nhân-vật khác sáng-suốt hơn*”.

Đến ngày tuyên-thệ nhập đảng, Cảnh gọi tôi đến nhà, trước một “Bàn-thờ Tổ-Quốc” bày-bien trong một góc phòng, với bản tuyên-ngôn giữa hương nến ... Tôi vừa để tay lên cuốn “Tuyên-ngôn” thì từ trong phòng trong đi tới một thanh-niên, mặt mày nghiêm-khắc, đặt mạnh xuống mặt bàn thờ một khẩu súng lục, đồng thời Cảnh giới-thiệu “*Đồng-chí Bằng, Ủy-ban Ám-sát*”. Và lẽ dĩ-nhiên cái dàn cảnh trò tuồng bất ngờ đó cũng đủ để làm cho rúng-động con tim của một thanh-niên chưa từng bao giờ được trông thấy những đồ quốc-cầm

³ Thật ra thì Cảnh không nói dối tôi vì trong thời-kỳ đó Trương Phát-Khuê đã tại Liễu-Châu tập-hợp được tất cả mọi lãnh-tự cách-mệnh Việt-Nam có mặt tại Trung-Hoa để thành-lập « Việt-Nam Cách-Mệnh Đồng-Minh-Hội » với Nguyễn Hải-Thần làm Chủ-Tịch và Hồ Chí-Minh làm Phó-Chủ-Tịch.

đó. Thêm vào đó là những cảnh-cáo về hình-phạt dành riêng cho những đảng-viên phản-quốc, phản-đảng v.v. Đây là những kinh-nghiệm mà tới đó tôi chỉ được giấu-giếm đọc qua trong những lịch-sử về “hội-kín, hội mở”. Đồng-thời tôi cũng cảm thấy một niềm kiêu-hãnh khác-thường là từ giờ phút này, tôi đã gia-nhập một đoàn-thể có kỷ-cương để bảo-vệ quốc-gia và trừng-phạt những kẻ nào phạm tới nó. Ngay sau đó, có tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa chớp nhà Cảnh: Một người lớn tuổi, mang kính cận-thị nặng, trừng-trừng nhìn vào mặt tôi và trao-đổi một vài câu lặng-lẽ với Cảnh và Bằng, để rồi lại chớp-nhoáng biến đi. Cảnh khẽ bảo tôi: “Anh Phương”⁴. Đầu óc tôi còn đang hoang-mang với khẩu súng lục sỗ-sàng đập xuống mặt bàn và những lời cảnh-cáo vu-vơ nên cũng chẳng nghĩ tới đó chính là Đảng-Trưởng Trương Tử-Anh mà sau này còn nhiều lần anh em nhắc tới với những luận-điều tâng-bóc lên như một vị thánh-thần.

Trong khi chờ đợi, trách-nhiệm đầu tiên mà đảng giao-phó cho mỗi đảng-viên là tiếp-tục tuyên-truyền tuyên-ngôn của đảng và “lấy người”, lấy đảng-viên mới, tự lập-thành chi-bộ, rồi với thời-gian khu-bộ, thành-bộ, tỉnh-bộ v.v. và ... đồng-thời “phản tuyên-truyền” các đảng-phái khác ... đặc-biệt là Cộng-Sản.

Mà Cộng-sản thì lúc đó chưa ai nghĩ tới. Ngay đến Việt-Minh, tuy hoàn-toàn là do những nhân-vật Cộng-Sản lão-thành như

Hồ Chí-Minh, Trường-Chinh, Võ Nguyên-Giáp lãnh-đạo nhưng cũng vẫn còn mang một bộ mặt nạ “Cứu-quốc” mà thôi. Còn về những nhóm “quốc-gia thuần-túy” và công-khai thì cũng đã có tới nửa chục, với những nhóm nhỏ năm ba chục người là nhiều, với những tôn-chỉ, lý-thuyết mù mờ như:

1. Đại-Việt Dân-Chính của Nguyễn Tường-Tam, tụ họp quanh nhóm “Tự-Lực Văn-Đoàn” và dựng trên chính-thể dân-chủ tư-bản của Tây-Âu;

2. Đại-Việt Dân-Xã của Nguyễn Xuân-Tiểu, hoàn-toàn giập theo lý-thuyết Nazi (Quốc-gia Xã-hội) của Hitler;

3. Phục-Quốc-Quân hoàn-toàn dựa vào tên cựu hoàng-thân Cường-Đề ở Nhật;

4. Đại-Việt Duy-Dân của Lý Đông-A với một lý-thuyết truyền-thống lơ-mơ.

Đây mới là chỉ nói tới những nhóm hoạt-động cách-mệnh ngoài Bắc hồi đó. Còn tại trong Nam thì, ngoài nửa chục nhóm chính-trị đủ mọi xu-hướng, từ cực hữu thân Pháp tới cực tả như Đệ-tam Cộng-Sản, Đệ-tứ Cộng-Sản, lại còn những giáo-phái như Cao-Đài, Hoà-Hảo, đến cả những phường lưu-manh như giặc-cướp Bình-Xuyên, cũng lục-tục theo nhau tranh-dành “truyền-giáo”, công-kích nhau, đánh lộn với nhau.

Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng của Trương Tử-Anh hoạt-động trước hết trong giới trung-lưu như công-chức, thương-gia v.v., tại chốn thành-thị, và nhất là trong giới trí-thức, sinh-viên đại-học, trung-học v.v. Vào lúc tôi gia-nhập thì đảng cũng đã bắt đầu xâm-nhập vào thôn-quê với những nhân-vật trong giới cầm quyền như quan-trưởng, hào-lý v.v.

“Dân-Tộc Sinh-Tồn”, lý-thuyết căn-bản của Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng chủ-

⁴ Trương Tử-Anh, người sáng-lập và đảng-trưởng Đại-Việt Quốc-Dân-Đảng, tên thật là Trương Khán. Còn được gọi là Khán Lì, có lẽ cũng nhắc tới thành ngữ “gan lì tướng công”.

trương xây-dựng một chế-độ **“Đảm-bảo và dung-hòa sự sinh-tồn cá-nhân và sinh-tồn dân-tộc. Bảo-vệ quyền-lợi quốc-gia mình và dung-hòa quyền-lợi của quốc-gia mình với các quốc-gia khác. Tích-cực đóng góp vào việc tạo-dựng sự hài-hòa giữa các dân-tộc. Cổ-võ sự hợp-tác quốc-tế, mưu-cầu sự thịnh-vượng và hoà-bình chung cho loài người”**. .. thật là cả một cảnh “Thế-Giới Đại Hòa” nếu ta chạnh lòng nhớ tới “Thế-Giới Đại Đồng” của Cộng Sản. Nhưng trên mặt thực-tế thì ĐVQDD lại cho rằng muốn thành công cần phải áp-dụng “Lãnh-tự-chế” theo kiểu phát-xít của Mussolini và quốc-xã của Hitler tại Tây-Âu.

Chính là trong cái bầu không-khí sôi-sùng-sục như trong một cái nồi súp “tả-pí-lù” đó mà tôi đã nhận nhiệm-vụ “truyền-giáo” để kiếm người vào việc giải-phóng dân-tộc và kiến-thiết quốc-gia, và cũng là dịp đầu tiên được đi ra đụng-chạm với đời và kinh-nghiệm thực-tế xã-hội của một thanh-niên tuy đã 20 tuổi mà chưa bao giờ đi qua được cái ngưỡng cửa của một gia-đình trung-lưu đông-phương.

Và kinh-nghiệm với đời thật là quý-báu. Sốt-sắng với nhiệm-vụ thiêng-liêng mới tới, bỏ cả học-hành, tôi vụng-về ra đi tìm kiếm những con mồi mới cho ĐVQDD. Một trong những “nạn nhân” đầu là Huân, người phố Hàng Thuốc Bắc và đồng-học tại đại-học. Huân và tôi thì thường ngày gặp nhau tại thư-viện tại phố Tràng-thị để đọc sách. Trong khi tôi còn đang lúng-túng tìm lý-luận để trình-bày « Dân-tộc sinh-tồn » của tôi thì Huân⁵ đột-

nhiên cắt lời: “*Thế là mày ở Đại-Việt rồi à? Tao cũng đang muốn tuyên-truyền mày cùng vào Việt-Minh. Tao cũng chỉ mới vào được hai tháng, nhưng thấy cũng hay lắm!*”. Đây cái nhiệm-vụ mới là như vậy đây. Khổ nổi, sốt-sắng thì vẫn sốt-sắng nhưng tôi thì tính đã nhút-nhát, thụ-động, lại không có tài thu-phục nhân tâm nên kết-quả cũng chẳng được là bao nhiêu. Một vài chi-bộ gì đó. Cũng vì rằng hoạt-động tuyên-truyền cách-mệnh hồi đó không phải là không nguy-hiểm. Mật-thám Pháp luôn luôn theo dõi, nhất là trong giới thanh-niên đại-học. Chẳng may gặp phải một người nào đó trong hàng-ngũ chó săn là tức khắc bị bắt, rồi tra-tấn, tù-tội, đầy-ải ngay. Đảng-trưởng tới đó cũng đã hai ba lần gì đó bị rơi vào cảnh này và chính trong lúc tôi vào tuyên-thệ, ông vẫn còn sống trong bí-mật trốn-tránh.

Qua khỏi mùa hè 1944, tôi trở lại “Lớp Dự-Bị Y-Khoa”, lớp cũ để tiếp-tục học hành và làm việc đảng cho tới ngày mùng chín tháng ba 1945 khi Nhật làm đảo-chính, các trường học cũng như mọi cơ-quan cai-trị cũ của Pháp đều bị đóng cửa và các đảng-phái quay từ bí-mật sang thời-kỳ bán-công-khai với chính-quyền mới: Toàn-quyền Nhật, Thống-Sứ Nhật, quân-đội Nhật và ... mật-thám, công-an Nhật.

rất lớn, tìm mua vũ-khí cho Cứu-Quốc-Quân. Vậy thì - mày tao cũng vậy, Việt-Minh hay Đại-Việt cũng rứa - thanh-niên sinh-viên như chúng tôi thời đó được trao cho những nhiệm-vụ quá cao trên mọi kinh-nghiệm về đời sống của một trai thời loạn.

⁵ Huân mất tích không lâu sau đó trong một vụ công-tác vượt Lào tới Thái-Lan để, với một số tiền

Văn thơ tình bất hủ: Le Pont Mirabeau

Nhà Thơ Tiên Phong Của Phái Siêu Thực: Guillaume Apollinaire (1880-1918)

Phạm Trọng Lê

Apollinaire tên thật có chỗ ghi là Wilhelm Apollinairis de Kostrowitzki, sinh ở La-Mã, mẹ người dòng quý phái Ba-Lan, sống nay đây mai đó, cha có lẽ là một sĩ quan người Ý và chính thân phận con hoang khiến thi sĩ suốt đời đi tìm nguồn gốc của mình. Cuối thế kỷ 19, Apollinaire đến Paris, vô gia đình, vô xứ sở. Ông nổi tiếng rất nhanh trong phong trào thơ mới. Chơi với các họa sĩ lập thể như Picasso và Braque cùng các nghệ sĩ tiên phong trong phong trào thơ mới. Viết phê bình về họa lập thể trong cuốn Les fenêtres cubistes (1913). Cũng năm đó, nhà xuất bản Mercure de France in tác phẩm Alcools, và nhờ tập thơ này ông phục hồi được uy tín sau khi bị hàm oan vì nghi dính líu trong vụ bức họa MONA LISA bị ăn trộm. Sống hết mình, tính tình có lúc khó hiểu, hay bốc đồng, nói chuyện có duyên, ăn nhiều, uống khỏe, yêu hết lòng, có lúc sống như một người ngoan đạo, quảng đại với bạn bè. Nhưng trên hết, ông là một tay cách mạng thơ văn, tìm hiểu những vùng ý-thức bằng lòng quả cảm và tinh khiết của thơ mình. Nhận xứ Pháp là quê hương. Trong đệ nhất Thế chiến, năm 1914, đi lính, ra trận, bị thương nặng ở đầu



khí ở giao thông hào; trở về Paris, nằm nhà thương, nhưng vẫn làm thơ, Cho ra đời tập thơ Calligrammes với thí nghiệm về chính

tả và văn phạm; người đầu tiên dùng chữ « **surréalisme** » (siêu thực); tác giả bài nói chuyện quan trọng, « Tinh thần mới và thi sĩ ». Lập gia đình được 5 tháng thì chết vì cúm. Đám tang ông được di chuyển qua đường phố Paris, lúc đó, 1918, mĩ mai thay, đang hân hoan đón mừng lễ đình chiến. Mộ ông đặt ở nghĩa địa Père-Lachaise ở Paris.

Nếu ngày nay, kể từ giữa thập niên 60, khi ta nghe bài Mùa Thu Chết do Phạm Duy phổ nhạc, ta cũng nên biết thêm về gốc của lời Việt bản nhạc đó. Nhạc sĩ Phạm Duy đã lấy ý bản Mùa Thu Chết từ bài thơ « Lời vĩnh biệt » của Bùi Giáng, người dịch thoát bài thơ **L'adieu** của Apollinaire: (« Ta ngắt đi một cụm hoa thạch thảo/Em nhớ cho mùa thu đã chết rồi... » J'ai cueilli ce brin de bruyère. L'automne est morte souviens-t'en. Nous ne nous verrons plus sur terre. Odeur du temp brin de bruyère. Et souviens-toi que je t'attends. Và ý thơ **odeur du temps**-- có lẽ do Apollinaire dùng đầu tiên-- đã được Đoàn Phú Tứ chuyển thành « **hương thời gian** » trong bài thơ « Màu thời gian » bất hủ của ông

(« Hương thời gian thanh thanh. Màu thời gian tím ngắt »).

Đặc điểm thơ Apollinaire

Thơ ông có những đặc điểm: các đơn vị cú pháp--cụm từ, dòng, đoạn thơ--tả rõ ràng với nhiều nhịp điệu và thi ảnh mà người đọc phải hiểu cả những đoạn bỏ trống thì mới cảm được hết thơ ông. Ông cũng bỏ hết dấu chấm câu, để duy trì liên tục của giọng ý thức. Thơ ông vẫn giữ truyền thống thơ văn, và chủ đề bi ai, pha trộn giữ nhịp điệu cổ điển, tự do và vẻ tự nhiên. Theo ông, thơ phải thể hiện mọi khía cạnh cuộc đời chứ không chỉ bó buộc vào một lời diễn tả riêng biệt nào: « *Một chiếc khăn rơi có thể, đối với thi sĩ, là một cái đòn bẩy để ông lật bổng vũ trụ.* » Theo ông, người làm thơ chuyển những gì tâm thường thành phi thường, đổi kinh nghiệm phong phú thành huyền thoại bằng óc sáng tạo nóng bỏng của mình, dồn cả quá khứ và hiện tại thành một « lò than hồng » để đạt đến một sự lột vỏ tuyệt vời. Như vậy ông đã giúp miên ý thức của ta vượt qua những gì bình thường quen thuộc, đi sâu vào miên vô thức. Ông là người đi đầu trong phong trào siêu thực của thơ mới cùng với những thi sĩ như Jacques Prévert, Jean Cocteau (tại Pháp); Dylan Thomas (tại Anh), e.e. cummings và William Carlos Williams (tại Mỹ). Có khi thơ ông là lời đối thoại nghe được ngoài đường phố. Trong tập Calligrammes (1918) ông dùng chữ xếp lại thành hình đồ vật như đồng hồ, mưa, tháp Eiffel. Cách xếp chữ thành hình gợi cảm này lúc đó bị coi như lập dị.

Le Pont Mirabeau

Bài thơ « Le pont Mirabeau » dưới đây là bài thơ tình bất hủ của Apollinaire, tả nỗi khắc khoải của tình yêu qua rồi. Bài thơ có hai hình ảnh:

Thi ảnh 1 (câu 1 mượn ý Kiều) :
Dưới cầu nước chảy trong veo/Thời gian
trôi mãi, chuông chiều chậm buông.

Thi ảnh 2: Trên cầu, đôi tình nhân, mặt nhìn mặt, tay cầm tay, đôi tay vòng như nhịp cầu, ánh mắt nhìn như sóng nước mỗi một mà không cùng; thời gian tưởng là yếu tố quan trọng mà không bằng cái bất diệt và vĩnh cửu của ánh mắt hai kẻ yêu nhau. Như Plato đã nói cách đây trên 24 thế kỷ: “Khi yêu, ai cũng thành thi sĩ,” “At the touch of love, everyone becomes a poet.”

Le pont Mirabeau
Sous le pont Mirabeau coule la Seine
Et nos amours
Faut-il qu'il m'en souvienn
La joie venait toujours après la peine

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure

Les mains dans les mains restons face à face
Tandis que sous
Le pont de nos bras passe
Des éternels regards l'onde si lasse

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure

L'amour s'en va comme cette eau courante
L'amour s'en va
Come la vie est lente
Et comme l'Espérance est violente

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure
Passent les jours et passent les semaines
Ni temps passé
Ni les amours reviennent
Sous le pont Mirabeau coule la Seine

Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure

Dịch nguyên văn

Cầu Mirabeau

Dưới cầu Mirabeau giòng sông Seine vẫn
chảy xuôi

Như tình ta
Ta còn phải nhớ lại chẳng
Sau mỗi niềm vui là những nỗi đau
Cứ để đêm đến để tiếng chuông buông giọt
buồn điểm ngày tàn
Ngày qua mau mà riêng ta vẫn ở lại

Tay trong tay mắt nhìn mắt mình cùng
đứng khi dưới
vòng tay đôi ta sóng mắt mỗi một của
những nét nhìn vô tận trôi qua

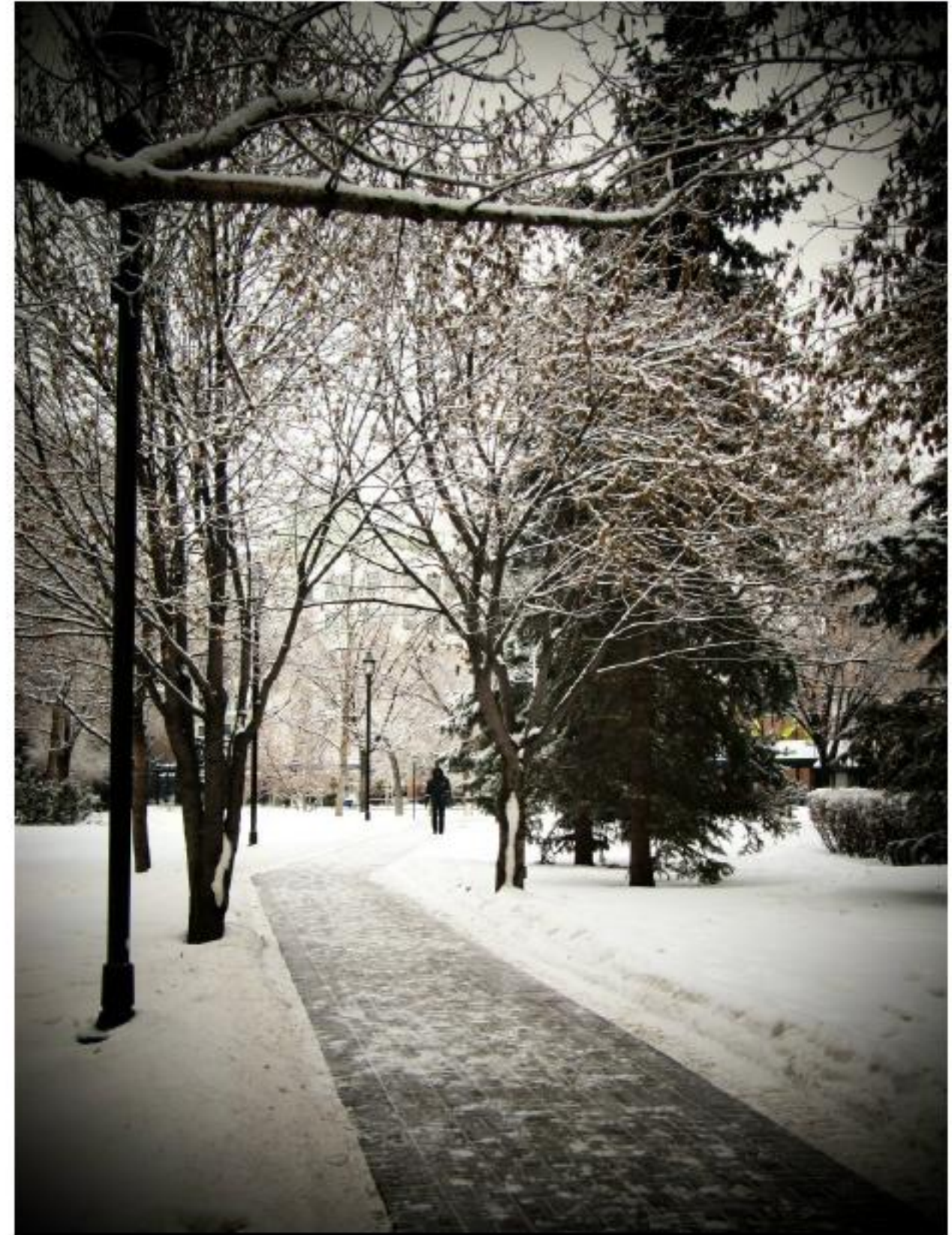
Cứ để đêm đến để tiếng chuông buông giọt
buồn điểm ngày tàn
Ngày qua mau mà riêng ta vẫn ở lại.

Tình yêu trôi qua như giòng nước trong chảy
Tình yêu trôi đi
Đời thiết là chậm
Ước vọng thật cuồng nhiệt

Để đêm đến để tiếng chuông buông giọt
buồn điểm ngày tàn
Ngày qua mau mà riêng ta vẫn ở lại

Những ngày qua những tuần qua
Thời gian trôi
Tình yêu đi rồi chẳng bao giờ trở lại
Dưới cầu Mirabeau nước sông Seine vẫn
trôi xuôi

Cứ để đêm đến để chuông buông giọt buồn
điểm ngày tàn
Ngày qua mau mà mình ta vẫn ở lại



Ảnh: **Lạnh lòng - MINH CHÂU**

Dịch thành văn vần

Cầu Mĩ-Áo

*Dưới chân cầu Mĩ-Áo
Sông Seine vẫn chảy xuôi
Nhớ tình ta ngày nào
Nỗi đau nỗi niềm vui*

*Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây*

*Nhìn nhau tay cầm tay
Vòng tay như cầu vòng
Mắt nhìn dù mỗi dợt
Ánh mắt vẫn không cùng*

*Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây*

*Tình yêu như nước chảy
Cứ miên miết trôi mau
Đời, ôi, sao chậm vậy
Ước vọng, ôi, cuồng đau*

*Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây.*

*Thời gian vẫn trôi qua
Tình yêu không trở lại
Dưới chân cầu xa xa
Nước sông trôi... trôi hoài*

*Màn đêm buông, tiếng chuông buồn
Tháng ngày qua vội, mình còn nơi đây
(Phạm Trọng Lê phỏng dịch, 1993)*

-Bản dịch sang tiếng Anh của **Richard Wilbur**
Mirabeau Bridge

Under the Mirabeau Bridge there flows the Seine
Must I recall
Our love recall how then
After each sorrow joy came back again
Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay

Hands joined and face to face let's stay just so
While underneath

The bridge of our arms shall go
Weary of endless looks the river's flow

Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay

All love goes by as water to the sea
All love goes by
How slow life seems to me
How violent the hope of love can be

Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay

The days the weeks pass by beyond our ken
Neither time past
Nor love comes back again
Under the Mirabeau Bridge there flows the Seine

Let night come on bells end the day
The days go by still I stay.

Richard Wilbur, *New and Collected Poems*, 1988; (Rpt. In Katharine Wasburn and John S. Major, eds. *WORLD POETRY*. New York: W.W. Norton, 1998, p. 1046-1047).

Chú thích:

1. Có nhiều dịch giả đã dịch bài thơ này sang tiếng Anh, trong đó có lẽ bản dịch của thi sĩ Richard Wilbur được coi là hay:

All love goes by as water to the sea
All love goes by
How slow life seems to me
How violent the hope of love can be

Hãy so sánh đoạn lấy lại do ba người dịch:

« Vienne la nuit sonne l'heure
Les jours s'en vont je demeure »

Night must come the hour go by
The days move swiftly on not I
(W.J. Strachan)

Night comes the hour is rung
The days go I remain
(W.S. Merwin)

Let night come on bells end the day
The days go by me still I stay
(Richard Wilbur)

2. Có thi sĩ và biên khảo gia Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ, trong tập thơ Tuyển

Tập Thi Phẩm, in tại McLean, Virginia, 1989, có dịch bài Le Pont Mirabeau sang thơ Việt, trang 382-383:

Nhìn sông chảy dưới cầu cuộn cuộn,
Mỗi tình qua hồi tưởng ghen ngào.
Vui sâu tiếp nổi dạt dào,
Quản chi đêm xuống, sá nào giờ trôi?

Ngày cứ khuất chẳng dờn chỗ đứng,
Đôi diện nhau, tương ứng cầm tay.
Dưới vòng tay khoác “cầu xây”
Sóng sông luôn chảy chiều ngày nhàn tuyền!

Đêm cứ đến, liên miên giờ điếm,
Ngày cứ qua, chẳng chuyển, chẳng rời!
Bông đầu tình ái biến rồi!
Tựa dòng nước chảy cuốn lôi nẻo nào!

Đời chậm lại lao đao ước vọng,
Đêm cứ về chuông dón giờ khuya!
Lần lần ngày nọ, buổi kia,
Trơ trơ đứng đó chẳng xê dịch gì.

Ngày, tuần cứ trôi đi hờ hững,
Niềm vui xưa tình cũng chẳng hồi!
Dưới cầu sóng vỗ, nước trôi,
Màn đêm vẫn xuống, chuông thôi thúc giờ...

...Ngày qua ta vẫn đứng trơ !...
(**Tô Giang Tử Nguyễn Quang Nhạ** dịch, 1989)

3. Ghi chú: Trong một số *Firmament*, Văn thi hữu **Sóng Việt Đàm Giang**, trong một bài viết về những cây cầu lịch sử ở Paris, có một phần nói về Le pont Mirabeau và có dịch bài thơ này sang tiếng Việt.

Cầu Mirabeau

Dưới cầu Mirabeau dòng sông Seine nước chảy
Như tình chúng mình
Có cần phải tự nhắc rằng
Niềm vui nào có cũng sau buồn phiền đón đau

Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây

Hãy nắm tay nhau và giữ mặt đối nhau đây
Trong cùng lúc này
Dưới cầu tay chúng mình là
Làn sóng mặt trời của ánh mắt nhìn thiên thu

Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây

Tình qua đi chẳng khác chi giòng nước
chảy miết
Tình yêu qua đi
Sao cuộc đời chậm thế
Và Hy-vọng sao mà lại mãnh liệt quá thay

Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây

Hàng ngày trôi qua và hàng tuần cũng trôi qua
Chẳng thời quá khứ
Chẳng kỷ niệm tình trở lại
Dưới cầu Mirabeau dòng sông Seine nước chảy
Đêm cứ đến chuông giờ cứ điếm
Ngày cứ trôi mình tôi còn đây
(**Sóng Việt Đàm Giang** phỏng dịch, January, 2010)

4. Bài dịch sang tiếng Anh của **W.S. Merwin**

The Mirabeau Bridge

Under the Mirabeau Bridge the Seine
Flows and our love
Must I be reminded again
How joy came always after pain
Night comes the hour is rung

The days go I remain
Hands within hands we stand face to face
While underneath
The bridge of our arms passes

The loose wave of our gazing which is endless

Night comes the hour is rung
The days go I remain

Love slips away like this water flowing
Love slips away
How slow life is in its going
And hope is so violent a thing

Night comes the hour is rung
The days go I remain
The days pass the weeks pass and are gone
Neither time that is gone
Nor love ever returns again

Night comes the hour is rung
The days go I remain
(Translation by W.S. Merwin)

5. Tham khảo:

fr.wikipedia.org/wiki/Guillaume_Apollinaire

6. Nghe đọc Thơ và Thơ Phổ nhạc

-Nghe giọng Apollinaire đọc bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/watch?v=eCpg6SMzXC4>

<http://www.ubu.com/sound/app.html>

-Nghe giọng Yvette Giraud (ca sĩ nổi tiếng người Pháp sinh ở Paris năm 1916) hát bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/v=VKXtT-8Inog>

-Marc Lavoine phổ nhạc (2001) và hát bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/feature=endscreen&NR=1&v=gwDcIaXBCMI>.

-Ban nhạc The Pogues hát bài thơ ở:

<http://www.youtube.com/watch?v=5vOhI8iMrg8>
(Viết xong Virginia, Apr. 1993; sửa lại 10/30/12—PTLệ)



PHÒNG MẠCH BÁC SĨ VÕ ĐẠM

591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



CON ĐƯỜNG VĂN NGHỆ

(tiếp theo)
Đỗ Bình

Một lần họp bạn văn thơ, học giả GS Võ Thu Tịnh, tác giả nhiều bộ sách viết về văn hóa VN, ông Sanh ngày: 2 07 1920, tại làng Long Phước, phủ Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Bút hiệu: Thu Tâm, chuyên biên khảo về văn học V.N cho các tạp chí Pháp ngữ, Việt ngữ tại Pháp, Hoa Kỳ, Đức, Thụy Điển. Đã xuất bản 20 đầu sách PHÁP VIỆT. Nguyên Giám Đốc Thông tin Trung phần (Huế 1955-56), rồi Nam phần (Saigon 1955- 1961). Trong thời gian ấy, làm trưởng phái đoàn Báo chí Cộng Hòa Miền Nam VN dự hội nghị Ban Dung (Nam Dương 1955) với tư cách quan sát viên. Năm 1961 từ chức Giám đốc, làm giáo sư các tư thục Saigon (Hưng Đạo, Nguyễn Bá Tòng, Nguyễn Công Trứ, Thăng Long...). Sáng lập viên và chủ nhiệm tạp chí văn hóa chính trị Mùa Lúa Mới (Huế 1955-56) với sự cộng tác của Võ Phiến, Nguyễn Văn Xuân, Đỗ Tấn.

Năm 1966, di cư sang Vientiane, Lào, làm Hiệu Trưởng các Trung học tư thục Aurore và Trung học Việt kiều Ai Lao tại Vientiane.

Biên tập viên các báo Lao Sapada, Vientiane News, Vientiane 1967-1975), Sáng lập viên và Chủ bút tạp chí biên khảo về văn hóa Lào Bulletin des Amis du Royaume Lao (BARL, Vientiane 1970-1975), được sự hỗ trợ của Tòa Đại sứ Pháp tại Lào và Thủ tướng Hoàng thân Souvana Phouma, (Bộ Ngoại giao Lào, mỗi kỳ mua 300 số gửi cho các Sứ quán Lào khắp thế giới. Ông làm thơ rất nhiều nhưng nói với

chúng tôi : *“Tôi chỉ làm văn những ‘đoản văn’, không dám nhận mình là nhà thơ !”* Ông còn cho tôi và nhà văn Nguyễn Thùy xem những bài thơ nào là Đường Thi , nào là Thơ Mới từ nửa thế kỷ trước đến nay. Mặc dù GS Võ Thu Tịnh mang tâm hồn thi sĩ, làm thơ đã từ lâu, có những bài rất hay, rất lãng mạn, nhưng lại ngại tiếng đời nên ông nén nguồn thơ ấy vào cái khung, không đeo đuổi nghiệp thơ . GS Võ Thu Tịnh rất uyên bác về kiến thức từng nghiên cứu về Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo; khảo luận về văn chương, nhưng lại không muốn vượt qua khuynh hướng hàn lâm để chuyên tâm về mặt sáng tác thơ văn như bao nghệ sĩ khác. Ông là một học giả, một người thầy hơn là một nghệ sĩ, do đó tôi không ngạc nhiên khi ông không nhận mình là thi sĩ. Hôm đó Gs Võ Thu Tịnh kể một câu chuyện: *“ Có một lần, buổi họp thơ vào giữa mùa đông, tuyết phủ trắng xóa Paris, nhưng những nhà thơ vẫn dầm tuyết đến hội. Tôi không phải nhà thơ nhưng vì nể lời mời nên đến. Hôm đó có người đưa ra bài thơ cũ tả phong cảnh mùa hạ Paris để các bạn họa, thế là những bài họa tả về mùa hạ thật hay dù ngoài trời tuyết giăng đầy. Tôi tự hỏi các nhà thơ đã lấy nguồn cảm hứng từ băng giá mùa đông để viết về mùa hạ, hay do hoài niệm?”*

Sau khi nghe câu chuyện kể không khí trong phòng bỗng im lặng vì có một số người hiện diện tham dự buổi hội thơ hôm ấy. Thấy vậy tôi góp ý vào câu chuyện GS Tịnh vừa kể để không khí bớt nhột nhạt: *“Theo thiên ý tôi, bài họa “vội vã” dễ trở thành bản sao; nên khó có sự đồng cảm để đồng điệu vì thiếu ngoại cảnh gây cảm xúc thật, nhất là bài họa nếu chỉ dựa vào văn mà quên phần cốt lõi từ*

thơ thì bài họa đó sẽ thành một bài thơ khác, như thế người họa phải vịn vào vần của kẻ khác mà đi thì còn đâu sáng tạo của thi sĩ?! Nhưng nếu bài thơ được một thi sĩ họa thì bài họa đó sẽ có sự đồng cảm, cộng hưởng để thành bài thơ hay. ”

Nhà thơ Phương Du tiếp lời: “ Thời xưa các nhà nho đều là giới khoa bảng, giỏi thơ phú vì thi cử cũng bằng thi phú. Do đó khi các nhà thơ xướng họa đều phải tuyệt tác họ mới dám khoe nhau. ”

Nhà văn Nguyễn Thùy(Tác giả và tác phẩm viết riêng) tiếp lời: “Thời nay đã khác với thời xưa từ đời sống vật chất đến ngoại cảnh, nhất là người làm thơ trình độ không đều nhau ảnh hưởng đến những bài họa. Nếu bài thơ được đông người họa thì bài họa sẽ có nhiều câu chữ giống nhau? Chắc hẳn điều đó không do sự đồng điệu mà do niêm luật bó buộc nên câu chữ được chọn cho không sai luật. Tuy nhiên sẽ có những bài họa tuyệt hay, hay hơn cả bài xướng.” Từ đó những buổi họp thơ trở nên ít xướng họa.

Trong một lần họp thơ của Ba Lê Thi Xã nhà thơ Phương Du phát biểu:

“ Trong thi ca những loại thơ như thơ tình, thơ quê hương ... nhà thơ có thể tưởng tượng, cường điệu để câu thơ bóng bẩy, ý thơ thêm phong phú, duy chỉ có thơ viết về lịch sử là không được hư cấu, vì một khi hư cấu tính trung thực của lịch sử sẽ không còn. ”

Nhà thơ Hàm Thạch: “ Tính trung thực trong thơ là cảm xúc, vì không có cảm xúc thật thì bài thơ sẽ không hồn. ” Ông đơn cử bài Vịnh Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan, câu : “ Bước tới đèo Ngang bóng xế tà, Cỏ cây chen đá lá chen hoa. Lom khom dưới núi tiêu vài chú, Lác đác bên sông chợ mấy nhà ... ” Sau khi đọc xong bài thơ nhà thơ Hàm

Thạch hỏi : “ Đâu là tính trung thực ‘Chợ’ hay ‘rợ’ ? Tôi đã đi qua nơi này chẳng thấy có nhà ! ” Thế là cuộc tranh cãi sôi nổi người thì bảo là chợ là vài túp lều tranh của những tiểu phu, người cho rằng rợ là túp lều tranh dựng tạm để che nắng mưa của người miền núi. Rồi các nhà thơ tha hồ đem chữ nghĩa ra phân tích mà vẫn chẳng ai giải đáp được !

Phần 2

THU ĐẤT KHÁCH

(Những sinh hoạt từ năm 1995 đến 2002 viết riêng)

Vào lần khác ngày 25 03 2003, một buổi sinh hoạt văn học nghệ những người hiện diện: Nhà thơ Dương Huệ Anh từ miền Cali nắng ấm đến Paris, nhà văn Hồ Trường An từ Troyes lên, nhà văn Võ Đức Trung từ Lille đến, cùng các văn thi hữu Paris: Học giả Võ Thu Tịnh, nhà thần học Nguyễn Tân Phước, nhà thơ Vân Uyên Nguyễn Văn Ái, nhà thơ Phương Du Nguyễn Bá Hậu, GsTS Phạm Đình Liên, Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh, nữ sĩ Quỳnh Liên, nhà thơ nữ Thụy Khanh, nhà thơ nữ Hà lan Phương, nhà văn Trần Đại Sỹ, nhạc sĩ Xuân Lôi, nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên, nhạc sĩ Trịnh Hưng, nhạc sĩ Trong Lễ ,họa sĩ René, nhà báo Nguyễn Bảo Hưng, nhà báo Song Nguyễn, nữ điêu khắc gia Vương Thu Thủy, đạo diễn Trần Song Thu, dịch giả Liễu Phong....VV.....

Đỗ Bình giới thiệu vài nét về nhà thơ Dương Huệ anh: “Chủ tịch Thi Đàn Lạc Việt miền Bắc Cali nơi quy tụ rất nhiều văn nghệ sĩ, chúng ta đã từng đón tiếp những người trong thi đàn Lạc Việt khi sang thăm Paris như nhà thơ Yên Bình, nhà thơ nữ Ngọc An, nhà thơ nữ Hoàng Xuyên Anh, nhà thơ nữ Ngọc Bích, nhà thơ nữ Sương

Mai, trong thi đàn Lạc Việt có những vị liên lạc trao đổi thơ với chúng ta như Nữ sĩ Trùng Quang ,(Hội thơ Trúc Liên, Quỳnh Dao), nữ sĩ Đinh Thị Việt Liên(Hội thơ Thi Lâm Hợp Thái,Thi Đàn Quỳnh Dao 1962 – 1975), thi sĩ Hà Thượng Nhân, thi sĩ Trình Xuyên , thi sĩ Hàn Nhân... .”

Nhà thơ Dương Huệ Anh:

“ Kính thưa quý vị, cảm ơn quý vị đã không quên thì giờ , đường xa cho chúng tôi gặp mặt ngày hôm nay. Thú thật, đối với quý vị về văn thơ tôi là người đi sau mặc dầu tuổi tác thì có thể nhiều hơn một số người. Tôi xin đề nghị xin đừng gọi chữ cụ nghe nó già quá mà chính tôi cũng không muốn già, vì già khó làm thơ lắm không còn thơ thần được ! Do đó xin đề nghị mình cứ coi nhau như văn thi hữu anh em nó sáng khoái tự do hơn. Xin phép được giới thiệu về sinh hoạt của chúng tôi:Thi Đàn Lạc Việt được thành lập năm 1992 với hình thức hết sức khiêm tốn khởi đi từ nhóm thơ, chủ trương: Bảo tồn và phát huy văn học nghệ thuật VN ở hải ngoại. Qua 1993 thành lập thành Thi Đàn bên cạnh đó chúng tôi thành lập thêm Cơ Sở Văn Học Nghệ Thuật vì quan niệm rằng thơ phải có bộ môn diễn ngâm đi theo dù rằng tự thơ nó có nhạc rồi nhưng để chuyên chở đi xa cần có bộ môn nhạc. Mặc dù có những hạn chế về sức khỏe, phương tiện nhưng chúng tôi cũng cố gắng đóng góp cho văn học về phương diện thơ cơ sở đã xuất được 8 tập, trung bình mỗi năm là một tuyển tập. Ngoài ra chúng tôi còn xuất bản một tuyển tập văn Xuân Thu không định kỳ, khi nào có tiền thì chúng tôi ra. Đây là một tuyển tập được chăm sóc kỹ, nhưng sau khi ra được hai số phải đổi thành tam cá nguyệt nhưng cũng không liên tục vì nhiều khó khăn tài chánh. Sự tự lực của chúng tôi không đủ nuôi dưỡng

tuyển tập, do đó cuối cùng đành phải ra định kỳ vài năm ra một bản !

Nói về phương diện cá nhân thì có nhiều anh chị em có nhiều sáng tác rất đáng kể. Xin cho phép tôi được trình bày những đóng góp của cá nhân : Năm 1955 in tác phẩm Thơ Xanh rồi ngưng dù vẫn sáng tác, mãi đến năm 1990 bắt đầu lại và đã xuất bản khoảng 10 tập thơ

Sau những thi tập đó tôi sản xuất khá nhiều nên gom 4,5 tập vào nhau. Vì thế năm 1997 in 6 tập vào nhau lấy tên Tổng Tập 1 gồm 6 thi tập: Gót Ngọc Quan Âm Lâm Bụi Trần ,(thơ đạo), Thương Cả Trăm Hoa, Hai Mươi Năm Lưu Vong, Ba Mươi Năm trước, Thơ Hồng.”

Nhà thơ Vân Uyên bỗng hỏi:

“ Bao giờ thì có thơ Tím ? ”

Dương Huệ Anh: “ Sắp có rồi, tôi chỉ không có thơ màu đỏ thôi, trong tương lai chúng tôi sẽ có đủ các thứ màu.” Dương Huệ Anh nói tiếp: “Sau đó tôi chuyển sang văn vì ai cũng khuyên là thơ nhiều quá rồi không có ai đọc đâu !3”

Hồ Trường An: “Ai Nói Vậy? ”

Dương Huệ Anh: “ Một nữ sĩ ở Cali nói với tôi: Ông in Thơ dày quá không ai đọc !”

Dương Huệ Anh: “Tôi in thế này tước hết để cho tôi đáp ứng được phần tài chánh của tôi. Sau đó tôi chuyển qua văn, Truyện ký thì đúng hơn vì dựa vào chuyện có phần tôi trong đó. Tôi tôi đặt tên là Những Cánh Thư Hồng dày khoảng 500 trang. Như quý vị đã biết biến văn học nó mênh mông lắm nên tôi chuyển sang giới thiệu tác giả giới thiệu các nhà thơ khoảng 100 nhà thơ in năm 2001 ”

Đỗ Bình : “Xin cho biết, thế nào là một tác phẩm hay, tác phẩm đó dựa theo tiêu chuẩn nào để đánh giá ? ”

Dương Huệ Anh: “Nói là giới thiệu tác giả, tôi không làm công việc phê bình mà

chỉ viết theo lối tản mạn về văn học, bởi vì nói nghiêm túc quá ít người đọc, mà có lẽ mình cũng không đủ sức chưa đủ thì giờ chưa đủ khả năng nên tôi chọn thể loại này. Nhưng khi ra sách cũng có nhiều người phê bình lắm vì họ cho rằng đây là một biên khảo văn học. Anh em không hiểu, không đọc kỹ lời trần tình của mình ban đầu ! Nên họ cho là biên khảo văn học có lẽ đối với họ là đúng , nhưng đối với tác giả hơi oan vì mình không chủ trương như vậy mà chỉ là tản mạn văn học !”

Lê Mộng Nguyên: *“Cuốn phê bình văn học Thi Nhân VN của Hoài Thanh Hoài Chân chẳng hạn ? ”*

Dương Huệ Anh: *“Vâng, đúng thế. Chúng tôi rất thành thật xin quý vị chỉ giáo, tôi nghĩ rằng mình không thể biết hết được dù mình sống tới trăm tuổi, ? Xin quý vị chỉ những khuyết điểm chúng tôi xin sẵn sàng thụ lãnh. Xong cuốn này anh em phê bình dữ lắm nhưng cũng có nhiều người khem và vài người ta không tán thành ! Sau cái này chúng tôi nghĩ và chuyển qua một cái khác, tôi hơi tham vọng mà cái tham vọng đó không phải là cái xấu không đáng kết án, nó không hẳn là cái tội. Tôi nghĩ có nhiều khía cạnh quá cái nào mình cũng muốn đi sâu vào xem mới biết mới hiểu được. Sau đó tôi viết cuốn : Vài Nhà Thơ Việt Thế Kỷ Hai Mươi, trong tập chúng tôi viết không phân biệt trong nước ngoài nước, Bắc Nam, tuy nhiên mình phải tránh những gì gây xúc động với độc giả. Nhưng khi đem in gặp nhiều khó khăn vì phải tự lực cánh sinh ! Tôi xin phép được dừng ở đây nếu quý vị có muốn sáng tỏ điều gì tôi xin thưa . xin cảm ơn quý vị.”*

Đỗ Bình giới thiệu vài nét về nhà văn Võ Đức Trung: *“Tác giả nhiều tập truyện,*

biên khảo. Là một người khiêm tốn giữ được phẩm chất của một cựu giáo chức. Là người chủ xướng thực hiện cuốn Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca VN Hải Ngoại gồm những bài thơ đặc ý của nhiều tác giả có chung một hoàn cảnh ly hương trong số các nhà thơ hải ngoại. Thời gian chúng tôi chuẩn bị cho thi tập mất 2 năm, khi đưa ra thảo luận tại nhà tôi lúc đó gồm: Nữ sĩ Nguyễn Thị Vinh, nhà văn Nguyễn Hữu Nhật, nhà văn Võ Đức Trung và tôi, trong thảo luận thì được biết cái tựa sách này đã được các nhà thơ Diên Nghi, Song Nhị , Duy Năng ở Cali đã chọn từ lâu và sắp in, họ muốn thực hiện một tập văn học ghi dấu một giai đoạn đời 25 năm xa xứ. Sau đó tôi đã liên lạc với các nhà thơ trên để giải thích sự việc của chúng tôi và đề nghị họ chọn một cái tựa khác. Khoảng một tuần sau họ trả lời là đồng ý, và đã chọn cái tựa khác cho tuyển tập là: Lưu Dân Thi Thoại, hay 25 Năm Bút Luận do Cội Nguồn xuất bản. Nhà văn Võ Đức Trung phát biểu: “ Nhận được phon của anh Đỗ Bình mời tôi nghĩ là lên Paris họp bạn văn nghệ như mọi khi, nhưng khi xem lại thư mời tôi thấy quan trọng quá nên lấy làm ái ngại! Tôi ở tỉnh lẻ, thỉnh thoảng mới về Paris sinh hoạt sợ phát biểu sẽ trở ngại , hơn nữa như anh Đỗ Bình và Hồ Trường An biết; tôi viết văn về đồng quê mộc mạc nếu có gì sơ xuất mong các anh chị thứ lỗi cho. Tôi xin tâm tình tại sao tôi lại có ý định thực hiện cuốn Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Hải Ngoại. Kể từ sau biến cố năm 1975 mọi người ô ạt bỏ nước ra đi, dòng thi ca lúc đầu gần như tan tác, cho đến đầu thập niên 80 thì khởi sắc vì số ít nhà thơ vượt thoát ra ngoài được đã bắt đầu viết, hồn thơ còn nhiều tâm tư cảm xúc, nhưng đến cuối thập niên 80 thì bắt

đầu có chiều hướng đi xuống vì đa số phải hội nhập với cuộc sống mới ! May mắn thay là qua thập niên 90 có một số nhà thơ trong diện anh em H.O khi vừa đặt chân đến ới định cư họ đã cầm bút lại, dòng thi ca lại dâng cao qua những bài thơ tố cáo sự đàn áp và nhà tù trong chế độ CS, chúng tôi muốn bảo tồn và lưu trữ những sự kiện đó qua thi ca nhưng khi bắt tay vào thực hiện mới biết muôn vàn khó khăn ! Chúng tôi tiếp xúc 350 tác giả nhưng phải chọn lựa như thế nào khi cuốn sách chuẩn bị in chỉ giới thiệu có 24 tác giả mà không kêu sự đóng góp ? Cuốn 1 đã phát hành vào tháng 2 vừa rồi, chúng tôi nhận được thư, điện thư, và phon đến chúc mừng và khích lệ, điều đó là một món quà tinh thần đối với chúng tôi trong công việc bảo tồn văn hóa VN nơi xứ người.”

Nữ sĩ Minh Châu Thái Hạc Oanh : **“Có người bảo viết để khen nhau là tăng bốc mà không phải là phê bình văn học nghệ thuật?”**

Đỗ Bình : **“Theo tôi, viết về những tâm hồn phụng sự cái đẹp của người nào đó đã lao tâm lao trí trên con đường văn học nghệ thuật là việc làm đáng khen. Trong lãnh vực phê bình văn học ở hải ngoại hiện nay còn hiếm vì rất ít người chịu dấn thân làm công việc này, người am tường văn học thì già yếu, dần dần ra đi; còn lớp trẻ dù có bằng cấp cao nhưng lại am tường văn hóa xứ người ! Do đó người làm công việc phê bình rất quý vì nhờ họ đã khám phá ra những điều ẩn chứa trong tác phẩm để giới thiệu đến công chúng những chân dung của những người sáng tác. Đánh giá một tác phẩm tùy theo trình độ của người đọc và còn phải đợi thời gian, nhưng hiện tại vẫn cần những người điểm sách, giới thiệu khái quát về nội dung lẫn**

hình thức để giúp bạn đọc đi vào trọng tâm đỡ mất thời gian.”

Và sau đây tôi xin trân trọng giới thiệu đến quý vị nhà văn Hồ Trường An : Tác giả gần 50 đầu sách về trường thiên tiểu thuyết, tiểu thuyết, và biên khảo, phê bình.”

Nhà văn Hồ Trường An:

“Thưa các bậc niên trưởng, và quý văn hữu:Tôi làm văn nghệ tùy vào cảm hứng vui đâu chuốc đó chứ không nhất định cái gì, nếu cảm thấy hứng là làm. Cần phê bình là phê bình, khi tôi viết về biên khảo không phải là viết toàn sự nghiệp văn học của tác giả nào, mà viết từng cuốn chứ không dám ôm đồm. Nếu có cảm hứng làm thơ thì làm những bài thơ Đường, vui đâu chuốc đó. Tôi có một đức tính: Nếu ai khen thì cũng mừng, còn ai chê thì cũng rán chịu trận chứ không một lời nào đính chính trên báo hết. Bởi càng đính chính thì càng làm cho người ta làm dữ !... Do đó ai chê tôi thì chê ; ai khen thì mừng tôi không có một phản ứng, thật ra tôi không có buồn, mình làm một món ngon người này ăn thì khen người kia ăn thì chê, kẻ thích mì người thích hủ tiếu, còn có người ăn mì ăn hủ tiếu nhiều quá lại thích ăn bún riêu. Quý vị đã đọc qua cuốn biên khảo Thập Thuyết Tâm Phương thì cuốn biên khảo thứ tư Tôi đang viết cuốn: Tập Diễn Ngưng Huy trong đó có hai người hiện diện ở đây là anh Võ Đức trung và chị Thụy Khanh: Tôi xin giải thích cái tựa sách: Tập: kết tập, Diễn là đẹp, Ngưng là ngưng lại, Huy là ánh sáng, ánh sáng ngưng đọng lại tôi rút ra từ Hồng Lâu Mộng chứ không phải do tôi đặt. Tóm lại tôi không có chủ trương gì lớn lao, tôi không có tham vọng. Xin dứt lời.”

Nói Thêm về nhà văn Hồ trường An:

Hồ Trường An tên thật là Nguyễn Viết Quang, sinh năm 1938 ở Vĩnh Long. Tốt nghiệp khóa 26 trường Sĩ Quan Thủ Đức. Phục vụ tại Ban Thông Tin Báo Chí Quân Đoàn 2&3 cho tới tháng 4 năm 1975. Ông gia nhập làng báo từ thời còn là sinh viên trường Dục qua ngòi bút phóng viên kịch trường từ giữa thế kỷ trước. Thuở đó ông đã làm thơ nhưng khi vào quân đội ông chuyên về báo chí. Sau năm 1975 ra hải ngoại ông cộng tác với nhiều tạp chí, từng làm Tổng Thư Ký các tập san Quê Mẹ, tập san Làng Văn. Sau khi rời Paris về cư ngụ ở tỉnh Troyes năm 1982, ông đã dành thì giờ chuyên về tiểu thuyết. Văn phong của ông mang chất miệt vườn Miền Nam, sâu sắc, thấm đầy tình người và tự quê hương. Từ cuốn truyện dài Phần Bướm ấn hành 1986 đến nay ông đã xuất bản được gần 60 tác phẩm thuộc nhiều thể loại gồm 22 truyện dài, 12 tập truyện ngắn, 22 tập biên khảo và 2 tập thơ : Thiên Đường Tìm Lại (2002), và Vườn Cau quê Ngoại (2003). Năm 2009 ông bị tai biến mạch máu não nặng, toàn thân bất động, lúc đầu không nói được, và trí nhớ cũng quên ! Sau một thời gian điều trị trí nhớ của ông được khôi phục và đã dần dần nói được dù rất khó khăn. Chưa lúc nào nhà văn Hồ trường An ham sống hơn lúc này, vì ông còn thiết tha đến văn chương, nặng nợ chữ nghĩa, vì có những mộng ước hoàn thành ! Do đó ông đã cố tập luyện để khắc phục bệnh tật, nhờ quá yêu văn học nghị lực đã giúp ông vượt qua những khó khăn để thực hiện được hai tác phẩm biên khảo chỉ gõ máy bằng một ngón tay, đó là cuốn Núi Cao Vực Thẳm, viết về 9 vóc dáng văn học VN của Thế Kỷ 20, và cuốn : Ảnh Trường Kịch Giới, ký ức về điện ảnh VN.

Ở Pháp có 3 nhà văn một đời yêu văn chương dù hoàn cảnh sáng tác rất khó khăn: Nhà văn An Khê viết văn gõ máy chữ một tay, nhà văn Duyên Anh phải viết bằng tay trái, nhà văn Hồ Trường An gõ PC bằng một ngón tay.

Đỗ Bình: *“Từ bao lâu nay người ta tranh cãi về những chuẩn mực trong văn học nghệ thuật giữa cái hay và cái dở. Trong khi đó thích hay không thích chỉ là chủ quan của người đọc. Tôi thấy hôm nay người làm thơ ngày càng nhiều, đó là điều đáng mừng vì tâm hồn thơ sẽ giúp cho đời thêm hoa, bớt đi sự cay đắng. Nhưng tiếc thay có những bài thơ đạt được cả tứ thơ lẫn cấu trúc thì không nổi tiếng, nhưng có bài chẳng phải là thơ lại được quảng cáo rầm rộ !”*

Nữ sĩ Minh Châu (Tác giả và tác phẩm viết riêng):

“Tại sao không phải là thơ, văn xuôi khác thơ ở điểm nào?”

Đỗ Bình: *“Một bài viết cấu thả, viết cho lầy có, chỉ dựa vào thể tự do để gọi là “thơ” thì chưa chắc đã là một bài thơ, và cũng không thể gọi là văn xuôi? Thơ hiện đại và tự do rất gần gũi với văn xuôi, nhưng làm một bài thơ tự do, hay một bài thơ hiện đại rất khó ! Nhưng khi đã thành thơ thì bài đó sẽ đặc sắc và độc đáo. Theo tôi, một bài thơ hay phải bao gồm mỹ học và ý thơ.”*

Nhà báo Nguyễn Bảo Hưng : *“Văn xuôi là ngôn ngữ thực dụng của kinh nghiệm diễn giải bằng lý trí để mô tả hoặc giải thích một sự vật hay một ý niệm, thơ là một cảm xúc của tâm hồn được diễn tả bằng nghệ thuật.”*

Nhạc sĩ Trịnh Hưng, tác giả những nhạc phẩm nổi tiếng một thời: Lối Về Xóm Nhỏ, Tôi Yêu.. *“Thưa các bậc trưởng thượng và quý Anh Chị, cách nay vài tháng*

chúng ta có làm buổi Kỷ niệm 65 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của nhạc sĩ Xuân Lôì và cũng mừng lễ thượng thọ 85 tuổi để vinh danh người nghệ sĩ lão thành. Hôm đó thật đông, đầy đủ các khuôn mặt văn nghệ sĩ, điều đó nói lên được cái tình nghệ sĩ là chúng ta biết thương yêu và trân trọng nhau thì có khác nào những bài viết khen.”

Nhạc sĩ Xuân Lôì (Tác giả và tác phẩm viết riêng): “xin chào các quý vị tôi xin đọc tấu Hạ Uy Cầm nhạc phẩm Xa Quê Hương điệu valse lente nhạc của Xuân Tiên, lời Đan Thọ viết ngày 28 05 1956.”

GS TS âm nhạc Quỳnh Hạnh:

“Âm nhạc, ngoài sự thưởng ngoạn ra còn có giá trị về khoa học. Đó là Musicothérapie hay Phương Pháp Trị Bệnh Bằng Âm Nhạc. Thực vậy, bộ môn trị bệnh này có từ thời Hy Lạp cổ xưa, phối hợp với trị bệnh bằng suối nước nóng, mục đích làm êm dịu thần kinh và xua đuổi đi những sự lo âu, phiền não... Ở Châu Á cũng có cụ Không Phu Tử có nói trong Lễ Nhạc : Nhạc là để giáo hóa lòng người... Ngày nay qua những bài thuyết trình tại Đại Học Sorbonne, Đại Học Y Khoa de Paris, các Phân khoa Tâm Lý Học cũng gây được chú ý của người nghe, nhất là giới trẻ quá nhiều lo âu trong cuộc sống hằng ngày và cũng dễ xả Stress..”

Nhà văn Trần Đại Sỹ (Tác giả và tác phẩm viết riêng):

“thật là một hân hạnh cho tôi được gặp quý vị, nhất là một người tôi biết rằng hôm nay tôi sẽ gặp, là người mà tôi mắc nợ ngay từ lúc tôi học Gième mà bây giờ tôi được đến để trả nợ đó là ông Lê Mộng Nguyên. Thưa quý vị lúc đầu tiên tôi học nhạc là thầy Hùng Lân đã đem bản Trăng Mờ Bên Suối dạy tôi. Kể từ nói đến ông Lê Mộng Nguyên dù ông có làm cả ngàn bản nhạc thì tôi cũng chỉ biết có Trăng Mờ Bên Suối. Hôm nay tôi có chút quà văn nghệ xin tặng lại hai bộ cuối cùng

tiêu thuyết lịch sử là bộ Nam Quốc Sơn Hà thuật lại chiến công Lý Thường Kiệt đánh sang Tống, Anh Hùng Đông A Dựng Cờ Bình Mông tức là giai đoạn 1 đánh quân Mông Cổ lần thứ nhất, còn đánh Mông Cổ lần thứ hai chưa in xin tặng giáo sư.”

GS TS Lê Mộng Nguyên (Tác giả và tác phẩm viết riêng):

“Xin cảm ơn anh Trần Đại Sỹ, tôi rất cảm động không nói gì được.”

Võ Đức Trung : “ Riêng về anh Lê Mộng Nguyên cái bài Trăng Mờ Bên Suối hay quá hay ! Nói thiệt anh, cho dù anh có làm hàng trăm bài khác hay như vậy cũng không rung động được tôi nữa, là bởi vì bài Trăng Mờ Bên Suối khi tôi nghe lên là tôi nhớ đến thuở còn trẻ của tôi khi đi ngang những dòng suối có nước chảy róc rách có những tảng đá tôi băng qua, lại thêm những vầng trăng ở quê hương không thể nào quên được những thứ đó nó ngấm vào tâm hồn của tôi nên nghe bài hát có thể chảy nước mắt. ”

Trần Đại Sỹ: “Tôi xin trả nợ người đàn anh nhưng cũng ít gặp, tôi quý ông lắm đó là ông GS, Bs Nguyễn Văn Ái, đây là bộ Giảng Huân Khoa Tình Dục bằng Y Học Trung Quốc (sexologie médicale Chinoise) bây giờ tôi viết sang tiếng Việt, bản tiếng Tây thì chưa xong, bản tiếng Anh và Trung Hoa thì ra rồi. Đây gồm 3 quyển, thưa quý vị: “Người ta cứ bảo sách “*dâm thư*”, nhưng đây là sách giáo khoa, xin tặng đàn anh, đáng lẽ tôi phải tặng ông Phương Du Bs Nguyễn Bá Hậu nhưng ông Phương Du tu rồi sắp sửa thành linh mục đến nơi rồi. Thưa quý vị mục đích của sách này là làm sao giữ được sức khỏe tăng tiến tuổi thọ, nhiệm vụ nó quan trọng như vậy, xin kính biểu đàn anh.”

(còn tiếp)

Đỗ Bình (Paris)

Lỡ bước Sang Ngang:

Nguyễn Bính xót xa cuộc tình...

*Buồn the sầu sớm thương chiều
Khóc thầm biết có bao nhiêu lệ rồi .
(Viết cho Chị - NB)*

Vẫn như những dòng chữ ngây thơ ngày nào, *Lỡ Bước Sang Ngang* của Nguyễn Bính một lần nữa như muốn kéo tôi xa rời cái thực tại bon chen để trở về cái dĩ vãng xa xôi đã trên nửa vòng quay thế kỷ.

Tôi biết đọc *Lỡ Bước Sang Ngang*, như một cuốn sách vỡ lòng khi tôi bập bẹ đọc được tiếng nước tôi.

Lỡ Bước Sang Ngang là tiếng nức nở chân tình của một phận gái bị đọa đầy thân xác nơi có ngọn khói lam chiều giữa đồng quê xứ Bắc. Đọc *Lỡ Bước Sang Ngang* hẳn phải cảm nhận được cái tình tự quê hương đất Bắc, nếu nói theo Hoài Thanh thì đó là "hồn xưa đất nước"

Lỡ Bước Sang Ngang là tên một bài thơ dài gồm 110 câu làm theo thể lục bát được đăng trên Tuần Báo Tiểu Thuyết Thứ Năm năm 1938, là thời kỳ cực thịnh của Tự Lực Văn Đoàn và đã được Nguyễn Bính chọn làm chủ đề cho tập thơ đầu tay của ông được xuất bản vào năm 1940. Không biết tại sao tôi vẫn còn nhiều rung cảm khi đọc lại *Lỡ Bước Sang Ngang*, tôi vẫn nhớ từng dòng từng chữ. Có lẽ hồn thơ của Nguyễn Bính đã in sâu vào đáy giếng tâm hồn tôi từ thuở thiếu thời. Tuy nhiên, cũng xin được nói ở đây, người viết biết mình không đủ

khả năng làm cái công việc bình thơ vì tác phẩm đã đi vào văn học sử và hồn thơ đã đi vào lòng dân tộc, hiển nhiên thơ đã có một giá trị vô song, người viết chỉ xin được ghi lại vài hàng nhận định lẻ loi của mình về thi nhân và tác phẩm.

Lỡ Bước Sang Ngang là một tình khúc buồn sớm phát tự đáy lòng người chị dãi bày tâm sự với người em khi chị phải về nhà chồng trong cái cảnh chim lià đàn. Lời dặn dò của chị là những khúc tạ từ da diết như nỗi tiếc cái tình chị em muôn thừa, như bịn rịn giằng co giữa gia đình và bốn phận. Nếu có ai vui mừng khi lên xe hoa về nhà chồng thì trái lại ở chị, chị càng mang nặng cái tâm tư đau xót trong ngày hợp hôn:

*Em ơi ! em ở lại nhà
Vườn dâu em đồn mẹ già em thương
Mẹ già một nắng hai sương
Chị đi một bước trăm đường xót xa...
Cây em, em ở lại nhà
Vườn dâu em đồn mẹ già em thương
Hôm nay xác pháo đầy đường
Ngày mai khói pháo còn vương khắp làng
Chuyến này chị bước sang ngang
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ nay
Rượu hồng em uống cho say
Vui cùng chị một vài giây cuối cùng ...*

Nhưng nói biết bao nhiêu cho vừa, dòng nước mắt đến bao giờ mới cạn, sự ra

đi của chị chỉ mang đến cái xót xa chia lìa
cho bố mẹ già, cho đàn em dại mà thôi:

*Rồi đây sóng gió ngang sông
Đầy thuyền hận chị lo không tới bờ
Miếu thiêng vụng kén người thờ
Nhà hương khói lạnh chị nhờ cây em
Đêm qua là trắng ba đêm
Chị thương chị, kiếp con chim lìa đàn
Một vai gánh lấy giang san
Một vai nữa gánh muôn vàn nhớ thương*

Đời chị là tụ hội những đau thương: chị
đi lấy chồng vì không lấy được người mình
yêu. Chị không có quyền lựa chọn cũng
như cưỡng lại cái số phận hẩm hiu mà trời
đã dành cho chị:

*Một đi bấy nổi ba chìm
Trăm cay ngàn đắng con tim héo dần
Dấu em thương chị mười phần
Cũng không ngăn nổi một lần chị đi
Trời mưa ướt áo làm gì
Năm mươi bảy tuổi chị đi lấy chồng
Người ta phao nỏ rượu hồng
Mà trên hồn chị: một vòng hoa tang
Lần đầu chị bước sang ngang
Tuổi son sông nước, đò giang chưa tường
Ở nhà em nhớ mẹ thương
Ba gian trống, một mảnh vườn xác xơ*

Cuộc đời của chị là hiện thân của
những cay đắng tình đời trong buổi hoàng
hôn của Khổng Học: mười bảy tuổi đã sớm
mang cái trách nhiệm và bốn phận mà
không hề được ban phát một quyền lợi gì.

Nếu như đêm động phòng hoa chúc ở
một bài thơ khác, Nguyễn Bính đã đưa đến
cho kẻ yêu thơ cái thanh tao trang nhã của
thú đau thương:

Đêm nay mới thật là đêm

Ai đem trăng chiếu lên trên vườn chè

thì ngược lại ở *Lữ Bước Sang Ngang*, hình
ảnh đêm tân hôn của chị được ngòi bút xót xa
của Nguyễn Bính diễn tả như một cuộc dày
vò thể xác. Chị đã không tìm được cái "ngàn
năm chưa dễ đã ai quên" (TL) ấy, mà chỉ
được đón nhận như một thân kiếp đoạ đầy với
cái ghê tởm của một cuộc tình ép uống:

*Hồn trinh ôm chặt chân giường
Đã cùng chị khóc đoạn đường thơ ngây
Năm xưa đêm ấy giường này
Nghiến răng...nhắm mắt...cau mày...
cực chưa*

Thế rồi như "ma đưa lối quỷ dẫn đường,
lại tìm đến chốn đoạn trường mà đi" (Kiều),
duyên tình của chị đã nửa đường gãy gánh:
sau mười năm chăn so gối lệch, chị vẫn chỉ
tìm được cái tuyệt vọng trong một cảnh đời
nghiệt ngã với tấm thân góa bụa đơn côi
như thể một hình phạt trời đã dành cho chị:

*Chị từ lữ bước sang ngang
Trời giông bão giữa tràng giang lật thuyền
Xuôi dòng nước chảy liên miên
Đưa thân thể chị đến miền đau thương
Mười năm gối hận bên giường
Mười năm nước mắt bữa thường thay canh
Mười năm đưa đám một mình
Đào sâu chôn chặt mối tình đầu tiên
Mười năm lòng lạnh như tiền
Tim đi hết máu cái duyên không về*

Nhưng rồi một ngày kia, một-người-đi-
qua-đời-chị như vẫn chưa quên cái buổi
chia tay ban đầu:

*Ngã ba tà áo lật
Dậm trường thương cố nhân !*

(Thơ Thôi Hiệu)

đã trở về thăm chị trong chốn trần gian tục lụy:

Nhưng em ơi ! một đêm hè

Hoa soan nở, xác con ve hoàn hồn

Dừng chân trên bến sông buồn

Nhà nghệ sĩ tưởng đồ còn chuyển sang

Vẫn như còn ôm một giấc mộng tình,
chị tưởng rằng sau cơn mưa trời lại sáng,
chị lại thủ thỉ cùng em:

Rồi ...rồi ...chị nói sao đây

Em ơi ! nói nhỏ câu này với em

Thế rồi máu chảy về tim

Duyên làm lạnh chị, duyên tìm về môi

Chị nay lòng ấm lại rồi

Mối tình chết, đã có người hồi sinh

Chị từ đan díu với tình

Đời tươi như buổi bình minh nạm vàng

Nhưng bình minh mới vừa ló dạng thì
hoàng hôn của cuộc tình đã phủ kín tâm
hồn chị: người xưa trở về trong phút giây
ngắn ngủi chỉ để gặp lại cố nhân như
Quách Tấn đã đến với Tình Xưa:

Cảm thương chiếc lá bay theo gió

Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm .. (QT)

Rồi chàng lại vội vã ra đi để lại nhớ
thương vô vàn cho chị:

Rồi đêm kia lệ rờn rờn

Tiến đưa người ấy sang sông chị về ...

*

Người đi xây dựng cơ đồ

Chị về trồng cỏ nắm mồ thanh xuân

Người đi khoác áo phong trần

Chị về may áo liệm dần nhớ thương ...

Thôi... thế là hết...từ đây !

Cuộc tình của chị trong *Lữ Bước Sang Ngang* đã "một lần hai lỗ" đành phó mặc số
phân cho thời gian và định mệnh để rồi chị
chỉ biết ngồi nhìn thời gian hờ hững đi qua:

Tháng ngày qua cửa phòng the

Chị ngồi nhặt cánh hoa lê cuối mùa ...

Tới đây Nguyễn Bính đã kết thúc
chuyện tình của chị bằng lời chị nhắn nhủ
với em như những lời trời trần cuối cùng
trong đời chị:

Em về thương lấy mẹ già

Đừng trông ngóng chị nữa mà uống công

Chị giờ sống cũng bằng không

Coi như chị đã ngang sông đắm đò ...

Ôi ! xót xa oan nghiệt một cuộc tình...

Nếu với T.T.KH, *Hai Sắc Hoa Ti Gôn* là
niềm đau khắc khoải của một tình yêu đôi
lứa nơi chốn phồn hoa đô thị rực rỡ ánh
đèn, thì *Lữ Bước Sang Ngang* lại chính là
nỗi bất hạnh của một cuộc tình nghiệt ngã,
ép liễu nại hoa, đại diện cho cả một lớp phụ
nữ mong chờ một ngày được giải phóng
khỏi cái chế độ gia đình phong kiến.

Qua *Lữ Bước Sang Ngang*, Chị đã chia
sẻ, dãi bày tâm sự cùng em; bây giờ là lúc
em hàn huyên cùng Chị. Nhưng nhân vật
Chị trong thơ của Nguyễn Bính là ai? Một
nhân vật hư cấu hay một người có thật
ngoài đời thấp thoáng xa gần mà đã được
nhà thơ nhắc nhở đến rất nhiều trong ba thi
phẩm *Lữ Bước Sang Ngang*, *Tâm Hồn Tôi*
và *Hương Cổ Nhân*. Hình ảnh Chị trong thơ
Nguyễn Bính không ai khác hơn là chị Trúc.
Theo nhà thơ Bùi Hạnh Cẩn, cũng là anh
họ của Nguyễn Bính, Chị Trúc tên thật là
Lê N.Th...là một người "Em văn nghệ" của
người anh cả Nguyễn Mạnh Phác - một nhà
thơ, một nhà soạn kịch có bút hiệu là Trúc
Đường. Chuyện kể rằng, vào giờ phút chào
đời, Nguyễn Mạnh Phác được "đẻ rơi giữa
lộ". Từ đó gia đình vẫn thường gọi Mạnh
Phác là "Cu Đường" (Lộ là Đường). Đến khi

Mạnh Phác đã thành danh, một hôm ông nói với Nguyễn Bính là cần phải có một bút hiệu thì ngay lập tức, Nguyễn Bính xưng tên cho anh mình là Trúc Đường vì tên Trúc từ lâu đã đi vào hồn thơ Nguyễn Bính. Chị Trúc vốn đẹp người, có duyên, thích văn chương thi phú, cùng chồng trông coi một tiệm ảnh ở Hà Đông. Nhưng "hồng nhan đa truân", chồng Chị suốt ngày chỉ biết làm quen bên bàn đèn thuốc phiện, mọi việc đều do Chị quán xuyến. Vốn mang tâm hồn của một người mến mộ thi ca nhất là sau khi đọc được *Lữ Bức Sang Ngang* mà tác giả lại là em của Trúc Đường, Chị lại càng quý mến nhà thơ hơn như Nguyễn Bính đã tâm sự trong bài thơ dài một trăm câu mang tựa đề *Xuân Tha Hương*.

Những người mến mộ thơ Nguyễn Bính hẳn đã thấy thơ ông là những lời thì thầm to nhỏ, lúc như bịn rịn nghẹn ngào, lúc như rạt rào thương nhớ:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Ôi ! chị một em, em một chị
Trời làm xa cách mấy con sông.*

Cũng như cuộc đời của những người làm văn nghệ, Nguyễn Bính, người nghệ sĩ giang hồ, mang tấm thân tha phương trên khắp các nẻo đường đất nước, nhưng nhà thơ vẫn không quên được cái tình gia đình thấm thiết ở những người chân quê Việt Nam:

*Em đi trắng gió đời sương gió
Chị ở vuông tròn phận lãnh cung
Chén rượu tha hương, trời! đắng quá...
Trăm hờn nghìn giận một mùa Đông.*

Đời sương gió, kiếp tha phương như đã gắn liền vào số đời Nguyễn Bính. Nhà thơ

khi vừa được ba tháng tuổi thì mẹ mất, gia đình chỉ còn cha và hai người anh trai. Dưới mái nhà tranh cô quạnh bấy giờ, chỉ còn âm vang những tiếng thở dài thay cho tiếng kéo kệt văng đưa và cũng từ đó, Nguyễn Bính đã thiếu vắng hẳn vòng tay âu yếm đầu đời của mẹ, nên sau này, trên bước đường rong ruổi một đời áo gió đan sương, hình ảnh chị Trúc đối với nhà thơ như là ánh lửa ngày đông, như một quê hương tràn đầy nỗi nhớ ...

Ôi ! cũng là kiếp con tầm phải nhà tơ:

*Chao ôi! Tết đến em không được
Trông thấy quê hương thật náo nùng
Ai bảo mắc duyên vào bút mực
Sống đời mang lấy số long đong
Người ta đi kiếm giàu sang cả
Mình chỉ mơ toàn chuyện viễn vông
Em biết giàu sang đâu đến lượt
Nợ đời nặng quá gỡ sao xong ...*

Mà đường tình của nhà thơ cũng như của Chị, sao gặp toàn những trắc trở đắng cay, đã khiến Nguyễn Bính phải thốt lên những lời thơ lúc như thương thân chị, khi như tủi phận mình:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Tết này, ồ ! thế mà vui chán
Nhưng một mình em uống rượu nồng
Rượu say nhớ Chị hồi con gái
Thương Chị từ khi Chị lấy chồng*

*

*Nắng bèo bọt quá, em lặn lội
Chấp nối nhau hoài cũng uống công
Một trăm con gái đời nay ấy
Đừng nói ân tình với thủy chung...*

Một Xuân xa nhà nhớ Chị, hận người tình, thi nhân cũng như nhiều người chỉ biết "đoạn

tổng nhất sinh duy hữu tửu" (CBQ) qua chén rượu men cay để qua ngày đoạn tháng:

*Xa nhà, xa Chị trông buồn thật
Cũng cố vui ngang gái được chồng
Em sẽ uống say hơn mọi bạn
Cho hồn về tận xứ Hà-Đông*

Những lời tâm sự với Chị vẫn còn nghẹn ngào chưa muốn dứt như chỉ có Nguyễn Bính mới lột hết được cái rung cảm của thi nhân:

*Tết này chưa chắc em về được
Em gửi về đây một tấm lòng
Cầu mong cho chị vui như Tết
Tóc Chị bền xanh má chị hồng
Trong mùa nắng mới sầu không đến
Giữa hội hoa tươi ấm lại lòng
Chắc chị đời nào quên nhắc nhở
Xa nhà, rượu uống có say không ?*

Duyên tình của Chị đã lỡ bước sang ngang, tình duyên của em cũng dở dang sầu hận. Để rồi cuối cùng, cũng trong một bài thơ gửi Chị, Nguyễn Bính như đành chấp nhận một cuộc tình tan vỡ, một duyên kiếp không thành bằng nước mắt thi nhân:

*Viết cho Chị cánh thư này
Một đêm lữ thứ em say rượu cần
Nhớ người cách một mùa Xuân
Hình như người đã một lần sang sông
Ồ, say ! thương nhớ vô cùng
Rượu hay lệ ướt khăn hồng chị ơi !
Làm sao giấc ngủ không dài
Mà đêm không ngắn, mà trời cứ mưa
Làm sao em sống như thừa
Cố đem men rượu tẩm vừa lòng đau
Kể từ hai đứa xa nhau
Em thường chả có đêm nào không say
Sao em đơn chiếc thế này
Sao em lại khóc như ngày Chị đi ...*

Đọc xong những vần thơ của Nguyễn Bính, tôi vẫn còn bàng hoàng như vừa chột tình cơn mê dài. Lời thơ quả đã làm tôi bùi ngùi xúc động, làm tôi thương cảm những người con gái Việt Nam sống trong buổi giao thời, "cho rất nhiều xong nhận chẳng bao nhiêu..." (XD)

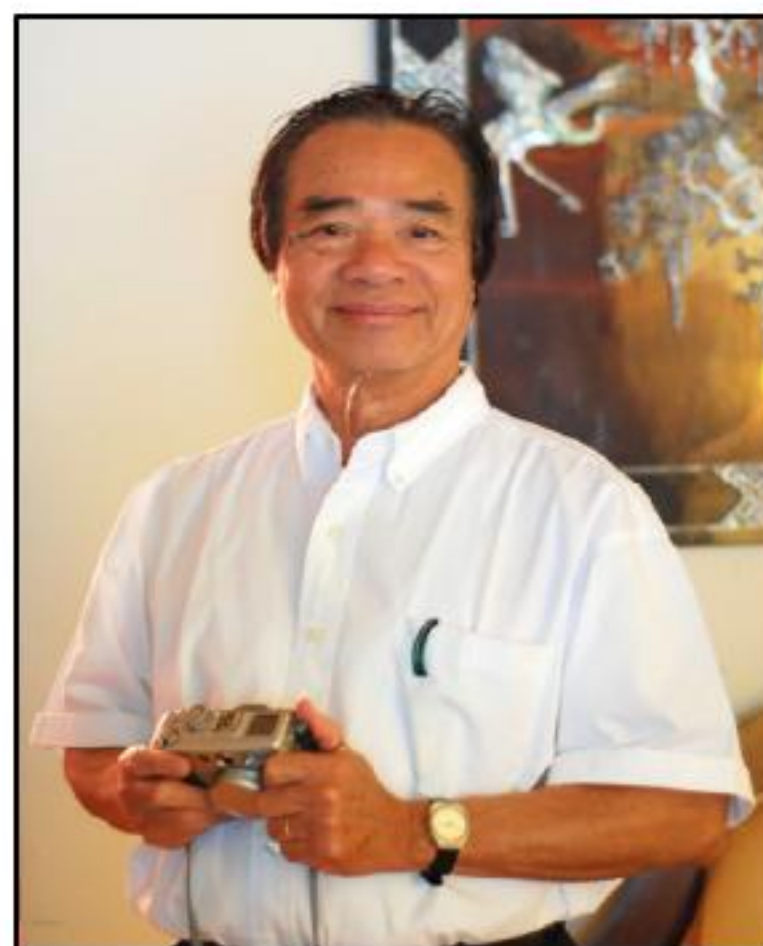
Bây giờ sống nơi đất khách quê người, cứ mỗi khi vào mùa lá rụng, tôi lại thấy lòng mình như băng khuâng man mác, lúc như thương... khi như nhớ ...những hình ảnh quá vãng ngày xưa... như vẫn chập chờn ẩn hiện qua dòng ký ức muộn màng. Nếu có đôi khi nhớ đến Trần Tế Xương:

*Mái tóc chòm đen chòm lốm đốm
Hàm răng chiếc rụng chiếc lung lay
thì chỉ như muốn thờ dài cổ níu lại vòng quay thế kỷ.*

Nhưng nào có được !

Thử hỏi bao nhiêu triệu-năm-ánh-sáng-thời-gian nữa, lại đem trả tôi về cái quá khứ ngày xưa hay mãi mãi cuộc đời cũng vẫn chỉ là những xót xa như đoạn khúc buồn của Tương Phố:

*Lòng đau giọt lệ lâm ly
Biết bao nhiêu lệ từ khi biết đời ...
...Thôi !... đành để cho thời gian cuốn đi ...*



PHẠM BÁ
N. Potomac, MD

Tản Mạn Hát Xẩm

Nguyễn-Phú-Long

Xin hãy hình dung một đôi nam nữ khoảng trung niên, đang lang thang ngẩn ngía tìm mấy chỗ đông đúc, thoáng vắng để độ nhật bằng nghề hát xẩm.

Họ ăn bận giản dị, hai người đều mặc áo nâu cổ lá sen, còn mới, gần như đồng màu, chồng thì đội mũ vải lụp xụp, bạc phếch, vợ thì che đầu bằng chiếc nón lá rách bươm, cũ rích, tay cầm mấy nhạc cụ nhẹ, thô sơ hình như cái sênh, cái phách, cây đàn nhị,....

Cô vợ nhanh nhẹn, trông xinh xinh, trắng trẻo, lại đeo chiếc bị cói chắc chắn trên vai, có lẽ trong đó gom tất cả những thứ cần thiết lặt-vặt, thượng vàng hạ cám, như nắm cơm, gói muối vừng phòng khi đói bụng; Chiếc khăn lông, vuông vải đen để lúc cần chít lên đầu theo hình mỏ quạ, rồi... cái lược, cái gương, ve dầu Cù-Là và quan trọng nhất là chút tiền bạc, đồ tuế-nhuyến mà họ kín đáo, dành dùm bấy lâu.

Vì cần thiết, người chồng đeo thêm cặp kính đen, anh ta đang nắm bầu áo vợ dò dẫm từng bước, đi chậm chạp:

*Anh đây mục hạ vô nhân,
Nghe em nhan sắc lòng xuân anh nào nùng,
Dù em mặt phấn má hồng,
Dừng dưng anh chẳng thềm trông làm gì.
Lấy nhau đi trước mà chi
Để chân anh mò mẫm, tay thì quàng vai.
Quơ quơ sờ chốn em ngồi
Anh thời chẳng thấy,
em thời cũng chẳng thờ than,
Bâng khuâng như mất lạng vàng...,
(Khuyết danh)*

Đây là mấy câu trích trong bài Xẩm nhan đề "Mục Hạ Vô Nhân", chả rõ của vị nào sáng tác, nhưng rất phổ biến, nhiều người biết, cũng hay.

Bài ca mang tính nông nhênh, ai oán nhẹ nhẹ, trách móc vu vơ, hoàn cảnh tận nguyên của đức ông chồng khiến cả hai phải chịu nhiều thiệt thòi, phải chấp nhận bao nhiêu khó khăn trong cuộc mưu sinh, thật tội nghiệp!

Phần lớn, nào ai có muốn "mục hạ vô nhân" làm gì. Trường hợp của nghệ nhân đây có thể anh đã trải qua một trận hỏa hoạn, một lần té xuống vũng nước bẩn, hoặc là bẩm sinh từ khi lọt lòng...nhưng chắc chắn anh không cùng trường hợp đáng kính, cao cả, cần ca ngợi làm gương như ngài Nguyễn-Đình-Chiều (1822-1888) chỉ vì thương nhớ mẹ mà ra nông nổi.

Mới lại, cũng chẳng ai bỏ thì giờ để tìm hiểu về biến cố khiến anh bị mù lòa, chỉ nghĩ đơn sơ là nhiều phần vì mù lòa nên anh đã phải hành nghề đàn địch ca hát rong để đắp đổi sống qua ngày tháng.

Thực ra mục hạ vô nhân nghĩa là dưới mắt không có ai, ý nói thái độ hết sức kiêu ngạo không coi ai ra gì (Từ Điển Tiếng Việt, nhóm ngôn ngữ học ở Hà-Nội 1988) nhưng nơi đây lại dùng để mọi người hiểu mĩa mai theo nghĩa khác ám chỉ chẳng thấy ai với con mắt của mình tức là khiếm thị.

Nếu trời đừng bắt người chồng phải khiếm thị thì cuộc đời đã tốt đẹp bình-thường. Với sức vóc, khỏe mạnh, ít nhất, cũng như bao thanh niên khác, họ cũng "chồng cây vợ cấy con trâu đi bừa" gom sức tạo nên hình ảnh quen thuộc nơi lũy tre

xanh chứ đâu thua kém ai.

Nhưng thực tế đã khác, và dù sao qua bài hát này, người "em-nhan-sắc" đã đồng ý để cho anh "tay thì quàng vai", dù "anh chẳng thấy, em thò cũng chẳng thờ than." vậy tình của "em" thật lãng mạn, chịu đựng, thiết tha, gắn bó, thủy chung:

*Đi đâu cho thiếp theo cùng,
Đói no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam.*
(Ca dao).

Hỡi cô ca nữ hát dạo kia ơi! Những lúc vẫn hát nhìn nắng chiều phai nhạt, nghe tiếng chim gọi đàn bay về phía xa mờ, vượt ve nắm tiền mới kiếm được, có khi nào cô băng khuâng, ngao ngán cho tương lai sẽ ra sao chẳng nhỉ?

Có bao giờ những khán giả gái trai lớn bé đang im lặng say sưa đứng thành vòng tròn gần gũi kia lại thắc mắc với các câu hỏi, như "Sao một cô gái hờ hờ như thế mà chịu theo anh chồng mù lòa nhu thế để sống cuộc đời như thế?"

Nghe vậy đừng nhún vai, nhắc khe khẽ câu hát của nhạc sĩ Vân-Tùng "Ai thương yêu ai, đó chỉ là tình của mỗi con người." Cái lý lẽ con tim nhiều khi khá bất ngờ. Nhạc sĩ Vân-Tùng nhận xét rất đúng. Dù đôi khi vẫn đề "cân bằng" của hai bên vẫn được cứu xét phần nào. Cân bằng hướng nhiều về vật chất, còn môn đăng hộ đối cũng tương tự vậy, nhưng ngả về tinh thần nhiều hơn. Nổi tròn thì úp vung tròn: Rồ rá cặp lại: Trai tài, gái sắc...

Mà thôi, câu hỏi thật sự khó giải thích. Nhưng cũng chẳng phải chẳng thể trả lời.

Người ta, nói chung, và các cô thiếu nữ nói riêng, đôi khi cũng có những lý tưởng mục đích ở ngoài sự sung sướng vật chất của cải, nhưng lựa thường tình. Thí dụ họ đang hướng mọi hành động sẽ trở thành nhà quyền lực danh trấn giang hồ, hay là làm nên ngôi sao sáng tài năng hiếm quý, đàn ngọt hát hay, ai ai cũng biết cũng mến

yêu, và như vậy trong trường hợp này, có thể mới đầu cô gái đã tình cờ gặp người nam đang trình diễn đầu đó một mình.

Anh ta có giọng hát hay quá, vui quá, hấp dẫn thu hút nhân tâm duyên dáng quá, đã làm cô nàng say mê đến nỗi, nửa đùa nửa thật, mấy phen phải năn nỉ ngỏ ý xin đi theo học nghề, với những ước mơ thầm kín ấp ủ trong lòng.

Đó chỉ là trường hợp của kẻ bàng quan suy đoán chơi cho vui thôi! Lý-lich của nàng nào ai rõ thực hư ra sao. Biết đâu chẳng vì nhan sắc, khi tuổi đang lớn lên, trong lúc còn "ngày ngày đi học, chiều chiều đi chơi." nàng đã chẳng thể làm ngơ trước mỗi tình sẵn đón quăn quýt của một chàng trai trẻ, văn hay chữ tốt, con nhà giàu, và khi họ còn mãi mê xây đắp dở-dang một "lâu đài tình ái" thì, dùng một cái, đến hôm, nàng vừa nhìn quả khế chua trên tay người bạn trao cho, "Của chua ai trông thấy chẳng thèm..." Mà tức thì cảm thấy lợm giọng, nước miếng cứ ứa ra trong miệng và ngay lập tức không cưỡng được, đã nôn thốc nôn tháo ra ngoài.

Mới đầu một hai lần tưởng chẳng sao, người ta đâu phải cái máy, khi trái gió trở trời chuyện khó-ở trong mình ít bữa là thường. Nhưng ngày nọ ngày kia cứ tiếp diễn cái hiện tượng lạ lùng ấy khiến cả hai đến lúc hết ngày thơ đều hiểu, đều lo lắng cho những ngày tháng trước mặt, và đáng tiếc là họ đâu có khả năng giải quyết thế nào, cứ dẫu dẫu, diêm diêm...thả nổi, than thân trách phận, chán nản, để những cuộc gặp gỡ, vì lý do này nọ, thưa dần. Những lúc tay cầm tay ngồi tâm sự lơ là phai nhạt dần rồi thêm một biến cố ập đến như một lý do kết-thúc, làm họ xa nhau vĩnh viễn, người đi không bao giờ trở lại. Lý do đó bây giờ, bàn dân thiên hạ, khắp thế giới, coi là một nhiệm vụ quan-trọng. Nhiệm -vụ "Đi quân dịch!".

Sứ trời sớm dục đường mây,

Phép công là trọng niềm tâm xá gì.
(Chinh-Phụ-Ngâm.)

Khi chia tay, dĩ nhiên đôi uyên ương đều rớt lệ, Cả hai "Bâng khuâng như mắt lạng vàng".

Chàng thề thốt, sẽ trở lại, dù vật đổi sao rời thì tấm chân tình sẽ chẳng bao giờ thay thế được, nàng nghe bịn rịn cũng tin tưởng, cũng đinh ninh vậy, rồi yên tâm phần nào, nàng tự nhủ, phải cố gắng hy sinh ít năm! Nàng tin tưởng là nàng có thể làm được.

Nhưng rồi thời gian cứ vô tình lặng lẽ trôi, phát sinh bao nhiêu nhu cầu không ai tiên liệu được. Tình cảnh mới từng bước, từng bước với bao nỗi khó khăn vật chất đã đưa đẩy cô gái trẻ đẹp sa cơ, gập gờ cùng chàng nghệ sĩ mù cũng đang cần một bàn tay giúp đỡ. Thôi đành nhắm mắt đưa chân, phải nương tựa vào nhau mà sống chứ còn tính sao. Nàng ngao ngán trong lòng, có bao giờ nghĩ mình lại rơi vào tình trạng hiện tại oái oăm cùng cái nghiệp lạ hoắc này đâu!

Kim-Lang ơi hỡi Kim-Lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.
(Truyện Thúy-Kiều)

Dần dần với nhu cầu càng ngày càng khẩn thiết, bao gạo, hai vợ chồng vét hết tiền bạc, mới khiêng về hôm nào nay chẳng còn một hạt, chai tương nằm chồng chơ, khô queo, ông chồng "đi hát" vừa về tới bờ tre đầu ngõ đã như báo hiệu bằng những cơn ho xù xụ do đám vi trùng tuberculosis hoành hành trong buồng phổi chàng nghệ sĩ. Nàng cảm thấy bất nhẫn, cần tiếp tay làm một cái gì để đóng góp thêm vào nền kinh tế chung của gia đình cho cuộc sống đỡ chật vật, nàng cố bớt thẹn thùng, rồi đánh bạo học được ít bài bản để ra nghề theo tiếng nhĩ nã nùng thiết tha với vài câu ngăn ngăn.

Người chồng hết lòng động viên, cổ vũ,

bảo: "Phải diễn tả cho có hồn. Nghĩa là phải để tâm tư, tâm hồn mình đứng vào vị trí lời ca như thật, thì mới có kết quả tốt." nàng đã nghe theo, nàng đang ngậm ngùi, xót xa, nhớ đến bóng hình người tình cũ....

*"Từ chàng ra đi,
Vai khoác chiến y,
Hồn còn nương bóng quốc kỳ."*

Đây cũng là mấy câu hát xẩm, thường nghe biểu diễn nơi toa xe điện qua lại quanh bờ hồ Hoàn-Kiểm Hà-Nội khoảng thập niên 1950 nên nhiều người gọi là xẩm tàu điện. Tiếp theo ngoài tàu điện hai vợ chồng còn mở rộng vùng hoạt động mon men ở chợ Ô-Cầu-Dền ở gốc đa bên quán nước dẫn vào thị xã Hà-Đông với những con đường hẹp lát gạch sạch như sân hơi thóc.

Hình ảnh đó từng bước từng bước trở thành quen thuộc. Khách qua đường dừng chân nghe họ đàn hát một chập, trước khi đi, đã để lại vài ba đồng bạc các trong cái nón mê dưới đất như là một cử chỉ, bản phận rất thản nhiên, sòng phẳng. Vậy là xong.

Đó là câu chuyện tượng trưng về hoàn cảnh riêng của một cặp nam nữ hát dạo. Thực tế còn rất nhiều trường hợp, với những chi tiết đặc thù của các cặp vợ chồng hành nghề xẩm xoang, y như chúng ta hiện có biết bao "câu chuyện" éo le, hấp dẫn, ly kỳ, dở khóc dở cười với những người vượt biển tỵ nạn từ Việt-Nam. Có những cặp ít lâu thì tan rã; Nhưng cũng có nhiều đôi suốt đời gắn bó chẳng rời, dù nửa đường đứt gánh vẫn gìn giữ vàng giữ ngọc cho nhau, người sương phụ vẫn an phận lẻ loi âm thầm đời còn lại như lúc nào cũng vắng vắng bên tai, được nhắc nhớ sự ước mong của cổ nhân, đang ngậm cười nơi chín suối: "Xin đừng bị quyến rũ, mà hãy giúp nàng nghị lực sống trọn đời còn lại, tiết liệt, cao thượng, chung thủy." Mặt khác, đừng quên cũng có kẻ bất cần, lúc lâm chung đã cầm tay giới giã cùng

người ở lại:

Ôm cầm anh dám tiếc thuyền ai.
Thơ Nguyễn-Bính.

Đôi khi thành phần đám hát xẩm có thể nhiều hơn hai vợ chồng. Xin trích một đoạn từ cuốn Việt Nam Phong Tục của Phan-Kế-Bính:

"Những người đui mù lò là mắt, học nghề đàn hát, rồi rủ nhau một tụi độ năm sáu người vừa đàn ông vừa đàn bà dắt nhau đến các nơi thành thị, kiếm chỗ đông người giải chiếu ngay các nơi vệ đường mà hát.

Bọn xẩm kẻ thì đánh trống, gõ phách, kẻ thì kéo nhị, kẻ thì gảy đàn bầu, rồi đồng thanh mà hát, hoặc đi giọng Nam, hoặc đi giọng Bắc, ăn theo tiếng nhị, tiếng đàn nghe cũng vui tai.

Đàn bà trẻ con người lớn xúm xít vào xem, kẻ thường dăm ba đồng kẽm, người cho một vài xu. Hễ người xem vắng rồi thì lại dắt nhau đi chỗ khác." Ngưng trích.

Sách Văn Học Việt-Nam của Dương Quảng-Hàm bảo, khi nào chính những người Xẩm hát thì gọi là xẩm chợ, còn khi à đào hát thì gọi là xẩm cô đầu.và bao giờ thời câu cuối của bài hát xẩm cũng là câu lẻ đặt sáu hoặc bảy chữ.

Đúng vậy, nếu có dịp nghe qua nhiều bài hát xẩm thì thấy không có gì khác biệt lớn lao giữa xẩm chợ, xẩm cô đầu, xẩm tàu điện, hay xẩm xoan gì cả. Hát xẩm thường hát ở bất cứ đâu cũng vậy. Hát xẩm là hát xẩm. "Thực tế cách gọi tên các loại xẩm chẳng phải là theo làn điệu" mà tùy nội dung, ý nghĩa của cả bài hát.

Xẩm Thập Ân là những bài xẩm ca ngợi công đức cha mẹ.

Xẩm Anh Khóa kêu gọi lòng yêu nước theo thơ của Á-Nam Trần-Tuấn-Khải (1895-1983).

Vào thời Việt-Nam còn giặc Pháp, từ năm 1921, cụ Á-Nam đã phổ biến không phải chỉ một mà là nhiều bài thơ nói về anh

Khóa như "Tiễn Chân Anh Khóa"; "Nhấn Anh Khóa"; "Mong Anh Khóa"; "Gửi Thư Cho Anh Khóa":

Chữ tương-tư vai gánh nặng nề,
Giang hồ anh khéo liệu trở về kéo em mong
Trần-Tuấn-Khải.

Anh Khóa là nhân vật có thực, yêu nước, cũng vì nhiệt tình hoạt động ái quốc nên sau bị Pháp giết năm 1945 để từ đó chỗ nào ta cũng nghe ngâm thơ Anh Khóa, dần dần các nghệ nhân hát xẩm đã tiếp tay làm cho "Xẩm Anh Khóa" phát triển rộng rãi Xẩm Anh Khóa phát triển, theo tác giả, có lẽ vì ba lý do : "Một là lời dễ hiểu. cảm kích người đọc, người ngâm. Hai là làn điệu du dương dễ hát, ba là nó ra đời hợp với thời, với thế." . Trích trong cuốn Duyên-Nợ-Phù-Sinh, (Kim-Sinh-Lụy.) ra mắt đồng bào năm 1921. Nguyễn-Ngu-Ý phỏng vấn năm 1964, Góc-Nhìn số 179 của Thu-Tứ...)

Lại nữa, chỉ vì đến một thời điểm nào đó, làn điệu hát xẩm đã được nhiều quan viên đi nghe hát ưa chuộng nên các cô đầu, tiếp khách trong phòng, chương rủ màn che, cũng phải chiều theo mà để cho hát xẩm chen vào cùng các điệu hát khác nên gọi là xẩm cô đầu vậy thôi.

Tuy nhiên phải thêm một chi tiết nhỏ, kẻ trình diễn cũng cần để ý chút kỹ thuật khác biệt trước đối tác và hoàn cảnh. Khi hát xẩm ngoài chợ là chỗ đông người nên làn hơi, giọng hát phải mạnh. (Ngày trước chưa có máy khuếch âm). Những tiếng đệm, tiếng đưa-hơi đều phải hát cho rõ như là lời hát chính. Hát xẩm ngoài chợ nên dùng đàn nhị thay vì đàn bầu mục đích cũng là để cho âm thanh to hơn..

Mấy người hát xẩm ngoài chợ phần nhiều lớn tuổi, ít thấy hát trong phòng cô đầu vì thiếu điều kiện quần áo bảnh bao, trẻ đẹp, một yếu tố khá quan trọng đối với các quan viên thưởng ngoạn. Do đó ta suy ra, đám hát xẩm ngoài chợ có chương trình

từ đầu đến vãn (thời gian khoảng một hai giờ) chỉ là hát xẩm. Khán giả không có yêu cầu và đòi hỏi hát các thể điệu khác gì cả.

Ai đến nghe cũng được, thương tình cho chút tình tài cũng được. không sẵn cũng chẳng sao. Do đó lợi nhuận kiếm mỗi ngày khi lên khi xuống, và phần nhiều là do tài năng, cảm tình của họ với đám đông. Gặp lúc ngày mùa, hoặc trong làng mở hội cúng tế, đám đông tiền xu rủng rỉnh cũng là lý do tốt cho dân hát xẩm lượm thêm bạc cắc.

Còn điểm nữa, chắc chẳng nói quý vị độc giả cũng thừa biết, không khí hát xẩm cô đầu nó giống y không khí hát cô đầu trong phòng "làm việc" của cô đầu vậy. Nói cách khác.

Bài hát xẩm do cô đầu trình bày chỉ là một tiết mục làn điệu ngắn xen kẽ với những lối hát như hát nói, ru em, xa mạc.. trong một chương trình vui chơi dài, như vậy ta suy ra, số khán giả ở đây rất hạn chế, thường là một nhóm vài người quen biết rủ nhau tới, và được thù tiếp với đồ ăn, thức uống, giường chiếu mời mọc chiều chuộng đàng hoàng.

Để thay đổi, lúc cô đầu hát điệu quan họ Bắc-Ninh, khi cò lả..quan viên yêu cầu điệu gì thì cô đầu hát điệu ấy, yêu cầu ai thì người ấy hát kẻ khác nghỉ.. và cuộc vui chơi cứ thế có thể kéo liên miên thâu đêm suốt sáng..Xem vậy cô đầu phải lịch duyệt, biết nhiều, chẳng những, các thể điệu mà đôi khi cả văn chương nữa.

Các bài để hát xẩm ngoài số các nghệ nhân sáng tác như Mực Hạ Vô Nhân...còn phần lớn họ lợi dụng gồm đủ thể loại thơ có sẵn của các bậc tiền nhân như Á-Nam Trần-Tuấn-Khai, Tản-Đà, Nguyễn-Bính, Nguyễn-Khuyến... nhưng phần lớn thơ lục bát đã được sử dụng nhiều hơn, đã được "xẩm hóa" như "cương" thêm vài chữ trong một câu hay thêm bớt vài câu trong bài cho

được tự-do, phóng-khoáng, đa dạng để làn điệu thoải mái dễ trình bày hơn.

Cũng như hát chèo, hát xẩm là thể loại dân ca chưa biết xuất xứ từ đâu. Trong Đặc Khảo Dân Nhạc Phạm-Duy viết: "Thể hát rong ở Bắc Việt được phổ biến qua những người hát xẩm, thường là những kẻ mù loà đi hát dạo độ thân. Gọi là hát xẩm là do chữ xâm xẩm tối."

" Hát xẩm thường là những kẻ mù loà. " Nói thế tức là trong số nghệ nhân hát xẩm vẫn có người mắt sáng, và thật lạ lùng, với cặp mắt sáng, họ vẫn đeo kính đen khi hát xẩm. Thí dụ nghệ nhân ưu tú Xuân-Hoạch đã đóng vai "mực hạ vô nhân" khi hát chung với người đẹp Thanh Ngoan trong bài Chợ-Đồng-Xuân-Vui-Nhất...

*Vui nhất có chợ Đồng Xuân,
Mùa nào thức ấy xa gần đến mua...*

Vâng, hát xẩm là hát rong, nghệ nhân hát xẩm thường mù loà... và từ đó ta có thể đi đến kết luận cuộc sống của những kẻ hành nghề hát xẩm rất nghèo. chắc chắn họ không có khả năng tổ chức thành một đoàn thể để sinh hoạt lớn mạnh, để giúp đỡ tương tế nhau như các ngành nghề khác.

Không những thế sau năm 1954 chính quyền địa phương còn tập trung và chẳng cho hành nghề hát xẩm ở nơi công cộng, có lẽ vì thấy hình ảnh của họ tang thương quá.

May mắn thay, sau, cũng chính nhà cầm quyền lại sáng suốt nhìn thấy hát xẩm có nhiều làn điệu đặc thù mang tính nhân gian độc đáo, chẳng những vậy còn có thể áp dụng cho phong trào tuyên vận dễ dàng mọi nơi, nên đã tận lực nâng đỡ họ mọi mặt. Khi họ muốn hành nghề ở đâu, ngay cả tổ chức biểu diễn nơi khuôn viên Quốc-Tử-Giám, cử hành lễ giỗ tổ ngày 22 tháng 2 hằng năm.

Và hình như bây giờ người ta còn đang

vận động để Unesco công nhận hát xẩm là một di sản của thế giới nữa. Hãnh diện thay!

Để kết thúc bài tiểu luận thô thiển này, xin mạn phép trích ra đây một bài hát xẩm mà tác giả viết và đã in trong cuốn thơ "Còn Vương Tư Lòng" do Hoa-Tiên xuất bản năm 2009 ở Hoa-Kỳ.

Biết Trả Lời Sao!

*Như chúng anh đây... trước cũng học trò,
Cũng tắm sông, đánh đáo, thò lò mũi xanh!
Nhón lên mon men ra chốn thị thành
Làng nhàng vừa học, vừa hành anh lại vừa chơi!
Đêm đêm kèm trẻ cầm hơi
Văn khoa, trường luật, chán thời mò đến*

"Em Dê" (Math-Géné)

*Gái trai sớm tối rượu chè
Bạn bè nó cười cợt, nó chọc quê xa gần.
Nổi sùng anh mới quăng bút tòng quân
Ôm em mười sáu (M16) xỏ quần nhà binh.
Kẻ thù, chiến hữu, tử sinh...
Lạc vào đất Trích, buồn tình anh mới mằn thơ...
Lũ con anh, đôi lúc chúng vườn hởi, bây giờ
Thế bố ơi khói lửa hồi xưa làm gì?
Trả lời sao? Nói năng chi?
Giá trong bom đạn, chết vì núi sông
Có khi bắt tử, anh hùng!*

Nguyễn-Phú-Long.
March 2012.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003
TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

BÊN TÌNH BÊN NGHĨA (2)

(tiếp theo kỳ trước và hết)

Phạm Hữu Bính

Màn đêm buông xuống, gió lạnh làm mọi người run cầm cập. Một màu đen kịt phủ kín con tàu. Sóng vẫn vỗ mạnh. Một sự sợ hãi lan tràn ra khắp mọi người. Ai nấy nín thở. Có những tiếng cầu kinh sì sào pha lẫn với những câu kệ “*Nam Mô A Di Đà Phật*”.

Bỗng có tiếng một người đàn ông la lên:

- Có tàu lớn đang tiến về phía mình.

Mọi người nhìn theo hướng tay người đàn ông chỉ. Rồi tất cả cùng nhận ra ánh đèn rọi từ chiếc tàu lớn phóng ra. Ai nấy cùng la lên:

- Có tàu lớn đến kia rồi.

Người thuyền trưởng nói lớn:

- Không chắc họ đã nhìn thấy mình. Để tôi đốt một cây pháo bông tôi có mang sẵn đây. Nếu họ nhìn thấy pháo bông, họ sẽ biết mình cần cấp cứu.

Pháo bông phóng lên, rồi nổ tung, chiếu sáng một vùng biển. Vài phút sau có tiếng còi hú từ chiếc tàu lớn vang lên và nhiều đèn rọi những chùm ánh sáng hướng về chiếc tàu nhỏ. Người thuyền trưởng la lên:

- Họ thấy mình rồi.

Vừa lúc đó một làn sóng lớn từ đâu đổ rầm xuống chiếc tàu chở người tị nạn. Tàu mất thăng bằng đổ nghiêng về một bên. Nước tràn vào như thác lũ. Người thì bị hất xuống biển; người thì bị sóng kéo đi; người khác thì nhảy liêu ra để tránh con tàu đang chìm dần khỏi mặt nước.

Bảng vùng vẫy nổi lên khỏi mặt nước. Ánh đèn rọi từ chiếc tàu lớn cho Bảng thấy

cảnh cực kỳ hỗn độn ở chung quanh: Quần áo, vật dụng nổi lềnh bềnh pha lẫn với những bóng người nửa nổi, nửa chìm, chân tay quờ quạng như cố tìm một vật gì để bám víu vào. Thấy cái thùng gỗ dùng chứa nước nổi gần đó, Bảng nhoài mình lại, đưa cánh tay quàng lấy. Bảng đưa mắt thật nhanh ra chung quanh để tìm ông Thông Hoạch và Khánh. Cùng một lúc Bảng nhìn thấy cả hai người cách Bảng khoảng mười mét, mỗi người một phía với Bảng ngay chính giữa. Bảng hoảng hốt, cuống cuống. Bảng phải cứu một người trước rồi mới vòng lại cứu người kia được. Nhưng cứu ai trước? Bảng chỉ có một giây để quyết định. Ôi một giây này sao dài hơn một thế kỷ. Trong cái khoảng thời gian ngắn ngủi và cũng dài lê thê đó, trăm ngàn hình ảnh chạy qua trí Bảng: Hình ảnh Khánh tháo chiếc nhẫn cưới đưa cho Bảng. Hình ảnh cái tát từ bàn tay ông Thông Hoạch còn lẫn trên má Bé Chi. Những cái nhìn hằn học, bức bối của Bố. Những lời lẽ dịu dàng đầy triu mến của người anh rể. Những lời căn dặn của mẹ trước khi chia tay. Những lời Bảng hứa với mẹ. Bảng nhắm mắt lại, không dám suy nghĩ nữa.

Hai chân đạp thật nhanh, một tay kéo cái thùng gỗ, tay kia soải về phía trước như một cánh quạt, Bảng lao về phía Khánh, lúc đó đã buông xuôi hai cánh tay. Bảng vồ lấy cánh tay Khánh kéo lên khỏi mặt nước để sát vào chiếc thùng gỗ, rồi la lớn:

- Anh bám chặt vào, theo tôi lại cứu bố.

Rồi Bảng khua tay, đạp chân đổi hướng tìm ông Thông Hoạch. Có ánh đèn rọi từ

chiếc tàu lớn lướt qua rất mau nhưng cũng đủ cho Bạng thấy ông Thông Hoạch mặt nhợt nhạt, đầu tóc bơ phờ, rũ rượi, đang chìm nhanh khỏi mặt nước. Bạng phóng tới nơi thì không còn thấy bóng dáng ông Thông Hoạch đâu nữa. Những lượng vàng lá đã bao lần làm lệch cán cân công lý thì bây giờ đã kéo ông Thông Hoạch chìm nhanh theo xuống đáy biển. Bạng lặn xuống theo để cố tìm ông Thông Hoạch nhưng biển chỉ còn một màu đen của bóng đêm.

Vùng vẫy trở lại mặt nước, Bạng bám vào thùng gỗ nhìn ra chung quanh và chỉ còn thấy loáng thoáng năm bảy người. Chiếc tàu lớn tới gần hơn. Bạng có thể nhìn rõ thủy thủ đang hạ những thuyền cấp cứu xuống. Nước biển lạnh làm Bạng và Khánh run cầm cập. Trong chốc lát, một chiếc thuyền cấp cứu đến sát ngay chỗ Bạng và Khánh. Một thủy thủ ném hai chiếc phao cho Bạng và Khánh bám vào rồi kéo lên thuyền. Sáu bảy chiếc thuyền cấp cứu khác chạy ra nhiều hướng để giúp những người còn sống sót.

Bạng và Khánh cùng những người còn sống sót khác được đưa lên tàu lớn. Tất cả chỉ có mười tám người được cứu. Ai cũng âu sầu ủ rũ vì ai cũng có người thân thiệt mạng. Sau khi khám bệnh cho mọi người, bác sĩ thường trực trên tàu tuyên bố mọi người đều khỏe mạnh; mặc dù đang còn mệt vì đói và lạnh. Mọi người được phân phát quần áo ấm, chăn mền, đồ ăn và được chỉ định chỗ ngủ tạm thời.

Trong khi mọi người ăn ngấu nghiến những khẩu phần vừa nhận được, một mình Bạng không đụng một miếng. Bạng cảm thấy như có gì ngăn chặn ngay ở cổ. Hình ảnh người bố đang chìm nhanh xuống biển không rời tâm trí Bạng. Câu nói của người

mẹ trước khi Bạng lên đường lại như vang lên bên tai Bạng “*Con phải hứa với mẹ con sẽ hết sức săn sóc cho bố con*”. Bạng còn nghe rõ tiếng mình nói với mẹ “*Con hứa*”. Làm sao Bạng có thể để cho bố chết đuối để đi cứu người anh rể? Nếu có ngày nào gặp lại mẹ rồi Bạng sẽ nói làm sao?

Có tiếng Khánh dục:

- Cậu cố ăn chút đỉnh để lấy lại sức. Coi bộ cũng nhiều ngày nữa tàu mới cập bến.

Bạng chỉ lắc đầu, yên lặng, nằm thờ dãi. Khánh để cho Bạng nằm nghỉ một hồi rồi lại lay Bạng dậy, dục dãi:

- Cậu nghe anh, cố ăn đi vài miếng cho đỡ đói.

Bạng bỗng ợ mạnh lên rồi nôn oẹ ra khắp chỗ nằm. Khánh sợ hãi, vội tìm khăn giấy lau chùi cho Bạng. Liên hai ngày, Bạng không chịu ăn uống gì. Khánh đi tìm bác sĩ để cầu cứu. Nể lời bác sĩ, Bạng chỉ ăn hai ba muỗng súp rồi lại thôi. Sang ngày thứ ba, khi thấy Bạng vẫn không chịu ăn uống gì, Khánh đang định đi tìm bác sĩ nữa thì Bạng thều thào nói:

- Năm đây ngọt ngạt quá. Em muốn lên boong tàu cho thoải mái một chút.

Khánh đỡ Bạng ngồi dậy; rồi lại đỡ Bạng đứng lên. Bạng bám vào vai Khánh, đi từng bước nhỏ nặng nhọc ra cầu thang lên boong tàu. Bạng đứng một lúc rồi nói:

- Anh làm ơn về phòng lấy cho em một cái áo ấm.

Khánh không nghĩ ngợi gì, để Bạng đứng đó vịn vào lan can tàu; còn Khánh thì đi vội xuống cầu thang để về phòng. Vừa tới chân cầu thang thì Khánh nghe có tiếng la lớn:

- Man over board (Có người té xuống biển).

Có tiếng chân nhiều thủy thủ chạy rầm rầm lên boong tàu, vừa chạy vừa la:

- Có người té xuống biển. Có người té xuống biển.

Khánh giật mình quay trở lại tìm Bả; nhưng không thấy Bả đâu. Một người thủy thủ vỗ lấy Khánh nói:

- Đó chính là người đàn ông mà lúc nãy tôi thấy đứng nói chuyện với ông ở trên boong tàu đó. Ông vừa đi thì người đàn ông kia leo qua lan can rồi nhảy xuống biển chỗ này này.

Khánh bàng hoàng không nói được một lời.

Mọi người cúi đầu chăm chú nhìn xuống biển theo hướng tay người thủy thủ vừa chỉ. Có tiếng la lớn:

- Anh ta kia kia. May quá, anh ta không rơi xuống biển mà rơi ngay vào trong chiếc thuyền cấp cứu số 16 đó. Gọi ngay đội cứu thương xuống đem anh ta lên.

Mấy phút sau Bả được đưa thẳng lên bệnh xá để bác sĩ khám nghiệm. Khánh hồi hộp đứng ngoài cửa bệnh xá chờ đợi. Sau một hồi thật lâu, bác sĩ trưởng bước ra. Thấy vẻ mặt lo âu của Khánh, bác sĩ nói:

- Tôi có tin mừng cho ông. Người bạn đồng hành với ông chỉ bị trầy xước một vài chỗ; nhưng không có gì nguy hại đến tính mạng.

Khánh mừng rỡ hỏi:

- Tôi có thể vào thăm được không?

Bác sĩ nói:

- Anh ta còn mệt lắm. Các y-tá đang tiếp nước biển cho anh ta vì hình như anh ta đã bỏ ăn mấy hôm rồi. Chờ một giờ nữa các y-tá sẽ đưa anh ta về phòng riêng, nghỉ ngơi. Lúc đó ông có thể vào thăm được.

Buổi chiều hôm đó, khi Khánh vào thăm, Bả nhìn Khánh mỉm cười, như có vẻ chờ đợi. Khánh ngồi xuống bên giường, yên lặng cầm tay Bả một hồi rồi trầm ngâm nói:

- Anh hiểu nỗi khổ tâm của cậu. Anh cũng buồn vô cùng. Thôi thì là số mệnh cả. Cậu đã hết mình cố cứu ông mà không được. Mọi sự xảy ra ngoài tầm tay của cậu. Cậu đau buồn như vậy cũng đủ rồi. Bây giờ là lúc cậu phải nghĩ đến cháu Chi và mẹ Nguyệt ở nhà. Mọi người đang mong tin cậu và tôi từng giờ, từng phút.

Bả nắm chặt tay Khánh một hồi thật lâu rồi nói:

- Em sẽ nghe anh.

Em cảm ơn anh nhiều lắm.

Khánh yên lặng một phút rồi nói:

Anh phải cảm ơn cậu mới đúng chứ. Cậu cứu anh mà cũng là cứu chị và hai con anh. Nếu không có cậu cứu anh thì ba mẹ con còn biết trông cậy vào đâu. Thế là cậu đã cứu cả gia đình anh, bốn người. Anh chị và hai cháu sẽ nhớ ơn cậu mãi mãi.

Phạm Hữu Bính
(Virginia)



Ảnh: Chiều Đông
PHẠM VĂN TUẤN

CAGED BIRD

A free bird leaps
on the back of the wind
and floats downstream
till the current ends
and dips his wing
in the orange sun rays
and dares to claim the sky.

But a bird that stalks
down his narrow cage
can seldom see through
his bars of rage
his wings are clipped and
his feet are tied
so he opens his throat to sing.

The caged bird sings
with a fearful trill
of things unknown
but longed for still
and his tune is heard
on the distant hill
for the caged bird
sings of freedom.

The free bird
thinks of another breeze
and the trade winds soft through
the sighing trees
and the fat worms waiting
on a dawn-bright lawn
and he names the sky his own.

But a caged bird
stands on the grave of dreams
his shadow shouts on a nightmare scream
his wings are clipped and his feet are tied
so he opens his throat to sing.

The caged bird sings
with a fearful trill
of things unknown
but longed for still
and his tune is heard
on the distant hill
for the caged bird
sings of freedom.

MAYA ANGELOU

CHIM LỒNG

Chim ngoài lồng tự do
nhảy tung tăng theo gió
tắm dòng nước nhẹ tuôn
xuôi về tận cuối nguồn
chim ung dung phới cánh
trong tia nắng vàng hanh
chim ngoài lồng ngạo nghễ
như thách đố trời xanh.

Nhưng chim lồng lần quanh
trong chuồng hẹp u sầu
nào có thấy gì đâu
qua chấn song uất hận
bị bó cánh bó chân
chim đành vượn cổ hót.

Chim lồng cất tiếng ca
giọng rụt rè âu lo
mơ về khung trời lạ
mà chim hằng ước mong
tiếng chim vang vọng xa
qua đồi núi bao la
vì chim lồng trôi giòng
hót ca khúc tự do.

Chim ngoài lồng
nghĩ về luồng gió lạ
thôi nhẹ nhàng
qua cây lá thở than
và sâu ngon
trên cỏ non rạng rỡ
chim coi trời như sở hữu riêng tư.

Nhưng chim lồng
đứng bên mồ viên tưởng
bóng thét gào cơn mộng dữ còn vương
bó đôi cánh, buộc đôi chân, vương váu
nên chim đành vượn cổ hót đau thương.

Chim lồng cất tiếng ca
giọng rụt rè âu lo
mơ về khung trời lạ
mà chim hằng ước mong
tiếng chim vang vọng xa
qua đồi núi bao la
vì chim lồng trôi giòng
hót ca khúc tự do.

TÂM MINH NGÔ TĂNG GIAO
(chuyển ngữ)

Không gian và thời gian

Trần Tam Nguyên

Đêm qua em đi vào giấc mơ bằng một thứ ánh sáng chong chát kết hợp giống y như những giấc mơ từ những lần trước đã bị đứt đoạn. Giấc mơ lại mở ra như một đóa hoa được làm tươi lại bởi những ngọn gió mang đầy sức sống thổi lên từ dưới nước, cũng giống như sương mù vào một buổi sáng mùa xuân được tan biến đi, để dành chỗ cho ánh mặt trời. Em bước đi một cách cuồng nhiệt trong một khu vườn vừa mới được sáng tạo theo dưới bước chân em, những vòi nước bắn tung, những cây cối mọc lên cao tận trời, những trẻ con nô đùa trên những thảm cỏ chạy khắp qua những con đường mòn trải cát giữa những bụi cây, những cặp trai gái đi dạo tay trong tay hay ngồi trên thảm cỏ, một sự an bình nhẹ nhàng bao trùm lên cảnh vật, lên mọi người và đây là lần đầu tiên em cảm thấy ngập tràn hạnh phúc.

Sự hiểu biết của con người không đầy đủ, giới hạn và không rõ ràng vì con người chỉ chăm chú triền miên về quá khứ, không cần biết đến những khởi thủy. Chìa khóa của sự hiểu biết nằm trong những nguồn gốc. Con người không biết rõ được sự khởi đầu của thế giới, của con người, của vũ trụ, của không gian và của thời gian này. Phải chăng có một sự bắt đầu, một sự khởi nguồn trước khi xuất hiện không gian, vũ trụ và thời gian? Con người sống trong thời gian và không gian giống như những con cá sống trong nước, bơi nhảy nô đùa rất sống động nhưng chúng không thể tưởng tượng có một cái gì khác ở chung quanh ngoài yếu tố chất lỏng mà chúng không thể nào thoát ra ngoài được. Giống như những con cá, con người

không thể sinh nở gì ở ngoài không gian và thời gian.

Trong giấc mơ em nhận thức được trước khi có vũ trụ, có thế giới loài người thì chẳng có gì cả, trước khi có thời gian cũng chẳng có gì cả, nhưng nghĩa của chữ "chẳng có gì cả" là gì? Đó là sự trống rỗng, nhưng khi người ta nói đến sự trống rỗng tức là có nghĩ đến một cái gì khác, một nơi chốn mà ở nơi đó tất cả dấu vết về sự sống, tế bào, nguyên liệu, ngay cả thực tại hay chân lý đều bị loại trừ và luôn luôn vẫn có sự tồn tại thời gian và không gian. Trước khi có sự hiện hữu không gian và thời gian, cái hư vô nguyên thủy là tuyệt đối, bất tận và vĩnh cửu. Hư vô là một sự vắng mặt hoàn toàn của sự hiện hữu bất cứ gì mà tinh thần con người không có khả năng tiêu biểu hay thể hiện và cũng không thể tưởng tượng hay tạo dựng ra được. Còn vĩnh cửu ở đây không phải là sự dài lâu hay bất tận theo thời gian mà là sự vắng mặt hay đúng hơn là sự không hiện hữu của thời gian.

Để hiểu một sự kiện hay một sự vật, con người phải tìm hiểu nguyên nhân hay nguồn gốc, vì vậy để giải thích cái "hư vô" không thể giải thích và không thể tưởng tượng được đó, con người đã nghĩ đến phải có một đấng thiêng liêng, một thượng đế, chính là cái hư vô, cái tuyệt đối, cái bất tận, cái vĩnh cửu, cái chân lý. Thượng đế, đấng thiêng liêng là chân lý duy nhất và dưới đôi mắt mờ mịt và lẫn lộn của con người, thượng đế trở thành "hư vô". Thượng đế đã làm nổi lên từ cõi hư vô, từ miền vĩnh cửu này một vài thứ, trong đó có cái chết mà mọi người phải gánh chịu và thượng đế cũng đem mọi người trở về chốn cội nguồn mà trước đó con người đã rút tĩa và trải qua một vài mùa đông ngán ngủ hay một

chút mùa thu trong một khoảnh khắc thời gian. Tất cả mọi người được sinh ra rồi chết, không hoàn toàn ra khỏi cõi hư vô mà con người phải ngụp lặn trở lại trong cái hư vô đó.

Thượng đế luôn luôn vắng mặt, vắng mặt vĩnh viễn, không một ai thấy được hay có thể thấy được hay sẽ thấy được, vì vậy có câu cầu nguyện đến "thượng đế không ai biết". Thượng đế đã gửi đến cho con người những nhà tiên tri mà mọi người có thể thấy được, nào đức Phật, nào đức Chúa, nào ngài Mahomet ...

Thượng đế đã có trước khi có thời gian bởi vì thượng đế là "không có gì cả". Thượng đế là giáo chủ của hư vô trước khi trở thành giáo chủ của sự sáng tạo mọi vật. Giáo chủ này ở nơi được che dấu từ chốn "không có gì cả" và từ chốn vĩnh cửu. Vĩnh cửu ở đây không phải là một khoảng thời gian bất tận, một ý niệm vượt khỏi tầm tưởng tượng của con người. Vĩnh cửu ở đây là một sự vắng mặt, không hiện hữu thời gian. Vĩnh cửu đối với con người như là một điều hão huyền không thể hiểu được, trong khi đó thời gian thuộc về sự thật, về thực tế và được con người xem là điều đương nhiên. Điều đó đúng là trái ngược với sự thật trong đời sống thực tế. Không có gì giản dị hơn là sự vĩnh cửu.

Sự hải hùng về thiêng liêng bao quanh tất cả mọi người không trừ một ai cả, đó là sự chết, nhưng con người phải nhận thức một điều là "không gì cả" và "cái tất cả" đã tự pha trộn lẫn nhau từ nguồn gốc và cũng nên nhớ rằng sự vĩnh cửu, hư vô, thượng đế và đấng thiêng liêng chỉ là một.

Những người chết đi ra khỏi thời gian và quay trở lại chốn hư vô, đi vào miền vĩnh cửu. Những người chết trở lại vương quốc không biên giới và không có vua mà ở đó hư vô là tinh túy và họ đã rời bỏ nơi đó lúc họ được sinh ra đời để đi vào thời gian. Thế nhưng người ta tự hỏi vương quốc của những

người chết có giống y như vương quốc của những người chưa được sinh ra hay của những người không bao giờ được sinh ra hay không? Câu trả lời là có một sự khác biệt giữa hai vương quốc, đó là những người chết đã được sống, đã bị trải qua bởi thời gian, bởi những hạnh phúc, bởi những khổ đau, bởi những diễn biến khác nhau đủ mọi thứ và bởi sự bấp bênh của họ. Vĩnh cửu là một bất động, một bất tận và là một sự đơn giản, còn thời gian với những thay đổi lên xuống bất tận, với hiện tại, quá khứ và tương lai, như mũi tên thẳng tiến không quay theo chiều đảo ngược, vì thế nên thời gian là đa bội, trùng phức, di động và phân chia từng mảnh. Tồn phạm với sự thiện, ác nằm bên trong đó, thời gian là hình ảnh và biểu tượng sự phức tạp của vũ trụ.

Không gian và thời gian chuyên trách việc phân biệt các hiện tượng và kết hợp chúng trở lại với nhau. Không gian phân biệt và kết hợp những hiện tượng theo phương cách đồng vị và cùng hiện hữu, còn thời gian phân biệt và kết hợp những hiện tượng theo phương cách kế vị. Nhìn từ cõi hư vô, từ vĩnh cửu thì không gian và thời gian biểu tượng một sự sáng tạo, một mối mẻ cội rễ và hoàn toàn không phải do tình cờ ngẫu nhiên. Chất liệu, sự sống, ý nghĩ, lịch sử mà chúng ta thấy, tất cả tự phát triển và lần lượt hiện lên là do kết quả của sự ngẫu nhiên và sự cần thiết của sự tiến hóa. Nhưng không gian đến từ đâu? thời gian đến từ đâu? Ai dám cho rằng sự hiện hữu của thời gian không đặt thành vấn đề và phải chấp nhận nó mà không được đặt vấn đề? Ai dám cho rằng thời gian cũng xuất hiện từ sự ngẫu nhiên và sự cần thiết của sự tiến hóa? Để cho đúng với nguyên tắc tìm hiểu một sự kiện là tìm nguyên nhân, con người cho rằng thời gian là dấu hiệu của một đấng thiêng liêng, một thượng đế, từ "cái tất cả" rút ra từ "cái không gì cả". Như thế người

ta có thể nói không gian và thời gian là nguồn gốc của vũ trụ không? Câu trả lời là không. Nguồn gốc của vũ trụ thuộc về tinh thần, vô hình, không nhìn thấy mà con người có thể cho một cái tên, đó là năng lực. Nếu vũ trụ có đầy lửa và đầy thiên thần thì không gian và thời gian không có khả năng sáng tạo gì cả. Không gian và thời gian chỉ tạo dựng những cái khung do tinh thần trao cho để hoạt náo "cái tất cả" mà từ đó chất liệu, sự sống, tư tưởng thoát ra. Duy chỉ có tư tưởng con người mới có thể hiểu hay cố gắng thử hiểu được sự pha trộn hoàn hảo của không gian và thời gian. Không gian là một sự tìm thấy ngẫu nhiên vì trong cõi hư vô không có gì cả và con người không thể nói về không gian và cũng không hy vọng có thể có không gian trong hư vô.

Những hành tinh, trái đất, biển, núi, thung lũng, sa mạc, rừng rú, mọi thứ sinh vật, sự vật và con người được sắp đặt cạnh nhau. Tất cả không bị lẫn lộn trong một khung cảnh hỗn loạn, điên cuồng bởi vì không gian kết hợp và phân biệt chúng. Dĩ nhiên không gian tính toán theo thể hiện ba chiều để dùng đo lường và ngành địa lý tự phát triển với tất cả những con số đo lường đúng đắn so với những tính toán và trình bày của không gian.

Thời gian và không gian như là những đứa con sinh đôi không chia lìa nhau được từ trong lòng mẹ, chúng chỉ là một. Ở bên cạnh nhau, thời gian rất nhanh nhẹn và sáng láng, ngược lại không gian thô lỗ, trầm lặng, nặng nề, không chống đối. Con người bước chân trên không gian và không gian là hình thức sức mạnh của con người. Ngược lại, thời gian vì là sự phản ánh của vĩnh cửu nên là hình thức bất lực của con người. Con người phải hiểu rằng có hai "cái tất cả", một cái tất cả nguyên thủy, vĩnh cửu, bất tận, tự lẫn lộn và hòa hợp với hư vô và một "cái tất cả" của con người, tạm bợ, hạn định, thoát ra từ cõi hư vô

mà con người gọi là vũ trụ. Khi nói đến vũ trụ, người ta nói đến trước tiên đến thời gian ; tất cả chúng ta, sự sống, địa cầu, hành tinh, ngân hà và tất cả những thứ khác sẽ chẳng là gì cả nếu không có thời gian. Thời gian là linh hồn của vũ trụ. Nó tự lẫn lộn, hòa hợp với chính nó. Thời gian không sáng tạo được gì cả nhưng nó biến đổi mọi thứ, nó phát triển những gì hiện hữu.

Người ta có thể nhìn thấy không gian, có thể đo lường không gian, có thể sờ mó không gian dưới nhiều hình thức như đất, nước, đi ngang qua mọi chiều, có thể đến rồi đi, rồi trở lại dưới gót chân, không gian luôn ở đó. Nhưng thời gian, không một ai biết đó là ai, nó không có thước tắc, không hình dáng, không mùi, nó che đậy, dấu diếm và bí mật. Nó cũng hiện diện như không gian nhưng không bao giờ nó ở đó, nó luôn luôn ở nơi khác giống như tư tưởng và tinh thần, nó rất tinh tế và đáng lo ngại. Một số người cho rằng thời gian có liên hệ đến tư tưởng của con người. Thực ra trước khi con người xuất hiện, thời gian đã có mặt và đã chạy qua rồi. Chính trong thời gian các chất liệu tự hình thành, mặt trời hiện ra giữa các hành tinh và trái đất chuẩn bị đón nhận sự sống.

Một điều đúng là tư tưởng của con người được bảo trì theo thời gian trong những liên hệ chặt chẽ để thời gian thâm nhiễm trong tư tưởng và tư tưởng thấm thấu vào thời gian. Tư tưởng con người độc lập đối với không gian và chủ trì không gian. Ngược lại thời gian mang đến cho con người những tình cảm, những đam mê, những giấc mơ và tư tưởng. Những đam mê thay đổi theo thời gian, những giấc mơ đặt dưới thời gian và tư tưởng chỉ có thể phát triển trong thời gian. Đảo ngược lại, để phục thù, tư tưởng xâm chiếm thời gian.

Tư tưởng đã thiết lập những lịch, những định kỳ, những hành tinh, những ngôi sao,

những ngày, những tháng, những mùa, những năm và tư tưởng còn sáng chế ra những loại trung gian như những giây, những phút, những giờ, những tuần lễ, những thế kỷ ... Nhất là tư tưởng còn đánh dấu trong những làn sóng ào ạt của thời gian bằng ba yếu tố khác nhau, đó là quá khứ, hiện tại, tương lai. Với một chút tò mò em còn nhận thấy rằng thật là trôi chảy xuôi giòng, thật là trừu tượng, hầu như không hiện hữu, thời gian bất ngờ tự thay đổi thành một cái gì ở đằng trước và một cái gì ở đằng sau, một mặt khác thời gian luôn có mặt ở bên cạnh con người và không có gì ngạc nhiên khi con người tìm thấy quá khứ ở phía đằng sau và tương lai ở phía đằng trước, nhưng cả hai đều ở nơi khác trong một tình trạng hay môi trường rất khó diễn tả ngay cả trong tưởng tượng. Chỉ có hiện tại là giản dị, thật dễ chịu, không phức tạp gì cả vì con người sống ở hiện tại, con người có thể nói về quá khứ và tiên liệu tương lai ở hiện tại và không một ai có thể làm cho hiện tại ngừng lại hay làm cho nó bất di động.

Sự lẫn lộn giữa "cái hư vô" và "cái tất cả" trước khi vũ trụ được sáng lập khiến cho con người ngạc nhiên và khó hiểu. Những gì xảy ra mỗi một lúc ở đời sống bình thường của con người trong mỗi ngày không ngừng tái diễn, nhưng đối với con người hình như không giống nhau. Thời gian đã làm cho con người có thói quen chấp nhận sự không giống nhau đó và khiến cho con người xem sự kiện đó giống như chính cơ thể mình, hơi thở mình, ngôn ngữ mình và hơn nữa hình như bản chất của thời gian cũng không chấp nhận sự phân biệt này.

Dấu vết tinh thần của con người thật sự rõ ràng nằm trong thời gian vì con người sống trong thời gian và chìm sâu trong bí mật đó. Con người không có được cái chìa khóa để mở sự bí mật đó nhưng ít nhất biết được rằng sự sống là một dấu hiệu bí hiểm mà con

người phải tìm kiếm câu trả lời. Con người đã tìm kiếm câu trả lời từ lúc vũ trụ được tạo lập, nhưng họ không tìm thấy và sẽ chẳng bao giờ tìm thấy vì suy nghĩ đến vũ trụ là một công trình vô bờ bến, vì suy nghĩ đến thời gian cũng là một công việc không bao giờ dứt được và bởi vì thời gian đè nén và làm ngạt thở vũ trụ.

Ở lúc khởi đầu "cái tất cả" của con người khi thời gian xuất hiện vào lúc có vụ nổ lớn nguyên thủy tạo lập vũ trụ, quá khứ không hiện hữu mà chỉ có tương lai. Lịch sử không bắt đầu bằng kỷ niệm mà bắt đầu bằng hứa hẹn, không có gì để nhớ lại, tất cả chỉ có mong đợi. Dần dần thời gian trôi qua và vũ trụ tự phát triển từ một điểm nhỏ, rồi cái tương lai bao la tự giới hạn và sự hứa hẹn tự thay đổi để cho quá khứ lớn dần. Vũ trụ là một máy móc chế tạo quá khứ. Ở lúc nguyên thủy, tương lai là tất cả và quá khứ không có gì cả. Ở lúc cuối cùng, không còn tương lai nữa và quá khứ là tất cả. Lịch sử chỉ là cuộc chiến giữa quá khứ và tương lai ở chung quanh một hiện tại luôn luôn hiện diện nhưng cũng luôn luôn vắng mặt. Trong cuộc chiến có vẻ không bao giờ kết thúc này, tương lai tiến bước như là một sức mạnh chủ động, không ngừng chiến thắng với những nguồn lực luôn luôn đổi mới bất tận vượt trên một quá khứ chiến đấu dật lùi không biết gì khác ngoài việc bị rơi vào trong kỷ niệm. Nhưng cuối cùng chiến thắng sẽ là quá khứ vì nó đưa tất cả đến sự chết. Vào một ngày nào đó, tương lai bị dừng lại, mệt nhọc và tàn hơi, bắt buộc đầu hàng giao vũ khí và hành trang lại cho quá khứ. Lúc đó "cái tất cả" của con người chỉ còn là cái quá khứ.

Giấc mơ vẫn kéo dài, em biết và con người cũng cảm thấy rằng tất cả mọi thứ dường như đến từ chính bên trong của chính chúng nó hay bên trong của chính con người và thời gian cũng giống như thế, đến từ chính

nó. Điều này hình như là một định luật của sự vĩnh cửu, nhưng có thể không phải là tuyệt đối bởi vì người ta nhận thấy ở trong đó còn có sự hiện hữu ý chí của con người được che dấu và được thể hiện qua sự ngẫu nhiên và sự cần thiết trong sự tiến hóa. Sự cần thiết kéo theo những hậu quả và nguyên nhân. Chân lý chỉ là một giấc mơ nằm trong một hòn đảo giữa chốn hư vô, hay giữa chốn vĩnh cửu. Tất cả đều sinh ra từ chốn hư vô và rơi trở lại chốn hư vô, kẻ chiến thắng là quá khứ, ấy là cái chết. Con người hãy ngừng nghĩ đến mình mà phải nghĩ đến vĩnh cửu vì "cái tất cả" của con người là "không có gì cả" vì nó thay đổi bất tận và sẽ không bao giờ giống nhau sau khi thời gian trôi qua.

Sự sống của con người sẽ không kéo dài bất tận, nhưng ít nhất khi còn đó, nó là của chính con người và của mọi người. Đóng kín trong một góc cạnh nào đó, sự sống là một kẻ qua đường vội vã của vũ trụ và của thời gian, nó rất mỏng manh, giới hạn và nó chỉ dành cho con người. Sự chết, để cho chắc chắn là sẽ chết sau hay chết trước cha mẹ, con cái vội vã trở thành cha mẹ. Sự sống cũng là sự chết hay có thể là sự sống trước tiên là sự chết. Sống là bắt đầu chết. Những người sống sẽ chết đi bởi vì họ sống và họ sinh sản bởi vì họ sẽ chết. Hai từ ngữ đủ để giải nghĩa sự việc đó trong hàng triệu năm trải qua đó là : yêu và chết, có lẽ con người còn thêm một từ ngữ nữa đó là : suy nghĩ. Con người luôn luôn yêu và chết. Con người ăn, uống, ngủ, làm việc, họ có những nhu cầu tự nhiên, tự tạo ra tiền bạc, quyền hành, sắc đẹp, hận thù. Điều chắc chắn là họ yêu và họ chết. Còn họ suy nghĩ thì suy nghĩ gì ? nghĩ đến một chút gì đó hay nghĩ đủ thứ hay không nghĩ gì cả ...

Nếu con người khám phá ra được thượng đế hay sự vĩnh cửu hay cõi hư vô thì thế giới sẽ ngừng lại, nó không còn lý do gì để tồn tại và thời gian sẽ không còn nữa. Một khi vũ trụ

và lịch sử con người còn tiếp diễn thì cõi hư vô, chốn vĩnh cửu hay thượng đế sẽ chưa được tìm thấy, sẽ vắng mặt, sẽ không hiện hữu vì đó là sự bí mật cần thiết dành cho sự diễn biến của mọi sự vật. Con người không bao giờ ngừng tìm kiếm thượng đế, chốn vĩnh cửu. Bằng chứng về thượng đế, chốn vĩnh cửu không phải là những phép lạ, không phải là những nhà tiên tri, không phải là những người tử vì đạo, không phải là những nghị hội tôn giáo, không phải là những tranh luận của giáo sĩ Do thái hay đạo sư Hồi giáo hay những lý luận bản thể học từ lâu nổi lên như là những bận tâm của con người, nhưng chắc chắn con người luôn luôn mong đợi những bằng chứng đó. Thượng đế hay cõi hư vô hay chốn vĩnh cửu ở đây là sự thông thái, sự cuồng nhiệt, là nụ cười của trẻ con, là sự lâm chung của con người. Thượng đế, hư vô, vĩnh cửu, cũng là ánh sáng, là bóng mờ, là đêm tối. Thượng đế, hư vô, vĩnh cửu cũng là thượng đế của Abraham, là con người phạm trù của Parménide, là tinh quái của Socrate, là lý thuyết của Platon, là động cơ và hành động tinh khiết của Aristote, là ba ngôi đồng nhất thể của Plotin, là thần tự do và tính xác thực của Descartes, là Isaac và Jacob của Pascal, là bản thể của Spinoza, là sự đơn độc của Leibniz, là tư tưởng tinh khiết của Kant, là tinh thần tuyệt đối của Hegel, là sự đảo ngược, lòng tin và tức thời của Kierkegaard, là sự vắng mặt riêng tư của Nietzsche, là sự nhảy vọt sáng tạo và trực giác của Bergson, là phần che dấu và con số của Jaspers, là khoảng rừng thưa của Heidegger, là tình yêu và sự sống hài hòa cộng đồng của thánh kinh, là tánh không của kinh Bát Nhã, là bất nhị của kinh Duy Ma Cật, là một niệm ở tâm của Tịnh độ tông hay là cõi vô niệm trong hành trình giới định tuệ của Thiền tông./.

Trần Tam Nguyên
(Paris)

SẤP NGỪA SÓNG MÙA

chút h ng nào tho ng qua l i c
 bàng b c trong ký c
 ng ai v qua ngõ...
 N c i n m x a, xóm nh ...
 hàng quà tr a
 ti ng rao l t l o
 tôi và em ng gi a mùa l
 d m m a...
 ng ng m t h n nhiên
 i b t k p nh ng h t m a trong v t
 r i n c i v thành nh ng bong
 bóng bay...
 lãg ãng gi c m ng con!
 h n em v n âu ây
 êm tan trong ôi m t trong
 và êm nh dòng su i th m
 ch y d u dàng
 cho ai mãi v n v ng!

Chút hoang àng nào trong ôi m t ngh ch
 bàng b c mây bay
 nh ng riu rít tu i th
 nh ng êm mùa h th h n nghe d gáy
 nh ng bài th u i rót nh vào tai...
 nh ng bu i p xe dài dài con d c bi n
 phong phanh áo m ng
 hai ch em m t li c môi c i
 s p ng a sóng mùa thu
 h i bi n m n cho ôi m t t...

chút nh nào l n vào tr m l t
 bàng b c trong tim
 thành ph ngày x a
 h n m t l n em r i l ng ch ng áy v c
 n c m t l ng tròn
 tôi kéo em lên b ng ánh nhìn kh i
 em i...
 bên này con sông êm m và nh ng hàng
 d a tr u trái...
 bên kia i thông thoai tho i và bi n xanh
 th m th m

nh ng c n m a rào
 n i bu n ngh n ng
 ngày nào em d t áo ra i v i vĩa
 tôi ng i bên kia qu a c u
 khóc nát con tim...

chút tình nào trong ôi m t l em
 bàng b c t ng t
 cho nh ng n i nh ,
 em v i tình yêu l ng l
 nh ng l i ch a ng
 nh h ng ng c lan m t ng trang sách
 tr th
 r i nh ng nh c nh n
 ngày n c nhà i ch
 nh ng gi c m ch t o n
 thay b ng nh ng chia ly tang tóc muôn b
 n c m t em tràn
 b c l c lũng gi a nh ng con ng ã b
 i tên
 xót xa...

nh ng k ni m r i s không còn gì nh c
 v i ti ng em n c n thì th m...
 ôi m t sáng tinh anh
 trong thân g y
 có trái tim em y mu n phi n s hã
 em k cho tôi
 em k cho ng i
 tôi b o em r i cho gió bay
 lòng tr n tr muôn trùng...

cánh ng y bông c may có em ngày
 nào ng ngóng
 bông c may trên tóc
 lá c may rì rào
 ngàn bông c m n i bu n em muôn thu ,
 khóc oà theo gió
 bám t ng vi n áo hao g y ...
 ôi! nh ng v n th nh th ng em
 v ng chút n ng bên th m...
 bàng b c ni m au!

(viết vào ngày giỗ H.)
Nguyễn Bạch

Chuyến Xe Lửa Định Mệnh

Diễm Trân

Anh họ tôi và em gái tôi đã rời tiểu bang Illinois lạnh lẽo để đi đến miền ấm cúng tiểu bang Florida. Thật ra thì không phải anh tôi và em gái tôi muốn bỏ rơi Iowa, nơi anh đi học, và Illinois, nơi gia đình tôi cư ngụ, vào tháng chạp năm đó, mà anh về Florida thăm mẹ anh và em tôi đi theo. Một người bạn của anh cũng đi theo. Trên xe vẫn còn chỗ cho tôi, và tôi cũng muốn đi xe hơi với anh lắm chứ, nhưng khổ một nỗi tôi phải ở lại để luyện thi cuối năm cho lớp hóa tôi đang học.

Năm đó đầu óc của tôi bị chi phối nhiều nên học mãi cũng không vô. Tôi nghĩ nếu tôi thông minh hơn và đầu óc sáng sủa hơn thì chắc đã có thể lấy bài thi sớm rồi. Tôi buồn rầu vẫy tay chào những người đi khi xe anh rời khỏi nhà bố mẹ tôi. Tôi hẹn sẽ đi xe lửa đến thăm bác (mẹ anh) sau khi thi xong. Tôi hơi ghen với con nhỏ em, nó được đi xe hơi với anh, còn tôi thì sẽ phải đi xe lửa một mình.

Hi hục học hành mãi rồi tôi cũng thi xong. Tuy điểm không cao lắm nhưng tôi không trượt là được rồi. Tôi mua vé xe lửa. Có ai đưa tôi ra bến. Tôi bơ vơ ngồi trên xe Amtrak từ Chicago đến Ocala cuối tháng chạp năm ấy. Tôi qua Mỹ mới có hơn một năm nên vốn liếng Anh vẫn còn ít ỏi. Tôi thu thập thêm từ ngữ Anh bằng cách đọc sách và viết những chữ tôi không hiểu vào một quyển sổ con, rồi sau đó ôn lại. Tôi có đem theo vài quyển truyện tiếng Anh để đọc và học hỏi thêm trên đoạn đường trường.

Tôi chẳng nhớ làm sao mà tôi biết về cái "dome car" vì đây là lần đầu tiên tôi đi xe lửa. Có lẽ bà hành khách ngồi cạnh cho tôi biết. Mỗi hành khách xe lửa có một chỗ ngồi chính thức, còn trên dome car thì ai muốn lên đó ngồi cũng được miễn còn chỗ. Tôi lên dome car ngồi đọc sách vì nơi này có cửa kính to để tôi có thể ngắm cảnh thoải mái. Tôi nhỏ con, không phấn son, mặc quần áo của thiên hạ cho, giấy đen, bút tất đỏ. Tôi biết chẳng có quả tim của chàng trai nào sẽ rung động về tôi. Nhưng không sao, tôi còn trẻ, công việc của tôi là học tiếng Anh và đại học. Đúng như tôi nghĩ, cái anh chàng tôi gặp trên dome car ngỡ tôi là một đứa con nít chứ không phải là một thiếu nữ mười tám xuân xanh, cái tuổi mộng mơ của một cựu nữ sinh Trung Vương. Ôi, định mệnh đã đưa đẩy tôi là hành khách của Amtrak và lên ngồi trên dome car. Những gì xảy ra sau này tôi cho là duyên số mà thôi.

Anh chàng học sinh Washington State University cũng lên dome car, và anh ta lại chọn ngồi cạnh tôi. Về sau anh nói hôm ấy anh hơi mệt, đi từ tiểu bang Washington đến, phải ngủ lại một đêm ở nhà bà con nơi thành phố Chicago, nên chỉ muốn nghỉ ngơi và không muốn nói chuyện nhiều với ai hết. Tuy thế, vì lịch sự anh cũng hỏi "Where are you from?" và nghĩ rằng tôi sẽ trả lời "Chicago" hay một tỉnh hoặc tiểu bang nào đó của Hoa Kỳ. Câu trả lời ngắn ngủn "Việt Nam" kích thích sự tò mò của anh. Việt Nam, một đất nước nhỏ bé, quá nhỏ bé đến

độ anh không biết nhiều về đất nước này, mà anh chỉ biết qua ba chữ "The Vietnam War."

Chúng tôi nói chuyện qua loa một lúc, rồi anh đem giấy bút ra làm bài. Hóa ra tôi may mắn hơn anh. Tôi học xong khóa rồi, không cần phải ôn bài trong những ngày nghỉ Noel như anh. Tôi đọc sách. Tôi đang đọc quyển *The Once and Future King*. Sách có nhiều chữ mới. Bình thường tôi viết những chữ mới vào quyển sổ con và sẽ tra tự vị sau, nhưng vì có anh ngồi cạnh nên tôi nhờ anh giúp. Tôi nhớ chữ đầu tiên tôi hỏi anh là chữ "decent."

Đọc chán, tôi tò mò ngó xem anh đang làm gì. Tôi thấy biến số và phương trình nên biết anh đang làm toán. Tuy tôi là học sinh ban A thời trung học, tôi cũng có khả năng toán, đủ khả năng để kèm các học sinh yếu toán trong "Learning Center" của Prairie State Community College, nơi tôi đang học. Tôi qua Mỹ mới được một năm rưỡi, đã học ba khóa đại học. Thật ra tôi chưa học thêm toán trình độ đại học nên không biết nhiều, những gì tôi biết đều chỉ thuộc trình độ toán trung học ban A của chương trình giảng dạy Việt Nam. Người bạn Amtrak của tôi đã có bằng cử nhân toán và đang học cao học. Tôi bình thường thì nhút nhát, thế mà chẳng hiểu duyên gì xui khiến, tôi lại chồm sang chỗ ngồi của chàng và thỏ thẻ "Do you need help?" Thế nhưng chẳng những tôi không đủ trình độ để giúp anh, tôi cũng không đủ trình độ để hiểu toán của anh. Quê thật. Nhưng tôi lại gọi thích thú cho anh vì đối với anh, phái phụ nữ chúng tôi ít người thích toán. Sau đó anh và tôi bắt đầu chuyện trò thân mật hơn. Anh không tin tôi đã mười tám nên muốn nhìn bằng lái xe của tôi. Anh viện cớ không biết bằng lái Illinois khác bằng lái

Washington ra sao. Tôi quē mùa và tin người nên đưa anh coi. Anh thông thạo hơn tôi. Thế nhưng lúc ấy tôi đâu biết như vậy. Tôi chơi một trò chơi tinh thần bằng cách mời anh chọn một trong bốn số tôi viết trên tờ giấy. Tôi "thắng" vì tôi biết anh chọn số nào. Đây là một trò chơi tôi mới học từ bà Marge, một người gốc Do Thái tôi gặp ở trường, rất tốt đối với tôi và đã giúp đỡ tôi nhiều trong mọi môi trường để nhập hòa với xứ Mỹ. Anh viết về tôi và chuyến xe lửa trong quyển hồi ký, sau này anh cho tôi xem, gọi tôi là "magic." Chúng tôi không về chỗ ngồi chính thức do vé xe định đoạt mà ở trên dome car nguyên ngày. Anh tặng tôi một bao cracker jacks. Tôi mở ra làm đổ lung tung. Anh cười nói tôi quá vụng về. Anh rủ tôi đi ăn tối trên dining car. Anh hào hoa đãi tôi một bữa thịt bò prime rib, gọi là quà Noel cho tôi. Anh vẫn nhớ và lâu lâu kể lại cho mọi người là tôi than về quà anh tặng, làm sao mà prime rib nhiều mỡ thế. Tối đến anh nói tôi có thể ngả đầu vào vai anh, rồi anh quay ra ngủ trên chỗ ngồi của dome car. Tôi ngượng ngùng trở lại chỗ vé ngồi chính thức.

Ngày hôm sau chúng tôi gặp lại nhau. Tôi chẳng nhớ anh và tôi nói những chuyện gì, nhưng tôi nhớ bà hành khách ngồi cạnh tôi gọi anh là bồ tôi và nhường ghế ngồi chính thức của bà cho anh. Tôi cải chính anh không phải là bồ nhưng bà ấy vẫn nghĩ vậy. Khi đến Jacksonville, Florida chúng tôi chia tay nhau. Xe lửa chia làm hai khúc, khúc của anh đi về Tampa, khúc của tôi đi về Ocala. Tôi xiết tay anh khi tạm biệt. Trước khi chia tay, anh cho tôi địa chỉ để liên lạc với anh. Tôi sẽ là người phải viết trước nếu tôi muốn tiếp tục biết anh vì tôi

sẽ dọn đến một trường đại học khác và chưa có địa chỉ.

Những ngày nghỉ Noel trôi qua nhanh. Tôi và cô em theo anh họ tôi và bạn anh về tiểu bang Illinois bằng xe hơi anh lái. Xe của anh trượt băng đá trên đường về nhưng chúng tôi không hề hấn gì, chỉ phải chịu lạnh vì cái máy ấm bị hư và cửa kính xe bị bể.

Khi trường bắt đầu thì tôi dọn đến trường và đi xa nhà. Tôi là người viết bức thư đầu tiên gửi cho anh, người mà định mệnh đã sắp đặt cho tôi gặp trên xe lửa. Tôi mừng khi anh trả lời và viết rằng anh muốn được "the honor of being your boyfriend." Tuy chúng tôi tiếp tục thư từ qua lại, cả mấy tháng sau tôi mới bằng lòng làm "girlfriend" của anh.

Anh và tôi giữ liên lạc qua thư từ, điện thoại, và thăm nhau trong những ngày trường đóng cửa. Ba năm sau chúng tôi làm đám cưới. Anh gọi cái xiết tay ở Jacksonville là cái xiết tay định mệnh. Anh trêu tôi là nếu không có cái xiết tay này thì chúng tôi không có ngày hôm nay với nhau. Nhưng tôi nghĩ định mệnh đã ràng buộc anh và tôi từ ngày tôi phải nán lại trường để thi môn hóa học. Và chuyến xe lửa Amtrak năm đó là chuyến xe lửa định mệnh của anh và tôi, chuyến xe lửa tôi không mong đi mà lại đem hạnh phúc bất ngờ đến cho tôi.

Diễm Trân
Mùa đông 2012



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Bài Tango cho mùa Thu

Thanh Trang

Tango

Mùa Thu ngày qua lần theo lối xưa về đây ! Như vẫn quen đường phố nơi phương
 này ! Tùng hàng cây khô chờ Thu vẫn không quên ngày ...
 Hẹn hò cùng nhau cho lá rơi đây ! Thiết tha cho lòng tìm về nơi
 chốn xa ... Thu về đây khác Thu nơi quê nhà !
 Thu nơi chốn xưa một thời nay đã qua ! Quên hay nhớ theo tháng năm phai
 nhòa ? Xa nhau mùa Xuân rộn ràng hoa bướm
 say dễ mong khi xum vầy ! Xa khi Hè
 sang ngày dài đêm nhớ chẳng ? nắng mai đã tràn lan !
 Chia tay mùa Thu màu trời lam đoái trông như cách chia muôn
 trùng ! Xa nhau mùa Thu ngại rồi khi nhớ
 mong nhớ theo qua mùa Đông ! (Mùa Thu ngày qua lần theo lối
 mong nhớ theo qua mùa Đông !

D.C. al fine

Fine

Về "Bài Tango cho mùa Thu"

Tôi theo bố mẹ vào Saigon từ năm chưa đầy tám tuổi, trước thời "Di Cư" bốn năm năm chứ không ít. Trước đây thì chi biết là trong năm có mấy tháng người ta rục rịch chuẩn bị ăn Tết, thời tiết dễ chịu chứ không còn cái màn co ro rét mướt của mấy tháng trước. Rồi sau Tết chẳng bao lâu thì khí trời đã bắt đầu oi bức; có những hôm đúng là nóng đến nơi đến chốn! Cho đến một ngày trời đất có phần mát mẻ trở lại thì khi ra phố tôi chỉ để ý đến những cái lồng đèn đủ kiểu đủ cỡ người ta bày bán cùng với bánh mứt nhân dịp "Trung Thu". Trong những ngày tháng đó mà đi đường có thấy lá rơi hay có tí gì khác trong khung trời xanh trên cao, trong những tàn lá, v.v.. thì thử hỏi xem con nít hơi đâu mà lại đi để tâm đến những chuyện như thế?

Thế rồi một khi vào Nam thì mọi việc trở nên đơn giản: Cứ mưa rơi đâu chừng nửa năm thì trời đất lại khô ráo trong vòng nửa năm; tuy giữa những ngày mưa thì vẫn có đầy rẫy ngày nắng, và ngược lại! Nhưng bấy giờ, bắt đầu lớn lên thêm chút đỉnh, bắt đầu đọc sách báo có sẵn trong nhà thì chả hiểu sao thơ văn của ai người ta viết thì cũng đầy rẫy hình ảnh của mùa Thu. Nhất là trong những bài hát. Và tất nhiên là thiên hạ tả tình tả cảnh về mùa Thu trên đất Bắc! Lúc bấy giờ đọc sách của Thạch Lam thấy tả cảnh mấy chị em đi nhặt lá bàng trong những đêm mùa Thu thì tôi không khỏi thắc mắc: "Lá bàng nó rơi ở ngõ ngách nào trên đường phố Hà Nội mà sao dạo trước mình đâu có hay?". Rồi hàng ngày có dịp nghe người ta hát trên đài phát thanh: "Anh

mong chờ mùa Thu, trời đất kia ngả màu xanh lơ.." thì thằng bé là tôi thuở ấy cứ thắc mắc: "Thì ở đây sắc trời về chiều chẳng xanh lơ là gì?"

Chỉ có điều là ngoại cảnh một đằng, còn thơ văn người ta viết một nẻo nhưng đến một lúc thì có hiện tượng mà trong tiếng Anh người ta gọi là: "Life imitating art"; tâm thức con người ta trong cuộc sống lắm khi bắt chước rập khuôn theo nghệ thuật! Tức là nếu như những hàng cây "Dầu" cao ngất ngều ở một số con đường trong thành phố Saigon mà có lúc chúng thả những tấm lá khô trên mặt đường mà mình chưa từng đọc gì về thơ văn mùa Thu ở một nơi khác thì ấy đơn giản chỉ là chuyện lá khô lia cành để cho đám lá mới mọc lên. Nhưng vì có hàng hà sa số những bài thơ, những truyện ngắn truyện dài, những bài hát về Thu cho nên tình cờ hôm nào chạy xe gần máy - thời tôi mười bốn mười lăm - mà gặp lúc những tấm lá Dầu to bản kia rơi đủng đỉnh từ trên cao thì trong lòng tôi lại chợt hiện lên chữ "Thu"!

Mãi về sau, khi thường xuyên đi ngược về xuôi trên tuyến đường Saigon - Cao Nguyên thì có những tháng trong năm mà khung cảnh ngoài trời đất rất có vẻ Thu! Có điều là những rừng cây chỉ đổi màu từ sắc xanh qua sắc nâu già chứ không có cái màn mùa màng thay đổi màu sắc như ở những nước có khí hậu ôn đới!

Rốt cuộc thì "phần số" của tôi không được sống lâu dài với ở đâu có mùa Thu thứ thiệt! Thời tôi du học ở xứ này vào cuối thập niên 60 thì hầu hết những tiểu bang

miệt Đông Bắc có màu sắc rực rỡ của cỏ cây khi Thu đến thì tôi đều đã có dịp chiêm ngưỡng. Nhưng kể từ khi trở lại xứ này vào đầu thập niên 90 và định cư ở Nam Cali thì tôi vẫn cứ ngỡ tưởng là mình sống theo khí hậu của miền Nam khi xưa, tuy thiếu hẳn tiết mục mưa! Nhưng ngẫm cho kỹ thì con người ta muốn được một cái gì đấy thì thường cũng có cái giá phải trả. Ở xứ này mà muốn có mùa Thu thú vị quanh mình thì cái giá tất yếu phải trả sau đó là mùa Đông. Đối với tôi thì cái món xúc tuyết vào mùa Đông là cái giá quá cao! Chỉ còn tí an ủi là tháng này cây "Maple" tôi trồng trước nhà đã bắt đầu có những cụm lá vàng. Tất nhiên là khắp nơi, đó đây vẫn có những

hàng cây đổi màu, rụng lá trong mùa Thu, thế nhưng cây cỏ ở Nam Cali. thì mùa nào cũng cứ thế mà xanh rì!

"Bài Tango cho mùa Thu" là viết trên tình thần "Thu nay vì đâu nhớ nhiều? Thu nay vì đâu tiếc nhiều... ?" như câu hát nơi bài "Thu quyến rũ" của Đoàn Chuẩn và Từ Linh, và tôi nhớ về những hình ảnh mùa Thu trên đất nước mình hơn là ở đây, cho dù cảnh sắc của mùa Thu trên đất người có rực rỡ đến mấy đi nữa!

Thanh Trang

(tháng 10, 2012)

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

KEYWEST-ỐC ĐẢO THƠ MỘNG

Phong Thu

Năm nay, anh Nguyễn Hà, bắt đầu lên lịch chuẩn bị chương trình chuyến đi nghỉ mát của chúng tôi tại Florida gần một năm qua. Thế nhưng, tôi vẫn còn mơ mơ màng màng như người mộng du. Tôi năn nỉ ông xã tôi và hai nhóc tí cùng đi nghỉ hè ở Florida thì ai cũng lắc đầu. Ba cha con bèn rủ nhau về thăm ông bà nội ở New York và tắm trên bãi biển cũ rích tại Long Island. Nước biển ở đó lạnh thấu xương và sóng thì to như cái nhà. Tôi ngán bơi lội trên bờ biển này. Những lần về New York, tôi chỉ đứng nhìn ông xã và các con bơi lội, còn tôi thì đi dọc bãi cát để lượm sò, lượm rong biển đem về phơi khô, sơn đủ màu và cắt vào những cái giỏ mây để nhìn ngắm.

Chuyến đi này, tôi không tham dự chuyến du ngoạn Western Caribbean Cruise "Oasis of the Seas" mà và chỉ thích đi ngắm biển.

ĐÊM ĐẦU TIÊN TRÊN BÃI BIỂN FORT LAUDERDALE

Anh Nguyễn Hà luôn là một người tháo vác, biết tổ chức chu đáo và quan tâm đến mọi người nên anh luôn "cực khổ". Mỗi khi anh tổ chức chuyến đi, tôi bỗng biến thành cô bé ngu ngơ, ngơ ngẩn. Anh lo từ A tới Z, tôi chỉ mua vé máy bay rồi vù ra sân bay, xuống xe đã có anh đến đón vì sợ tôi lạc đường mắc công gọi 911. Xuống tới sân bay, tôi còn mắt nhắm, mắt mở thì đã thấy anh đứng cạnh chiếc xe van, miệng cười toe toét. Tôi hỏi anh Hà cô bạn Miên Du đâu rồi. Anh nói Miên Du còn ngủ lù lù. Không ngủ sao được khi nửa đêm, cô nàng đang trên đường ra sân bay, đã gọi tôi vào lúc 3 giờ sáng "Chuẩn bị đi chưa?". Chúa

ơ! Tôi lồm cồm bò dậy nhìn đồng hồ và ngáp dài "Miên Du ơi! California là 12 giờ đêm thì bên tôi là 3:00 sáng. Hẹn gặp nhau chiều nay...." Tôi lắc đầu cười rồi bò lên giường ngủ tiếp.

Tối đêm đó, tôi và Miên Du lò mò đi xuống biển, đêm không trăng, chỉ có những ánh sao khuya lấp lánh trên bầu trời đêm cao vợi vợi. Những ánh đèn từ khách sạn hắt xuống mặt nước soi rõ bờ cát trắng phẳng lì. Hai bà điên tha hồ cười nói, hét cùng sóng biển mà không sợ ai nghe. Miên Du bắt đầu nhớ lại một bài hát mới bắt đầu bằng hai câu thơ:

*Không có tr m n m âu mà i
Không có ki p sau âu mà ch*

Hai câu thơ của Lưu Trọng Tấn, con trai của Lưu Trọng Lư mà Miên Du cảm hứng viết thành nhạc. Tôi thêm vô hai câu rất vô duyên:

*Tình yêu x a r i c ng trôi qua
K ni m x a r i c ng phôi pha*

.....

Miên Du đem bản nhạc chưa hoàn chỉnh hát cho mọi người nghe và chúng tôi cười ha hả...

KEY WEST- KỶ QUAN THIÊN NHIÊN

Sáng hôm sau, cả đoàn tập trung lại tôi mới biết nhóm QGNT năm nay gồm có gia đình anh Nguyễn Hà-Hồng và gia đình Đạt-Thủy, anh chị Phạm Văn Đức-Hiền, anh chị Phương-Huệ, anh chị Thiêng-Bích, anh chị Lưu Hậu Xám, gia đình chị Kim Nguyệt và bạn bè anh Hà tham dự rất đông. Không khí thật vui nhộn, thân ái. Chúng tôi chia làm 4 xe. Đoàn của tôi bác tài là anh Đức và con trai anh làm tài xế. Hai bố con thật vất vả khi phải lái xe suốt ngày đưa chúng tôi đi du ngoạn. Hai tài xế tuyệt vời này

không hề phàn nàn vì phải lái xe trên một chặng đường quá dài. Trong chuyến đi, tôi nhận ra tình cảm đậm đà, thân thiện của các con anh Hà và anh Đức quả thật hiếm và quý biết bao! Tôi tự hỏi tại sao tình cảm cho đi, ban phát không mất gì cả, nhưng vì sao con người sống với nhau lại quá hà tiện keo kiệt khi đem tặng nó cho mọi người. Sự ghét-thương chính là bản ngã của lòng ích kỷ và sự rộng lượng. Nó đang hiện diện trong bóng tối của mỗi nhân cách. Tôi vỗ trán mấy cái để tỉnh táo mà ngộ ra được cái thế giới ta bà này đầy thù hận, bon chen, giành giật nên chiến tranh luôn hiện diện khắp nơi. Con người tự gây ra đau khổ cho chính mình.

Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng mình đang tham dự chuyến viếng thăm một ốc đảo tận cùng của Florida “KEYWEST”. Tên gọi như một cái chìa khoá mở cửa bờ biển phía Tây của tiểu bang Florida. Tất cả các con đường và nhiều cửa hiệu đều mang tên bắt đầu bằng chữ Key.

Khí hậu Florida thật giống Việt Nam nên lần đầu tiên tôi thấy hoa phượng trồng khắp nơi dọc hai bên đường. Màu đỏ của những chùm phượng đỏ, gợi cho tôi biết bao xao xuyến, luyến thương về một thời xa xôi còn cấp sách đến trường. Tôi đã từng viết nhiều bài để nhớ về hoa phượng trong truyện ngắn “Hai Người Thầy” và truyện thiếu nhi “Vì Sao Hoa Phượng Đỏ”. Tôi cũng đã viết một bài ký bằng anh Ngữ “The Mangoteen” để nhắc lại người bạn nhỏ thuở tóc còn để chỏm vì mê hoa phượng mà bị ăn đòn. Những cây phượng ở đây được chăm sóc

cẩn thận, nó đã trở thành kiềng của tiểu bang nên ngọn, cành đã được cắt, tỉa cẩn thận. Chúng không cao lớn, hùng vĩ và trơ cả cành khi hoa phượng nở rộ vào mỗi độ hè sang như ở Việt Nam. Ở đây, những con đường dẫn vào làng xóm trồng rất nhiều dừa, cau thẳng tắp như gợi cho tôi nhớ lại làng quê Việt Nam rợp những bóng dừa. Những vi-la xinh xắn nằm sát mặt biển được bao bọc bởi những hàng dừa rũ tóc xuống mặt nước. Hai bên đường là biển, biển nối tiếp đất liền, nhà cửa, biển liềm chân mặt đất. Biển đổi màu liên tục từ màu ngọc bích, màu thiên thanh, màu xanh da trời, màu tím thẫm, màu đỏ nhạt, màu lam tuyền, màu đen xạm... Và giữa vùng



nước mênh mông trải dài mút tầm mắt là những chiếc canô, những người lướt ván như những cánh chim hải âu bay lướt trên mặt nước. Những cánh buồm trắng xoá nhấp nhô trên mặt biển như đưa ta vào một thế giới mộng và thực của những cuộc du hành đầy ngoạn mục để ngắm nét đẹp hùng vĩ của biển. Từ trên xe, tôi

mãi mê nhìn cảnh vật hai bên đường để tìm lại những nét quen thuộc của quê nhà. Một căn nhà màu tím hiện ra trong những hàng cây cau, dừa thật xinh xắn, lãng mạn khiến cho tôi nhớ bài hát “Căn Nhà Màu Tím”. Thiên nhiên êm ả, xanh mát những loài hoa quen thuộc vùng nhiệt đới tạo cho tôi cảm giác ấm áp, thanh thản và bình an.

Xe chạy qua nhiều chiếc cầu bắt nối liền các hải đảo nhỏ dẫn đến Keywest. Nhìn lên bản đồ, ốc đảo Keywest như một dây thừng mỏng manh vắt ngang qua mặt biển mênh mông vô tận. Theo tạp chí

Sunsentinel.com, chiếc cầu Seven Mile Bridge dài 7 dặm Anh, là một trong những chiếc cầu dài nhất thế giới. Nó nối liền thành phố Marathon Keys của Middle Key Florida đến Little Duck Key của vùng Lower Keys Florida. Nó bắt đầu từ thành phố Marathon ở Mike Market 47, được xây dựng từ năm 1979 và hoàn thành năm 1982, chi phí xây dựng là \$45 triệu đô la. Cầu Seven Mile Bridge có chiều cao 65 feet để tàu bè có thể di chuyển dễ dàng, chịu được sức gió trên 200 dặm một giờ. Nó được xây dựng bằng loại bê tông đặc biệt và có thể mang theo được ống dẫn nước và đường dây điện thoại. Nó được ca ngợi là một công trình tuyệt mỹ của thế giới. Song song với chiếc cầu mới này là chiếc cầu Seven Mile Bridge đã hoang phế và chỉ dành cho những người đi bộ, đi xe đạp, câu cá và ngoạn cảnh. Nó đã gây một vài nhíp. Nó được xây dựng từ năm 1906 và hoàn thành 1912, là một trong tám kỳ quan thế giới. Những người làm phim đã sử dụng Seven Mile Bridge trong 4 bộ phim truyện nổi tiếng là True Lies, 2 Fast 2 Furious, License to Kill and Up Close & Personal. Mỗi năm vào ngày mỗi ngày Thứ Bảy của tháng Tư, Seven Mile Bridge sẽ đóng lại trong 2 tiếng 30 phút để làm lễ kỷ niệm ngày xây dựng lại cầu Keywest.

Nhìn xuống lòng biển dưới chiếc cầu này là những hàng điện cao thế xây nổi trên mặt nước kéo dài từ bờ này sang bờ kia một cách ngoạn mục. Những đàn chim hải âu đậu đầy trên những đường dây điện. Hiện tượng nước biển nhiều màu đã khiến tôi tò mò tìm hiểu. Theo tạp chí Sunsentinel.com, màu nước biển pha trộn nhiều màu sắc khác nhau là do độ sâu của nước từ kênh Hawk's Channel của Đại Tây Dương (the Atlantic Ocean) và mực nước cạn từ vịnh Gulf of Mexico hoà vào nhau.

Chúng tôi đến Keywest vào lúc 1 giờ trưa sau 5 giờ lái xe lạc lên lạc xuống.

Keywest chào đón chúng tôi bằng một trận mưa rào ào ạt. Nước loang loáng trên đường và trôi bồng bênh những chiếc bong bóng nước tròn ươm. Dù gió biển thổi vào bờ ào ạt, và cứ 15 phút là có một cơn mưa rào, nhưng không khí vẫn oi bức, nóng đến thào mồ hôi.

Keywest có diện tích 129 dặm vuông (208km vuông) về phía Tây Nam cách thành phố Miami khoảng 160 dặm (260km) bằng đường xe hơi, và 106 dặm (171km) về hướng đông-bắc của thành phố Havana, nước Cuba. Tại điểm gần Cuba nhất chỉ cách khoảng 94 dặm tức 151km về phía nam. Do đó, chúng ta không ngạc nhiên khi tại Keywest vẫn còn ghi lại hình ảnh lịch sử và quảng bá về thuốc si-gà khi người Cuba mang đến Keywest sinh sống, buôn bán và sản xuất. Keywest là hải đảo tận cùng của bờ biển Florida, một trung tâm du lịch nổi tiếng đẹp và thơ mộng thu hút nhiều khách du lịch khắp nơi trên thế giới.

Tại đây có Trung Tâm Huấn Luyện Naval Air Station Keywest nơi đào tạo hàng triệu người cho ngành hàng không và hải quân do điều kiện thời tiết tuyệt vời. Nó cũng là thành phố đã được Tổng Thống Harry S. Truman lựa chọn như Winter White House.

Các trung tâm thương mại của Keywest bao gồm Duval Street, nhiều góc phía tây bắc của hòn đảo cùng với Whitehead, Simonton, Front, Greene, Caroline, EatonStreets và Truman Avenue. Phương châm của thành phố là mong muốn Keywest là "One Human Family-Một gia đình nhân loại."

Keywest có lịch sử rất ly kỳ mà có dịp tôi sẽ nói đến. Người Spanish và người Cuba ngày xưa đã từng sinh sống nơi đây. Do đó ngày nay, họ vẫn gọi Keywest là Cayo Hueso có nghĩa là "chìa khóa xương". Người ta kể rằng hòn đảo này được rải bằng các hài cốt của cư dân bản

địa. Keywest đã thực sự được xem là "Gibraltar của phương Tây" vì vị trí chiến lược trên tuyến đường hàng hải 90-dặm (140 km) rộng sâu thích hợp cho tàu bè qua lại tại eo biển Florida, giữa Đại Tây Dương và Vịnh Mexico.

Lịch sử Florida còn ghi rõ, ngày 25 tháng ba năm 1822, Thiếu Tướng Hải Quân Matthew C. Perry (sinh 04/10/1794 - mất 03/04/1858) đã chỉ huy một đội tàu Shark (Cá Mập) đến Keywest và cắm lá cờ Mỹ, tuyên bố Keys là tài sản Hoa Kỳ. Không có cuộc biểu tình nào được thực hiện qua tuyên bố của Mỹ về Keywest. Kể từ đó, Keys Florida đã trở thành tài sản của Hoa Kỳ.

Tôi, Miên Du và anh chị Đức-Hiền lang thang trong các cửa hiệu bán quà lưu niệm. Chúng tôi đi thăm thành phố. Những con đường nhỏ lát gạch xưa vẫn còn giữ nguyên. Nhà bảo tàng, công xưởng nhà máy cũ kỹ đã trở thành những di tích lịch sử được chính quyền Keywest bảo quản tốt. Hai dãy phố hai bên là những căn nhà xinh xắn có trồng bông trang đỏ, trắng, hồng, vàng. Và tôi cũng mê mẩn đến sống người khi nhìn những cây bông sứ vàng, trắng tro hoa được trồng rải rác trên đường.

Nhà văn lừng danh Ernest Hemingway đã từng sống tại Keywest. Do đó, một bar rượu vẫn còn viết tên ông trên bảng quảng cáo. Truyền thuyết kể rằng Ernest Hemingway đã viết quyển "A Farewell to Arms" trong khi sống ở phòng trưng bày của một đại lý Keywest Ford ở số 314 Simonton Street vào năm 1928.

Ông đã từng sống tại số nhà 1301 Whitehead Street cho đến khi chú của ông là ông Gus Pfeiffer, một người giàu có nổi tiếng, đã mua căn nhà số 907 Whitehead Street House năm 1931 tặng ông như một món quà cưới.



Ernest Hemingway House

Trong suốt thời gian ở đây, ông đã làm việc và viết những quyển sách: *Death in the Afternoon*, *For Whom the Bell Tolls*, *The Snows of Kilimanjaro*, và *The Short Happy Life of Francis Macomber*.

Ernest Hemingway đã tự sát bằng súng năm 1961. Căn nhà ông đã trở thành viện bảo tàng mang tên

ông ở số 907 whitehead Street, Keywest, là nơi có rất nhiều khách du lịch đến viếng thăm.

Keywest mưa nhiều và thường xuyên có bão tố. Nhưng đến đây một lần để thấy nét đẹp hùng vĩ của biển cả, nét thanh thoát dịu dàng của cây cỏ. Và con người nơi này thanh lịch, sống thản nhiên vô tư như chờ đợi khách đến viếng thăm. Họ không hối hả như những thành phố lớn của Hoa Kỳ.

LÀM QUEN VỚI NÀNG TIÊN CÁ?

Những ngày ở khách sạn Ocean Sky là những ngày thú vị nhất. Sáng chúng tôi ra biển tắm khi ông mặt trời chưa mở mắt. Buổi sáng đầu tiên, hai bà điên "Miên Du và tôi" mò xuống biển lúc 5 giờ sáng. Trời còn tối như bưng, chúng tôi nằm trên hai cái ghế dài dưới bờ biển để chờ mặt trời mọc. Những đám mây phủ mặt biển đen xạm và

TRÁCH TẠI GIÓ ĐÔNG

*Thu tàn Đông lại nổi đuôi sang
Tuyết cũng miên man giấc mộng vàng
Khoác áo trắng cây khoe đôi sắc
Đắng tình Đông gió lạnh lan tràn*

*Canh khuya trở giấc tình xa ngàn
Trống vắng tim cô gió bắc ngang
Buốt lạng Đông về than gói chiếc
Tóc khô vai héo trách tình tan*

*Hụt hẫng đêm dài ngày chợt ngắn
Chơi vơi phận số giọt sầu lặn
Mảnh tình hoài vọng Đông không đoái
Nên tuyết rủ nhau kéo lạnh sang*

*Non nước đá buồn cũng vẫn tro
Ngàn sao thôi hát khúc mong chờ
Cỏ cây không ấm than tình mỏng
Trách tại gió Đông khéo hững hờ*

Uyên Phương Minh Nguyệt
(Texas)

vẽ lên nền trời những hình tượng như thật. Tôi có thể tưởng tượng bên đó là bờ có cây cỏ, nhà cửa, đường sá. Tôi có thể bơi qua mặt biển để lang thang trên những đồng lúa mây vừa ửng vàng bởi ánh sáng ban mai.

Bờ biển thoải thoải nên tôi có thể bơi ra xa hơn. Nước biển trong vắt, ấm áp như nước biển tại Vũng Tàu làm cho tôi rất thích. Tôi tha hồ lặn hụp, bơi lội thoải thê. Tôi thấy rõ bàn chân tôi và những đàn cá tung tăng bơi lội xung quanh. Chúng thật thân thiện vì biết không ai bắt chúng làm thịt ăn. Có ngày biển động, sóng dội vào bờ cát cao hơn bình thường thì có những con cá lớn bằng bắp tay, phóng vào người tôi rồi lặn mất. Chưa bao giờ tôi được chứng kiến cảnh cá bơi lội, đùa giỡn, cộ mình của chúng vào mình tôi. Anh Lưu Hậu Xám ví von rằng đó là những nàng tiên cá đang ôm hôn chúng ta. Một cảnh yên bình, hài hoà giữa người và cá. Có mấy khi chúng ta được thụ hưởng những giây phút an nhàn như vậy?

Ngồi đây nhớ lại Miên Du xuống biển thì chìm tới đáy vì cái tội không chịu học bơi. Vậy mà còn đòi ra biển ngắm trăng, nhìn mặt trời lên vào lúc bình minh để mơ mộng, rồi còn đòi ngủ trên biển và mơ bên cạnh sẽ có một người tình. Thật là lãng mạng! Nhưng tìm đâu ra?! Đâu có dễ tìm người yêu lý tưởng khi một nửa kia lẫn lộn vào dòng người đông đảo. Và nửa kia, còn lang thang trên sa mạc và chết khát vì mãi miết đi tìm một tình yêu chân thành, trọn vẹn, đầy đủ mặt ngọt của cuộc đời. Tôi lại làm thơ con cóc ngâm nga một mình:

*Loài ng i mãi mãi cô n khi còn bên
nhau. Loài ng i mãi mãi au th ng khi
còn ôm hôn. Loài ng i mãi mãi b v n i
ni m t ng t . Vì âu anh xa xôi gì c
m yêu th ng b ng xa v i... Bàn chân
anh lang thang ngàn n m tìm em yêu. Gi
thì hai tay buông xuôi ch ng còn l i gì..."*

THĂM VƯỜN NHÃN-FLORIDA

Ngày thứ hai chúng tôi đi thăm viếng thành phố Miami. Sau đó đi thăm vườn trái cây với mong ước mua trái cây Việt Nam ăn cho đã...

Cứ tưởng rằng nhà vườn ở Florida sẽ giống những người miệt vườn trái cây tại quê tôi ngày xưa ngày xưa? Không ngờ, vào đây rồi mới thấy người chủ vườn xem chúng tôi như chẳng ra cái thá gì. Ngay cả khi chúng tôi có tiền cũng không thể mua được trái cây ngon lành như mua ngoài chợ. Nhưng tại cái tật thích nhìn cây mà nhớ cảnh quê nhà, nên trời mưa như trút nước, vẫn lái xe đi tìm... đi tìm. Xe chạy gần 1 giờ đồng hồ mới đến vườn nhãn do người Việt Nam làm chủ. Vừa đến nơi đã bị cảnh cáo "hồng được thăm viếng". Nhãn ngon có cảnh đang hoàng thì không bán cho chúng tôi mà chỉ bán những trái đã rụng, rời ra với giá \$1 và \$2 một pound. Trái cóc thì nhỏ xíu không thấy ruột mà chỉ thấy vỏ và hột, mãng cầu dai mà Miên Du mê ăn quá mua về thì quắc queo chỉ có vỏ... Tôi đứng xa xa nhìn cả đoàn mua nhãn mà bà chủ thì chẳng vui nên đâm ra chán. Tôi mua một thùng nhãn trái đã rụng không có cành đem về biếu bạn bè trong sở nhưng cũng chẳng còn ngon lành gì. Đừng tưởng bỏ rằng người Việt Nam thấy chúng ta là mừng rơn... Thế giới này không phải là miệt vườn của Bình Dương quê tôi trong những năm còn khói lửa chiến tranh. Càng ngày, tình người càng mong manh như sương- như khói, như có - như không.

ĐƠN ĐỘC

Kim Phượng, cô bạn gái từ thời còn học trung học hiện đang cư ngụ tại Florida, chúng tôi xa nhau đã mấy chục năm và tình bạn vẫn thắm thiết như ngày xưa. Bạn mong ước tôi đến thăm nên cứ giục tôi phải thông báo lịch trình chuyến đi. Nhưng tôi mua vé máy bay xong mới biết bạn ở bờ

Đông, còn tôi ở bờ Tây. Muốn thăm bạn phải lái xe trên 4 giờ đồng hồ nên tôi đành lối hẹn với bạn hiền.

Cả đoàn đã đi du ngoạn, còn tôi ở lại khách sạn một mình. Sáng tôi đi bơi, chiều đi bơi rồi ngâm mình trong hồ nước nóng. Buổi trưa lang thang để quan sát chợ buá và sinh hoạt ở đây. Kim Phượng nhớ tôi nên cứ gọi hỏi thăm. Hai đứa vẫn 'mày tao' như ngày xưa. Tiếc quá làm sao đi thăm nhau được. Nếu nhà Phượng gần đây thì tôi có thể đến thăm, nhưng bạn ở xa quá nên chỉ biết trao đổi qua điện thoại. Khi tâm sự, mới biết hơn 10 năm sống ở Florida, Phượng không tìm ra được một người bạn tâm đầu ý hợp. Sự cạnh tranh khốc liệt của áo cơm đã làm tê liệt, nguội lạnh tình đồng hương. Đâu phải khi bạn tôi nói thì tôi mới ngộ ra. Tôi đã nhìn thấy cách cư xử của người Việt Nam đối với nhau trong công sở, trong các tổ chức Hội Đoàn, trong đại gia đình nhà họ Quốc. Nó vừa mỉa mai, vừa chua xót, vừa tội nghiệp...

Phượng mơ ước tôi sẽ mua nhà ở gần để có người tâm sự vì tình bạn của chúng tôi đã kéo dài trên 36 năm. Bạn càng xưa càng quý. Và trong cuộc đời ta, nếu ta có một người bạn tử tế, nhà nhận, hiền hoà biết tôn trọng lẫn nhau, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống thì cuộc đời ta thật may mắn.

Tôi trở về Washington D.C vào ngày 20/8. Miên Du và gia đình anh Nguyễn Hà kệt lại sân bay vào ngày 25/8 vì bão rớt tại Florida. Thôi ngủ lại sân bay Fort Lauderdale đi bạn. Dù sao cũng là một chuyến đi đáng nhớ phải không? Có anh Nguyễn Hà và chị Hồng thì lo gì việc đi tìm trẻ lạc?!

Hẹn tái ngộ cùng tất cả quý anh chị và các bạn chuyến du hành trong năm 2013!

PHONG THU

Tháng 9 năm 2012

BÀI TÌNH CHO PARIS

* Nhạc và lời: VŨ THÁI HÒA

VALSE

- Bên Em chiều Pa - ris Đưa nhau vào Ély-
(Pa...) -ris - Chừ không Em - Lang thang hè phố

Sées - Bướm tung tâng vờn hoa, gió xôn xao gọi lá
cũ - Gác xưa Ta mình Ta, giữa đêm đen lạnh giá

Mộng vàng Em có Ta. - Bên nhau bờ sông Seine, Anh
Đợi chờ trong xót xa. Không Em. chiều nay mưa - Ga

say tình nồng cháy - Gió mon man ngày vui, nắng ru
xưa thì trống vắng. Chuyển Mé- tro lặng thính, bước chân

còn hồn dỗi, - Hẹn hò nhẹ tình ơi. FINE - Hôm nào
Anh lạc lối, - Đèn vàng xóa ngày vui ./ (HẾT)

tình chan chứa Ta đi bước nhau, cùng trao duyên đời - Hôm

nào - Mộng xuân thắm, Em hẹn với Anh cùng chung lối nắng - Hôm

nào Bờ môi ngát thơm, tựa gối nhau - Minh trao câu thề - Hôm

nào, Cài lên tóc Em một đóa hoa làm duyên ngát ngày - (Pa...)

Ý NGHĨA CUỘC SỐNG CỦA LOÀI NGƯỜI

++++

Phượng Du Nguyễn Bá Hậu

Muốn biết ý nghĩa cuộc sống của loài người, ta phải tìm hiểu ba điều sau đây: Ai sinh ra ta? Ta được sinh ra để làm gì? Sau khi chết ta sẽ ra sao?

AI SINH RA TA ?

Con người là một thành phần của vũ trụ. Muốn biết ai sinh ra ta thì ta phải biết ai tạo dựng ra vũ trụ hay là vũ trụ được tạo dựng như thế nào ? Câu hỏi này đã được nhiều người giải đáp nhưng, cho đến nay, chưa có giải đáp nào được tất cả mọi người công nhận. Lão Tử đời nhà Chu, 604 năm trước Tây Lịch kỷ nguyên, cho rằng trước khi có trời đất thì chỉ có Đạo và Đạo là bản thể của vũ trụ, cái gốc nguyên thủy của sự tạo dựng ra trời đất và vạn vật.

Khổng Tử đời vua Linh Vương nhà Chu, 551 năm trước Tây lịch kỷ nguyên, cho rằng trời đất và vạn vật đều thuộc cùng một thể. Thoạt đầu tiên, vũ trụ chỉ là một khối mờ mịt hỗn độn, tức là hỗn mang. Trong cuộc hỗn mang ấy có cái lý vô hình rất linh diệu, rất cường kiện, gọi là Lý thái cực, huyền bí vô cùng. Ta không biết được bản thể của Lý ấy là thế nào, song ta có thể xem sự biến hóa của vạn vật mà biết được cái động thể của Lý ấy. Động thể này phát hiện ra hai thể khác nhau là động và tĩnh, động là dương, tĩnh là âm. Âm và dương theo luật ngũ hành (kim, mộc, thủy, thổ,

hỏa) tương sinh tương khắc mà biến hóa để sinh ra trời đất và vạn vật trong vũ trụ.

Đức Thích Ca không trả lời câu hỏi của đệ tử về những vấn đề siêu hình của vũ trụ vì Ngài cho nó không có ích gì đến những điều thiết thực là sinh lão bệnh tử, nguồn gốc của đau khổ mà Ngài quả quyết sẽ cho chấm dứt nếu ta hiểu thông nguồn gốc của nó. Trong quyển Phật Học Tinh Hoa của Nguyễn Duy Cần, ở trang 144, ta thấy có câu : « Phật giáo không cho rằng vũ trụ là do một vị Thượng đế sinh ra mà chính những cộng nghiệp của chúng sinh đã tạo nên vũ trụ ».

Sau đây là những ý kiến của các nhà bác học thời nay về khoa vật lý thiên văn.

Trong quyển Sông Ngân Khi Tỏ Khi Mờ (Les reflets du fleuve d'argent), tác giả là Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Quang Riệu, nguyên giám đốc đài thiên văn Paris, viết như sau:

"Ước tính cho biết số lượng vật chất phát hiện được trong các thiên hà (galaxies), tức là vật chất nhìn thấy được, chỉ tương đương với mười phần trăm vật chất có thật sự trong vũ trụ. Có nghĩa là 90 % vật chất của vũ trụ tuyệt đối là vô hình. Thành phần quan trọng này của vật chất được gọi là khối lượng thiếu của vũ trụ... Vấn đề khối lượng ẩn nấp và vũ trụ co giãn, mở hay đóng, hãy còn chưa giải thích được và vẫn là một đối tượng tranh luận sôi nổi"

Giáo sư Tiên sĩ Trịnh Xuân Thuận, trong mục trả lời câu hỏi của phóng viên Elizabeth Levy đăng trong tạp chí « Idées » đã đưa ra những nhận xét như sau:

Ngày nay chúng ta chỉ biết được tính chất của 4% các vật chất trong vũ trụ. Như thế có nghĩa là 96% những vật chất hiện có trong vũ trụ vẫn còn ở ngoài tầm hiểu biết. Ít nhiều đồng nghiệp của tôi tự đại nói rằng: chỉ riêng bằng khoa học không thôi, ta có thể biết được sự thật về vũ trụ; tôi nghĩ rằng lời tuyên bố khoa học đó có vẻ kiêu căng.

Ông Hubert Reeves, nhà thiên văn vật lý lão thành, trong quyển: «Univers expliqué à mes petits enfants» cho biết: «Malgré toutes les avancées de la science contemporaine, l'univers nous reste profondément mystérieux. Peut-être le restera-t-il indéfiniment. Je pense qu'il faut se préparer à cette situation. Mais qui sait?» (Mặc dầu các tiến bộ về khoa học hiện đại, vũ trụ đối với chúng ta rất là vô cùng huyền bí. Có lẽ nó huyền bí mãi mãi. Tôi nghĩ rằng chúng ta phải chuẩn bị sự kiện này. Nhưng ai biết?)

Những điều trình bày trên đây cho ta thấy rằng những người phạm trần dù là hiền triết hay bác học đều gián tiếp công nhận rằng có nhiều điều huyền bí trong vũ trụ.

Thế nào là huyền bí? Huyền bí gồm hai chữ: huyền và bí. Huyền là những sự việc xảy ra một cách huyền diệu tức là kỳ lạ ngoài sự hiểu biết của óc lý luận loài người. Bí là những điều huyền diệu đó vẫn ở trong vòng bí mật khiến ta không biết được ai làm ra. Thật vậy, mọi sự xảy ra trong vũ trụ đều là huyền bí. Tất cả mọi vật không bắt di bất dịch đều có sự sống, nhất là các ngôi sao chuyển xoay không ngừng với một tốc độ phi thường. Trái đất xoay chung quanh

mặt trời với tốc độ 30 cây số mỗi giây. Mặt trời xoay chung quanh tâm điểm của Thiên hà (galaxie) 250 cây số mỗi giây. Những sao chổi như sao Halley chu du trong vũ trụ cứ 76 năm một lần lại tiến gần trái đất để cho ta nhìn thấy v.v... Trong vũ trụ có hằng tỉ ngôi sao chuyển động như vậy mà vẫn ở trong vòng trật tự không va chạm vào nhau, theo quy luật hấp dẫn thiên nhiên, quả thật là một điều huyền bí. Trong việc chuyển xoay chung quanh mặt trời, trái đất lúc nào cũng phải tôn trọng khoảng cách không được gần mặt trời quá hay xa quá, vì gần quá thì sẽ nóng, xa quá thì sẽ lạnh không thích hợp với đời sống con người. Chẳng cần phải nhìn ra vũ trụ bao la ngay ở chung quanh ta mọi sự xảy ra đều là huyền bí. Con gà kia làm thế nào mà nặn được quả trứng trong bụng nó, điều mà không một nghệ sĩ nào làm nổi. Trái tim ta là một động cơ hoạt động hằng trăm năm, thử hỏi có động cơ nào mà hoạt động lâu như vậy không? Hạt cam người ta có thể làm được nhưng vạt nó xuống đất nó không có sự sống, trong khi đó hạt cam thiên nhiên thì mọc rễ nảy mầm thành cây sinh hoa trái một cách kỳ lạ. Như vậy ta có thể nói rằng vũ trụ ta ở cái gì cũng là huyền bí. Sở dĩ ta không nghĩ như vậy vì những điều đó xảy ra hằng ngày khiến ta tưởng nó là điều tự nhiên. Sự thật không có cái gì xảy ra một cách ngẫu nhiên, nó phải do một nguyên nhân mà nguyên nhân đó bị che dấu. Những người theo Thiên chúa giáo nhờ có Thánh kinh mà biết được nguyên nhân làm ra những điều huyền bí về việc tạo dựng vũ trụ. Nguyên nhân đó là Thiên Chúa, đấng tạo hóa quyền phép vô biên, phán điều gì thì điều đó xảy ra. Trong Thánh kinh sách Sáng Thế (Genèse) cho ta biết Thiên Chúa

tạo ra vũ trụ trong năm ngày chỉ bằng lời phán. Ngày đầu tạo dựng trời đất, ánh sáng và bóng tối, ngày thứ hai vòm trời và biển cả, ngày thứ ba tạo dựng những ngôi sao trên vòm trời và cua cá dưới biển, ngày thứ tư có cây cỏ trên mặt đất, ngày thứ năm tạo dựng các động vật. Ngày thứ sáu Thiên Chúa tạo dựng loài người. Cách đây hơn 2.000 năm, Chúa Ki-Tô đã xuống thế nói cho ta biết những điều huyền bí nói trong Thánh kinh là đúng sự thật. Để chứng minh, Chúa Ki-Tô đã làm nhiều điều huyền diệu mà chỉ có Thiên Chúa mới làm được mà thôi. Thật vậy, giống như xưa Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ từ hư vô chỉ bằng lời nói thì nay Chúa Ki-Tô cũng chỉ bằng lời nói mà đã làm ra nhiều phép lạ: không có gì mà hai lần Chúa làm ra nhiều bánh cho hơn năm ngàn người ăn, chỉ bằng lời nói mà Chúa đã chữa được hàng ngàn người thoát bệnh nan y như người bại xui được đi lại lành mạnh, người mù lòa được nhìn thấy, người câm được nói, người điếc được nghe, người phong cùi được da dẻ tốt tươi tức thì v.v... Phép lạ được mọi người ca ngợi hơn cả là Chúa đã ba lần làm cho người chết sống lại. Lần đầu là con gái ông Jairus, người thứ hai là con trai một góa phụ ở thành Nain, người thứ ba là ông Lazare. Người này chết, đã chôn trong mộ được bốn ngày. Trước mặt đông đủ mọi người Chúa Ki-Tô bảo đẩy hòn đá lấp cửa mộ ra rồi Chúa hô to: "Lazare hãy đi ra khỏi mộ". Sau đó Chúa nói: "Ta là sự sống, Ta là phục sinh" để cho mọi người biết rằng sự sống chết của loài người đều do ở quyền năng Thiên Chúa. Có nhiều phần tử người Do Thái thuộc giới lãnh đạo, sợ mất quyền hành nên kịch liệt chống lại Chúa Ki-Tô nhưng họ đều công nhận những việc làm

của Chúa là những phép lạ. Nhờ có những phép lạ này mà Ki-Tô giáo tuy là một tôn giáo có nhiều điều khe khắt mà vẫn được dân chúng đón nhận có khi phải bị tử đạo. Hoàng đế La Mã Constantin đệ nhất sau khi được Thiên Chúa làm phép lạ cho thắng đội quân hùng hậu của Maxence ở thành Rome năm 312 đã xin trở lại đạo Công giáo. Phép lạ đó là nửa đêm trước khi ra trận thiên thần bảo cho Hoàng đế biết là phải vẽ hình thập giá trên các lá cờ. Khi lâm trận quân địch trông thấy nhiều cờ có hình thánh giá hoảng sợ quay đầu bỏ chạy. Năm 313, hoàng đế tuyên bố bằng sắc lệnh Edit de Milan cho dân chúng được tự do hành đạo nhất là người Ki-Tô giáo không bị bách hại nữa.

Ở nước Pháp vua Clovis sau khi được thắng trận ở Vouillé do lời cầu nguyện của hoàng hậu Clotilde đã xin rửa tội ở Reims năm 496. Gần đây ông André Froissart một văn sĩ danh tiếng theo đảng cộng sản Pháp đã xin rửa tội sau khi nhìn thấy phép lạ ở trong nhà thờ, nơi ông vào trú ngụ tránh cơn giông tố. Bỗng dưng ông thấy ở bàn thờ Thiên Chúa tỏa ra một ánh sáng huyền diệu. Giáo sư luật, Thạc sĩ Vũ Quốc Thúc đến nhà thờ Bình Triệu cầu khẩn Đức Mẹ xin được xuất ngoại. Bỗng dưng ông thấy tượng Đức Mẹ sáng láng. Vài tháng sau, lời cầu xin của ông được toại thành và ông đã xin rửa tội ngày 08-04-2012 ở nhà thờ giáo xứ Việt Nam Ba Lê.

Năm 1858 Đức Mẹ đã hiện ra với nữ tu Bernadette ở Lourdes để ban thông điệp. Từ đó đến nay, Đức Mẹ đã nhiều lần hiện ra ở nhiều nơi trên thế giới, khuyên răn, làm những phép lạ cho mọi người tin vào lời Mẹ. Đức Mẹ đã chữa được hàng trăm ngàn người khỏi bệnh nan y. Nơi đây đã có một hội đồng y tế gồm gần ba chục bác sĩ

chuyên môn thuộc đủ mọi ngành để nghiên cứu các hồ sơ và theo dõi tình trạng các bệnh nhân được chữa khỏi để xác nhận những phép lạ Đức Mẹ đã làm, con số này đến nay là 65 trường hợp chính thức đã được hội đồng công nhận. Một sự kiện lạ xảy ra ở Lourdes là nước suối chảy vào bể tắm công cộng không bao giờ có vi trùng tuy là hằng ngày có đến hàng mấy trăm người đến tắm toàn là những bệnh nhân. Hơn nữa khi tắm xong mặc quần áo vào thì thấy khô rất nhanh giống như ở Fatima vào ngày 13-10-1917, hàng mấy chục ngàn người đứng chứng kiến cảnh mặt trời nhảy múa và sau đó có cơn mưa, mọi người đều ướt hết nhưng chỉ trong vài phút quần áo mọi người đều được khô rất nhanh.

TA ĐƯỢC SINH RA ĐỂ LÀM GÌ?

Con người được Thiên Chúa tạo dựng giống như bức tượng được người nghệ sĩ nặn ra, thì làm thế nào mà biết được ý muốn của người đã tạo ra mình cho nên những ý kiến của người phạm trần không thể nào đúng với ý kiến của Thiên Chúa. May thay vì lòng thương yêu loài người Chúa Ki-Tô đã xuống thế làm người mặc khải, cho biết những ý muốn của Thiên Chúa. Những ý muốn đó gồm hai điều chính là tôn thờ Thiên Chúa và thương yêu nhau.

a. Tôn thờ Thiên Chúa là:

1. Cảm ơn Thiên Chúa đã dựng nên ta và cho ta hưởng mọi điều kiện để sống.

2. Cầu xin Thiên Chúa ban ơn giúp sức khi ta gặp mọi khó khăn.

3. Xin Thiên Chúa tha thứ những tội lỗi mình đã phạm. Chúa Ki-Tô đã nói: "Ai xin thì sẽ được với điều kiện là trước khi xin ta phải làm hòa với tha nhân". Nhờ lời cầu

nguyện và niềm tin mà nhiều người đã được Thiên Chúa ban ơn bằng những phép lạ. Ông Moïse được Chúa giúp dân tộc ông ra khỏi nước Ai Cập, khi đi qua Hồng Hải thì nước biển rẽ ra làm đôi. Trong ba năm rao giảng Chúa Ki-Tô đã làm nhiều phép lạ ban ơn cho những ai cầu xin Chúa.

b. Thương yêu nhau:

Tình thương là điều răn chính thứ hai mà Chúa Giê-su răn dạy. Thật vậy tình thương bao trùm các điều răn mà các nhà hiền triết đều răn dạy. Lão Tử dạy ta phải làm điều phúc đức (Đức năng thắng số). Khổng Tử dạy ta nhân hiếu nghĩa lễ trí tín. Đức Thích Ca khuyên ta từ bi hỉ xả. Đó là những khía cạnh của tình thương. Ngoài ra tình thương dẫn ta làm những điều cao cả, quên mình đến mức hy sinh thân xác cho tha nhân. Đó là trường hợp của ông Lê Lai hy sinh nộp mạng cho quân nhà Minh thay thế cho vua Lê Lợi, linh mục Kolbé Maximilien xin chết thế cho một tử tội khác. Chúa Ki-Tô xuống thế làm người chịu chết để cứu chuộc tội lỗi loài người. Vì tình thương là điều quan trọng nên trước khi về trời Chúa Ki-Tô đã trần trời cho các môn đệ điều đó. Nếu loài người thi hành điều răn này thì trần gian là một địa đàng. Khốn thay từ tạo thiên lập địa đến giờ ta chỉ thấy chiến tranh, thù hận xảy ra liên miên. Lịch sử nhân loại chưa bao giờ cho thấy một nhà lãnh đạo nào đã áp dụng nhân đức tình thương để trị vì.

SAU KHI CHẾT TA SẼ RA SAO?

Sách Sáng Thế (Genèse) trong Thánh Kinh cho ta biết Thiên Chúa tạo dựng loài người bằng lấy đất nặn thành hình người rồi hà hơi vào và ngay sau đó con người có sự

sống. Như vậy con người gồm hai phần, phần thể xác là phần vật chất lấy từ bụi cát, phần hồn là phần thiêng liêng do hơi Chúa ban cho. Bởi vậy sau cuộc sống tạm bợ ở trần gian con người sẽ chết, phần xác thì tan rã trở về với cát bụi còn phần hồn thì trở về cuộc sống vĩnh cửu đời sau. Chúa Ki-Tô đã nói: muốn hồn ta vào nước Thiên Đàng thì ở trần gian ta phải thực hành lời Chúa dạy. Trong ba năm rao giảng Chúa Ki-Tô đã dạy cho ta biết rằng đời sống trần gian là tạm bợ có nhiều thử thách là những đau khổ ta phải đối phó. Chúa không hứa mang lại hạnh phúc cho ta ở đời này nhưng hứa sẽ cho ta hạnh phúc ở đời sau với điều kiện là con người phải từ bỏ mình đi theo Chúa gánh vác mọi đau khổ. Kẻ nào không vác thánh giá theo ta kẻ đó không xứng làm môn đệ ta. Cuộc đời tạm bợ ở trần gian này là một cuộc chiến giữa đời sống tinh thần và đời sống vật chất. Đời sống vật chất cho ta những thú vui hiện tại nhưng đầy những điều xấu như ích kỷ, kiêu ngạo, ghen tuông, tham lam trục lợi v.v..., còn đời sống tinh thần bắt ta phải hy sinh không vị kỷ, không được làm điều gì có hại cho tha nhân, tóm lại toàn là những điều không vụ lợi bắt ta phải làm để đáp lại tình thương tha nhân. Như vậy đau khổ là những cơ hội để ta có dịp làm cho linh hồn được tôi luyện trở nên trong sạch chẳng khác gì trường hợp một thanh sắt phải chịu sức nóng để người thợ rèn uốn nắn thành một vật dụng có ích lợi. Hòn ngọc cũng vậy, phải qua thời kỳ mài rũa mới trở thành viên ngọc quý.

*Ngọc kia chẳng rũa chẳng mài
Cũng thành vô dụng cũng hoài ngọc đi.
Hồn ta cũng chẳng ích gì
Nếu không tôi luyện kiên trì theo Cha.*

Chúa Ki-Tô đã nhiều lần nói đến đời sau với các môn đệ:

1. Ở đời sau ta sống như các thiên thần không có lấy nhau.

2. Ta sẽ bị chết nhưng ba ngày sau ta sẽ sống lại về trời ngự bên hữu Chúa Cha. Ta về trời trước sửa soạn dọn chỗ cho các con.

3. Ta sẽ trở lại trần gian đuổi loài quỷ xuống hỏa ngục và đưa những người thánh thiện về nước Chúa. Ngày đó người Do Thái gọi là Maranatha. Hàng ngày trong thánh lễ tín đồ công giáo thường tung hô chờ đợi đón nhận ngày trở lại trần gian trong vinh quang của Chúa Ki-Tô.

Sự kiện Đức Mẹ ngày nay thỉnh thoảng hiện xuống trần gian chứng tỏ linh hồn con người bất diệt được sống vĩnh cửu.

Vì thương yêu loài người mà Thiên Chúa đã cho những đặc ân sau đây:

1. Hà hơi Ngài vào thân xác ta cho ta có linh hồn.

2. Cho ta có trí khôn, có trí nhớ, biết cười nói để truyền thông tư tưởng cho nhau, điều mà các sinh vật khác không được hưởng thụ.

3. Cho ta được hoàn toàn tự do hành động để ta có dịp nâng cao phẩm giá bằng việc góp phần nhỏ nhỏ vào việc làm sáng danh Thiên Chúa.

Một lời nói, một cử chỉ, một nét họa có ý nghĩa đẹp, một bài thơ, một bài nhạc ca ngợi Thiên Chúa đều là những đóng góp làm đẹp lòng Thiên Chúa.

Phượng Du Nguyễn Bá Hậ
(Paris)

NHỮNG ĐÁM MÂY BAY QUA

Nguyễn Mây Thu

Mấy hôm nay thời tiết xuống độ ẩm, vùng Massif Central ở độ cao trên 1.000 thước có nơi trừ 20°C, sông Seine và một số các sông, hồ nổi lên bên những tảng nước đá vỡ vụn lớn nhỏ, điều chưa từng thấy bao giờ từ khi định cư ở Pháp, làm cho Diễm chột rùng mình nhớ đến đoạn phim Titanic do đạo diễn James Cameron thực hiện năm 1997, Jack chìm trong biển khơi lạnh lẽo, hòa lẫn tiếng khóc của Rose cạn kiệt bên những mảng nước đá bện trên tóc và dùi dặt đệm theo tiếng nhạc buồn bã My Heart Will Go On của James Horner. Lúc xem phim đó Diễm thấy giận ông đạo diễn "ác" quá sao nỡ để cho người tình của Rose phải chết!

Nhưng bây giờ Diễm lại nghĩ khác. Ông đạo diễn có lý lẽ riêng của ông ta. Vì tình yêu là tiếng nói của con tim đâu bao giờ có ai lý giải được. Như những giọng nhật ký trong quyển vở bìa nâu khô nhỏ 14,8 x 21 của T. mà Diễm đã xem hôm qua: *« Khi tôi gặp Kim cách đây sáu năm, Kim nói tiếng Pháp không rành rọt lắm. Sự khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa thật to lớn, nhưng ở trong Kim vẫn có một điều gì cố gắng làm cho mọi người thông hiểu. Trong cung cách diễn đạt của Kim hôm ấy thật khó khăn, những điều Kim không thể nói được làm cho tôi cảm động. Ngay khi đó tôi chắc chắn cảm nhận được Kim là một cô gái thật tuyệt vời, mặc dầu có muôn ngàn trắc trở nhưng với đức tính can đảm luôn mang theo nụ cười và với một tâm hồn thật thuần khiết Kim đến với mọi người. Từ đó,*

tôi chỉ mang một ước mơ giản dị là lúc nào cũng hiện diện ở bên Kim để giúp đỡ Kim vượt qua được mọi khó khăn... ».

Diễm là bạn học của T. hơn sáu năm về trước. Ngày đó cho mãi tới bây giờ Diễm vẫn yêu T. bằng tình yêu đơn phương. Ánh mắt sâu hun hút của T. mang nhiều nét thơ mộng với nụ cười hiền hòa, giọng nói âm áp. Không như những bạn học cùng trường, đáng vẻ trầm mặc đôi khi Diễm có cảm tưởng T. giống như một thầy tu, lúc nào cũng giản dị áo sơ mi trắng, quần jean xanh hoặc xám, trời lạnh T. mặc thêm chiếc áo len dày màu đen hoặc xanh đại dương. Gương mặt T. trong sáng, vàng trán cao rộng thật hài hòa với chiếc cằm vuông vắn, nhưng sao T. lại quá vô tình! Chẳng lẽ Diễm thân con gái phải ngỡ lời trước, vì dù sao T. ơi, sống xa quê hương Diễm vẫn mang nhiều ảnh hưởng sự dạy dỗ của cha mẹ trong các gia đình Á Đông. Hay có lẽ Diễm không phải là mẫu người của T. yêu thích nên T. không hề để ý tới. Và tại sao Kim Jeong-Won lại đến vào lúc đó? Kim (các bạn thường gọi như thế) có nước da trắng hồng, khuôn mặt dễ nhìn, đôi mắt hơi xếch, miệng cười điểm phơn phớt hai đồng tiền bên má trông rất hữu duyên. Mỗi lần nhìn Kim, Diễm lại nghĩ tới những nữ minh tinh điện ảnh tuyệt đẹp của Hàn Quốc: Lee Young-Ae, Kim Tae-Hee v.v... Nhìn chung Kim thật thà có tấm lòng quảng đại cởi mở, thường gặp trở ngại về ngôn ngữ ở những bước đầu học hỏi nơi xứ lạ quê người như phần đông các sinh viên du học nên Kim lúc nào cũng vui vẻ hết lòng giúp đỡ người khác. Kim cũng là bạn học của Diễm.

Ngày nhận được thiệp hồng báo tin lễ thành hôn của T. và Kim Jeong-Won, Diễm khóc hết nước mắt. Đến dự tiệc cưới, Diễm lặng lẽ uống rượu mời cho tới say túy lúy, rồi lặng lẽ từ giã bạn bè ra về, một mình đi đứng đảo điên, gót giày gỗ từng nhịp buồn tênh trong đêm vắng. Tình yêu là một điều gì đó thật bao la. Chỉ biết đem cho và không bao giờ mong cầu được nhận lại. Diễm yêu T. vô cùng nhưng Diễm cũng biết từ đây suốt cuộc đời này sẽ không bao giờ được T. đền trả. Dù thế nào đi nữa Diễm vẫn cầu chúc cho anh và Kim luôn hạnh phúc. Diễm chợt nhớ tới nhà văn nữ Nguyễn Thị Hoàng, ngày nào tung tăng chân sáo trên quê hương ngàn xa, với cuốn « Vòng Tay Học Trò », đã làm sôi nổi tuổi trẻ của Diễm: « *Cho không bao giờ phí, chỉ có nhận nhưng không biết dùng mới phí mà thôi* ». Câu nói tuyệt vời của cô giáo Trâm làm cho Diễm còn ghi nhớ mãi...

Diễm lại nhớ tới những giòng nhật ký của T. « *Cuối cùng ngược lại chính Kim đã giúp đỡ tôi trong những tháng năm dài bên nhau, Kim đã ở bên tôi không nghi ngại một điều gì. Kim cho tôi cảm tưởng tôi khôn lớn thêm. Tôi mạnh mẽ thêm hơn để đứng vững với cuộc đời. Tôi biết rằng hôm nay cũng như ngày đầu tiên gặp gỡ, Kim vẫn là năng lực tiềm tàng duy nhất làm tan chảy tim tôi. Bây giờ cũng bằng năng lực tiềm tàng ấy đến lượt tôi sẽ đi bên Kim, mãi mãi ở bên Kim. Kim à, tôi muốn nói là tôi yêu Kim* ». Diễm nghe một nỗi buồn nào đó trào dâng ngày ngật cuốn xoáy trong tim.

Con gái đầu lòng Trần-Kim Elisa của vợ chồng T. thật mỹ miều xinh xắn, ai nhìn cũng thấy mến yêu. Elisa có nụ cười và đôi mắt hơi xéch giống mẹ, chiếc cằm vuông và vàng trán rộng giống bố. Khoát

chiếc áo đầm trắng bằng đăng ten thắt nơ ngang eo ôm sát vào người, mới mới nhất năm nay Diễm mua cùng lúc với quà sinh nhật cho Elisa. Tóc vén cao, gắn đôi bông tai bằng hạt trân châu đen tuyền, tô thêm chút son môi màu hồng phấn, Diễm thấy bằng lòng với cách trang điểm của mình. Đến tham dự sinh nhật cô bé Elisa, Diễm cười chào hai bạn với những vết chân chim hằn trên khóe mắt, sắp sửa bốn mươi rồi còn gì. Có cả bộ ba Xuyên-Tâm, Hung-Nguyệt, Françoise và Jean, đa số là bạn cũ cùng niên khóa. Ai nấy đều « có đôi có cặp », chỉ riêng mình Diễm chịu thiệt thòi lẽ loi. Đã lâu không có dịp gặp lại, vợ chồng T. hơn hờ mời mọc, Kim lăng xăng gọi con gái, nói bằng tiếng Pháp cho mọi người cùng hiểu:

- Chào Di Diễm đi con.

Elisa chạy tới ghì lấy cổ Diễm tặng cho một cái hôn và nói:

- Elisa Chào Di Diễm Diễm.

Elisa nói chuyện khôn khéo như người lớn, cách phát âm tiếng Việt hơi ngọng nghịu thật dễ thương. Diễm nghĩ tiếng « Di » thân yêu là do T. chỉ dạy và cô bé cứ có thói quen gọi tên Diễm đến hai lần.

Sau khi tốt nghiệp đại học, vợ chồng T. sống sung túc với nghề nghiệp kỹ sư điện toán của mình. Căn nhà mới mua hồi năm ngoái còn đang trả góp ở vùng ngoại ô phía Bắc Paris. Kỷ niệm sinh nhật thấp năm ngọn nến hồng cho Elisa, hai vợ chồng đem về chiếc đàn dương cầm đặt trong phòng khách cùng biện hộ với các bạn, vừa cung chiều con nhưng cũng vừa để lo cho tương lai của con, sau này con gái phải được học hỏi rất nhiều kể cả âm nhạc. Chiếc đàn được bao nhiêu tuổi cứ cộng thêm năm năm sẽ biết Elisa lớn thêm ngàn ấy tuổi. Diễm

cười buồn một mình. Tuy không nói Diễm cũng nghiệm ra rằng lúc ấy sẽ đếm được tình yêu của hai người mặn nồng thêm ngần ấy năm tháng. Để khóa lấp nỗi buồn của mình Diễm nói với T. và Kim:

- Phải rồi, từ nay trong nhà hai bạn có tiếng cười và sẽ có thêm tiếng đàn.

Diễm tặng quà sinh nhật cho Elisa chiếc áo đầm màu đậm hồng làm bằng vải nhung óng ánh viền đăng ten ở cổ và ngực. Nước da trắng mát làm cho cô bé xinh đẹp như công chúa trong các truyện thần tiên. Diễm thấy vui lây với hạnh phúc và niềm vui của bạn, liền hỏi Kim:

- Chừng nào thì Elisa sẽ có thêm một em trai để cùng chơi đùa?

Các bạn đều nhón nháo lên cùng nhau hỏi lại Diễm:

- Chừng nào thì Diễm cho chúng tôi ăn tiệc mừng? Chúng tôi chờ mãi đây!

- Diễm ơi! Vào đây đi.

Diễm không nói được một câu nào mặt đỏ bừng lên và ngồi lặng yên. Kim nhanh nhẩu giúp bạn bằng cách để mặc họ tán gẫu với nhau, lôi Diễm vào phòng riêng khoe những chiếc áo đẹp do Mẹ gửi qua từ Séoul, những lọ nước hoa thơm lừng, những tấm ảnh của gia đình Kim từ Hàn Quốc gửi đến. Kim thường hay than van với Diễm, Kim nhớ mẹ, nhớ quê hương đôi khi muốn khóc vì thấy cô đơn quá. Ở Pháp nếu không có T. và con gái gần bên thì Kim không có một ai là người thân. Diễm bùi ngùi thương bạn. Về điểm này Diễm may mắn hơn Kim vì có cha mẹ, anh em cận kề để được an ủi trong những lúc vui buồn. Diễm chợt hỏi:

- Có khi nào Kim và T. ... giận nhau không?

- Có chứ, nhưng không đáng kể, tánh

ĐÊM HUYỀN DIỆU

*Làn sương khuya nhẹ nhàng
Bay phủ khắp không gian
Trầm lặng đêm mơ màng
Thâm đồ giấc bình an.*

*Đêm mùa đông huyền diệu
Ánh sao sáng chan hòa
Thinh không lừng âm điệu
Đất Trời vui hát ca.*

*Mây lắng đọng ngừng trôi
Người người khắp mọi nơi
Cỏ hoa cùng vạn vật
Đồng chào Chúa Ba Ngôi.*

*Vàng, Nhũ hương, Một được
Ba Vua quỳ kính dâng
Trong chuồng chiên, máng cỏ
Chúa Hai Nhi giáng trần.*

ĐỖ THỊ MINH GIANG
(Louisiana)

Kim lại vốn mau quên nên giận được một buổi rồi thôi, đâu lại vào đây. Tại sao Diễm lại hỏi vậy?

- Hỏi để mà hỏi thôi, nhưng nếu là Diễm thì Diễm sẽ giận dai lắm!

- Kim biết ngay mà, hãy khoan dung một chút, mở lòng ra một chút, đời sống sẽ dễ chịu hơn.

Diễm lặng yên một hồi lâu. Sóng khép

kín và buồn một mình, ít có khi nào tìm đến với mọi người một cách dễ dàng nên Diễm đâu có cơ hội được tấm lòng khoan dung quảng đại như Kim. Diễm thất bại. Diễm thua Kim đã tự lâu rồi...

Trở lại phòng khách cùng các bạn, Diễm nhìn T. thật kín đáo. Hôm nay T. mặc một bộ áo vét màu xám nhạt, dáng vẻ chừng chạc hơn, trông khác xưa nhiều quá, không còn nét giản dị đơn sơ như thời còn học dưới mái trường, có lẽ để tiếp đãi bạn bè và mừng sinh nhật của con gái hay do ý kiến chăm sóc của Kim. Nhân lúc Kim chuẩn bị trà và cà phê cho mọi người, T. khẽ gọi Diễm ra đứng ngoài ban công, đưa cho Diễm quyển sổ nhỏ và nói:

- Đây là quyển nhật ký, T. có thói quen viết nhật ký từ nhỏ, Diễm đọc đi rồi chúng ta sẽ hiểu nhau hơn.

- Cảm ơn T.

Gió lạnh bay thoáng vào mặt, Diễm nghe tim mình bồi hồi xao xuyến, đôi mắt chợt rung rung, bàn tay run run, cầm lấy quyển nhật ký của T. cất vào xách tay.

Đêm đã về khuya, từ giã các bạn ra về, Diễm kéo cao cổ áo rung mình vì lạnh. Những mảng tuyết còn đọng lại trên hàng cây hai bên đường lấp lánh dưới ánh đèn, Diễm ngược nhìn lên cao, bầu trời tối đen không thấy một vì sao.

Vời vợi trên kia chốn tận cùng cao thẳm ấy, bông bành, lênh đênh, một điều gì trôi nổi hư vô. Bông bành buông xuống một tấm màn màu hồng, ửng lên một chút xanh lam, xám nhạt. Tấm màn vô tình chẻ ba, chẻ tư, thành từng sợi tỏa hào quang xuống một vùng cao rộng. Người đàn ông. Cuộn mình lại như một sợi dây thừng, cô dang tay ra phía trước, nắm bắt, rồi hắt nghiêng mình, chống tay lên, dựa vào đầu và thụt lùi, thụt lùi... Hắt nằm trên một chiếc giường êm ái như bông gòn màu hồng pha lẫn màu xanh

lam, xám nhạt. Người đàn bà cũng bắt chước giống như hắt, cuộn mình lại như một sợi dây thừng, cô đưa tay về phía trước, nắm bắt, cho kịp với hắt. Những tưởng hai bàn tay ấy sẽ không thể rời xa nhau, nhưng người đàn bà không thể vói tới nắm bắt được hắt. Hắt mới kiêu ngạo làm sao, cứ nằm trên chiếc giường êm ái như bông gòn, và thụt lùi, thụt lùi... Sợi dây thừng mềm mại cứ cuộn lại với nhau, người đàn bà cứ rượt đuổi theo, cho đến khi tất cả đều lẫn khuất sau những dãy nhà cao tầng.

Sau nhiều ngày tuyết rơi. Những nụ tuyết trắng xóa đã từng bay lượn trên không trung đang bám vào các cành cây trụi lá trơ xương, những giọt nước tan loãng trên mái ngói trong như thủy tinh, thỉnh thoảng rơi xuống thêm nhà tạo nên không khí ẩm thấp lạnh lẽo. Buổi chiều nơi đây bỗng dưng hùng lên một chút nắng muộn màng. Trong khung cửa sổ nhìn ra ngoài kia trời cao lồng lộng, Diễm đã tưởng tượng ra trong đám mây hình ảnh người đàn bà và người đàn ông đuổi bắt nhau. Hình như trong tình yêu với Diễm chỉ có thể là một cuộc đuổi bắt. Đuổi bắt hoài công cho nên Diễm đã suốt đời hoài vọng kiếm tìm. Những đám mây cứ lênh bênh trôi giữa nền trời bao la. Mây bay qua. Hờ hững đổi thay theo bốn mùa, có khi nhẹ nhàng, có khi gió bão. Có phải tình yêu cũng như bóng mây bay qua?. Diễm yêu những đám mây. Thường bỏ ra hàng giờ để nhìn ngắm mê mải. Những ngày tháng thanh xuân qua đi như những ngày nắng đẹp, nền trời xanh ngắt cuộn từng làn mây trắng trôi thênh thang. Những ngày mùa đông âm đạm thê lương như tuổi đã xế chiều, xao xuyến giận hờn từng cuộn bông gòn quện vào nhau màu xám áp ủ tâm hồn Diễm màu xám.

Ngồi trước bàn phấn để trang điểm, Diễm lại tần ngần cầm quyển nhật ký của

T. trong tay: « *Tôi thành thật xin lỗi Diễm. Ngàn lần xin lỗi Diễm. Hãy tha thứ cho tôi. Quả nhiên tôi quá vô tình. Kim có sức thu hút mạnh mẽ nào đó để cho tôi không nhìn thấy được tình yêu của Diễm. Tôi chỉ biết được vào ngày duy nhất ấy, trong tiệc cưới, Diễm uống thật say và thật trầm lặng. Muốn cười mà không cười. Muốn nói mà không nói. Nhìn thấy Diễm không như mọi ngày, nửa như giận hờn, nửa như trách móc. Diễm phải biết tôi buồn đến mức nào. Tôi không thể quay trở lại để đi trên con đường xưa. Bắt đầu từ con đường chỉ có tôi và Diễm. Tám ảnh cưới của tôi và Kim để trong phòng khách mà Diễm từng thấy, ngày ấy, đã có sự hiện diện của Elisa rồi. Tôi phải gánh lấy trách nhiệm. Chúng ta đều là bạn, Kim với Diễm cũng là bạn, hãy trân trọng cùng nhau trong tình bạn cao quý này nhé Diễm* ».

« *Con tim có những lý lẽ mà lý trí không hề biết đến* ». Câu nói này của Blaise Pascal mà Diễm đã từng học qua ở nhà trường bây giờ mới nghe thấm thía. Tại Diễm lãng mạn hay tại Diễm lý tưởng hóa cuộc đời, xem tình yêu là một điều gì cao quý thiêng liêng vô cùng tuyệt đối. Yêu một người rồi thôi. Không còn bao giờ yêu ai được nữa.

Tô một chút son hồng lên môi, ngắm bóng mình trong gương với chiếc áo len tím quần thêm khăn lụa xanh vòng ngang cổ, Diễm luồn tay vào mái tóc dài đen nhánh vuốt ve. Vào ngày lễ các thánh tháng mười một, Diễm vừa tròn bốn mươi tuổi. Thời gian không nhường bước trước một ai. Rồi đây mái tóc này sẽ bạc. Rồi đây gương mặt này sẽ nhăn nhúm tàn phai. Nhưng tình yêu là một cảm giác rất đặc biệt, nó đến từ trái tim biết chia sẻ. Cảm giác được bình yên khi ở bên người. Trái tim sẽ đột nhiên rộng mở khi người ấy cười và sẽ thắt lại khi

người ấy khóc. Cảm giác đó ngoài Diễm ra chỉ có Kim và T. hiểu được. Ngày nào đó Kim và T. sẽ nhìn thấy nhau trên gương mặt nhăn nhúm già nua ấy mái tóc có nhiều sợi bạc, nhưng tình yêu giữa hai người sẽ không bao giờ thay đổi. Diễm cũng sẽ không bao giờ thay đổi. Chỉ cần đứng ở một nơi xa nhìn ngắm, dù góc biển hay chân trời, nhìn thấy T. hạnh phúc nghĩa là Diễm cũng hạnh phúc. Diễm tìm thấy trong sách vở câu nói của Benjamin Disraeli: « *Tất cả chúng ta đều được sinh ra để yêu. Đó là nguyên lý của cuộc sinh tồn và cũng là cứu cánh duy nhất* ». Diễm biết rằng Diễm được sinh ra để yêu.

Có người vừa tuổi đôi mươi đã tìm thấy tình yêu và người yêu cùng nhau chung bước suốt đoạn đường dài. Có người vừa gặp gỡ đã chia ly tiễn biệt. Có người tìm đến suốt cuộc đời vẫn không thấy một ai... Diễm đã đi song song cùng với T. trên một đoạn đường vậy mà không bao giờ gặp gỡ. Diễm yêu người không bao giờ gặp gỡ... Bỗng dưng Diễm nhớ lời Kim nói hôm mừng sinh nhật Elisa: « *Hãy khoan dung một chút, mở lòng ra một chút, đời sống sẽ dễ chịu hơn* ». Để yêu hay được yêu. Đối với Diễm bây giờ không cần thiết. Ít ra trong đời sống thường ngày T. cũng hiểu được rằng Diễm lúc nào cũng dõi bước theo, như bóng mây kia đến rồi đi, hợp rồi tan. Nền trời dù có quang đãng sáng tươi hay mịt mù gió bão thì tình yêu này của Diễm cuối cùng vẫn còn tồn tại mãi.

Hoàng hôn đã buông xuống rất nhanh ngoài khung cửa. Diễm lơ mơ nhìn thấy, dưới bầu trời âm đạm của mùa đông tuyết trắng vẫn còn những đám mây bay qua.

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 24-10-2012)

CUỐN LỊCH BÍ ẨN

Nguyễn Hồng Nhung

dịch từ nguyên bản tiếng Hungary của
Fekete István (1900-1970)

(**Fekete István (1900-1970)**): Là một trong những nhà văn được ưa thích nhất, được đọc nhiều nhất ở Hungary bởi những tác phẩm văn học nổi tiếng viết cho thanh thiếu niên kể về các con vật, về thiên nhiên, về mối quan hệ gắn bó giữa con người và thế giới loài vật. Đây là một đoạn văn đặc sắc của Fekete István về bốn mùa châu Âu mà người dịch đã vô cùng yêu thích ngay từ khi vẫn còn là sinh viên khoa Văn học và Ngôn ngữ Hungary tại trường Đại học Tổng Hợp Budapest, giờ đây xin dịch lại tặng bạn đọc Việt nam nhân dịp năm mới. - Nguyễn Hồng Nhung)



THÁNG GIÊNG (JANUÁR)

Có thể bắt đầu ghi chép này vào lúc khác cũng được, nhưng tốt hơn cả, vào hồi nửa đêm ngày 31 tháng Chạp nào đây, khi thành phố náo động, con người chúc điều tốt lành cho nhau – dù điều này ngày nào họ cũng có thể làm được – ánh sáng trượt ngã trên đồng tuyết căm lạng ngoài vườn, nơi chẳng xảy ra cái gì hết...

Chẳng có gì hết, chỉ đàn chim trăn trăn nhìn vào màn đêm, ngờ vực lắng nghe những tiếng ồn ào, bầy chó cái kinh bởi những bước chân lạo xạo đi tới đi lui, chỉ lũ chuột sục sạo với nỗi hốt hoảng lớn dần dưới đồng tuyết, và rặng cây trầm ngâm hơn - mơ những giấc mơ không thoát nên lời. Đâu đó, những con bọ và lũ nấm hi hục miệt mài làm việc dưới đám lá mục, một con mèo lén lút rình mò bên hàng rào. Không phải vì nó "khát máu", mà chỉ vì

trong cơn hoan hỉ với cuộc vui

cuối năm, người ta đã hoàn toàn quên hẳn nó.

Thế là trong bóng đêm, biết bao việc xảy ra, những việc bắt buộc phải xảy ra đêm nay, trong đêm nay và trong những đêm khác nữa của tháng Giêng, của tình yêu, sự tan vỡ, của cuộc vui vĩnh cửu giữa cái sống và cái chết.

THÁNG HAI (FEBRUÁR)

Đây là tháng, không thể biết, khi nào có tuyết, băng, bùn, khi nào căn phòng ẩm áp và khi nào lạnh run căm cập ngoài đường, khi nào băng tuyết tan chảy và dòng sông nôn thốc tháo, khi nào những chuồng ngựa, những nơi ẩn náu, những hốc, lỗ, vườn đôi chỗ cho nhau.

Và khu vườn, nơi dường như không có gì xảy ra hết...

Không...

...chỉ lũ sơn tước gầy top đi, trong chùng mực có thể, chỉ bầy quạ đen quàng quạc than vãn nhiều hơn bao giờ hết, và đàn chim ác-là-thô bạo hơn, chỉ mấy gã cú mèo mắc bệnh phải lòng ai đó cứ hành hạ những đôi tai khác lạ bằng những tiếng gào rú lâm ly, bọn ngỗng trời chao đảo tìm kiếm chấp chới trên bầu trời loang màu máu của thành phố.

Chỉ những gót chân của lũ chó và những gót giày của con người đã chán ngấy mùa đông, khoảng không-thời gian quái gở đặc biệt được bọn trẻ con đặc biệt yêu thích, trong tiếng thở dài tê liệt đầu óc cổ nén của các bậc phụ huynh...

THÁNG BA (MARCIUS)

...bởi vì đây thật sự là tiếng thở dài, và sẽ là nó tiếp tục.

Trong tiếng xào xạc của cây chổi cùn hoặc dưới tiếng xoèn xoẹt của cái xẻng trong tay cụ già chủ nhà, trong tiếng leng keng lạnh lẽo của cái tàu điện, của đôi tay lạnh cứng tê dại của những người lái tàu, và của những bình minh ngái ngủ lạnh thấu xương, đúng thế, tháng ba đã tới thế gian, trong THỜI GIAN, trong những cuốn lịch, trong những khu vườn lớn ở Buda, nơi tưởng chừng chẳng xảy ra cái gì hết....

Chỉ những nụ vợ cú mèo chồm chệ ngôi trên những quả trứng, chỉ lũ chim sẽ tiếp tục ẩn nấp trốn tìm sau tấm rèm của những ống nước, và người ta mang cụ già chủ nhà đi trong một cái hòm kỳ dị, bởi vì có vẻ như- tháng ba đã được báo trước bởi sự xuất hiện của cái hòm và việc đi xa của cụ già chủ nhà.

Rốt cuộc, con người bảo nhau, rốt cuộc đã đến tháng ba, khi tuyết bắt đầu rã, và những ống nước bắt đầu nôn ra những dòng nước tuyết bản, đang tan.

Rồi đến những ngày, lũ chó canh nhà gãi sồn sột nhiều hơn bao giờ hết, bởi lông chúng bắt đầu rụng, và xua đuổi lũ mèo ráo riết hơn bao giờ hết, cho dù chúng đang mắc bệnh xuyễn, sau khi sữa nhặng xỉ gần hết đêm, thậm chí bằng mọi giá, chúng đòi lấy vợ, điều này được chứng minh bằng cái tai cụp xuống của chúng.

Và thế là...

THÁNG TƯ (APRILIS)

...tháng tư đã tới, cái tháng được mệnh danh tháng điên bởi những cơn gió, những đợt âm lên lạnh đi đột ngột của thời tiết.

Tất cả những điều này không làm bận lòng khu vườn già, bởi đất thổ lộ những nỗi niềm khác và không khí ngày mỗi âm dần lên cũng thăm thì những điều khác...

Chúng bảo: mùa xuân

chúng thì thăm: tình yêu

chúng ngâm nga:

những lời ca du dương và tổ âm.

Bầy cú mèo tí hon đã nghênh cổ, nhưng bọn khác, lũ sơn ca, sơn tước, hoàng anh, chèo bẻo và chim gõ kiến vẫn đang miệt mài bên ổ trứng, hoặc vừa chân ướt chân ráo trở về từ kỳ nghỉ hè phương xa, từ những vùng biển hoặc từ châu Phi. Bọn chim muông này trở về nhà, lựa chọn bạn đời mới, hoặc nối lại yêu với nhân tình cũ, vì chúng thông thái hiểu rằng, chẳng thể tìm ra kẻ tốt hơn...

Khu vườn già không bận lòng đến cái tháng lông bông này, bởi nó còn mãi rữ bỏ những cành vương gầy, để đám mầm cây nhu nhú phưỡn bụng tắm trong sương ẩm

ướt và mưa lâm râm, hoặc tự đánh bóng mình lên trong nắng ẩm chan hòa.

Đồng lá khô mềm đi, lũ chuột rúc rích xây tổ dưới những tầng lớp lá vẫn còn in dấu vết tuyết. Một con chồn hôi tóm lấy chú chim sẻ to mồm nhất, kẻ đang mê đi trong âm thanh lạnh lốt của riêng mình, đến nỗi không nghe, không nhìn thấy gì hết.

Tối tối nàng sơn ca và chàng sáo đen mở hòa nhạc. Sáo đen đậu đằng trước, trên bậu cổng cột đá, Sơn ca đứng đằng sau, trên một nhánh phong, và âm hưởng say đắm của bản hòa tấu tình yêu đủ đôi này khiến chàng chủ nhà trẻ tuổi không thể cầm lòng nổi.

- Zsuzsi, đến tháng năm chúng mình lấy nhau đi! -

Chàng nói với cô bé họ hàng, người thực hiện rất đều đặn những buổi "thăm viếng", như một nàng chim lang thang cặm cùi tìm nguyên cơ xây tổ.

- Béla! -

Cô gái thờ dài, như thể muốn giải bày rằng...

THÁNG NĂM (MÁJUS)

...đã là đầu tháng năm, ngày khu vườn già đột nhiên trẻ lại, mưa rào âm ẩm rửa sạch bong phớ xá, chuông tàu điện đột nhiên ngân nga reo ròn rã, như thể tiếng đập gấp ngăn ngõ của một trái tim dậy thì, và một bà cô già lấy bầy đưa lòng của gã vẹt còm ra cửa sổ.

Gã vẹt rống lên: "Ta là Elemér đây!", rồi sau đấy im bặt, vì chả ma nào để ý đến gã. Tất cả mọi người chỉ bận bịu với bản thân mình.

Bầy chim phủ phục trên tổ, hoặc mớm mồi cho lũ con, đám mèo con nằm dài trên ghé, bụi tầm gai và đám cỏ dại vươn lên khỏi đồng lá khô, dưới những tầng váy lòn xòe lụp xụp của bụi rậm, cây hoa tím héo

dần, và lũ én rộn rã trở về- thật muộn lắm!- nhưng rất có thể đây không phải lũ én năm ngoái, lũ én mới mẻ này về muộn vì chúng còn mãi đi tìm nhà.

Vào một buổi sáng còn muộn lắm hơn, kẻ nào đó bỗng hét lên: "Quan tòa dễ thương quá!", mặc dù cư dân ở nơi đây thừa biết điều đó từ mùa đông cơ. Té ra đơn giản đây là gã vàng anh vừa trở về từ xứ Nam -Phi, gã long trọng thông báo điều này với khu vườn và toàn thể những ai gã gặp.

- Vẫn ngu như bất cứ lúc nào!

Cụ cú mèo vừa gãi vừa làu bàu:

- Nó đã bay nửa vòng trái đất, để chỉ nói được có thể.

Nhưng lũ cú mèo cháu nom thật thích mắt, chúng ăn và chớp chớp cặp mi ngây thơ, lắng tai nghe ngóng khu vườn già cả đêm lẫn ngày, bởi ở đó những hàng cây thờ dài bằng vô vàn triệu lá non xanh.

Phân hoa bay là là trong không khí, một cậu học trò lướt ngang qua hàng rào, túi thò ra một tập thơ, và cậu ta không bao giờ biết rằng trong đời, cậu sẽ chẳng bao giờ hạnh phúc như thế nữa, bởi tháng năm là khát vọng, được hoàn thiện vào mỗi khoảnh khắc đêm, khi...

THÁNG SÁU (JÚNIUS)

...lũ chim sẻ măng tơ đầu tiên rời tổ bay đi, khi xảy ra trận cãi cọ đầu tiên trong nhà cậu chủ, và gã vẹt còm sống ra khỏi lồng, với danh xưng là Elemér, một thằng điều hâu lang thang không nói không rằng, nhắc nhở Elemer lên rồi tự nhủ thật lũ chim phương bắc chắc chắn không ra gì so với thịt một con sẻ tầm thường.

Lúc đó đêm đã bắt đầu nóng bức, tràn ngập hương thơm và mùi vị đời sống.

Ốc sên bò lổm ngổm trên cỏ, lũ chuột sục sạo lục sục, một con nhím từ đâu lạc vào vườn khiến lũ giun đất và lũ sâu bọ khác ngơ ngẩn ngẩn. Dưới đồng lá khô năm ngoái, sự tàn rã xay nghiền tất cả những gì đã có, và ẩm ướt làm tan ra những gì sẽ đến, rồi mưa xuất hiện cuốn tất cả thứ lương thực đó của cây xanh vùi xuống đất. Những cái rễ cây hít hà, thu lượm, để rồi hút thẳng lên tận chiều cao có thể đến hai chục mét chất tằm bổ quý giá này của đất trời.

Lúc đó người ta đã bắt đầu ngủ thiếp đi bên những cửa sổ để ngỏ, tất nhiên họ suýt nữa đã ngủ thiếp đi, nếu những chiếc radio không quấy nhiễu màn đêm bằng những tin tức và những âm thanh lộn xộn, và những tiếng động khác thủ tiêu cả nghỉ ngơi lẫn những giấc mộng đêm.

Bất chấp mọi điều, lũ chim vẫn ngon lành yên giấc, bởi lũ chim non đã ăn xong, và các vị phụ huynh trẻ đã lên đường, tìm kiếm, cặm cuì làm việc, để cuối vòng quay cuối cùng, chúng chỉ đủ sức rúc đầu vào cánh, không thêm chú ý đến tờ lịch lật trang, xuất hiện một dòng chữ đỏ vui tươi, rằng...

THÁNG BẢY (JULIUS)

...không còn chút dấu vết gì của Xuân nữa. Sự ngập ngừng mẫn tư của khát vọng đã trở nên rắn rỏi, và biến thành nghị lực.

Dưa chuột muối dậy men dưới lớp giấy nến trong lọ đặt bên cửa sổ, lũ chim sơn tước mổ tung tung vào mặt giấy, bởi chúng yêu những tiếng gõ rộn ràng.

Bà cô già mua một con vẹt mới, rồi dạy nó:

- E-le-mér, nói đi con: E-le-mér!

Con vẹt đàn độn nhìn chủ, rồi gắng gượng chuyển động cái trí tuệ nho nhỏ:

- E-le-mér! E-le-mér!

Cạnh hàng rào, cậu học trò dăm chiêu, túi thò ra những tờ ghi chép, và mọi bước chân vội vã của cậu đều hướng về nơi thi...

Những chiếc tàu điện đồ chuông như robot, lũ xe hơi rít phanh hãm từng hồi, còn cô chủ trẻ tuổi vừa từ chỗ bác sĩ trở về, bởi lúc nào cô cũng thấy buồn nôn... Cô bán vé tàu điện đựng anh đào trong một cái túi, người ta vừa tắm cho lũ chó hôm qua, bởi chúng không ngừng gãi sồn sột, đến mức cả khu nhà đều gãi theo.

Thiếu phụ sơn tước ngồi chồm hồm trên đọt trứng thứ hai, bày chim sẻ con đàn cháu đông náo nhiệt lộn xộn, tối tối mở một viện hàn lâm chim sẻ, nơi vào hồi năm giờ chiều một thằng điều hầu mất dạy xuất hiện rất chính xác, để quắp đi vài ba diễn giả sẽ hùng hồn. Nhưng điều này không làm các diễn giả sẽ khác bận tâm, vì còn đông chán... Và cũng chẳng cần nhiều trí tuệ trong một cái đầu diễn giả cho...

THÁNG TÁM (AUGUSTUS)

...khi khu vườn bắt đầu bài hoại tan rã, rụng cây thờ ơ nghe ngóng, những cánh hoa rơi lả tả, đám cư dân râm nắng hè của các khu nhà lục tục trở về sau kỳ đi nghỉ, họ lâu lâu nhặt nhẹo chào nhau như những kẻ đối địch.

Đất mệt mỏi, lũ chim mệt mỏi và rũ rượi. Loài thích di cư trầm ngâm suy tưởng về sự ra đi, các tổ ấm tan hoang như căn phòng bừa bộn của lũ trẻ, và những quả táo tròn đỏ ngự trên các cành cao, trông giống như những mục bán hàng lăm điều quá béo tốt trước một cơn nhồi máu cơ tim.

Lũ mèo con những tưởng đã trưởng thành. Cái bầy chuột tóm được một chú, tiếng ngoeo ngoéo đau đớn của lũ mèo trên chiếc ghế dài thê thảm đến nỗi đám cư dân hốt hải bỏ đi tìm điện thoại cầu cứu cảnh sát.

Một vị cảnh sát cũng đến, giải cứu cho chú mèo, rồi rất khoan thai và bình tĩnh, ngai lên lớp cho đám cư dân, khiến những kẻ này quá nửa đêm vẫn còn tụ tập họp, để xem có nên cảm thấy bị xúc phạm- hay không?

Giữa lúc đó, trong khu nhà kính một gã chồn hôi vô gia cư đột nhập, khiến lũ chuột- còn sót lại- bỏ trốn bằng hết. Sau sự kiện này, gã chồn bắt đầu để mắt tới đàn gà, và đúng lúc gã định bóp cổ một chàng gà trống, cậu chủ trẻ tuổi dùng chiếc gậy của cụ chủ đã đi xa, tương cho gã một đập chí chết.

Tay săn thú cừ khôi này đi chân đất, sau khi thực hiện chiến công lừng lẫy cậu tự nhủ hóa ra thời tiết quả có lạnh đi thật. Cậu có lý, bởi thành phố xa xa sau khu vườn, dưới chân núi kia...

THÁNG CHÍN (SZEPTEMBER)

... đã bắt đầu tới, mở đầu bằng những cơn mưa lạnh buốt, dập tắt bụi và màng nhện tháng tám.

Đám cư dân bận rộn với những nỗi lo trường học, lũ én đậu trên các dây điện mãi mê nghiên cứu bằng giờ tàu chạy, bọn sơn tước ăn cắp bơ và các loại thịt từ chạn đựng thức ăn, không quên xem xét kỹ thành phần dinh dưỡng. Đám vàng anh đã biến mất từ lâu, lũ thằn lằn chỉ buổi trưa bò lên các thân cây rạn nứt, cậu học trò xuất hiện với một cuốn sách mới, và Elemér – cuối cùng vết ta đã thốt nên lời: "Elemér"- khiến bà cô già ghen ngào chùi giọt nước mắt ứa ra từ khóe mắt chân chim.

Đất nguội đi, và căn phòng thí nghiệm dưới đám lá khô ngày mỗi ngày giảm dần công suất. Rặng cây ngái ngủ, lắc rắc gửi vài chiếc lá chao cành đó đây cho lũ muồn tìm chỗ ẩn.

Bọn cú mèo con cũng tản mạn tỏa đi tứ phương, nếu chẳng may đụng phải phụ huynh, tốt nhất chúng tránh mặt, còn hơn làm ra vẻ đang dựng xây sự nghiệp, bởi chúng sợ biết đâu đây là khu vực săn bắt của các vị sinh thành.

Nhưng muối tan của sự tan rã, trẻ sơ sinh của giá băng đã đến khi...

THÁNG MƯỜI (OKTÓBER)

... đã đến, khi trong vườn chỉ còn sót lại những giống chim không di cư, hoặc một vài vị khách sắp ra đi.

Một buổi sáng gã bồ câu có khoang trên cổ chao lượn, dừng nghỉ ngơi trên một cành sồi khô, vòm lá lưa thưa một môi chuyển động và từ từ rơi xuống, cây trả lời cho một câu hỏi không âm thanh:

- Thế nào... có gì mới? đường xá thế nào rồi?

- Không có gì mới. Lũ điều hâu đã chuẩn bị xong, ngỗng trời đang trên đường, và trong rừng, người ta đang đốn cây.

Rồi gã bồ câu vụt bay đi, bởi với giống bồ câu hoang này thời gian bao giờ cũng hiếm.

Trên đường, cô bán vé tàu điện khoác trên cánh tay chiếc áo chòang mùa đông, lông của lũ chó dày lên trông thấy, lũ sơn tước vui vẻ tập thể dục trên các cành cây, một ả chim sâu cố nhét những cái hạt vào những vết nứt trên thân cây, bởi ả biết trước không ăn nổi, và ả học được cách làm như thế. Rồi ả chấp chới bay về phía khu nhà, nơi người ta đang khuôn ra những thanh củi, ở giữa đống củi thế nào cũng chứa chấp vài mụn sâu bọ.

Muộn hơn một chút, lũ ông khói bắt đầu phì phèo nhả, chẳng ai để ý, từ làn khói ngoằn ngoèo này có thể đọc được dòng chữ:

THÁNG MƯỜI MỘT (NOVEMBER)

...những làn khói đẹp hơn nét vẽ khói lượn vòng sau đuôi chiếc máy bay, và đẹp hơn hẳn dòng khói nhà máy giết người cuộn cuộn tỏa ra, khiến người ta chết ngạt trong những tháng mười một của dĩ vãng.

Tại thời điểm này lũ sơn tước đã đánh dấu chỗ xong trong phòng ở chung, khi năm sáu con co ro sưởi ấm nhau trong cùng một chỗ bé xíu, lũ chim sâu khảng định sự chắc chắn về chỗ trú chân mùa đông, cho dù tường mới ngăn từ mùa xuân, để ngỏ một cửa ra vào, lũ chim gõ kiến gào lên đôi khi, chiếc mũ đỏ trên đầu chúng phát phối ẩn hiện trong vườn.

Ngoài ra không còn tiếng động nào khác, bởi trong giá lạnh, những trái tim không đập thồn thức; những sợi dây đàn bị tắc nghẽn. Trên các con đường, lũ chiến chiến rên xiết, hòa với lũ sơn tước cứ nhắc đi nhắc lại:

- Không có... không có...

Và chúng hết sức ngạc nhiên, khi một chú thỏ rừng bằng xương bằng thịt đột nhập vào khu vườn, đào hang một cách im lặng, bởi thỏ vốn không phải loài lấm mòm. Đêm đêm chú gặm nhấm và rung những bụi cây, khiến ả mèo run bắn, bởi ả chưa bao giờ nhìn thấy loài thỏ, ả bèn liên minh với lão chó. Lão chó béo phì, thở hỏn hển, và sau lần săn đuổi thỏ đầu tiên xảy ra lão cho rằng hòa bình là tốt hơn cả.

Người ta độn ấm vào chuồng chó, lấp thêm rèm cửa. Lão chó già hơi bị điếc, lão không nghe thấy gì khi trên những nẻo đường, trong các khu vườn, dưới những gót giày và những gót chân, trong tiếng cọt kẹt của gác xép, và trong tiếng răng rắc vỡ của những tảng băng trên hồ khi...

THÁNG MƯỜI HAI (DECEMBER)

...đã đến, và những tiếng răng rắc vỡ này như một bản tường trình không khoan nhượng. Như thể lời công bố một bản án, như tiếng nghiền răng của những kẻ có thói quen này khi ngủ, như thể tiếng riu riu và tiếng cây ào ào đổ xuống.

Mặc dù chỉ là tháng chạp được viết ra. Tất nhiên: được viết ra bằng mẩu chì bằng, viết lên mặt bằng, những ký hiệu và những điều bí ẩn xảy ra trong năm, những điều sẽ biến mất. Sẽ không để lại chút dấu vết gì, dù đây là cả một cuốn sách bí ẩn, chỉ lũ động vật biết, nhưng biết chẳng bao lâu, vì chúng sẽ quên.

Nhưng tháng chạp vẫn ghi lại tất cả, chép lại tất cả- và không nhận ra một con người, kẻ nhiệt huyết tràn đầy được gọi là nhà văn - đã chép lại cuốn sách bí ẩn này, chép hì hục đến tận khi mẩu chì bằng vẫn chưa gãy, và những từ ngữ cuối cùng trở nên không thể đọc được.

Nguy thật- kẻ này ngạc nhiên, bởi biết đâu giữa những từ ngữ đó lẫn vào một từ, chứa đựng toàn bộ mầm mống và sự toàn thiện của sự sống, đó là từ: HÒA BÌNH

Tuy nhiên tất cả vẫn được ghi chép lại, bằng sự thiếu thốn tận cùng này, và những con người, trong giây phút chúc nhau một năm mới hạnh phúc, chợt ngỡ ngàng nhận ra, nếu thiếu từ HÒA BÌNH duy nhất này sẽ chẳng có gì hết, cũng như họ sẽ chẳng thể cho rằng, không có gì xảy ra hết trong một khu vườn đã bị bỏ quên ở thành phố Buda...

NGUYỄN HỒNG NHUNG
(Budapest- Hungary 2012)

TỰ TRUYỆN

Ỗ Nguyên

Bạn thân mến,
Cám ơn sự thăm hỏi của bạn...

Vâng, tôi đã trải qua một cuộc giải phẫu mắt thông thường như mọi người, an toàn tuyệt đối nhưng khá tốn kém. Cho đến hôm nay là vừa đúng ba tháng, tôi đã trở lại gần như bình thường với *cặp mắt mới* tinh vừa cắt chỉ.

Bạn biết không... đã có đến 20 năm rồi, kể từ lúc tôi còn ở tiểu bang NM, một bác sĩ nhãn khoa tại bệnh viện Lovelace đã cho tôi hay là mắt trái có dấu hiệu bị cararact (mắt bị mây che hay bị kéo màng) nhưng chưa trầm trọng lắm, mới chỉ hơi mờ mờ nên việc lột bỏ cái màng này chưa cần thiết. Vậy mà mấy vị BS nhãn khoa sau này đều đề nghị tôi mổ. Có thể biết bệnh nhân có bảo hiểm sức khỏe đầy đủ nên các vị BS ưa đề nghị như vậy. Tôi hỏi ý kiến của một hai bác sĩ người Việt thân quen thì họ đều khuyên tôi chưa nên mổ nếu còn nhìn rõ. Tôi đọc tờ cẩm nang về cataract nên cũng có chút khái niệm về tình trạng mắt của tôi nên còn chần chừ bạn ạ.

Sau ngày về hưu, khoảng sáu năm trước đây, chúng tôi di chuyển về Maryland. Tôi được bác sĩ gia đình giới thiệu với một bác sĩ nhãn khoa có phòng mạch ở Rockville. Một năm tôi đi khám mắt hai lần. Lần đầu tiên ông bác sĩ này đã đề nghị cho tôi đi mổ cataract ở mắt trái nhưng tôi lưỡng lự và đắn đo chưa muốn thực hiện. Như bạn

biết, tôi bị cận thị từ hồi còn học ở bậc trung học, bây giờ nhiều tuổi mắt tăng độ cộng thêm bị cataract nên mắt tôi yếu hẳn đi. Mờ hẳn đi. Dù rằng BS cho toa thay kính mắt vài lần mà tôi vẫn không thể nhìn thấy rõ những bảng tên đường phố trừ phi đến



gần hơn, thành thử việc lái xe trên xa lộ ông xã dành hết phần, không tin tưởng nơi tôi như lúc xưa, làm mình bị xuống nước què xệ. Đôi khi trong các bữa tiệc, bạn bè vẫy tay chào hỏi từ xa, tôi vẫy tay đáp lễ nhưng chẳng rõ mặt họ là ai. Thế có buồn không chứ ! Cho nên nhiều lúc bị hiểu lầm

là mình lừa họ đi. Làm sao để cắt nghĩa đây. Do đó việc đọc sách, báo và viết lách của tôi cũng bị ảnh hưởng rất nhiều, tạm thời tôi phải bỏ coi TV và đọc tin tức trên mạng. Tôi chịu đựng cảnh mờ mờ, tranh tối tranh sáng này trong một thời gian khoảng một năm với tâm trạng không bình yên vì hể nhắm mắt lại thì thôi nhưng thức dậy là cảm thấy bức bối với con mắt lù nhù của mình. Tôi bị choáng váng khó chịu mỗi khi bước vào siêu thị hoặc các trung tâm thương mại, nên tôi cũng làm biếng đi sắm sửa, mua bán, chỉ trừ trường hợp bắt buộc. Tình trạng này làm tôi xuống tinh thần ghê gớm, mà chả dám than phiền với ai ngay cả bạn tôi cũng giấu luôn vì tôi biết nếu có cho bạn hay bạn đâu giải quyết được gì cho tôi, phải không? Có trong hoàn cảnh như tôi, bạn mới hiểu được là tôi khó chịu như thế nào.

Ngày này qua tháng khác, mặc dù tôi đã đổi kính nhiều lần nhưng vẫn đề nhìn xa vẫn không giải quyết được trừ phi tôi phải mổ để cắt bỏ cái màng cataract này đi.

Tôi hết kiên nhẫn để đợi lâu thêm nữa nên đành phải nghe theo lời khuyên của ông bác sĩ nhãn khoa lo việc giải phẫu mắt cho tôi. Và lần này thì ông xã đành phải để tôi quyết định không bàn tới bàn lui nữa. Một tháng trước ngày giải phẫu tôi được gửi đi khám đo tim mạch và thử máu. Đo mắt để biết kích thước chính xác của cái nhân mắt nhân tạo (intraocular lens) sẽ được BS cấy (implant) vào mắt cho tôi. Ba ngày trước khi đi mổ mắt, tôi được chỉ định dùng hai thứ thuốc nhỏ mắt loại đặc biệt: *Nevamax* và *Vigamox* - thuốc nhỏ mắt hiệu *Lotamax* dùng sau khi mổ. Cả ba loại thuốc này đều có công dụng ngăn ngừa mắt khỏi bị làm đục và tránh bị dị ứng từ phía ngoài. Bảo hiểm trả một phần nào thôi, tôi phải tự trả thêm cho ba lọ thuốc này, mỗi lọ là \$50. Thực là mắc, bạn thấy không. Bạn nên nhớ là Medicare không trả tiền thuốc cho người thụ hưởng đâu nhé.

Vào một ngày tháng 7 vừa qua, vợ chồng tôi lục đục thức dậy từ 6 giờ sáng để kịp sửa soạn đến nơi hẹn tại trung tâm giải phẫu ngoại trú (Ambulatory Surgery Center thuộc Silver Spring Ophthalmology LLC, Maryland.). Giờ hẹn để mổ mắt là 8g30 sáng hôm đó nhưng họ muốn bệnh nhân có mặt từ 7 giờ để hoàn tất thủ tục giấy tờ trước khi vào phòng mổ. Vì là lần đầu tiên nên ông xã tôi cũng hơi loạng quạng kiếm chỗ đậu xe, nhưng rồi cũng tìm được địa điểm này

Theo lịch trình, mắt bên trái sẽ mổ trước, mắt bên phải mổ sau, cách nhau khoảng hai tháng. Thông thường khi nghe

nói tới mổ, bất luận là mổ gì trên cơ thể, tôi đều lo ngại vì sự rủi ro biết sao mà lường trước được. Nói là giải phẫu nghe có vẻ quan trọng, nhưng thực ra Bác Sĩ đã cho tôi biết trước là không có gì phải lo lắng, cuộc giải phẫu chỉ trong vòng nửa giờ đồng hồ là cùng, ông ta sẽ lấy cái màng cataract ra (cataract removal) và đặt vào đấy một cái nhân mắt nhân tạo đặc biệt (intraocular lens) thay thế cái nhân mắt tự nhiên (natural lens) và bệnh nhân có thể về nhà ngay sau đó. Có điều là bệnh nhân bắt buộc phải có người nhà đi theo để lái xe đưa về nhà sau khi giải phẫu nếu không cuộc giải phẫu sẽ bị huỷ bỏ hay dời đến ngày hẹn khác.

Tuy biết là cuộc giải phẫu sẽ rất đơn giản và nhanh chóng nhưng tôi vẫn cảm thấy lo ngại vì mình không hiểu những gì sẽ xảy ra cũng bởi sau khi điền đơn mà trong đó có vài điểm nói về sự rủi ro có thể xảy ra như bị mù vĩnh viễn hoặc bị các phản ứng phụ khác đưa đến loạn thị hay double vision chẳng hạn. Tôi chia sẻ điều quan tâm này với ông xã, anh an ủi tôi là đừng lo, đấy chỉ là vấn đề phòng hờ được đặt ra. Nghe anh khuyên tôi cũng thấy yên lòng. Có chia sẻ với nhau những giây phút lo âu như thế này tôi mới thấy tình già của chúng tôi biểu lộ rõ ràng hơn. Tôi thầm cảm ơn người bạn đường của tôi thực nhiều, anh đã sốt sắng và lo lắng cho tôi rất chu đáo, một niềm an ủi thiết thực khiến tôi yên tâm bớt suy nghĩ lo âu quanh.

Trước giờ lên bàn mổ, những câu hỏi thông thường của trung tâm giải phẫu này đã được một cô y tá trưởng hỏi han căn kẽ để biết chắc chắn là tôi không bị cao máu, tiểu đường hoặc yếu tim và không ăn uống gì sáng hôm đó để việc giải phẫu được

hoàn chỉnh. Cô ta đo mạch tim và truyền oxy qua mũi, truyền nước biển và buộc hai cánh tay tôi vào thành giường sợ tôi cựa quậy trong lúc mổ, rồi đắp lên người tôi một cái chăn mỏng, mềm mại ấm áp khiến tôi thấy thực dễ chịu. Giờ phút mà tôi lo lắng đã đến, bác sĩ gây mê xuất hiện, bà ta cho hay là cuộc giải phẫu sắp bắt đầu. Bà xem xét lại thuốc tê rất cẩn thận trước khi sử dụng. Ngay sau lúc đó cô y tá nhỏ thuốc tê vào mắt trái của tôi vừa lúc Bác sĩ giải phẫu có mặt bên giường bệnh, hỏi han tôi vài câu thông lệ rồi cùng cô y tá đẩy giường này vào phòng mổ. Ông chụp vào đầu tôi một bao nylon để giữ cho tóc khỏi lòa xòa ra mặt và rồi từ giây phút đó trở đi tôi thấy mình lâng lâng, đầu óc cứ lơ mơ đến là hay, tựa như mình đang hỷ lạc (thiền). Thuốc tê làm tôi như mơ mơ màng màng nhưng cảm thấy rất thanh thản trong lúc BS giải phẫu cho mình. Đâu đó nghe như có tiếng đụng chạm của dụng cụ mổ sẽ cùng những lời đối thoại lí nhí của bác sĩ và mấy cô y tá.

Rõ thực là nhanh bạn ạ, mới đấy mà cuộc giải phẫu đã hoàn tất.

... It's done - 35 minutes – It's good ... tiếng của bác sĩ vui mừng báo tin cho tôi, đúng lúc thuốc tê hết và tôi tỉnh táo trở lại. Tôi hiểu là 35 phút giải phẫu đã hoàn thành tốt đẹp, ông chúc tôi may mắn và hẹn gặp lại. Tôi thở ra cái phào nhẹ nhõm và chỉ sau 5, 10 phút cô y tá nâng tôi ngồi dậy, đưa tôi ra khu hồi sức để tôi có thể ăn uống thứ gì nhẹ nhẹ. Trong bụng tôi nghĩ, giá lúc này có tô phở bò nóng hổi mà ăn thì thú vị biết mấy! Tôi xin cô ta một ly cà phê sữa nóng với mẩu bánh biscuit cho đỡ nhai ruột trong khi ông xã tôi ngồi kế cận để thăm hỏi tôi. Sờ lên mắt trái tôi mới hay là bác sĩ đã

cẩn thận bằng một cái lưới (shield) nhỏ cho an toàn để phòng hờ rủi ro. Tôi ôm lấy tay nhà tôi và từ từ lần đi ra cửa. Mắt bên phải vẫn có thể giúp tôi nhìn rõ lối đi, nhưng mắt bên trái bị bít kín thành thử tự nhiên tôi cảm thấy như mình bị mất thăng bằng, đi đứng chập choạng, bước thấp bước cao y như người say rượu trông đến là buồn cười.

Ngày hôm sau tôi trở lại tái khám để bác sĩ theo dõi và tháo băng cũng là thay đổi thuốc nhỏ mắt. Một tuần sau, hai tuần kế tiếp và rồi ba tuần tiếp theo tôi phải liên tục trở lại tái khám để thử mắt và cắt chỉ đồng thời sửa soạn cho việc mổ mắt bên phải vào cuối tháng 8. Mọi thủ tục khám xét mắt, đo mắt và thuốc men cho lần giải phẫu mắt bên phải cũng tương tự như lần đầu chỉ khác là lần này tôi không phải gửi đi khám tim.

Thế rồi cặp mắt vừa được "renewed/repaiored" hoàn hảo này đã giúp tôi có thể nhìn xa được rõ ràng hơn, không cần đeo kính cận thị như lúc xưa, tôi có thể nhìn thấy rõ ràng mọi cảnh vật cùng cảnh sắc xung quanh. Bạn có biết không, ngày đầu khi vừa bước chân vào nhà, tôi thấy nơi nơi đều sáng rõ, những bình bông đủ màu đủ sắc mà tôi cảm thực công phu trước đây bây giờ thấy nó đẹp hẳn lên, sàn nhà sạch bong, bóng nhoáng, thảm lót, bàn ghế, salon, mọi thứ, mọi tranh ảnh treo trên tường với tôi lúc này nổi bật, trông như mới hẳn ra. Những khóm hoa cúc vàng thắm bên những cụm cúc màu huyết dụ trong khu vườn bé nhỏ trước nhà như đang nhoẻn miệng cười để chào đón bà chủ thân thương của chúng. Tôi lấy cặp mắt kính râm mà BS vừa tặng để đeo tạm, tránh những tia nắng chói chang đang rọi vào cặp mắt mới của tôi. Trời sang Thu nhưng cái nóng cuối hè vẫn như quyến luyến, chưa muốn từ giã thế gian này nên mấy gốc hoa

của tôi gần như héo úa vì hơi nóng, tôi vội lấy vòi nước tưới tắm cho chúng như chia sẻ nỗi hân hoan vừa đang chớm hiện trong tâm tôi.

Tuần lễ sau đó, theo ông xã đưa đi Costco và mấy tiệm thực phẩm để mua đồ ăn, tôi thật vui mừng vì có thể nhìn rõ mọi nhãn hiệu trên mặt hàng cũng như rau củ trông xanh tươi thực bắt mắt làm sao. Nói chung là mọi hình ảnh quanh tôi tất cả đều như mới mẻ, sáng rõ hẳn lên. Nhất là bảng tính tiền của mấy cô cashier tôi nhìn rõ từng con số một. À còn điều này tôi quên chưa khoe với bạn, chắc bạn không chọc quê tôi. Này nhé, tôi thấy ông xã của tôi tốt tướng, bảnh bao hẳn ra với nước da hồng hào, thân hình tráng kiện, mạnh mẽ mặc dù anh đã là ông nội ông ngoại từ hơn 10 năm nay! Hàng ngày chúng tôi vẫn kề cận bên nhau nhưng tôi không nhận rõ sắc diện của anh cho đến bây giờ. Đúng như một nhà văn đã nói: *"Đôi mắt là cửa ngõ của Tâm Hồn"*! Làm trái tim già nua của tôi đâm ra xôn xao mới lạ chứ. Cùng lúc vì nhìn quá rõ nét mọi thứ nên tôi thấy dung nhan của mình xệ quá vì những đường nhăn, nếp xếp ở cuối mắt và kẽ môi của tuổi già hiện ra rõ như ban ngày làm tôi buồn ghê gớm bạn ạ. Bàn tay, bàn chân gân xanh nổi lên từng cục trông mà khiếp. Da cổ nhăn nhúm như cổ con gà tây Thanksgiving. Thế ra trước đây khi chưa giải phẫu mắt, mình đã bị lừa, bị gạt bởi chính mình, vì không thấy rõ nên mình cứ đinh ninh là mình cũng sắc nước hương trời gì đây; hóa ra tôi đã quên là mình đang đứng bên kia triền dốc cuộc đời, thì điều tôi ưu tư ở trên chỉ là chuyện thường tình thế thôi, phải không bạn? Rồi thì các xó xỉnh trong nhà, góc tường, trần nhà chỗ nào tôi cũng thấy màng nhện bám đầy, bụi bặm dơ dáy làm tôi lại khó chịu trước cảnh

nhớp nhúa đó. Tôi than với ông xã thì anh bảo mới quét dọn năm ngoái mà. Gớm thật, từ năm ngoái nhẽ nào. Trong một phút hồi tưởng tôi chợt thấy buồn vu vơ bạn ạ, vì từ nay trở đi tôi sẽ vĩnh viễn mất đi cặp mắt trong xanh nguyên thủy của thời thơ ấu mà mẹ đã ban tặng cho tôi lúc vừa chào đời. Một ý tưởng ngớ ngẩn lại loé lên trong đầu óc - Biết thế mình đừng mổ mắt nữa để không phải ân hận về những điều mình vừa phát hiện? Nghĩ như vậy là tôi đã quá tham lam phải không bạn, có voi đòi tiên chả ra làm sao. Thực ra tôi phải nên cảm ơn cái xứ sở đã cứu mang tôi, cảm ơn nền văn minh siêu việt của Hoa Kỳ cùng những vị bác sĩ chuyên môn như đã cho tôi được hưởng một ân huệ trân quý thế này. Như vậy là những đóng góp của tôi trong bao năm trời làm lung giở đây đã được đền bù xứng đáng. Bạn thử đoán xem chi phí hết thấy là bao nhiêu không? Gần 10 xấp đấy bạn ạ. Thú thực với bạn, nếu không có bảo hiểm sức khỏe của Chính Phủ (Medicare) và hãng bảo hiểm (UHC) thanh toán gần hết phí tổn này thì không biết tôi xoay sở ra sao hay đành phải chịu cảnh mờ mịt cho hết đời mình? Nghĩ đến những người tật nguyền khiếm thị họ chỉ ao ước thấy được một chút ánh sáng lơ mờ để khỏi phải quờ quạng bước đi trong màn đêm u tối cả cuộc đời thì tôi cảm nhận là mình quả thực đã may mắn và có phước vô cùng bạn ạ. Nói tới đây tôi chợt nghĩ tới đứa cháu trai gọi tôi là cô, khoảng gần 50 tuổi. Đang có công ăn việc làm vững chắc. Sức lực còn trai tráng khỏe mạnh, cao lớn như người Mỹ. Cháu bị suy thận mà không hay biết sớm để đến khi phát hiện thì quá trễ khiến bị mù luôn đôi mắt. Cả một tương lai sụp đổ. Thất vọng và chán chường vì hàng ngày cháu phải sống

bằng cấp khoản tật nguyên và trợ cấp y tế của chính phủ. Lại nữa, một ông anh họ của nhà tôi, ở tiểu bang kế cận, cách đây hai ba năm bị bệnh tăng sông ở mắt (Glaucoma), đi bác sĩ khám mắt thường xuyên và nhỏ thuốc thường xuyên mà không hiểu tại sao cuối cùng, ngày nay ông cũng lâm vào cảnh mù loà cả hai mắt. Bạn ạ, nhiều lúc tôi suy nghĩ mông lung về trường hợp bất hạnh của hai người thân trong gia đình mà không sao lý giải được. Nếu như ở Việt Nam hay ở một quốc gia chậm tiến nào khác thì họ đành phải chịu cảnh tật nguyên như vậy, nhưng sự kiện này lại xảy ra ngay trên nước Mỹ, một xứ sở văn minh tốt bậc về y khoa mà các bác sĩ đành phải bó tay, thế mới buồn! Bạn thấy đó, cuộc đời sao có lắm cảnh bi thương éo le như thế nhỉ !

Gần 3 tháng trời bị giới hạn đọc sách báo và internet, tôi như muốn phát khùng, bây giờ tôi cảm thấy thực thoải mái, nên những lời tâm sự đầu tiên này đến với bạn chính là để chia sẻ niềm hạnh phúc vô biên của tôi đồng thời cũng là để thử nghiệm cặp mắt mới của tôi đấy.

Nếu chưa từng nghe ai thuật lại chuyện giải phẫu mắt thì đây là cơ hội để tôi chia sẻ cùng bạn kinh nghiệm bản thân của tôi vì tôi biết là bạn cũng tính mổ cataract như tôi phải không? và nếu biết trước được những diễn tiến của sự cố này thì bạn sẽ vững tâm hơn và không nghi ngại gì cả, bạn đồng ý với tôi không nào ? Kinh nghiệm lần này cho tôi thấy là mọi việc đều ổn thỏa. Ở vào cỡ tuổi của tôi với bạn thì ít ai có thể tránh khỏi bị cataract phải không bạn? Có điều nếu khi bạn thấy nhìn không rõ, mắt quá mờ và biết rõ là mình bị cataract, bác sĩ khuyên nên mổ thì bạn

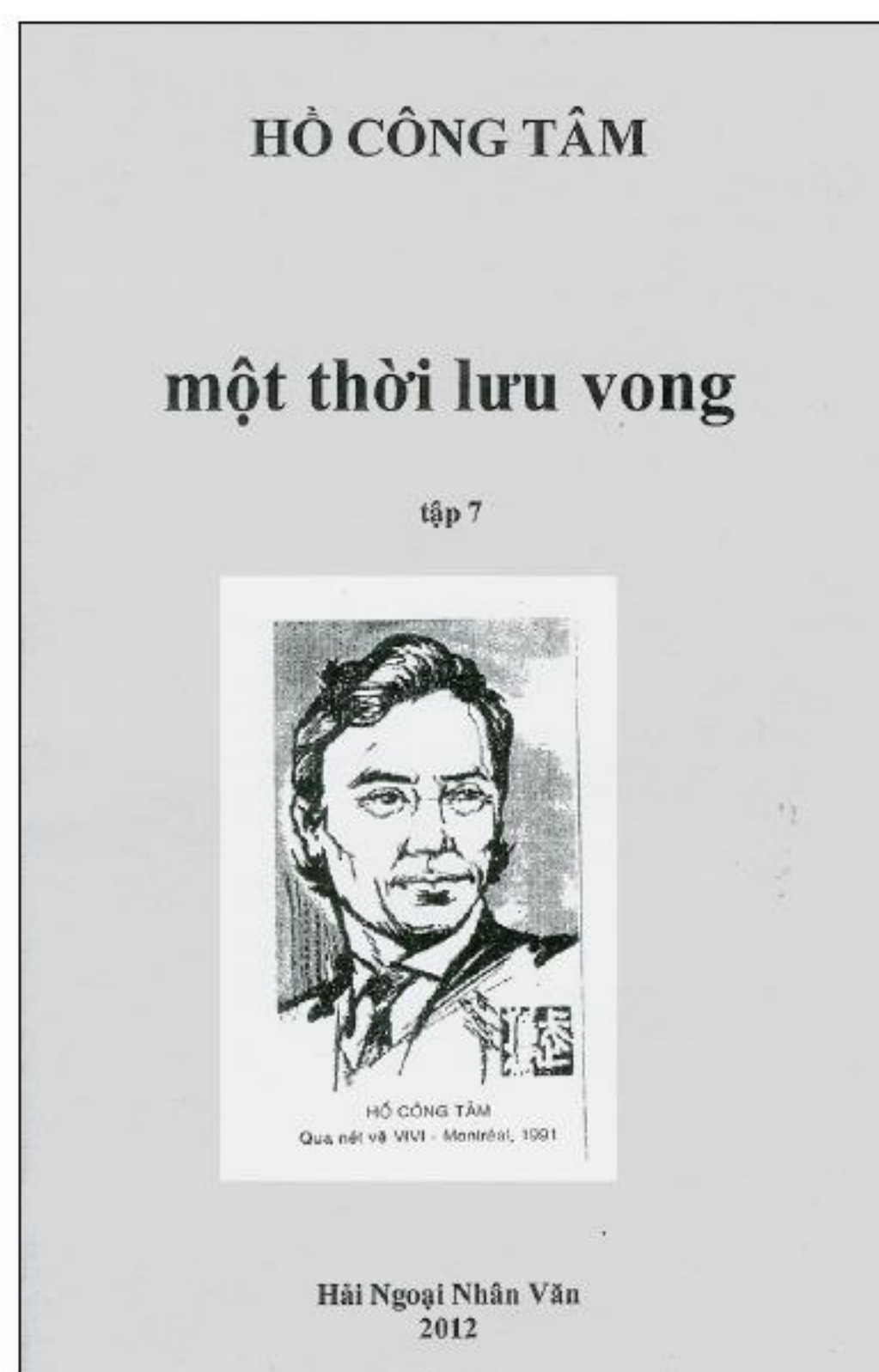
cũng nên nghe theo lời đề nghị của ông ta mà tiến hành thủ tục đi là vừa, đừng đợi đến khi tuổi quá cao, trên 80, tôi e sẽ khó khăn. Chẳng nên. Tôi hy vọng bạn không bị bệnh tiểu đường hoặc bị cao máu, ngược lại thì nên thận trọng và tốt hơn hết là để BS quyết định dùm.

Bạn thân mến, trên đây là tất cả những gì tôi đã trải nghiệm để có được cặp mắt quý báu như ngày hôm nay dù chỉ là cặp mắt đi mượn. Từ nay tôi sẽ phải cố gắng chăm chút nó như người bạn đời của mình vậy, vì nó là một phần sự sống của tôi đó bạn. Tôi nhớ người xưa thường nói: "Hai mắt là ngọc, hai tay là vàng" thực đúng quá phải không?

Thế nhé!

Ỗ Nguyên

Mùa lá rụng, MD 2012



Tiếng ca dao trong đêm

NGUYỄN VĂN NHIỆM

Trước ngày viễn du vào miền xa lạ, tôi quyết định về sống nơi quê vợ một thời gian ngắn ngủi còn lại. Nói là để làm rõ lại, vì từ ngày cưới vợ chưa lần nào tôi có dịp ở lại quê vợ cả. Nói như vậy không đúng hẳn. Thật ra tôi muốn khắc ghi vài kỷ niệm mến yêu nơi đồng nội, mà trong thời gian sắp tới, nơi xứ lạ quê người làm sao mình có thể tìm thấy được. Tôi muốn ôm ấp, khắc ghi vài mẫu ký ức sống vào tâm khảm như hành trang duy nhất.

Trên đường từ Long Điền đến Đất Đỏ, về phía trái có cái hồ nước lớn gọi là Bàu Thành. Ba vợ của tôi đã kể lại, rằng lúc xưa khi vua Gia Long tạm dừng chân, đóng quân nơi đây, đã cho đào cái bàu này để tắm voi của nhà vua, cho nên mới có cái tên như vậy. Sau đó chẳng bao lâu, quân Tây Sơn đến đánh đuổi, quân nhà Nguyễn thua chạy thoát thân, bỏ lại một số cung nữ. Những cung nữ này đã lẫn lẩn vào trong dân chúng, được bảo bọc, sau lập gia đình và đã chính thức trở thành dân địa phương. Ở làng An Ngãi, khoảng giữa Long Điền, Đất Đỏ có đền thờ tướng công Châu Văn Tiếp của nhà Nguyễn và trường Trường Trung Học Phổ Thông của Thị xã Bà Rịa tỉnh Phước Tuy một thời cho đến năm 1975 có tên của vị tướng công này. Học sinh trường Trung Học Châu Văn Tiếp thời đó thường về thăm viếng đền thờ này, qua đó tìm hiểu về vị tướng quân, mà trường học của mình đang mang tên. Đám con trai nói

chung lại thích đến Bàu Thành hơn, ngồi bên bờ hồ thả cần câu cá, mà mắt mơ màng nhìn vào cõi xa xăm. Thật khó mà tin rằng có đứa con trai nào đó đến đây, ngồi hàng giờ thả hồn vào dĩ vãng để chỉ gợi lại hình ảnh những chú lính tắm voi tắm thường. Không, tôi không tin như vậy, mà chủ đề trầm tư có thể là hình ảnh các nàng cung phi, các nàng công chúa vừa có tính cách hiện thực lịch sử, vừa có tính cách mơ mộng huyền thoại. Rồi còn biết bao chủ đề khác liên quan tới di tích Bàu Thành như luận về anh hùng và thời thế, anh hùng tạo thời thế và thời thế tạo anh hùng, trường kỳ chiến đấu và tốc chiến tốc thắng, thống nhất đất nước và sự phân tranh, công cuộc mở mang bờ cõi, đánh đuổi ngoại xâm với tội “*cống rắn cắn gà nhà*”, sự thành- bại, chính nghĩa với phi nghĩa, độc lập với lệ thuộc, tự do với nô lệ, thu phục nhân tâm với thất nhân tâm... Trí tưởng tượng, sự mơ mộng là suối nguồn sáng tạo của con người, giờ đây đã biến đi đâu mất, chỉ còn chút ít sức lực dồn hết vào đôi chân, để nhón vào cặp bàn đạp của chiếc xe đạp cũ kỹ thời học trò, cõ lên cái dốc quá dài từ nhà thương cho tới chợ Đất Đỏ. Dốc cao thì mặc dốc cao, trời nắng thì mặc trời nắng, đã có mái nhà nằm ngay trong lòng thì dường như mình được thêm sức, chân đạp mạnh hơn, và tiếng nói của đứa con thơ sáu năm chưa thấy mặt vắng vắng trong lòng như luồng gió mát làm quên đi cái nóng bức.

“*Đã tới nhà rồi!*” Tôi reo lên không thành tiếng. Vứt chiếc xe đạp trước sân, tôi chạy ngay vào nhà. Mọi người mừng rỡ trong đoàn tụ. Tôi chào các Cô Bác, người thân đang có mặt, rồi ôm choàng lấy vợ và đưa con trai nhỏ trong xúc động không lời. Không thấy người mà tôi mang ơn, người đã cứu mạng, đùm bọc vợ con tôi trong thời gian qua, tôi ngó qua gian nhà thờ Ông Bà rồi nhìn xuống nhà dưới. Vợ tôi như hiểu ý, nắm tay dắt tôi vào gian nhà trong. Tôi chưa kịp nói lời nào, thì ba vợ tôi đã lên tiếng: “*Từ sáng tới giờ, tao lui cui với bốn cái chân giường này. Lông mòng hết rồi, tao sửa hoài mà không được, đành kiếm đinh ốc vắn cho chắc chắn*”. Chú Út vừa bước vào, nghe như vậy liền nói: “*Anh Tám thật khéo lo thì thôi! Thằng Tư bây giờ, nó ốm nhom, ốm nhách như con cò ma, nặng bao nhiêu mà sợ sập giường chớ! Thôi! Anh ra đây, tôi có đem hai con gà mái dầu qua cho con Tư, gọi là có chút ít đóng góp cho buổi cơm đoàn tụ gia đình...*”

Buổi chiều hôm đó, cả đại gia đình kéo nhau đi làm cỏ rẫy, tôi theo ba vợ thăm ruộng lúa gần đó. Tối lại, mọi người đều về nhà, riêng vợ chồng chúng tôi ở lại rẫy, để sáng sớm hôm sau có thể tưới kịp hết các loại bầu, bí, mướp...trước khi mặt trời lên khỏi ngọn cây.

Ngày là đời sống của con người, đêm là đời sống của vạn vật. Ngày thì làm việc, đêm thì yên nghỉ, nhưng ở hoàn cảnh của chúng tôi thì làm sao mà không thao thức, biết bao điều tâm sự cứ nối tiếp nhau không dứt. Bên ngoài trời tối đen như mực, thỉnh thoảng loé lên vài đốm sáng của đom đóm lập loè bên cành cây, ngọn cỏ, vài ánh sao set xuống lưng chừng trời, ngoài ra không còn nhìn thấy gì nữa cả. Ánh sáng nhường

chỗ cho âm thanh: tiếng ếch, nhái, ễnh ương từ bên ruộng vọng lại, tiếng côn trùng nỉ non bên rẫy, tiếng cú rúc trong bụi rậm, tiếng vạc kêu ban trong đêm...

Bên trong túp lều tranh cũng chỉ còn nghe có âm thanh: tiếng kêu lách tách của lửa than trong bếp, tiếng muỗi kêu vo ve ngoài mùng, tiếng thỏn thức của con tim...Rồi tiếng trẻ con của ai khóc ở rẫy bên kia, giọng ru con thật là ngọt ngào của người mẹ, mà lâu lắm mình mới được nghe lại. Những câu ca dao ru con “*Àu ơ, ví dầu*”...có tác dụng kỳ diệu như bầu sữa mẹ nuôi dưỡng tuổi thơ, đưa trẻ vào giấc mơ thần tiên. Tôi lắng nghe cho đến khi tiếng ru tan biến trong màn đêm. Tiếng ru con này gợi cho tôi nhớ giọng ru con của mẹ tôi, lúc tôi còn nhỏ, không bằng ý thức, mà bằng tiềm thức u linh, man mác. Rất tiếc là tôi không được may mắn nghe chính giọng ru con của vợ tôi, vì tôi phải xa nhà. Lời ru con của các bà mẹ Việt bao đời đã là sự đóng góp lớn lao, tạo nên sự phì nhiêu cho mảnh đất tiềm thức, tâm linh của bao thế hệ, là cơ sở phát huy trí tuệ.

Tôi cứ tưởng tiếng đêm đã đến lúc ngưng nghỉ, nhường lại cho những tiếng không thành tiếng để đi vào giấc ngủ, ai ngờ hết tiếng ru con của người vợ, lại trỗi lên lời ca dao của người chồng. Trong bóng đêm, mọi năng lực đều qui về một quan năng cảm giác là thính giác, tôi nghe rõ mồn một như vậy:

“*Đêm nằm nghe vạc trở canh,
Nghe Sư gõ mõ, nghe anh vỗ nàng.*”

Nếu lời ru con của người mẹ đã lôi cuốn tôi vào vùng hoài niệm thời ấu thơ, thì tiếng ca dao của người chồng đang gây chấn động tận tâm can của tôi, kéo tôi về với

thực tại. Ai mà lại thấu rõ được nỗi lòng mình như vậy kia? Hay là một sự tình cờ? Hối ra mới biết cái chòi ở rầy bên kia là của hai vợ chồng thằng Tánh, con của chú Năm Đức ở hàng xóm. Thì ra Tánh là người, mà sau bữa cơm mừng đoàn tụ, đã nói với tôi một câu ngắn ngủi mà hết sức chân tình: ”*Ráng lên nha anh Tư!*”

Tiếng ca dao thật ấn tượng, cho mãi đến ba mươi năm sau, khi ngồi viết lại hai câu này, tôi có cảm giác như còn nghe văng vẳng lời ca dao kỳ diệu của Tánh trong đêm hôm đó. Thật là hàm súc! Chỉ vồn vện có hai câu, mà chứa đủ cả những phạm trù chính yếu như thời gian, không gian, tôn giáo, nhân sinh. Rồi từ những phạm trù đó, các chủ đề khác cũng được dẫn xuất ra, như phạm trù nhân sinh thì thật là phong phú trong đời sống ca dao! Chính vì vậy, hai câu trên được chọn để mở đầu cho phần nghiên cứu về ca dao, tục ngữ trong *Con đường văn hóa Việt*.

Cước chú: Xem *Tiếng hát ru con* ở chương 12 nói về *Đời sống có văn hóa*.
Tiếng hát ru con

Ngày xưa, người ta thường ru con ngủ bằng vồng, vì vồng đu đưa qua lại dịu dàng hòa với tiếng ru ngọt ngào của người mẹ để đưa trẻ thơ vào giấc ngủ. Bởi vậy, khi người vợ sắp sanh con, người chồng lo chuẩn bị kết vồng sẵn sàng:

“*Anh về chẻ nửa đan sàng
Tước dây kết vồng cho nàng ru con.*”

Tiếng vồng kéo kết, tiếng ru con là nét đặc trưng của sinh hoạt hàng ngày trong làng:

“*Bước chân vào ngõ tre làng
Lòng buồn nặng trĩu nghe nàng ru con
Bước lên thêm đã rêu mòn
Lòng đà nặng trĩu nghe buồn vồng đưa.*”

Cái đặc tính và công dụng của chiếc

vồng đi đôi với việc ru con đã mặc nhiên được xác định:

“*Đố ai ngồi vồng không đưa
Ru con không hát anh chừa rượu tằm.*”

Theo quan niệm xưa thì nhiệm vụ của người đàn bà lo nuôi dưỡng con để lưu truyền nòi giống, một điều rất quan trọng trong Đạo thờ tổ tiên:

“*Trai ơn vua cỡi thuyền rồng
Gái chịu ơn chồng nằm vồng ru con
Ơn vua xem nặng bằng non
Ơn chồng nòi giống tổ tông lưu truyền.*”

Thiên chức của người mẹ rất nặng nề, lòng mẹ thật bao la, lúc nào cũng lo cho con đủ mọi bề:

“*Miếng ru con, mắt nhỏ hai hàng
Nuôi con càng lớn, mẹ càng lo thêm.*”

*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh dài thức đủ cả năm.*”

Bởi vậy, giọng ru con ngọt ngào, êm dịu nhiều khi chuyển sang điệu buồn mênh mông, nhứt là ở những bà mẹ trẻ:

“*Bướm vàng đậu ngọn mù u
Có chồng càng sớm, tiếng ru thêm buồn.*”

Người ta thường nói, có nuôi con mới biết công ơn của cha mẹ:

“*Nuôi trẻ mới biết thương già
Nuôi con mới biết mẹ cha nuôi mình.*”

“*Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẹ hiền.*”

Bởi vậy, con cái lớn khôn phải biết nhớ công ơn của cha mẹ bằng tấm lòng hiếu kính:

“*Công cha nghĩa mẹ cao dày
Cưu mang trứng nước những ngày còn thơ
Nuôi con khó nhọc đến giờ
Trưởng thành con phải biết thờ song thân.*”

Ru con là cốt để cho con trẻ ngủ yên giấc, giọng ru, tiếng hát êm đềm hòa điệu

với tiếng võng đu đưa, lập đi, lập lại nhiều lần không cần xác định. Tùy theo từng miền mà tiếng ru có hơi khác, nhưng nói chung thì tính chất cũng như nhau. Thử lấy giọng ru ở miền Nam:

*“Ấu ơ...ví dẫu tình bậu muốn thôi
Bậu phân cho phải đôi lời bậu ra.”*

*“Ấu ơ...ví dẫu tình bậu muốn thôi
Tình tôi muốn nữa, bậu thôi sao đành.”*

“Ấu ơ...ví dẫu “ do đặc tính đu đưa, đưa đẩy, nó đã trở thành một tính từ khá ngộ nghĩnh, hay hay ở miệt ruộng, miệt vườn như câu nói của cô gái trách cậu con trai: “*Cái anh này, sao cứ ăn nói ầu ơ ví dẫu hoài!*”

Thật ra, chính nhờ tính không xác định này của điệu ru mới có thể đi vào cõi tiềm thức mênh mông của trẻ thơ qua con đường tâm tình, chứ không bằng con đường lý trí. Nếu dòng sữa mẹ nuôi dưỡng cho đứa trẻ nên vóc nên hình, thì lời ru ca dao là dòng sữa tâm tình, tâm linh, tinh thần thấm sâu vào tiềm thức của trẻ thơ từ thế hệ này sang thế hệ kia, từ ngàn xưa cho đến đời sau, đã bao đời xây dựng nền tảng cho dân tộc tính.

Nội dung của tiếng hát ru con đều nằm cả trong kho tàng văn học bình dân. Tùy theo cảm hứng, tâm tình của mỗi người mẹ ở vào từng hoàn cảnh, từng lúc mà nội dung ấy được gói gắm vào tiếng hát, lời ru:

*“Ru con, con ngủ cho say
Để u dệt vải cho dầy nhuộm nâu
Cắt quần cắt áo u khâu
Để thầy con mặc cày bừa mùa chiêm.”*

*“Ru con, con ngủ cho lâu
Để mẹ đi cấy ruộng sâu lâu về
Ru con, con ngủ cho mê
Mẹ còn lo chuyện lê thê kéo cày*

*Ru con, con ngủ cho say
Mẹ còn vát vả chân tay ngoài đồng
Ru con, con ngủ cho nồng
Mẹ còn nhớ mạ trả công cho người.”*

*“Ru con giữa buổi chiều đông
Để mẹ tát nước giữa đồng đêm nay
Cầu giai mẹ đỡ luân tay
Cho lành manh áo cho đầy cơm con
Cho lòng mẹ đỡ héo hon
Cho gương mặt trẻ, đẹp tròn như gương
Quản gì một nắng hai sương
Quản gì gió bụi trên đường con ơi
Ru con mẹ hát mấy lời
Ngủ đi cho mẹ còn rời gối tay.”*

*“Ru con, con ngủ cho lành
Cho mẹ gánh nước rửa bành cho voi
Muốn coi lên núi mà coi
Coi bà Triệu tướng cỡi voi đánh công.”*

*“Ru hời, ru hời là ru
Cha con còn ở chiến khu chưa về
Con ơi, nhớ trọn lời thề
Tự do, Độc lập không nề hy sinh.”*

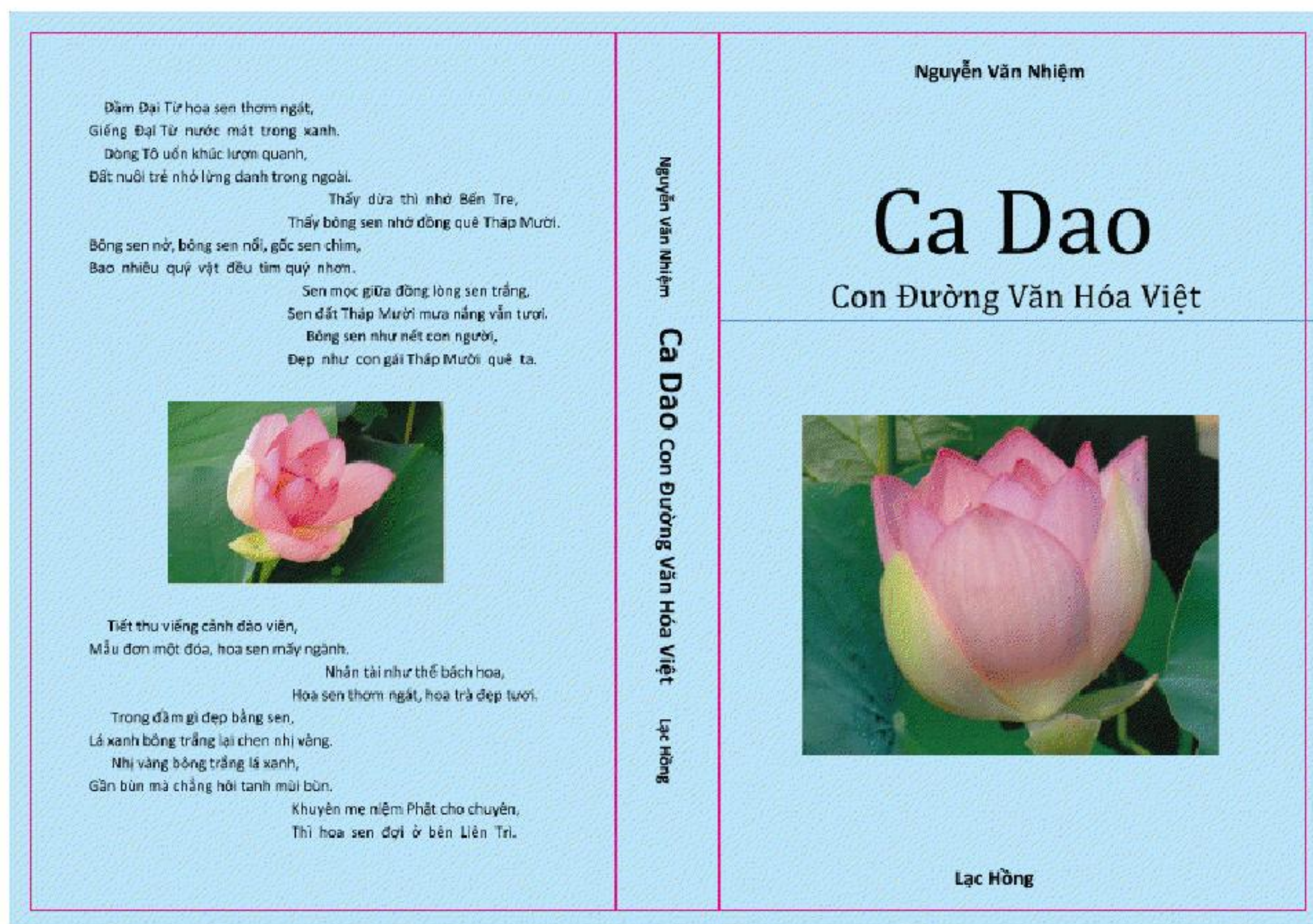
*“Ấu ơ...ví dẫu cầu ván đóng đinh
Cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi
Khó đi mẹ dẫn con đi
Con đi trường học, mẹ đi trường đời.”*

Tác động của lời ru ca dao của mẹ hiền còn âm hưởng sâu đậm trong lòng các con, nhất là ở những người con gái, khi lớn lên theo chồng mà vẫn còn nuôi tiếc:

*“À ơi...bông bần rụng trắng ngoài sông
Lấy chồng xa xứ khó mong ngày về
Xa xưa con ở vựa kê
Bên ba bên má vồ về ca dao.”*

NGUYỄN VĂN NHIỆM

(Germany)



Ca Dao - Con Đường Văn Hóa Việt của Biên Khảo Gia NGUYỄN VĂN NHIỆM

Nội dung sách viết về ý niệm thời gian, lịch Á Đông, lịch sử và sử mệnh, Triết lý Việt... Chương nào cũng có vẻ đặc biệt riêng của nó từ quê hương và con người, đời sống có Đạo lý và nhất là đời sống có văn hóa qua tiếng hát, câu hò, việc trai gái ở nông thôn ngày xưa tán tỉnh, tỏ tình rất thú vị, vui cười, biểu lộ nét văn hóa lưỡng hợp thái hòa, âm dương một cách không ngờ được. Sách dày 560 trang. Tại Âu Châu giá 20 Euro cả cước phí và liên lạc tác giả Nguyễn Văn Nhiệm <nhiem250143googlemail.com>. Trong Hiệp chủng Quốc giá \$US 25 Mỹ kim kể cả cước phí, liên lạc Tạp Chí Cỏ Thơm: (571) 926-8962, email <dsenser@yahoo.com>.

Quý vị thức giả không nên bỏ qua một tác phẩm biên khảo công phu, đặc biệt về văn hóa Quê hương Việt Nam.

Tam Cá Nguyệt San trân trọng giới thiệu

CHIỀU MƯA BONG BÓNG

Thơ : *Phan Khâm*

Nhạc : *Vĩnh Điện*

Khoai thai (*gợi nhớ kỷ niệm*)

Chiều mưa bong bóng, trước hiên nhà xưa, em nhớ mắc
vòng, mắc vào dây dưa. Chiều mưa bong bóng, trước hiên nhà xưa, em nhớ mắc
vòng, mắc vào dây mơ. Chiều mưa bong bóng, trước hiên nhà xưa, em nhớ mắc
vòng, mắc vào tương tư. Chiều mưa bong bóng, yêu thương giao



mùa, chiều mưa bong bóng, tơ vương một trời. Hàng cây ngôn ngữ, thiết tha tình

tự, bên bờ du dương. Chiều mưa bong bóng, bong bóng trời cho, chiều mưa bong

bóng, bong bóng vòng vo, chiều mưa bong bóng, rơi xuống biển rộng, sao đời quanh

co. Chiều mưa bong bóng, đông đầy kỷ niệm,

chiều mưa bong bóng ôm hoài âu lo.

LẬP ĐÔNG

*Lập đông trời đổ cơn mưa
 Ngoài hiên tia nắng mới vừa quay lưng
 Cây sấu đông vẫn đứng đưng
 Một đôi chim sẻ ngáp ngừng ngó nhau
 Sầu đông hay là sầu đầu
 Sầu nào cũng thấy cho màu lá xanh
 Hoa soan đỏ phải không anh?*

Phan Khâm

SÀI GÒN CẢNH CŨ ĐƯỜNG XƯA

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

KHÁNH HỘI

Chúng ta quay trở về Cột cờ Thủ Ngữ, đến thăm Khánh Hội. Ngày nay ta quen gọi tên Khánh Hội để chỉ phần đất phía Nam của Rạch Bến Nghé giáp với Kinh Tế. Xưa kia dưới đời nhà Nguyễn, vùng đất này từng là địa điểm chiến lược, có Đồn Rạch Bàng và bên bờ sông đối diện có Đồn Cá Trê, cùng trấn giữ đường thủy dẫn đến Thành Gia Định.



Bản đồ Khánh Hội

Vào thời điểm Pháp đánh chiếm Sài Gòn, vùng Khánh Hội gồm 3 làng: 1) Khánh Hội, trải dài ven Sông Sài Gòn từ Vàm Bến Nghé đến Rạch Bàng. Làng này có Miếu Thành Hoàng. 2) Tân Vĩnh, lân cận với Khánh Hội và giáp Rạch Bến Nghé. Làng này có Đền thờ Nam Hải Đại Tướng Quân (thờ cá voi). 3) Bình Ý, ở phía Tây của hai làng trên, cũng nằm bên Rạch Bến Nghé nhưng trải rộng đến Rạch Ong Lớn. Tân Vĩnh và Bình Ý đều thuộc về Phường Lá Dừa.

Đến năm 1880, ranh giới hành chính ba làng trên thay đổi hẳn: 1) Khánh Hội nằm ven Rạch Bến Nghé giữa Hãng Nhà Rong và Rạch Cầu Dừa. 2) Tam Hội, nằm ven sông từ Vàm Bến Nghé đến Rạch Bàng và Tân Thuận. Phía Nam giáp Tân Qui Đông và Rạch Ông Đội. 3) Vĩnh Hội, nối tiếp với Khánh Hội, nằm giáp Rạch Bến Nghé, giữa Rạch Cầu Dừa và Rạch Ong Lớn. Phía Nam giáp Tân Qui Đông.

Vào năm 1895, một phần đất thuộc hai làng Khánh Hội và Tam Hội nói trên được sát nhập vào Thành phố Sài Gòn. Đến 1907, diện tích Sài Gòn lan rộng xuống phía Nam đến Rạch Ông Đội (Vùng Chánh Hưng) và Rạch Bàu Đồn (Vùng Tân Thuận Đông).

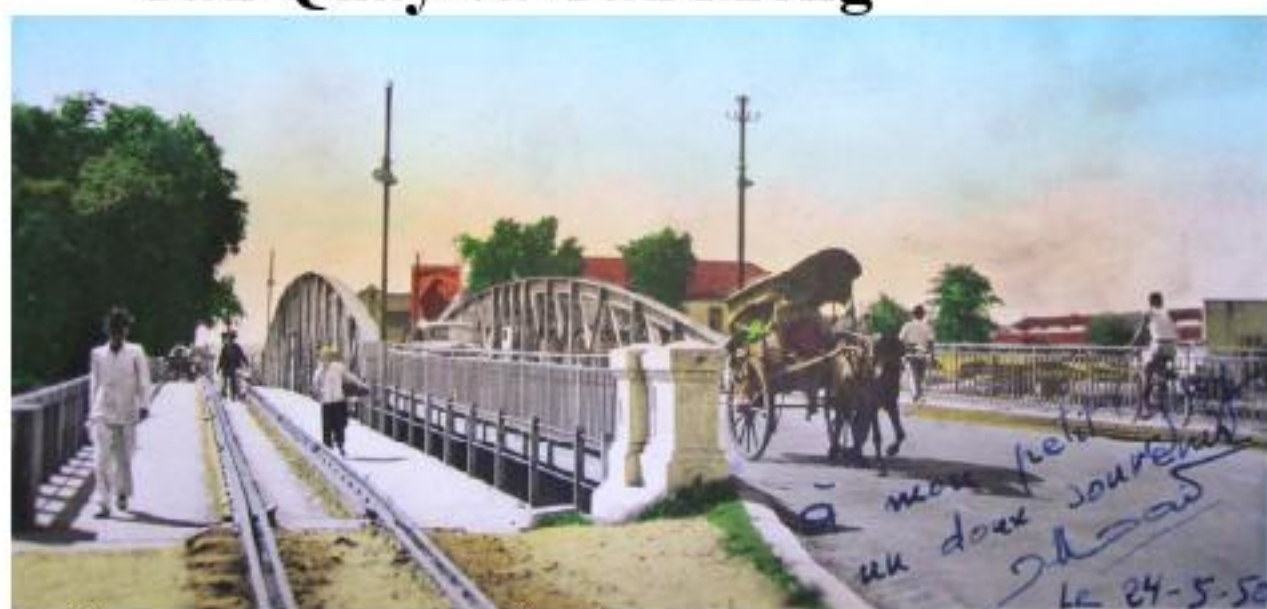
Khánh Hội vốn là vùng đất thấp, xưa kia còn nhiều đầm lầy kinh rạch, chỉ vài nơi cao ráo ta mới thấy cây to bụi rậm. Dân chúng đến đây làm ruộng, lập vườn, bắt cá tôm, làm nghề thủ công (dệt chiếu, đan đệm, làm nóp...). Nhà cửa chỉ là túp lều



Vàm Bến Nghé từ Cầu Mống, lúc chưa xây Cầu Quay (Khoảng 1900).

tranh, nhà gỗ, nhà sàn, lác đác vài ngôi nhà lợp ngói. Dần dần vùng đất đai ẩm thấp ven Sông Sài Gòn và Rạch Bến Nghé nhường chỗ cho thương cảng và đường sá. Tất nhiên bên cạnh đó kho hàng, xưởng máy, nhà lầu theo nhau xuất hiện. Nhà gạch mọc lên từng dãy dọc theo các đường chính. Nhưng phía sau những dãy mặt tiền ấy là các xóm lao động, nhà mái tôn vách ván, ngõ hẻm quanh quẹo, phần lớn là nơi nung nấu của giới thợ thuyền làm việc trong khu bến tàu hay trong các hãng xưởng. Có người mỗi ngày hai lần bỏ ra vài xu trả tiền đò vào thành phố buôn gánh bán bưng, làm thợ phụ... Khánh Hội là một trong những khu dân cư nghèo nhất Sài Thành nằm bên cạnh một thương cảng sầm uất nhất Việt Nam.

Cầu Quay và Cầu Mống



Cầu Quay nhìn về phía Khánh Hội (1950)

Rạch Bến Nghé (tức Bình Dương Giang, Pháp gọi là Arroyo Chinois) từ xa xưa là đường thủy tiện lợi cho thương mại, nhưng gây cản trở không nhỏ cho sự qua lại của người dân sống hai bên bờ rạch. Hơn nữa, mỗi khi tàu biển từ hải ngoại cập Bến Nhà Rồng, vì không bắc cầu nên hành khách phải dùng đò qua bên Cột cờ Thủ Ngũ để vào thành phố. Để giảm bớt sự di chuyển lệ thuộc thuyền đò, năm 1864 chính quyền cho xây chiếc cầu nằm cách Vàm

Bến Nghé khoảng 100 mét, phía đầu Đường Adran (Võ Di Nguy), nối với đường đi về Đồn Nam (nay là Đường Trình Minh Thệ). Đây là loại cầu quay, lúc bình thường vắt ngang rạch cho bộ hành đi lại, khi cần phân giữa cầu quay xuôi chiều dòng nước cho ghe thuyền thông thương giữa Sông



Cầu Mống (khoảng 1930)

Sài Gòn và vùng thị tứ trong Chợ Lớn. Chiếc cầu này xây bằng gỗ, do Hãng Vận tải Hoàng gia (Messageries Impériales) đài thọ, theo điều kiện quy định khi chính quyền Pháp nhượng cho hãng này khu đất để xây trụ sở và bến tàu. Bộ hành và ngựa xe chỉ được qua lại vào một số giờ nhất định. Cầu quay không ích lợi mấy cho các tiểu thương, vì họ vẫn quen dùng đò. Còn thuyền lớn hay ghe biển chịu phiền phức vì giờ giấc dành cho sự qua lại bị hạn chế. Sau khi cầu xây xong, người ta lo lắng cho chiếc cầu gỗ dễ bị mục nát và không đủ sức chịu đựng các đụng chạm có thể xảy ra do sự giao thông quá nhộn nhịp. Lo lắng nhưng không tránh khỏi, cầu được sử dụng chưa bao lâu, tháng 12-1864, một bè gỗ từ phía Cầu Ông Lãnh trôi tới và đập mạnh khiến cầu sập làm gián đoạn giao thông trong nhiều ngày. Nhà thầu khoán Châtain đảm trách việc tháo bỏ cầu hư nhưng vì không nhổ hết các cọc gỗ còn sót dưới lòng rạch

nên nhiều thuyền bị vướng hay bị đâm thủng. Sau đó tình trạng trở lại bình thường như trước, ghe thuyền lưu thông không còn gặp cản trở, bộ hành vẫn dùng đò qua rạch.



Nhà Rông

Đường bộ qua Khánh Hội bị gián đoạn gần 20 năm. Khoảng 1882, người ta xây Cầu Messageries, vòm cầu hình vòng cung nên ta gọi là Cầu Mống. Từ đầu Đường Pellerin (Pasteur) Cầu Mống bắc qua Bến Khánh Hội (Bến Vân Đồn), gầm cầu cao nên ghe thuyền dễ chui qua lại. Vào thời ấy từ Cột cờ Thủ Ngũ có hai cách để sang Bến Nhà Rông. Nếu đi thuyền thì ta chỉ mất vài phút. Nếu thả bộ theo ngã Cầu Mống, ta đi dọc theo Bến Arroyo Chinois (Từ năm 1914 đổi là Bến Belgique, nay là Bến Chương Dương). Cứ theo lê trái bên cạnh kho chứa hàng của Sở Quan Thuế (sau này là "Câu lạc bộ Thể thao trên nước", Club nautique), đi khoảng 300 mét ta leo dốc trên "mang cá" đi lên Cầu Mống rồi sang Khánh Hội.

Năm 1903, người ta xây lại chiếc cầu quay khác bằng sắt ở vị trí chiếc cầu gỗ gần 40 năm trước đã bị sụp gãy vì tai nạn. Cầu sắt này do Hãng Levallois-Perret thực hiện, phần giữa của cầu có thể xoay 90 độ quanh chân trục, chứa lối lưu thông hai bên dành

cho thuyền bè. Tuy chắc chắn hơn chiếc cầu xưa, vẫn gây nhiều bất tiện và nguy hiểm cho ghe bầu chở gạo ra vào Rạch Bến Nghé. Mỗi ngày xe cộ chỉ được qua lại trong 2 đến 4 giờ, thời gian còn lại ưu tiên cho thuyền bè. Từ năm 1908, các ghe lớn chuyên chở gạo không còn bắt buộc phải qua lại nơi Vàm Bến Nghé này nữa vì đã có Kinh Tế đào xuyên qua vùng phía Nam Khánh Hội. Từ đó sự giao thông của xe cộ và bộ hành trên Cầu Quay trở nên bình thường. Đến thập niên 1950 Cầu Quay được sửa lại thành cầu cố định và một cầu phụ xây bên cạnh dành cho đường sắt nối liền Thương Cảng Khánh Hội qua khu Đại lộ Hàm Nghi. Sau năm 1954, cầu mang tên là Bắc Bình Vương, ít lâu sau là Trình Minh Thế.



Bến Nhà Rông nhìn từ Mũi đất bọt tán dốc (Khoảng 1905)

Bến Vân Đồn

Bờ Rạch Bến Nghé phía Khánh Hội được đặt tên là "Quai de Khánh Hội", từ năm 1916 đổi là "Quai de la Marne" (theo tên gọi trận chiến vùng Sông Marne vào năm 1914 giữa liên quân Anh-Pháp và quân đội Đức), nay là Bến Vân Đồn. Cùng lúc với sự phát triển của Thương cảng Nhà Rông, trên Bến Vân Đồn xuất hiện các nhà máy lắp ráp, xay lúa, cưa gỗ, ... Ta có thể



*Bến Vân Đồn và Cầu Calmette
nhìn từ Cầu Ông Lãnh.*

nhắc qua một vài kiến trúc thời trước nằm dọc theo Bến Vân Đồn: Gần đầu Cầu Quay là kho hàng của Hãng Tàu biển Messageries Maritimes. Cạnh đầu Cầu Móng là Nhà máy Cơ khí F.A.C.I. (Forges, Ateliers & Chantiers d'Indochine), sau này là Công ty Đường mía Việt Nam. Gần đó là Nhà máy Nước giải khát có hơi S.E.G.I. (Société des Eaux Gazeuses d'Indochine). Qua khỏi Cầu Chông, ta đi ngang Nhà máy Phân bón Ogliastro. Đến khoảng đầu Cầu Ông Lãnh, ta gặp Nhà máy Thuốc lá Bastos, gần bên Nhà thờ Vĩnh Hội. Sau đó là Đình Lý Nhơn, Bót Cảnh sát Vĩnh Hội, Đình Vĩnh Hội và Hãng Nước mắm Liên Thành. Đi một đoạn khỏi Cầu Dừa và Ngã ba Đường De Lanessan (Đường Nguyễn Khoái) ngay góc có bót Cảnh sát Nguyễn Văn Bạc, ta đến Nhà máy Diêm S.I.F.A (Société Industrielle et Forestière des Allumettes) nơi sản xuất hộp diêm quẹt nhãn hiệu "Con chim xanh" quen thuộc một thuở. Tận cùng của Bến Vân Đồn là Cầu Ông Lớn nối qua Cù lao Nguyễn Kiệu.

Bến Nhà Rong

Thương cảng được thành lập vào năm 1860 theo nghị định của Đề đốc Page, trong

lúc chiến sự đang còn tiếp diễn trong vùng Sài Gòn. Thời ấy bến cảng dọc bờ sông chưa thật sự thành hình, chỉ có vài cầu tàu xây tạm không đủ chỗ cho tất cả tàu buôn, việc bốc dỡ hàng hóa có khi nhờ vào các ghe bầu giúp đưa hàng lên xuống. Năm 1862, Công ty Hàng hải "Vận tải Hoàng gia" (Messageries Impériales) khai trương tại Sài Gòn. Trên phù hiệu của công ty này có hình đầu ngựa một sừng nên dân chúng thường gọi là "Hãng Đầu Ngựa". Năm 1863 chính quyền Pháp ký thỏa thuận cho Hãng Đầu Ngựa được độc quyền khai thác, sử dụng khu đất ven sông, rộng từ Vàm Bến Nghé đến Đường Hoàng Diệu ngày nay, để xây bến và cầu tàu cần thiết cho việc bốc dỡ hàng hóa và vận chuyển hành khách. Đổi lại công ty này đài thọ chi phí kiến tạo các công trình như : cầu quay bắc qua Rạch Bến Nghé, đường sá và đất đai công cộng trong khu vực giữa cầu quay và bến cảng. Trụ sở của công ty đặt tại tòa nhà tráng lệ nằm trên doi đất cạnh Vàm Bến Nghé. Đây là một trong những kiến trúc dân sự đầu tiên tại Đông Dương, theo phong cách nửa Âu nửa Á. Hai tầng dưới xây theo kiểu thuộc địa, không trang trí rườm rà, có vòng hành lang bao quanh bốn mặt. Phần mái nhà theo kiểu đình chùa, tô điểm bằng nhiều tượng rồng, trên nóc có hai con rồng chầu phù hiệu của công ty, vì vậy người dân gọi là Nhà Rong, sau này cả khu Thương Cảng Khánh Hội cũng được gọi là Bến Nhà Rong.

Ta có thể bảo khu Khánh Hội mở mang bắt đầu từ Bến Nhà Rong trở đi. Theo chân Hãng Đầu Ngựa nhiều kỹ nghệ gia, thương gia cũng đến lập nghiệp trên đất Khánh Hội, đây là các nhà buôn, xuất nhập cảng, các nhà máy cưa gỗ, kéo sợi, xay lúa,... Năm 1871, sau cuộc thay đổi chính thể tại Pháp, công ty hàng hải nói trên đổi tên là



Không ảnh Bến Nhà Rồng (Khoảng 1925)

"Hãng Vận tải Đường biển" (Messageries Maritimes). Suốt nhiều thập niên, Hãng Messageries Maritimes giương lá cờ hiệu nền trắng, 4 góc đỏ, chữ MM ở trung tâm, vượt đường dài qua các đại dương tới Bến Nhà Rồng. Thương Cảng Sài Gòn trở thành đầu mối giao thông đến Trung Hoa, Nhật Bản. Vào đầu thế kỷ XX, cứ mỗi tháng, trên hải trình Marseille - Yokohama có bốn chuyến tàu ghé Sài Gòn (hai chuyến đi, hai chuyến về). Những tàu chở khách và thư tín gọi là *courrier* hay *paquebot-poste*, thường dài khoảng 150 mét, mỗi ngày đi được 350 đến 400 hải lý (khoảng 650 đến 750 km) và hoàn tất chuyến hành trình Marseille - Sài Gòn trong khoảng 27 ngày. Hãng Messageries Maritimes cũng đảm trách những hải trình phụ từ Sài Gòn đi Nha Trang, Quy Nhơn, Đà Nẵng, Thuận An, Hải Phòng.

Bến Tam Hội

Nền mậu dịch tại Sài Gòn ngày càng gia tăng nên Thương Cảng cần được mở rộng để có thể tiếp nhận tất cả tàu bè quốc tế. Năm 1900, Bến Tam Hội bắt đầu được xây dựng dọc theo bờ sông phía Nam của Hãng Dầu Ngựa, nhưng công việc tiến triển quá chậm vì vùng này còn nhiều bùn lầy và lạch nước. Mãi đến 1912 Bến Tam Hội mới

bắt đầu tiếp đón tàu bè đến trao đổi mua bán. Phần cuối của bến cảng giáp với Kinh Tế được hoàn thành vào khoảng 1920.

Một công ty hàng hải khác cũng quan trọng không kém Hãng Dầu Ngựa là Chargeurs Réunis. Công ty này đến Sài Gòn lần đầu vào năm 1901, chỉ chuyên chở hàng hóa, đến 1904 mới đảm nhận việc chuyên chở hỗn hợp, vừa chở hàng vừa chở khách. Phù hiệu của công ty này có hình con cá heo, nhưng dân chúng vẫn gọi là "Hãng Năm Sao" vì trên cờ hiệu và quanh ống khói vẽ hình các ngôi sao tượng trưng cho năm châu. Trước kia tàu thủy của công ty này chỉ đậu tại cầu tàu Charner hay Canton. Từ khi mở Bến Tam Hội vào năm 1912, Hãng Năm Sao được dành riêng một khu vực dùng bốc dỡ hàng hóa và đưa đón hành khách. Năm 1920 Bến Tam Hội đổi tên là Bến Yser (kỷ niệm trận đánh diễn ra trên đất Bỉ vào năm 1914, liên quân Pháp - Bỉ chặn đứng quân Đức định vượt Sông Yser). Vì nhu cầu xây dựng bến cảng nên nhà cửa dân chúng dọc bờ sông đều bị giải tỏa. Nhiều đường ngắn và thẳng góc với bờ sông nối liền bến cảng với Đường Jean Eudel (Trịnh Minh Thế). Từ năm 1955 đến nay, Bến Yser mang tên là Thương Khẩu.

Ngày tàu thư đến Sài Gòn vào đầu thế kỷ XX

Vào những ngày tàu thư đến Sài Gòn, khu Thương Cảng bỗng nhộn nhịp hẳn lên. Tàu thư vừa chở thư tín, bưu phẩm, hàng hóa, vừa chở hành khách kể cả binh sĩ. Thông thường, mỗi khi được điện tín thông báo có tàu thư đã vào hải phận, người ta phái một chiếc tàu nhỏ đến Vũng Tàu đón trước để nhận những kiện thư tín mang ngay về Sài Gòn, vì không thể đợi chiếc tàu to lớn công kênh ấy di chuyển quá chậm

chạp trong khu Rừng Sác. Nhờ thế các thương gia lợi được vài giờ quý báu, giải quyết sớm công việc buôn bán. Từ xa đã thấy khói tàu cuộn cuộn mỗi lúc một gần, Nha Thương Cảng báo cho mọi người bằng quả cầu đèn treo cao trên cột cờ tín hiệu, kèm theo phát súng đại bác bắn đi từ một chiến hạm đậu trong quân cảng. Nhưng còn phải kiên nhẫn hàng giờ, tàu không thể chạy nhanh vì sông có quá nhiều khúc quanh. Một phát đại bác thứ hai báo tin tàu đã dừng thả neo tại Bến Nhà Rồng. Các thương gia xuất nhập cảng rất bận rộn, họ chỉ có một ngày để đóng các kiện hàng, bàn bạc, quyết định, lập các thủ tục cho kịp giờ tàu khởi hành vào ngày hôm sau. Tàu ở lại Sài Gòn trong 24 giờ. Nếu là tàu từ Pháp sang, tàu sẽ tiếp tục đi Hong Kong. Nếu theo chiều ngược lại, tàu đến từ Trung Hoa và Nhật Bản cũng chỉ ghé lại trong 24 giờ, nhận bưu phẩm, hàng hóa, đón hành khách xong lại nhổ neo đi Âu Châu. Sau khi tàu thư rời bến, Sài Gòn như trở lại những ngày yên tĩnh. Ngoài ra, mỗi năm vào thời kỳ xuất cảng gạo kéo dài hai hay ba tháng, Thương Cảng cũng náo nhiệt không kém. Lúc đó nếu du khách từ Châu Âu đến Sài Gòn lần đầu họ tưởng rằng mình đang đến một thương cảng bề bộn nhất Viễn Đông. Thường thường qua hết tháng bảy tàu buôn hiếm dần, mọi hoạt động trong Thương Cảng cũng giảm sút, có khi chỉ còn năm, sáu tàu thả neo, quá ít nếu so sánh với những hải cảng thuộc Anh Quốc như Colombo hay Singapore.

Hình ảnh Thương Cảng Nhà Rồng - Khánh Hội vào đầu thế kỷ XX

Dọc theo bến cảng, các tàu thủy Âu Tây đậu xen lẫn với ghe thuyền người Việt,

người Cam Bốt. Các ghe bầu Khách Trú trang trí lòe loẹt, tô điểm hình rồng quái dị, đầy màu sắc ngoạn mục. Xưa kia có năm Nam Kỳ được mùa trong khi nơi khác mùa màng bất lợi, nhiều tàu ngoại quốc đến Sài Gòn để bốc gạo. Có lúc gần 50 tàu đủ loại, cột buồm chỉ chít như rừng cây, chờ các thuyền nhỏ tải gạo từ các nhà máy xay lúa trong Chợ Lớn theo ngã Rạch Tàu Hủ, Rạch Bến Nghé và cả Kinh Tế sau này. Cũng có năm tàu nối đuôi nhau thành nhiều hàng vì thiếu chỗ đậu trên sông, một số tàu phải thả neo ở xa đến một hải lý rưỡi trên thượng lưu của Quân Cảng.



Bến Nhà Rồng (Khoảng 1910)

Sau một tháng lênh đênh qua nhiều hải cảng, chiếc tàu của Hãng Đầu Ngựa thả neo tại Bến Nhà Rồng. Trên bờ có khoảng vài mươi người Âu ăn mặc thanh lịch, đa số vận y phục trắng, đến đón thân nhân, bạn bè hoặc đến dò thăm tin tức từ chính quốc. Vài người giơ tay làm hiệu vẫy gọi người quen, vài quân nhân nghiêm chỉnh đứng chào thượng cấp. Khách vừa đặt chân lên bờ gặp ngay cảnh náo nhiệt. Các phu khuân vác tranh nhau khiêng hành lý, thợ đánh xe kêu gọi mời mọc, nhân viên khách sạn trình danh thiệp giới thiệu một căn phòng rộng rãi tiện nghi, mấy anh Khách Trú đề nghị may bộ y phục hoặc đóng đôi giày với giá rẻ mạt. Xe kéo, xe song mã chờ

đưa khách vào thành phố qua ngã Cầu Mống hay Cầu Quay. Khách cũng có thể xuống thuyền nhỏ đậu tại bên cạnh trụ sở Nhà Rồng. Sang bên kia bờ, khách đổ bộ nơi đầu Đường Charner, cách này tiết kiệm thời giờ vì chỉ mất có mấy phút là tới ngay ngưỡng cửa thành phố.



Đường Messageries Maritimes (Đường Đoàn Nhữ Hài) nhìn về hướng công vào Bến Nhà Rồng (Khoảng 1925).

Dù khách nếu thích ngồi xe cho phu hay cho ngựa kéo để qua một trong hai cây cầu dẫn vào thành phố, sẽ bắt gặp hình ảnh không mấy đẹp của Khánh Hội, vì vào đầu thế kỷ XX vùng này vẫn còn là một "ngoại ô xa xôi" tuy đã thuộc nội thành Sài Gòn từ mười năm trước rồi. Bước ra khỏi cổng chính của Hãng Đầu Ngựa, du khách thấy ngay khu phố nghèo nàn chen chúc chòi tranh vách lá. Nước bắn ao tù đọng lại xông lên mùi hôi hám. Đường Messageries Maritimes (Đoàn Nhữ Hài và Nguyễn Trường Tộ) chưa tráng nhựa, cát bụi bốc tung lúc nắng hạn, bùn lầy ngập lún sau mỗi cơn mưa. Chỉ cách nhau dòng Rạch Bến Nghé, Bến Arroyo Chinois phía bờ bên kia là một thế giới khác, nơi ấy có dãy mặt tiền khang trang gồm những ngân hàng, các nhà xuất nhập cảng, công ty vận tải, văn

phòng đại diện hãng buôn...

Không như trong nội thành người ta dựa theo các đường xưa đã vạch sẵn chung quanh Thành cổ Gia Định để xây thêm đường mới cho Hòn Ngọc Viễn Đông, tại Khánh Hội đường phố phát triển dựa theo Rạch Bến Nghé, Hãng Nhà Rồng và Bến Tam Hội. Vào đầu thế kỷ XX, không kể Đường Đồn Nam và một vài đường nhỏ thẳng góc với bờ sông, tại Khánh Hội đã có Đường Heurtaux (Nguyễn Trường Tộ), Fonck (Đoàn Nhữ Hài), Càn Giuộc (Tôn Dân)... Phần lớn các đường khác là đường làng được chấn chỉnh vào thập niên 1920 như: Vincencini (Lê Quốc Hưng), Charles de Cappe (Hoàng Diệu), Victor Olivier (Lê Văn Linh)... Nói chung đường phố được xây dựng cho tiện giao thông quanh Thương Cảng mà không chú trọng lắm đến các lợi ích của dân cư, không có công viên cho người dân đến giải trí, hầu như không đường nào được trồng cây cho bóng mát. Trong khung cảnh một thương cảng mới bành trướng trên mảnh đất nghèo, nhà cửa mọc lên mang bộ dạng tầm thường, những kiến trúc tạp nham kém thẩm mỹ. Nào những tiệm đóng giày, tiệm may, nhà buôn tạp hóa, quán nước,... cạnh những công ty xuất nhập cảng, vận tải, ký thác, khai quan thuế...

Đường Trình Minh Thế.

Từ Cầu Quay ta đi dọc theo Đường Trình Minh Thế, thử tìm lại vài dấu vết xưa ven con đường huyết mạch nối liền Sài Gòn với Tân Thuận, Nhà Bè.

Bản đồ của Trần Văn Học vẽ năm 1815 cho ta thấy một con đường thẳng nối từ bờ Rạch Bến Nghé đến Đồn Rạch Bàng, càng về hướng Nam đường này càng đi kề sát bờ sông. Có lẽ đây là đường đất thô sơ, lầy lội

vì đi xuyên qua vùng đất thấp. Đến năm 1884, theo đề nghị của Hội đồng Thành phố, một đường khác được vạch lại nằm cách bờ sông trung bình 200 mét. Đường



Đường Jean Eudel (Trình Minh thế) nhìn về hướng trung tâm Sài Gòn (Khoảng 1925)

này đi tới Đồn Rạch Bàng ở hướng Nam nên được đặt tên là "Đường Đồn Nam" (Route du Fort du Sud). Năm 1920, đường đổi tên là Jean Eudel. Đến thời độc lập mang tên Nguyễn Cư Trinh, nhưng chỉ vài tháng lại sửa tên là Trình Minh Thế, để tri ân vị tướng đã tử trận tại Cầu Tân Thuận khi giao tranh với lực lượng Bình Xuyên vào ngày 3 tháng 5-1955.

Đứng nơi đầu đường gần Cầu Trình Minh Thế nhìn về bên trái ta thấy tòa Nhà Rông nằm trong khu vườn cảnh trang trí bằng bồn hoa, cây xanh, các lối đi rộng rãi. Không xa lắm về phía bên phải ta thấy Bót Thương Khẩu hay Ty Cảnh sát Không Hải cảng dưới thời Việt Nam Cộng Hòa. Thời Pháp thuộc là Bót Cảnh sát An ninh Thương Cảng.

Đến Ngã ba Đoàn Nhữ Hài, ta dừng

chân trước cổng chính của Hãng Đầu Ngựa lúc xưa. Từ cổng này có đường thẳng ra bến cảng đi giữa các dãy nhà rộng, bên trái là các phòng hành chánh và quan thuế, bên phải là dãy kho hàng nằm song song nhau đến Đường Hoàng Diệu. Từ cổng nhìn qua Đường Đoàn Nhữ Hài, phía bên phải là Bộ Chỉ huy Cảnh sát Quốc gia Quận Tư, trước kia là Cảnh sát cuộc Quận Sáu. Phía bên trái là Tòa Hành chánh Quận Tư trước kia là Tòa Thị sảnh Quận Sáu, gần bên Khách sạn Rond-Point cũ. Trước năm 1920, Đường Đoàn Nhữ Hài (Fonck) cùng với Đường Nguyễn Trường Tộ (Heurtaux) đến đầu Cầu Móng được gọi chung là Đường Messageries Maritimes, là nẻo đường du khách đi tàu thủy thường dùng để ra vào Thương Cảng lúc Cầu Quay chưa mở.

Từ Đường Đoàn Nhữ Hài chúng ta tiếp tục đi về phía Ngã tư Hoàng Diệu. Dãy phố đối diện với Thương Cảng, suốt mấy mươi năm là nơi nhộn nhịp, đầy màu sắc, tập

trung các khách sạn, quán bar, tiệm nước, nhà hàng, phòng khiêu vũ, tiệm may y phục... Từ chiều hôm đến đêm khuya khách vãng lai tập nập làm cho khu phố thêm sinh động. Phần lớn họ là những quân nhân, thủy thủ thuộc nhiều quốc tịch. Ta có thể kể tên một vài nhà hàng hay vũ trường nổi tiếng: La Joliette (Thập niên 1920), Rond-Point (Thập niên 1930), Chez Joseph, Au Vieux Cambodge (thập niên 1950), Guillaume Tell (Thập

niên 1960, 1970) v.v.

Đường sắt từ Cầu Trình Minh Thế khi



Nhà Thờ Xóm Chiếu

đến gần Ngã tư Hoàng Diệu thì lượn theo đường cong hình chữ S chạy vào Thương Cảng. Bên kia góc ngã tư ta còn thấy một tháp nước cao, xây vào đầu thập niên 1970. Vào khoảng 1925, gần đây có kho hàng của Hãng Xe hơi Citroën, xây trên nền cũ của Nhà máy Xay lúa Kien-Fat-Seng thuộc Công ty Denis Frères, hoạt động vào những năm 1890-1905.



Cầu Trình Minh Thê nhìn từ Nhà Rông

Đường Hoàng Diệu kéo dài đến Rạch Cầu Chông, đoạn từ Trình Minh Thê đến Lê Quốc Hưng rộng như đại lộ, đi ngang Y viện Khánh Hội còn gọi là Bệnh viện Xóm Chiếu. Tiến thêm vài mươi bước ta đến Ngã ba Lê Văn Linh. Đường Lê Văn Linh to rộng gần bằng Đường Hoàng Diệu, chạy tới Chợ Xóm Chiếu, nay gọi là Chợ Khánh Hội. Các đường phố vây quanh nhà lồng chợ và Bệnh viện Xóm Chiếu thành hình vào những năm 1928-1930.

Qua khỏi Ngã ba Lê Văn Linh chừng 50 mét, rẽ vào đường hẻm phía bên trái ta đến Đình Khánh Hòa, xây năm 1937. Đây là ngôi đình "mới" của Khánh Hội, ngôi đình cũ nằm bên Rạch Bến Nghé đã bị phá hủy vào lúc Pháp đánh Thành Gia Định. Đến Ngã ba Tôn Đản, Đường Trình Minh Thê bẻ

ngoặt sang bên trái, đi thẳng về phía Cầu Tân Thuận. Đường Tôn Đản chạy xuyên qua các khu xóm lao động đông dân cư, nối dài đến Bến đò Long Kiểng trên Kinh Tế. Đường này thành hình từ đầu thế kỷ XX, xưa là Đường Cần Giuộc rồi đổi thành Matelot Manuel trước khi thành Tôn Đản từ năm 1955. Phía bên trái của Đường Trình Minh Thê, đoạn từ Ngã ba Tôn Đản và Cầu Tân Thuận, là khu vực các kho hàng, có năm con đường chính cắt ngang chạy từ Trình Minh Thê ra Bến Thương Khẩu, đó là các đường: Ngô Văn Sở, Nguyễn Tử Nha, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Hiền, Trương Đình Hội. Ngoài ra Đường Trần Văn Dư (thành lập khoảng năm 1930, đặt tên là Antoine Rolland) là đường trục trong Thương Cảng có đường sắt nối dài từ phía Hoàng Diệu đến cuối Kho 11. Vì các đường này đều nằm trong Thương Cảng nên người dân không được sử dụng.

Rời Ngã ba Tôn Đản ta tiếp tục rảo bước, phía bên trái ta nhận ra Công ty Đường và Nhà máy lọc Đường, tiếp giáp với Đường Ngô Văn Sở (Tên cũ là Immigrations, sau đổi là Jean Cailar). Đi khoảng vài phút nữa ta đến Ngã ba Đường Xóm Chiếu, nhìn về phía bên phải thấy Trường Trung học Công lập Nguyễn Trãi. Gần đây, bên trong khu vực Thương Cảng có Đường Nguyễn Tử Nha, trước kia mang tên là Église de Xóm Chiếu, từ 1920 đổi thành Đường La Fayette. Ngày nay những kho hàng và bãi đất nằm bên phải đường này đã xóa mất dấu vết của Nhà thờ Xóm Chiếu cũ. Lịch sử ngôi nhà thờ này bắt đầu từ những ngày Pháp đánh chiếm Sài Gòn. Năm 1859 Đức Giám mục Lefèbvre quy tụ giáo dân lánh nạn đến Khánh Hội thành lập "Làng Đức Cha" bên bờ sông, xây tạm một

ngôi nhà thờ bằng gỗ trên một miếu thành hoàng bỏ trống, đặt tên là "Nhà thờ Thánh giá". Đến 1866, Cha xứ Thiriet, nhân danh bản đạo xin cấp đất xây Nhà thờ Xóm Chiếu tường gạch lợp ngói tại vị trí Đường Nguyễn Tử Nha nói trên. Khoảng 1925, chính quyền trưng dụng đất đai để xây các kho và bãi chứa hàng trong Thương Cảng, xứ đạo phải dời về mảnh đất gần Bến Tôn Thất Thuyết, xây ngôi nhà thờ mới khang trang hơn, chính là Nhà thờ Xóm Chiếu hiện nay. Di tích liên quan đến Họ đạo Xóm Chiếu cũ là nghĩa địa nằm bên kia Đường Trình Minh Thế, gần Ngã ba Đường Nguyễn Xuân Ôn. Tên cũ của đường này là Cimetière de Xóm Chiếu, sau đổi là Mousquet. Vào những năm 1950 nghĩa địa này không còn được chăm sóc tươm tất nên có vẻ hoang tàn, những thập giá lung lay, xiêu đổ, cỏ dại tràn lấn, nước và bùn ngập sâu nên ít ai đến viếng mộ.

Đoạn cuối Đường Trình Minh Thế, chỗ đầu Cầu Tân Thuận, về phía bên phải có giao lộ chia thành nhiều ngã: Đường Nguyễn Thần Hiến đi ngang qua Trường Tiểu học Khánh Hội. Một đường nhỏ nối dài qua khu Xóm Chiếu tới Đường Đỗ Thanh Nhơn. Một đường khác rẽ tay mặt, song song với Cầu Tân Thuận, chạy ra Bến Tôn Thất Thuyết.

Kinh Tế

Bến Tôn Thất Thuyết dài gần 3 cây số, chạy dọc theo bờ Kinh Tế. Trên bến có vài địa điểm đáng kể như các Công ty: Chế tạo Đũa hàn, Sợi dây, Kỹ nghệ Bông vải, Thủy tinh... Ngoài ra còn có Trường Tiểu học Tôn Thất Thuyết, Kho của Tổng nha Thương Cảng, Sở Cứu hỏa, Kho Muối, Bảo sanh viện Khánh Hội, Bến Xà lan,... Kinh Tế được đào

từ 1906 đến 1908, dài hơn 4 cây số, nhằm chia sẻ lưu lượng giao thông với Rạch Bến Nghé từ Chợ Lớn đi ra Thương Cảng Khánh Hội. Kinh Tế bắt đầu từ một khúc uốn của Rạch Bến Nghé chảy giữa hai làng Bình Yên và Tứ Xuân (gần Cầu Chữ Y hiện nay). Chỗ Kinh Tế cắt ngang Rạch Ong Lớn có một doi đất bị cô lập, ngày nay ta gọi là Cù lao Nguyễn Kiệu. Gần đến Sông Sài Gòn dòng kinh chuyển hướng, chảy theo đường thẳng góc với bờ sông tại Cửa Rạch Bàng, cạnh Đồn Nam thuở xưa. Từ khi đào Kinh Tế tuy ghe thuyền đi đường vòng xa hơn nhưng bù lại được lèo lái dễ dàng nhờ kinh rộng và tương đối thẳng hơn Rạch Bến Nghé. Lúc chưa xây Cầu Tân Thuận, bộ hành qua lại hai bờ Kinh Tế bằng chiếc đò máy. Cầu Tân Thuận hay Cầu Lăng Tô xây vào khoảng



Cầu Tân thuận nhìn từ Bến Tôn thất Thuyết (Khoảng 1950)

1926, gầm cầu cao, hai đầu cầu là dốc dài thoải thoải. Bên kia đầu cầu có đường queo sang trái đến Chợ Tân Thuận Đông gần đây và một đường vòng dưới gầm cầu nối với Đường Trần Xuân Soạn đến Cầu Hàn, chiếc cầu ngắn bắc qua một nhánh cũ của Rạch Bàng, nay gọi là Rạch Bàu Đồn.

Đồn Nam và Đồn Bắc

Khi chưa đào Kinh Tế, Đường Jean Eudel kết thúc tại Ngã ba Đường Louis

Gage (Trương Đình Hội). Nơi đây có chiếc cầu sắt bắc qua Rạch Bàng, nối với đường đi Tân Thuận Đông. Vùng này trước kia gọi là Láng Thợ, ta đọc theo người Pháp là "Lăng Tô", nơi đây có bờ sông rộng, cảnh đồng quê gió mát nên nhiều người thích đến dạo chơi. Bến Lăng Tô là doi đất vuông góc khá trổng trải, rải rác vài căn nhà thuộc Thương Cảng, khu này ban ngày trời nóng nên thường vắng vẻ. Chỉ từ chiều hôm người Sài Gòn tập nập đến giải khuây, hóng gió. Có quán cà phê cho khách dừng chân thả hồn mơ mộng. Người Pháp gọi nơi đây là "Mũi đất của khách nhàn du" (Pointe des flâneurs). Cách mũi đất chừng trăm mét còn một cây đa cổ thụ đứng áp ủ ngôi miếu nhỏ, vị trí nền cũ của Đồn Rạch Bàng.

Đồn Rạch Bàng (tức Đồn Thảo Câu hay Hữu Bình) và Đồn Cá Trê (tức Đồn Giác Ngư hay Tả Bình) đặt tại vị trí Nam và Bắc Sông Tân Bình (Sông Sài Gòn) trấn giữ đường vào Bến Nghé. Riêng Đồn Rạch Bàng chiếm vị trí lợi thế hơn vì nằm ở phần lõm của bờ sông, có tầm quan sát xa rộng hơn Đồn Cá Trê. Cả hai đồn này đều được nhắc tới vào năm 1783 trong thời chiến tranh giữa Quân đội Chúa Nguyễn Ánh và Tây Sơn. Sau khi Chúa Nguyễn Ánh tái chiếm Sài Gòn, hai đồn được tu bổ lại vào năm 1789, một năm trước khi cho đắp Thành Bát Quái (Thành Quy). Vào thời kỳ khởi nghĩa của Lê Văn Khôi năm 1833, một sợi dây sắt giăng ngang dòng sông, nối giữa hai đồn, nhằm chặn chiến thuyền của triều đình.

Ngày 16-2-1859 hạm đội Pháp bắn phá Đồn Rạch Bàng và Đồn Cá Trê mà Pháp gọi là Đồn Nam và Đồn Bắc. Hôm sau Thành Phụng thất thủ. Pháp không đủ quân số để giữ Thành Phụng lại sợ Quân đội triều đình tái chiếm, khoảng 20 ngày sau họ cho đặt cốt mìn phá

hủy, xong một số quân kéo về đóng tại Đồn Nam đã sửa chữa lại. Cuối năm 1859, Đề đốc Page lập "Phòng tuyến các chùa" hầu đề phòng sự phản công của lực lượng triều đình. Do đó Đồn Nam không còn là công sự phòng thủ mà trở thành căn cứ yểm trợ giao thông trên Sông Sài Gòn và trong nhiều năm sau còn dùng làm trại quân lao. Theo sơ đồ năm 1891, toàn khu quân sự này gần như có dạng chữ nhật, các cạnh đo được 208 và 115 mét. Mặt phía Bắc của đồn giáp bờ sông, ba mặt còn lại được các nhánh của Rạch Bàng và đầm lầy che chở. Trong nhiều năm tiếp theo đó Đồn Nam là giang cảng của Sở Quan thuế, nơi dàn khẩu pháo bắn chào mừng mỗi lần có tàu bè quan trọng vào Sông Sài Gòn. Khoảng 1920, Thương Cảng Khánh Hội mở rộng đến Kinh Tế, Đồn Nam bị san bằng không để lại một dấu vết nào.

Đồn Bắc tức Đồn Cá Trê trấn ngự trên bờ sông đối diện, xuất hiện đồng thời với Đồn Nam để làm thế yểm trợ nhau, xưa chung quanh trồng nhiều cây mù u. Đồn này cũng dựa vào rạch và đầm lầy để phòng vệ. Kích thước của đồn ghi lại vào năm 1891 là 250 và 246 mét. Khi đặt ống thoát nước mưa dưới các tường đất người ta khám phá ra nền móng của Đồn Cá Trê được cấu tạo bằng những thân gỗ to đặt nằm trên lớp sinh lầy rồi lấp đất lên. Về sau người Pháp biến Đồn Bắc thành kho dầu lửa của Sở Quan thuế. Dưới thời Việt Nam Cộng Hòa, nơi đây là Trung tâm Huấn luyện Giang phòng Bảo an, thuộc Ấp An Lợi Đông, Phường Thủ Thiêm.

(Còn tiếp)

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

(Paris)

K H O I M O N G

*Khơi thâm mộng ước mai sau,
Niềm vui hiện diện, nỗi đau ẩn mình.
Em ngân khúc hát cung đình,
Ta ngây ngất một giấc tình quân vương.
Xiêm y thắp thoáng nghệ thường,
Đàn khơi sóng mắt, hoa nhường mặt hoa.
Sen hồng ngỏ, dáng kiều sa,
Trầm hương tỏa biếc la đà khói bay.
Tình trần ta đổ cơn say,
Sầu vương giả đó còn lay giấc đời.
Ta về từ giã đêm vui,
Nghìn năm ôm giấc ngủ vùi dung thân.*

Hoàng Song Liêm

*

T U Y E T M U O N

*Vào đông, hiu hắt mấy hàng cây
Lá rụng, còn trơ những nhánh gầy
Cuối bãi thuyền không hờn nắng tắt
Lưng trời nhận lẽ mỗi đường bay
Ô hay đợi tuyết về hơi muộn
Đành chỉ nhìn mưa nhớ thật đầy
Chợt thấy bốn bề hoang vắng quá
Cho buồn vây kín cả chiều nay*

Nguyễn Kinh Bắc

Mùa Đông 2012

BẾN SÔNG TRẮNG

*Anh ở bên này tâm tã mấy mùa đông...
Sao em mãi đắm chìm bên nớ!
Nếu đại dương mãi dạt dào và hoa vẫn nở.
Thì những áng mây hồng
và gió vẫn chở nỗi lòng anh
Về bên em!-Về với dòng sông,
bến đò vang tiếng gọi.
Đánh thức trăng ngàn –
Đánh tan sương sớm, chiều đông.
Lay gọi giấc ngủ em nồng.
Lay gọi cánh chim chao nghiêng
chiều cổ tích.
Một thoáng đò đưa, câu hò trên sông
dưới trăng mờ tĩnh mịch.
Nao lòng ai?-Lữ khách lạc lối về.
Em vẫn chìm trong mê...
Sóng mãi xô bờ, lẫn tăn sâu cô quạnh.
Như sóng trong lòng người lữ thứ.
Về lại chốn xưa...
Vời hành trang người khách lữ?
-Bến sông trắng vắng bóng một con đò...
Bạt ngàn lau xao xác góc trời mơ.*

Thiên Đức

(Chicago)

Thôi Đàn Thế Thôi

© 1987 Huy Lãm

Nhạc & Lời:

Huy Lãm

Slow Waltz ♩ = 60



Trời chiều sang thu nhìn lá thu rơi. Thu nay còn đâu bóng nhận — giang
(Trời chiều sang) đông nhạt lá thu khô. Thu nay còn đâu bóng hình — xa



đâu. Đường rừng cheo leo, thác gầm cuối đèo. Ai về nhắn
mờ. Trả lại cho nhau ước nguyện ban đầu. Ai còn nhớ



với cô em vài câu. Rằng tình đôi ta tựa bóng chim
tiếc, ai mong chờ ai! Trả lại cho nhau một thoáng đam



bay, như mây trời cao gió tạt — nơi nao. Rằng tình đôi
mê, hương xưa còn đâu, kỷ niệm — phai mau. Đàn lòng xa



ta như lá thu rơi, theo giòng nước cuốn, theo thời gian
nhau xin chớ trách nhau, xin đừng nuôi tiếc, xin đừng mong



trôi. _____
chi. _____

Trả lại cho nhau yêu thương ngọt
Trả lại cho nhau yêu thương nồng



ngào. Gửi trả hương thơm cánh hoa còn tươi ướp thư màu
nàn. Gửi trả hương thơm đến loài cỏ hoang, sắc mây trời



trời, ngát thơm tình nồng của _____ thời xa xưa, thời xa xưa
chiều, tiếng tiêu dặt dịu. Trả _____ lại cho nhau mùa xuân ươm



ấy, mà nay dư âm còn vang tâm tư. Khúc ca tình
nắng, mùa thu băng khuâng, mùa đông mây giăng. Tiếng ve mùa



sầu, tiếng tơ dục màu, trả _____ lại thương yêu, hoàn lại cô
hè, cánh hoa học trò, trả _____ lại thương yêu, hoàn lại cô



liêu. _____ Trời chiều sang liêu. _____ Như mưa đầu



nguồn trôi theo bọt bèo trả lại biển khơi _____

CHIỀU BÊN GIÁO ĐƯỜNG

PHƯƠNG-DUY TDC

(Tặng YACHTS "Người Noel 1964")

1 -

Nguyệt-Hương đi xe đạp ngang qua Vương-Cung Thánh-đường. Dòng xe cộ nối đuôi nhau không dứt. Sài Gòn đang chuẩn bị mùa Giáng-Sinh.

Trong khi các nơi khác trong nước, chiến tranh đang hồi sôi động, riêng Sài Gòn vẫn yên bình, người người chen chúc nhau đi mua sắm rộn-rịp như họ ở trong một phần đất nào khác của Mẹ Việt-Nam.

Một giọng hát cao vút phát ra từ một tiệm nước bên kia đường, bài hát quen thuộc "Chiều bên giáo-đường" của nhạc-sĩ Lê-Trọng-Nguyễn.

*"Vàng rơi bên gót chân soi mềm,
Trên lối đi về xứ hoa duyên.
Tà áo trinh nguyên tung bay, nụ cười thân ái.
Hồi chuông thiêng, sức vươn mây trời ..."*

Khung cảnh và bài hát vừa nghe làm Nguyệt-Hương gợi nhớ những ngày xưa cũ, cách đây gần mười năm, khi nàng còn là một nữ-sinh đang học năm cuối bậc trung-học.

Ngày ấy...

Chiến-tranh tại miền Nam Việt-Nam đang hồi sôi-động. Lệnh động-viên các thanh-niên, sinh-viên, công-chức, giáo-sư ... nhập-ngũ vào các quân-trường để rèn luyện thành những chiến-binh trong Quân Lực Việt-Nam Cộng-Hòa chống sự xâm nhập của quân Cộng sản Bắc Việt.

Chỉ còn một tháng nữa là đến ngày lễ Giáng Sinh năm 1963, Nguyệt-Hương tháp-tùng với Kim-Yến lên quân-trường Thủ-Đức thăm người bạn trai đang thụ-huân tại đó. Kim-Yến là người yêu của sinh-viên sĩ-quan Nguyễn Thái. Hàng tuần, Yến lên thăm Thái, nhưng ngại đi một mình, nên lúc nào cũng rủ Hương đi theo để cho gia-đình nàng tưởng nàng đi chơi với bạn gái.

Đến nơi, khi Yến và Thái gặp nhau, Hương đi quanh quanh mấy câu-lạc-bộ như CLB Diễm-Song, CLB Thanh-Hương để "giết thì giờ" trống-trải.

Có một lần, Hương đang ngồi buồn ở CLB Diễm-Song, vì chờ Yến quá lâu. Hương nôn nóng, cứ một chốc lại nhìn đồng hồ. Nhưng sao thời-gian cứ trôi qua quá chậm.

Bỗng đâu, một thanh-niên đi ngang qua bàn nàng và quay lại chào nàng:

"Chào Nguyệt-Hương!"

Nàng vô cùng ngạc nhiên vì người thanh-niên xa lạ này sao lại biết tên nàng.

Nàng mỉm cười rồi trả lời:

"Chào Anh, sao anh lại biết tên của Hương?"

"Tôi biết tên cô, nhận diện được cô là nhờ có xem qua tập "Lưu-bút ngày xanh" của Hoàng-Hoa."

"Thế thì Hoàng-Hoa là gì ... của anh?". Hương vui vẻ gợi chuyện.

"Hoàng-Hoa là cô em út của tôi. Cô ấy

rất thích lối viết lưu-bút của cô. Hoàng-Hoa đã khoe với tôi là cô ấy có một cô bạn "viết văn hay như văn-sĩ". Ở trường, lúc nào bài luận Việt-văn cũng được giáo-sư đọc cho cả lớp nghe. Rồi Hoàng-Hoa đưa tập lưu-bút cho tôi đọc. Nhìn tấm ảnh màu cô dán kèm bài viết, từ đây tôi mong có dịp làm quen với "văn-sĩ tương-lai!"

"Anh và Hoa quá khen em, chứ em viết cũng tạm tạm thôi. Mà nãy giờ, anh chưa cho em biết "quý danh" của anh". Hương hỏi:

"Xin lỗi cô, tôi quên khuấy mất chuyện "không lịch-sự" này. Tôi tên Hoàng-Long, lên đây thăm người bạn ngày xưa cùng học đại-học, mới bị động-viên vào học sĩ-quan trừ-bị tại quân-trường này. Hôm nay, tôi lên thăm, thì anh ấy lại đi phép đặc-biệt rồi. Tôi định ghé qua đây tìm món gì ăn, trước khi về. Không ngờ lại hân-hạnh gặp "văn-sĩ trong mộng"!"

Nói xong, Long xin phép Hương kéo ghế ngồi cùng bàn để tiếp tục nói chuyện.

Hương gật đầu, vì nàng ngồi chờ Yên một mình đã quá lâu cũng chán, mong có người nói chuyện cho quên thì giờ chờ đợi.

"Cô Hương gọi thức ăn chưa?"

"Cám ơn anh, em vừa mới gọi. Còn anh dùng món gì để em gọi thêm?"

"Cô cho tôi tô phở tái và ly cà-phê sữa."

Trong khi chờ người hầu bàn đem thức ăn ra, Long gọi chuyện với Hương:

"Thế cô Hương, hôm nay lên thăm bạn nào đây?"

Em nể cô bạn em, mỗi cuối tuần tháp tùng lên đây, rồi để "anh chị" ấy nói chuyện riêng với nhau. Nên em tạm làm "va-li" tại câu-lạc-bộ này."

Hương cười và trả lời.

"Hoàng-Hoa rất mến cô, mong có dịp mời cô đến nhà chúng tôi chơi. Ba mẹ tôi và

cả nhà đều yêu mến Hoàng-Hoa, cô "Út", nên cái gì Hoàng-Hoa thích, chúng tôi đều chiều theo ý của cô ấy. Không rõ Hoàng-Hoa đã mời cô chưa, nhưng hôm nay tình cờ gặp cô tại đây, tôi cũng muốn thay mặt cô em út của tôi để chuyển lời mời này."

"Vâng, Hoàng-Hoa đã nói với em. Nhưng em hẹn khi nào có dịp sẽ thực-hiện lời hứa này."

"Hôm nay, nếu cô muốn về Sài Gòn sớm, tôi có thể mời cô cùng đi với tôi."

Hương suy-nghĩ rồi nói sẽ hỏi ý-kiến của Yên trước khi quyết-định.

Hai người rời câu-lạc-bộ tiến ra khu "tiếp-tân".

Khu tiếp tân của quân-trường Thủ-Đức nằm trên một khu đất khá rộng. Đang có rất nhiều người đi lại tấp nập trông thật là vui.

Chỗ này, một nhóm người trong gia-đình đang bao quanh trò chuyện với một sinh-viên sĩ-quan. Đàng kia, từng cặp nam nữ đang ngồi trên "poncho" trải trên thảm cỏ xanh, rù-rì tâm-sự.

Các em nhỏ chạy chơi từ chỗ này sang chỗ khác.

Lâu lâu, có mấy sinh-viên mang "alpha" đi ngang qua, các sinh-viên khóa đàn em lại phải bỏ dở câu chuyện với gia-đình hoặc với người yêu, để đứng ngay dậy, nghiêm chỉnh "chào kính".

Nhiều sinh-viên "khóa đàn anh" còn làm "le" bắt sinh-viên đàn em đứng "nghiêm" để nghe "đàn anh sửa sai".

Có nhiều khi bắt đàn em "hít đất" vài chục cái, làm cho cô bạn "người yêu" muốn chảy nước mắt khi trông thấy cảnh "huân nhục" đó.

Khi Nguyệt-Hương cùng Long đến gặp Yên. Nàng tin cho Yên biết, hôm nay nàng muốn về lại Sài Gòn sớm với Long. Yên đã biết Long là anh của Hoàng-Hoa nên vui-vẻ

gật đầu và nhìn Long, Hương với một nụ cười cùng cái nheo mắt hóm-hỉnh và " bí-hiêm" kèm theo!

2 -

Long là một kỹ-sư công-chánh tốt-nghệp trước đây vài năm. Sau đó, chàng đổi ra nhiệm sở đầu tiên tại một tỉnh ngoài vùng I chiến-thuật và chàng mới được về làm việc ở Sài Gòn trong vài tháng gần đây.

Sau lần gặp-gỡ tại Thủ-Đức, Long biết Hương thường hay tháp-tùng với Yên đi thăm bạn trai ở quân-trường này. Nên tuy không hẹn, mà cuối tuần nào Long cũng lên Thủ-Đức, để buổi chiều Long lại tìm dịp chở Hương về Sài Gòn. Yên cũng mong thế, vì như vậy cuối tuần nào, Hương cũng qua nhà Yên sớm để "tự-nguyện" ngồi sau xe Honda cho Yên chở lên quân-trường Thủ-Đức để Yên có thể che mắt gia-đình nàg. Trước đây, mười ba cây-số là khoảng đường mà Nguyệt-Hương thấy xa với vợ, thì nay thấy sao mà ngắn qua, khi trở về lại Sài Gòn sau xe Vespa của Long.

Thế rồi từ ngày ấy, mỗi chiều tan sở, Long lại có dịp ghé qua trường của Hương gần nơi chàng làm việc, để đón nàg đi học về.

Ngồi sau xe Vespa của Long, Hương ngắm nhìn phố phường rộn-riپ. Người người đi lại, mua sắm để chuẩn-bị đón ngày lễ Giáng-sinh sắp đến. Long quay đầu lại hỏi Hương: "Sao, hôm nay, em học như thế nào?"

"Cũng như mọi ngày thôi. Không có gì lạ. Em cũng mong cho mau hết giờ để ra gặp anh."

"Ngày hai mươi bốn này, em có rảnh không? Anh định ..."

"Chiều hai mươi bốn em đi nhà thờ Đức Bà với Yên dự thánh lễ. Sau đó, thì có thể đi chơi với anh, nếu anh muốn."

Long thở phào, mừng rỡ.

"Thế thì tốt! Anh định mời em đi một vòng Sài Gòn, Chợ-lớn xem các nhà thờ và phố xá trang hoàng đón Noel, rồi sau đó đi ăn réveillon với Hoàng-Hoa và anh."

"Anh Long, em lỡ hứa với Yên đi lễ nhà thờ. Vậy anh đến đón em một hai giờ trước khi em đi với Yên. Đứng sáu giờ chiều, anh chở em đến nhà thờ. Rồi sau khi Yên rời nhà thờ, anh với em lại tiếp tục đi chơi với Hoàng-Hoa cho đến nửa đêm, anh chịu không?"



3 -

Chiều hai mươi bốn theo hẹn, Long đến đón Hương rất sớm.

Hai người ghé qua tiệm kem "Pôle Nord" nằm ở góc Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ. Nhìn qua bên kia đường Lê-Lợi là rạp chiếu bóng Rex, nổi tiếng của Thủ-đô Sài Gòn.

Giờ này, tiệm rất đông khách. Hai người tìm một bàn gần cửa kính để có thể ngồi ngắm người đi mua sắm qua lại trên đại-lộ Lê-Lợi và Nguyễn-Huệ.

Bỗng một giọng hát vang lên trong gian phòng ấm cúng này.

"*Nguyện-cầu, gục đầu bên nhau, mắt ráo sâu,
Xa dần đến tối, tìm mùa xuân mới trên làn môi...*"

Hương lắng nghe vì đây là một trong những bài hát nàng thích nhất.

Long hỏi Hương:

"Em dùng gì?" " Cho em ly kem ba vị."

Long gọi một ly kem cho Hương và một cà-phê nóng cho chàng.

"Pôle Nord" nổi tiếng về kem thơm ngon và cà-phê rất đúng "gout" tây. Nên mỗi khi qua quán này, lần nào chàng cũng gọi cà-phê. Cà-phê ở đây pha rất đặc và rất nóng, đựng trong một cái cốc lớn bằng sứ hình tròn. Cà-phê Martin, nước màu nâu (không phải màu đen như các chỗ khác), cho thêm chút beurre Bretel, bốc khói thơm lừng!

Rời hàng kem, Long chở Hương đi dọc theo đường Lê-Lợi, rẽ qua đường Nguyễn-Huệ để ra bờ sông Sài Gòn, trước khi đi đến những nơi khác. Ngồi sau xe Vespa của Long, Nguyệt-Hương ngắm nhìn phố phường tập nập đón Giáng Sinh.

Mặc dầu nhiều năm qua, Hương đã quá quen thuộc với cảnh này, nhưng chiều nay trong lòng Hương hình như đổi khác, nên trông thấy cái gì cũng lạ, cũng vui mắt. Hương cứ muốn Long chở đi mãi, xem mãi không biết chán.

Những năm trước đây, ngoài quảng trường quanh khu Vương-Cung Thánh-Đường và chung quanh khuôn viên nhà thờ Tân-Định là những nơi trang hoàng đẹp, xứng đáng với "Hòn ngọc Viễn-đông". Nhưng hôm nay, Hương thấy các nhà thờ trên Chợ-lớn cũng giăng đèn kết hoa không kém gì Sài Gòn. Long cũng đã từng nhiều lần đi dạo phố phường trong thời gian lễ Giáng Sinh, nhưng năm này, Long cảm thấy khác như người mới đến Sài Gòn lần đầu.

Liếc nhìn đồng-hồ gần sáu giờ, Long chở Hương đến nhà thờ Đức Bà.

Từ đằng xa, hai người đã thấy Yên

đang đứng chờ nơi cửa chính. Hôm nay, Yên mặc một chiếc áo dài nhung màu bordeaux trông rất bắt mắt.

Trời về chiều đã bắt đầu lạnh lạnh làm Hương run mình.

"Chào Yên! Chúc Giáng Sinh vui-vẻ".

Long nói, trước khi lái xe đỗ gần chỗ Yên đứng.

"Em cũng chúc anh như vậy. Đặc-biệt Noel này, em chúc anh rất vui bên Nguyệt- Hương nhé!"

Nói xong, Yên nhìn Hương và Long với một nụ cười "bí-hiêm" giống như nụ cười của "nàng thiếu-nữ" trong bức tranh của nhà danh-họa người Ý Leonardo da Vinci.

Trước khi đi với Yên, Hương đã quay lại âu-yêm nhìn Long và nói:

"Anh Long, em sẽ chờ anh tại chỗ này, sau khi lễ ở nhà thờ hoàn tất."



4 -

Thánh lễ chiều nay rất vui nhờ những bài ca mừng Giáng Sinh quen thuộc được

ca-đoàn hợp-xướng trình-bày rất hay.

Hương không phải là tín-đồ Công-giáo, nhưng nàng cũng thấy lòng mình phấn khởi khi đón Giáng-sinh tại giáo-đường bên Yên là con chiên ngoan đạo. Nàng lẩm-nhẩm cầu nguyện ơn trên cho nàng và Long sẽ gặp nhiều may mắn và hạnh-phúc.

Khi Hương vừa bước ra khỏi nhà thờ, nàng định đi đến chỗ hẹn để gặp Long thì nghe tiếng Long gọi:

"Hương ơi! Anh đang chờ ở đây."

Nghe tiếng gọi, Hương đưa mắt nhìn nhưng nàng không thấy chiếc Vespa thường ngày của Long. Nàng đang ngơ-ngác thì nghe tiếng Hoàng-Hoa gọi lớn:

"Hương ơi! Mau đến chỗ xe Jeep này..."

Vừa lúc, Long mở cửa xe Jeep bước xuống. Long đi đến đón Hương và nói:

"Xin lỗi Hương. Để em chờ đợi và mất thêm chút thì giờ "tìm Vespa". Có Hoàng-Hoa cùng đi chơi, nên anh phải dùng xe Jeep đi đón em, mới đủ chỗ ngồi cho ba người. Anh phải qua Ty Công-chánh để lấy "công-xa" đi chơi tối nay, vì thế anh không đến đây sớm hơn."

Hương nói với Long:

"Anh đón em đúng giờ lắm! Em vừa mới bước ra khỏi nhà thờ, vì lễ hôm nay đông người lên lãnh "mình thánh Chúa" và ban hợp-xướng trình-bày nhiều bài thánh-ca Giáng Sinh nên lễ kéo dài hơn mọi lần lễ khác!".

Hương lên ngồi phía sau xe Jeep, cạnh Hoàng-Hoa. Long trực chỉ hướng đại-lộ Trần-Hung-Đạo để đi về phía Chợ-Lớn.

Trong lúc Long chăm chú lái xe, vì đường phố rất đông xe cộ đi lại. Hương nói chuyện với Hoàng-Hoa tíu-tít và thân mật.

Đến nhà hàng "Arc-en-Ciel", Long tìm chỗ đậu xe, rồi đưa Hương và Hoa lên

phòng ăn trên lầu.

Nhà hàng "Arc-en-Ciel" trang hoàng đón Noel rất đẹp bằng những dãy lồng đèn kiểu Trung-Hoa và đèn huỳnh-quang đủ màu.

Sau khi lấy thực-đơn, nhà hàng đã mang thức ăn bày đầy bàn. Long quay sang hỏi Hương và Hoa:

"Các cô muốn uống gì nào?"

"Em uống "Cúc phá xà", Hoàng-Hoa trả-lời.

"Cho em ly "Seven up".

Long gọi người hầu bàn và dặn thêm cho chàng một ly rượu vang.

Sau khi dùng "réveillon". Các thực khách lần lượt qua phòng khiêu-vũ.

Hoàng-Hoa ngồi nhìn Long và Nguyệt-Hương tay trong tay diu nhau theo các vũ-điệu Valse, Tango rất ăn ý và mùi-mẫn

Về khuya, khi các khách nhẩy lần lượt ra về. Long cuối xuống gần mặt Nguyệt-Hương và đề nghị:

"Anh muốn em cho phép anh tặng em một nư hôn để làm kỷ-niệm, có được không?"

Nguyệt-Hương không trả lời, nàng vút ngay đầu Long xuống để ban cho Long "nư hôn đầu đời", mà nàng muốn chính nàng là người chủ-động để tặng Long.

Hoàng-Long và Nguyệt-Hương sung sướng thụ-hưởng một đêm Giáng-sinh tuyệt-trần và nhớ mãi! Lời cầu-nguyện của Nguyệt-Hương đã hiện-thực!

Một giọng ca cao vút văng vẳng từ xa đưa lại như xoáy mạnh vào quả tim hai người đang diu nhau vào tình yêu đầu đời!

*"Rồi đây, mây xám bay qua rồi,
Trong gió reo hẹn ước không thôi,
Là lúc tin yêu lên ngôi,
Ta hát khúc chung đôi!"*

PHƯƠNG-DUY TRƯƠNG DUY CƯỜNG
(California)

Những Con Số Kỳ Diệu Trong Nhiếp Ảnh

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Ai đã học qua chương trình trung học đều biết đến con số kỳ diệu Pi được biểu hiệu bằng mẫu tự Hi Lạp π , có trị số cố định là 3.14159. Con số này có cái đuôi lẻ dài vô tận. Đó là tỉ lệ cố định giữa chu vi của một vòng tròn và đường kính. Trong nhiếp ảnh cũng có những con số kỳ diệu. Đầu tiên, chúng ta phải kể đến những con số do nhà toán học người Ý Leonardo Fibonacci khám phá ra vào thế kỷ XII. Người ta thường gọi những con số này là Fibonacci numbers, tạm gọi tắt là số F.

Những con số Fibonacci

π là một hằng số. Cho nên chỉ có một dạng hình tròn. Trái lại, F là những con số giản dị và là tỉ lệ giữa hai cạnh của những hình chữ nhật đặc biệt. Chúng định đoạt hình dáng của một số hình chữ nhật có ý nghĩa đặc biệt trong nhiếp ảnh. Những tỉ lệ này là: 1/2, 2/3, 3/5, 5/8, 8/13, 13/21, 21/34, ...

Hình vuông là một dạng đặc biệt của hình chữ nhật khi hai cạnh có chiều dài bằng nhau (1/1). Cũng như hình tròn, hình vuông chỉ có một dạng. Cũng như hình tròn, hình bầu dục, hình tam giác, hình vuông ít được dùng để cấu tạo khung hình trong nhiếp ảnh. Hình chữ nhật được dùng nhiều nhất trong nhiếp ảnh, hội họa, kiến trúc, v.v. Hình chữ nhật có muôn vàn dạng khác nhau tùy theo tỉ lệ của hai cạnh. Tuy nhiên, người ta nghiệm thấy rằng những

hình chữ nhật theo tỉ lệ Fibonacci được sử dụng nhiều nhất. Trái lại một hình chữ nhật thí dụ với tỉ lệ của hai cạnh là 1/100, không ai dùng để làm hình cả.

Leonardo Fibonacci (1170-1240) cấu tạo những con số F như thế nào? Cách Fibonacci làm rất giản dị, nhưng ý nghĩa và ảnh hưởng của những con số này lớn lao.

Fibonacci khởi đầu bằng số 0. Tiếp theo ông cộng thêm 1 vào số đầu tiên để có số 1. Kế đến ông cộng 1 vào số 1 mới cấu tạo để được 2. Bước kế tiếp, Fibonacci cộng 1 vào số 2 để được 3. Nếu cứ tiếp tục như thế chúng ta sẽ có bảng sau đây:

0			
0 + 1	= 1		
1 + 1	= 2	→	1/2
2 + 1	= 3	→	2/3
3 + 2	= 5	→	3/5
5 + 3	= 8	→	5/8
8 + 5	= 13	→	8/13
13 + 8	= 21	→	13/21
21 + 13	= 34	→	21/34
.....			

Theo định nghĩa, hai con số đầu trong dãy số của Fibonacci là 0 và 1. Những con số tiếp theo là tổng số của hai số trước. Nếu chúng ta chia con số đầu với con số cuối của mỗi hàng cho chúng ta tỉ lệ của hình chữ nhật đặc biệt: 1/2, 2/3, 3/5, 5/8, 8/13, 13/21, ... Những nhà họa sĩ và các nhiếp ảnh gia thường dùng những hình chữ nhật này để bố cục hình, chứ không dùng những

tỉ lệ 5/7, 8/10, 11/14, ... ngoại trừ một số người trong đó có Ansel Adam.

Ba trăm năm sau, Leonardo da Vinci (1452-1519), một nhà họa sĩ nổi tiếng Ý, đã sử dụng những tỉ lệ của nhà toán học Leonardo Fibonacci trong suốt cuộc đời hội họa của ông. Hai tác phẩm Mona Lisa và The Last Supper của Leonardo da Vinci vẽ theo kích thước của Leonardo Fibonacci. Trong âm nhạc và kiến trúc người ta cũng sử dụng số F. Những hình chữ nhật cấu trúc theo con số Fibonacci được gọi là golden rectangles.

Hình 1 (KQN Images): Blue Ridge Mountains bố cục theo tỉ lệ 21/13. Đường Chân trời ở 5/13 của tấm hình theo những con số của Fibonacci.



Nếu chúng ta bố cục hình theo tỉ lệ Fibonacci 3/2, đường chân trời sẽ ở vào khoảng 1/3 của tấm hình. Đó chính là tiêu chuẩn hướng dẫn 1/3, một trường hợp đặc biệt của Fibonacci.

Những con số Fibonacci hiện hữu một cách kỳ diệu trong thiên nhiên. Nhìn vào quả thông, chúng ta thấy có nhiều vòng xoắn chạy ngược chiều nhau. Mỗi cặp gồm một vòng có 5 cánh và một vòng kia có 8 cánh. Trái thơm có 8 vòng xoắn chạy cùng một

chiều và 13 vòng chạy theo chiều ngược lại. Hoa daisy có hai lớp vòng xoắn 21 và 34. Họa sĩ Vincent van Gogh (1853-1890) rất say mê hoa hướng dương. Nhìn kỹ, chúng ta sẽ khám phá ra rằng số vòng xoắn trên hoa hướng dương là 55 và 89. Tất cả đều là con số Fibonacci. Chúng không những chỉ hiện hữu trên cây cỏ mà còn ở cả trên một số động vật.

Hằng số kỳ diệu Phi

Tìm hiểu thêm chúng ta thấy rằng nếu chia cạnh dài của hình chữ nhật Fibonacci với cạnh ngắn, chúng ta sẽ được một tỉ lệ khoảng 1.618. Hình chữ nhật càng lớn, tỉ lệ này càng sát với 1.618, càng ngày càng trở thành một số cố định (hằng số). Người ta gọi nó là số trung bình vàng (golden mean) và biểu hiệu bằng mẫu tự Hi Lạp Φ và đọc là Phi.

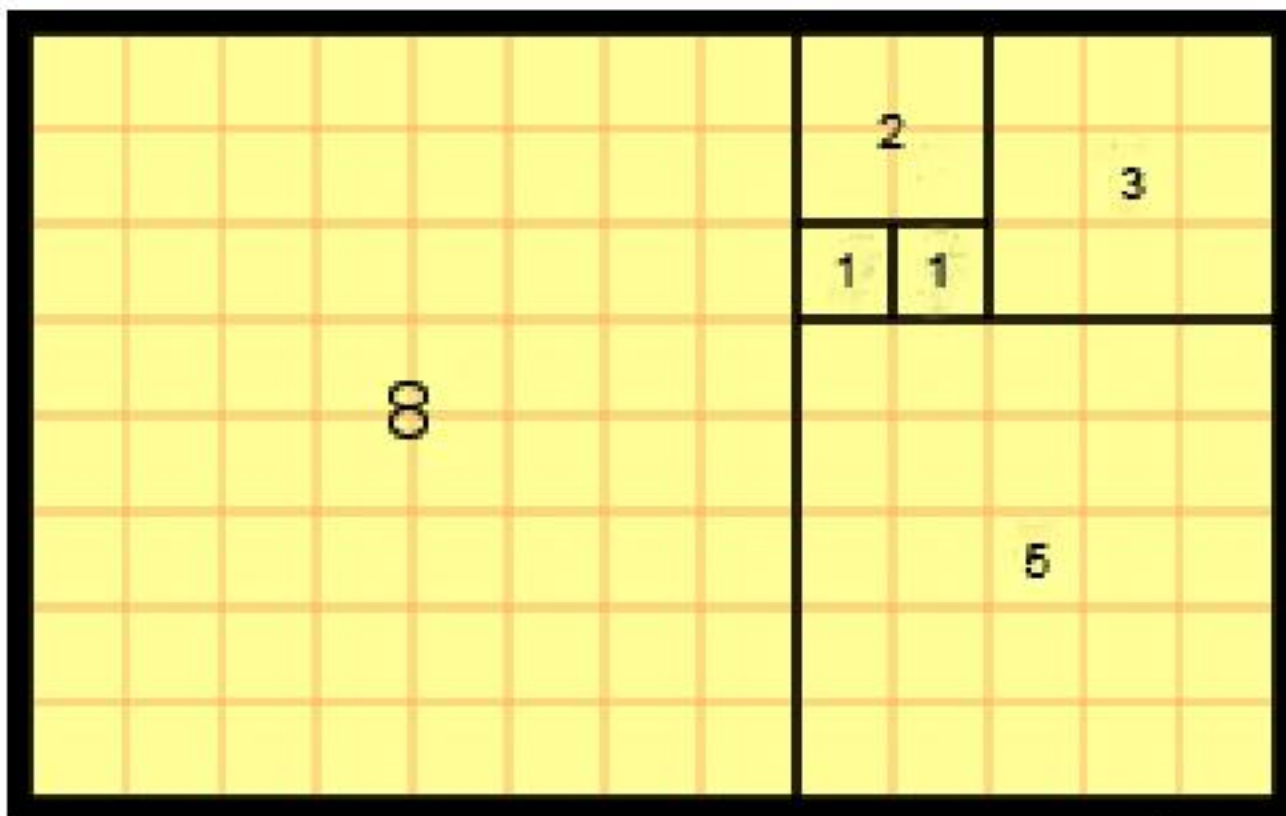
Con số Φ được áp dụng trong âm nhạc như những tác phẩm của Bela Bartok và Claude Debussy. Nó cũng được sử dụng trong kiến trúc để vẽ đồ án xây cất Điện Partheon, Kim Tự Tháp, trụ sở Liên Hiệp Quốc, St. Mark Venetian Church, v.v. Trong nhiếp ảnh con số Φ là một dụng cụ hữu dụng để quyết định bố cục.

Kích thước của hình 1 theo tỉ lệ 21/13 tức là 1.616 (gần bằng 1.618). Chân trời ở tỉ lệ 5/13 là những con số Fibonacci. Cách bố cục này làm cho tấm hình cân đối và tăng vẻ đẹp. Điểm cắt nhau là điểm mạnh và là vị trí đặt chủ thể của bức hình.

Hình 2 (KQN Images): Hình đẹp nhờ người mẫu. Nhưng hình đẹp hơn, cân đối hơn và bớt tẻ nhạt nhờ đặt người mẫu vào vị trí khoảng 1/3 từ bên phải trong khung hình với tỉ lệ 3/2.



Hình 3 (KQN Images): Hình chữ nhật 13/8 được chia ra làm sáu hình vuông với chiều dài của các cạnh bằng các số liên tục của Fibonacci: 1, 2, 3, 5, và 8. Nếu phân chia hình chữ nhật 13/8 ra nhiều hình vuông như hình 4, chúng ta có thể vẽ được một đường xoắn ốc bắt đầu từ hai ô vuông nhỏ theo chiều đồng hồ và tận cùng ở góc trái bên trên của hình vuông lớn nhất. Đường xoắn ốc này không được sử dụng nhiều trong việc bố cục hình.



Trong hình 4, tác giả đặt mặt của chủ đề tại góc của được so n ốc để thu hút sự chú ý của người xem. Nhưng chúng ta cũng có thể giải thích điểm này dựa vào luật Fibonacci 1/3.

Hình 4 (Digital Photography School): Đường xoắn ốc Fibonacci.



Kết luận

Những con số kỳ diệu Fibonacci bao gồm cả Phi (1.618) là những dụng cụ hữu ích trong việc bố cục hình trong khung chữ nhật. Theo thiên ý của tôi, luật 1/3 cũng chỉ là một trường hợp đặc biệt của cách cấu tạo khung hình chữ nhật và chia khung hình theo các con số của Fibonacci. Trong nhiều trường hợp tôi nghiệm thấy nếu bố cục theo đúng tỉ lệ 1/3, chủ thể bị lệch ra khỏi trọng điểm và hình bị mất cân bằng. Tỉ lệ Fibonacci xem ra hữu dụng trong những trường hợp này.

Tài liệu tham khảo:

- (1) Fibonacci numbers, Wikipedia.
- (2) Fundamentals of Photo Composition, Paul R. Comon, 2011
- (3) Fibonacci numbers, Stephanie J. Morris, University of Georgia, 1995.
- (4) Divine Composition with Fibonacci's Ratio (the Rule of Thirds in Steroids), James Brandon, Digital Photography School.
- (5) Rule of Thirds, Darren Rowse, Digital Photography School.
- (6) An Introduction to Golden Spiral Composition Method, Sander Martijn, The Photographer, April 8, 2011.

Nguyễn Quốc Khải

15-11-2012

MẸ TÔI

Phạm Trần

Sau hơn 97 năm sống với cuộc đời gian truân nhiều hơn an nhàn của một người phải ở vậy nuôi con một mình từ năm qua 20 tuổi, Mẹ tôi đã xa tôi vĩnh viễn vào lúc 14 giờ 22 ngày 18 tháng 09 năm 2012, nhằm ngày Mồng Ba tháng Tám năm Nhâm Thìn tại thành phố biển Virginia Beach, tiểu bang Virginia.

Bà đã ra đi rất nhẹ nhàng trước mặt cháu út, Phạm Vũ Văn Chương và cậu mợ của cháu, ÔB Vũ Đức Tiên và Đỗ Thị Ngọc Lan cùng người Y tá được gửi đến chăm sóc cho Bà.

Tôi, người con duy nhất đã không có điểm phúc được nghe hơi thở sau cùng của Bà trên cõi nhân gian, sau hơn tuần lễ ở bên cạnh Bà vì phải trở về Springfield, cách xa hơn 3 giờ lái xe, để lo chuyện hậu sự cho Bà.

Người con trai đầu của tôi, Phạm Vũ Cao Nguyên, đã tình nguyện chăm sóc cho Bà trong suốt 6 năm hơn vì Cháu biết hơn tất cả mọi người trong gia đình về y khoa và những tiêu chuẩn nuôi một bệnh nhân phải lọc máu để sống.

Cho đến khi lọc máu không được nữa vì mạch tim đã co lại trước ngày Bà qua đời gần 1 năm, các Bác sỹ quyết định chuyển qua lọc cơ thể bằng "nước có pha các loại thuốc đặc biệt". Đến đây thì buộc lòng cháu Chương phải ghé vai vào giúp Bà, 8



giờ mỗi ngày chỉ để điều hành và theo dõi máy lọc nước để Bà có thể sống thêm !

Chứng kiến cảnh hai cháu chăm sóc Bà mà tôi nhiều phen phải cắn răng sống vui nhưng ruột thì như đã cắt ra từng khúc. Khi tôi ngó ý đưa Mẹ tôi về ở với tôi để chia bớt gánh nặng cho các con tôi, cháu Nguyên quyết liệt từ chối và cháu Chương cũng không muốn bố mẹ xen vào vì sợ sẽ lâm vào tình trạng "lợn lành chữa thành lợn què"!

Không chỉ có chuyện thuốc men hay lọc máu và lọc nước mà Mẹ tôi còn được 2 đứa cháu trai giúp đỡ từ A đến Z, như 2 người y tá coi bệnh nhân trong nhà thương.

Mẹ các cháu cũng không thể ngờ được là hai anh con trai, một cả và một út, lại có thể làm được những chuyện của những nữ y tá trong Nursing home !

Mẹ tôi thật may mắn và vợ chồng tôi cũng thật có phước. Nhưng rồi có lúc tôi đã nghĩ ra những lý do khiến hai anh con trai của tôi, tuy vất vả và đôi khi không nén được sự bức bối khi Bà không muốn ăn hay uống, đã kiên nhẫn vuốt ve, chiều chuộng để Bà phải cố ăn để sống.

Đây chính là câu chuyện tôi muốn kể với quý vị, những người đọc bài viết này về sợi giây ràng buộc rất kỳ diệu giữa Bà và hai đứa cháu, một anh Đích tôn và một anh Cháu út.

Anh cháu Đích tôn, khi còn tằm bé đã sống với Bà một thời gian khá dài vì được Bà chiều chuộng mua cho đủ thứ, muốn gì có nấy. Anh này mê say thú vật, nhất là các

loại cá, chim và chó nên thường bị các đứa trẻ lỏi xóm "dụ khí" bán cho cả dế đá với giá cắt cổ 500 đồng một con !

Nhưng tiền đâu mà anh này có ? Từ "ngân hàng Bà" ra cả.

Sự gần bó giữa hai bà cháu leo lên tận cấp Đại học khi cậu cháu Đích tôn trưởng thành. Giữa 5 đứa cháu, Bà thương cậu này nhất. Có đồng hột nào dành dụm được Bà lại tìm cơ hội dúi cho nên túi cậu lúc nào cũng rủng rinh.

Sự chiều chuộng của Bà dành cho cậu cháu Trưởng bao giờ cũng "vượt cấp" hơn mọi đứa cháu khác vì dường như đối với Bà thì "cái gì cũng phải ưu tiên dành cho thằng cháu đầu lòng" !

Đối với cậu cháu Út cũng có vài nét được Bà nội quan tâm đặc biệt. Khi các anh các chị cấp sách đến trường thì cậu hầy còn là baby nên ở nhà với Bà suốt ngày. Bà ăn cái gì thì cho cháu ăn cái ấy nên cậu biết ăn đủ mọi giống từ tấm bé.

Giống như anh lớn, cậu này ưa nói chuyện nhỏ nhẹ với Bà nên Bà dễ nghe lọt tai. Chẳng hạn như khi Bà không muốn ăn thì cậu cháu Út bảo: "Bà phải ăn thì mới sống được chứ, Bà có sợ chết không mà Bà lại không muốn ăn nữa. Bà có thương cháu thì Bà ăn đi, cháu buồn ngủ lắm rồi đó Bà ơi" !

Có lần tôi nghe cậu "kể chuyện của hai Bà cháu" khi cậu còn bé cho Bà nghe để hai Bà cháu cùng cười sằng sặc.

Cậu út có một đặc tính thích nấu các món ăn Ý và Pháp học được từ các nhà hàng hay trong các Cooking Show. Khi Bà còn sức khoẻ, hai Bà cháu thường "nhâm

nhĩ" các món ăn do cậu Út nấu rất hợp ý nhau, một đặc tính không có ở các đứa cháu khác nên hai bà cháu thích ở bên nhau.

Vì vậy, khi giúp Bà đi lọc máu rồi lọc nước và rất nhiều lần hai anh em thay phiên nhau ngủ ở nhà Thương khi Bà phải nhập viện, tôi cũng chỉ nghe thấy "những tiếng than" trong một thời gian ngắn rồi mọi chuyện Bà-Cháu lại đầu vào đây !

Nhưng nếu khi lớn tuổi Mẹ tôi tìm được hạnh phúc của gia đình thì khi còn trẻ, sau khi sinh ra tôi, Bà lại phải sống cô đơn trong thời gian dài đằng đẳng trên 70 năm, sau khi Bố tôi bỏ nhà đi theo tiếng gọi của "kháng chiến với Việt Minh" !

Tôi chỉ được hai Bà cô kể "Bố anh đi đánh nhau với Tây rồi không thấy về nữa". Riêng Mẹ tôi thì tuyệt nhiên Bà không kể cho tôi nghe gì về chuyện "đi kháng chiến" của Bố tôi.

Bà chỉ bảo "có biết là đi đâu mà cũng chẳng có tin tức gì" !

Bà bác Khiêm, chị ruột của Bố tôi thì kể rằng, khi hai chị em chia tay nhau ở

vùng Thái Nguyên, Bà đi vào trong Nam và Bố tôi ở lại với dân quân rồi không thấy tin tức gì nữa.

Mẹ tôi ở lại quê nhà làng Thủy Nhai, bên cạnh làng Hành Thiện, Tỉnh Nam Định nổi tiếng có nhiều người đỗ đạt thành tài ở miền Bắc và là quê hương của Trường Chinh Đặng Xuân Khu, từng có thời là Tổng Bí thư đảng Cộng sản Việt Nam. Nhưng tôi cũng chả muốn thăm dò xem liệu Bố tôi có đi theo kháng chiến với đám thanh niên làng Hành Thiện không ?

Tôi chỉ biết rằng, kể từ ngày Bố tôi bỏ lại người vợ trẻ ra đi, Mẹ tôi đã phải làm đủ mọi



nghề để sống và nuôi con vì không thể nương tựa vào ai. Bà đã đi nhổ mạ và cấy lúa thuê cho nhà có ruộng để lấy thóc mà sống. Chờ đến mùa gặt lúa, Bà đi buôn đủ mọi loại hàng từ đậu phụ đến bánh kẹo và hàng xén mua từ Nam Định về bán cho dân làng. Nhưng bà không sành sỏi việc buôn bán như hai Bà cô bên chồng nên cứ nghèo mãi.

Hai mẹ con tôi sống chung trong một ngôi nhà với ông bà Nội, nhưng không bao giờ tôi nghe Bà than thở hay bất mãn tại vì Bố tôi đã nghe theo chúng bạn bỏ nhà đi kháng chiến biệt tăm.

Tôi biết Bà đã nhiều lần phải gạt nước mắt khi gửi tôi ở nhà với Chú Ba, một người bà con bên ngoại để đi làm xa vì Bà biết nếu ở nhà thì cả hai mẹ con sẽ chết đói như chúng tôi đã nhiều phen vượt qua năm Ất Dậu 1945.

Cuộc đời đơn côi của hai mẹ con tôi tiếp tục kéo dài cho đến tận Cuộc di cư vào miền Nam năm 1954. Khi tôi trưởng thành đi làm Công chức thì cuộc sống đạm bạc của Bà vẫn vậy.

Bà là một người có sức chịu đựng và nhịn nhục phi thường, ngay cả khi gặp khó khăn về kinh tế và Bà chưa bao giờ đòi hỏi một sự "trả ơn và trả nợ" của tôi, dù khi có lúc tôi dư dả tài chính.

Bà cũng chẳng thèm để ý đến chuyện tôi viết báo hay hay dở hoặc xuất hiện chỗ này, đi nói chuyện chỗ kia. Nếu có ai "méc" Bà mới thấy tôi xuất hiện trên TV hay nghe tôi nói trên Đài Phát thanh thì bà cũng chỉ bảo: "Bố nó chỉ thích làm vậy thôi, chả biết có được đồng nào không?"

Tôi nghĩ Bà đã quen sống với "cảnh một mình" quá lâu nên rất thích sống bên hai đứa cháu để không bị ràng buộc với nhiều người.

Chả thế mà mỗi lần tôi ngỏ ý muốn Bà rời Virginia Beach về ở với vợ chồng tôi thì Bà bảo "thôi, ở với chúng nó dễ chịu hơn".

Quả đúng như thế. Bà đã sống rất hạnh phúc bên hai đứa cháu, một đầu và một út hơn 6 năm trời, cho đến ngày ra đi vào lúc quá trưa ngày 18 tháng 09 năm 2012.

Và ở giữa hơn 2,190 ngày này Bà đã thường xuyên được các con các cháu và chắt khác đến thăm viếng cùng sự ân cần hỏi thăm của nhiều người trong họ và thân hữu của gia đình chúng tôi.

Dù sự ra đi không có ngày trở lại của Mẹ tôi đã chia cắt chúng tôi, nhưng tôi lại rất vui mừng là Bà đã tìm được hạnh phúc vĩnh cửu với Thiên Chúa, đấng

đã sinh và và cứu chuộc Bà.

Tôi cũng vô cùng biết ơn sự hy sinh vô bờ bến của Bà đã nuôi tôi khôn lớn trong hoàn cảnh gian nan của "một mẹ một con" để cho tôi may mắn được thành danh như ngày nay.

Khi Bà sinh ra tôi là người con duy nhất, nhưng khi nằm xuống thì Bà đã để lại cho dòng họ chúng tôi một người con dâu hiếu thảo Vũ Thị Lan Hương, 5 cháu nội, 4 cháu dâu, rể và 6 đứa chắt với nhiều tương lai hứa hẹn như khi Bà còn sống.

Vĩnh biệt Mẹ và xin Mẹ tha thứ cho tất cả những lỗi lầm của con.

Phạm Trần

(Viết ngày Mẹ qua đời)



Tiếc Thương NHÀ THƠ NGUYỄN CHÍ THIỆN

Trương Anh Thụy

Nghe tin anh Thiện bị bệnh nặng mà bạn bè Anh khắp nơi cứ xốn xang cả lên! Long và Thụy cũng không ngoại lệ, sốt ruột quá gọi anh Nguyễn Công Giân mấy lần mà không được trả lời.

Nếu có ai mở được Hộp thư của Diễn Đàn HMDC ra xem thì sẽ được chứng kiến một cảnh cảm động: Mấy ngày hôm nay chả thấy bài vở gì cả, chỉ thấy các trao đổi qua lại của mọi người với tựa đề: Anh Nguyễn Chí Thiện bệnh nghiêm trọng! Anh Nguyễn Chí Thiện bệnh nghiêm trọng! Anh Nguyễn Chí Thiện bệnh nghiêm trọng...! Trong đó chị Ca Dao có sáng kiến độc đáo và thực tế là chị tình nguyện thu tiếng nói của một số bạn bè để rồi gửi sang cho anh Thiện nghe trong lúc nằm nhà dưỡng bệnh. Tôi mới đang sửa soạn để được Chị thu thanh thì đã nghe tin Anh ra đi sáng nay, ngày 2 tháng 10, 2012, lúc 7 giờ 17 phút giờ Cali!

Ôi thôi! Thế cũng là một đời người! Ai cũng đến "cõi tạm" này rồi đi! Tuy nhiên anh Thiện đã đến đây với một tấm lòng thiết tha với tổ quốc, dân tộc và con người... Anh cũng trả giá thật đắt cho tâm

hồn cao thượng đó bằng 27 năm tù và những căn bệnh hiểm nghèo. Nhưng rõ ràng là Anh chẳng sờn. Chính giữa cảnh tù đầy thiếu thốn ấy Anh đã sản sinh ra những vần thơ bất hủ...

Trời Hoa Thịnh Đốn đã bắt đầu vào thu, thời tiết se se lạnh làm chúng tôi nhớ ra riết cái hình ảnh anh Thiện năm đầu tiên mới sang Mỹ ở vùng HTD: Cao, gầy trong chiếc áo măng tô dài màu đen, với chiếc khăn quàng len và chiếc mũ phớt bằng dạ, do một số bạn bè yêu quý Anh mua tặng. Trông anh giống vai người hùng trong các phim trình thám

ghê! Và nhớ nhất là những buổi tối Anh quây quần giữa một số đông đảo chúng tôi say sưa nghe anh đọc thơ tù và kể chuyện tù...

Thế mà đến nay thấm thoát đã mười bảy năm trời...

Trong mười bảy năm trời đó anh cũng đã đóng góp được một số công việc đáng kể cho cộng đồng hải ngoại mà anh nên hãnh diện! Nhiều đại học, nhiều cộng đồng Việt Nam trên nước Mỹ và các nước tự do đã mời Anh đến nói chuyện để được nghe Anh chia



sẽ kiên thức và kinh nghiệm sống... Ở đó Anh đã giải độc cho biết bao nhiêu người còn mù mờ, hoang tưởng về cái chế độ CS phi nhân đang chế ngự trên quê hương chúng ta. Anh viết những *Hoa Địa Ngục*, *Hạt Máu Thơ* được anh Bích dịch ra tiếng Anh, rồi tập truyện Hỏa Lò nữa, để cho Tổ Hợp XB Miền Đông hoa Kỳ xuất bản.

Ở hải ngoại, ở bất cứ nơi nào Anh cũng thể hiện một nhân cách đáng để tất cả mọi người nể trọng: khiêm tốn, kiên định và đặc biệt trọng nghĩa khinh tài...

Theo đạo Phật thì mọi sự ở đời đều “sắc sắc không không.” Là con người thì ai

cũng phải qua các thời kỳ “sinh, lão, bệnh, tử”, nào có ai thoát khỏi cái định luật đó bao giờ! Tuy nhiên, thơ văn cũng như vốn sống của anh để lại cho đời, cho các thế hệ mai sau... sẽ là những cái gì làm cho anh bất tử.

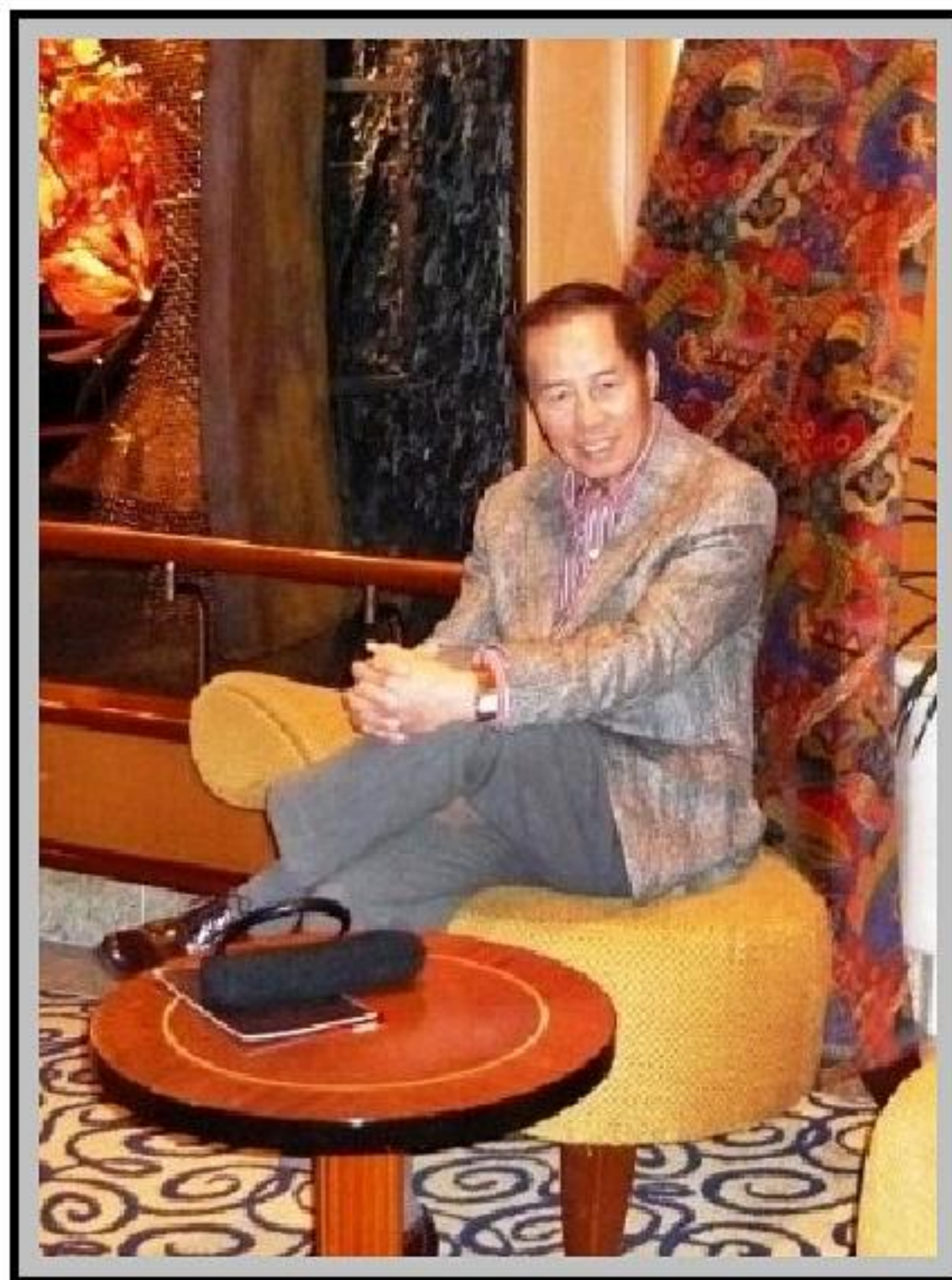
Trời Hoa Thịnh Đốn hôm nay mưa phùn, âm đạm, buồn hiu hắt... thêm sắt se lòng người! Sự ra đi của Anh là một mất mát thật to lớn, bởi vì tổ quốc anh, bạn bè anh vẫn còn đang cần anh, nhất là trong giai đoạn quê hương chúng ta đang ở trong thời kỳ đen tối nhất.

THƯƠNG TIẾC ANH ĐẶNG VĂN HIỀN

*Thôi thế là thôi cách biệt rồi
Người còn ở lại tiếc thương, ôi!
Lời ca êm ái tình xa vắng
Tiếng nhạc du dương bước ngậm ngùi
Anh hẹn Cỏ Thơm mùa lá rụng
Trao nâng rượu ngọt khách thơ mời
Nhưng thu chưa tới, đời chưa chán
Anh đã ra đi, bỏ cuộc chơi.*

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

9/13/2012



GS ĐẶNG VĂN HIỀN
1935-2012

ANH LÀ AI?

----- Minh-Châu

Anh chẳng là gì của tôi cả!

Lần đầu tiên gặp anh trong một buổi tiệc, anh cũng như những người tôi từng gặp gỡ qua các dịp giao tế hàng ngày. Qua lời kể của người bạn đã giới thiệu tôi với anh, hai người quen biết nhau từ trước, từ khi ở Việt Nam, kiểu “nhà nàng ở cạnh nhà tôi”, cách nhau vừa vặn có hai lẽ đường. Cả hai tình cờ gặp lại nhau trên đất khách và quá khứ đã là nền tảng cho quan hệ mới. Tình yêu len lén trở lại nhưng hầu như chỉ là mối tình đơn côi. Anh kiên nhẫn chờ đợi trong hy vọng. Bạn tôi chân thật từ khước không bước thêm một bước nữa. Cô ấy chỉ muốn giữ quan hệ ở mức độ bạn hữu hoặc một người thân trong gia đình anh.

Tôi gặp lại anh một vài lần sau đó cũng trong các buổi tiệc tổ chức bởi các hội đoàn. Trong chiếc quần màu đậm và chiếc áo màu rượi chát cùng chiếc cà-vạt tiếp màu, trông anh thật đạo mạo. Chờ anh nhảy vài bài với cô bạn, tôi kéo anh ra “dợt” bài tango vì nghe nói anh đang đi học điệu này. Lúc đầu tôi chăm chú quay theo vòng tay anh và đi theo các bước nhảy chưa thành thạo mà anh vừa học qua. Sau đó tôi kín đáo dìu anh theo tiếng nhạc vì thấy anh còn lúng túng khi áp dụng bài học. Có lẽ anh không mấy tự tin, phần vì mới học, phần vì cô bạn tôi cứ dọa anh là tôi nhảy rất nhuyển. Rồi anh cũng nhẹ nhàng dìu tôi nghiêng người theo điệu nhạc, tuy vụng về

nhưng rất ăn khớp như đã có tập với nhau từ trước. Dưới ánh đèn mờ trên sàn nhảy, tôi thoáng thấy anh mỉm cười thích thú.

Cho đến giờ phút này, tôi cũng không biết anh là gì của tôi.

Một người anh? Tôi chưa từng chia sẻ những sinh hoạt thường nhật của anh và gia đình anh bao giờ.

Một người bạn? Sự chênh lệch về tuổi tác và thời gian quen biết quá ngắn ngủi để có một quan hệ gần gũi như vậy.

Một người tri kỷ ư? Sao lại không nhỉ! Sau lần theo cô bạn ghé qua nhà anh, chỉ một vài câu trao đổi về tranh ảnh, về thú cắm hoa, trồng lan, tôi bỗng cảm thấy như mình đọc được tâm tư và suy nghĩ của anh về cô bạn tôi. Anh chấp nhận các ý kiến của tôi về một số vấn đề trong cuộc sống. Anh tin tưởng vào sự thẳng thắn và thành thật của tôi.

Theo lời cô bạn, anh là một người tốt, luôn sẵn sàng giúp đỡ bạn hữu mà không hề đòi hỏi họ phải đền đáp. Trong gia đình, anh làm tròn bổn phận một người anh, một người em. Một vài người cho rằng anh gàn bướng. Anh hãnh diện đã tạo dựng sự nghiệp từ hai bàn tay trắng nhưng anh an phận thủ thường, không chạy theo trào lưu xã hội mới trên quê hương thứ hai này.

Anh luôn đối xử với tôi rất hoà nhã, đứng cương vị một người “lớn”, một nhà mô phạm. Các câu đối thoại giữa tôi và anh chỉ giới hạn ở mức xã giao thông thường. Có lần anh đã làm tôi phải bối rối khi anh lặp lại bên tai tôi câu nói của cô bạn tôi “Ngồi đâu mà chẳng được!”. Tôi bối rối vì không biết phải phản ứng ra sao trước thái độ bất mãn của anh vì cô bạn đã không đến

ngồi chỗ anh đã dành sẵn cho cô ấy. Cũng may mà tôi tinh ý ngồi cách anh một ghế chứ không lại “phải vạ”. Từ đó dường như bức tường giữa anh và tôi đã biến mất. Lần gặp anh trước khi anh nhập viện và chỉ qua một vài điện thư ngắn ngủi mà tôi thấy như đã nói được với anh những gì tôi cần nói về tình trạng sức khỏe của anh cũng như về tiến triển của căn bệnh hiểm nghèo anh mắc phải với mục đích giúp anh bình thần chấp nhận và can đảm chờ đợi những gì sẽ đến với anh trong những ngày sắp tới. Anh cảm kích và chân thành đón nhận các ý kiến và suy nghĩ của tôi về anh.

Lần cuối cùng đến thăm anh tại nhà, dù cơn bệnh bắt đầu hoành hành và anh đi đứng đã chậm chạp, anh vẫn ngồi dùng bữa với chúng tôi. Anh can đảm vượt qua cơn đau ngồi nghe chúng tôi hát cho đến khi anh mệt lả, không còn sức để chỉnh lại âm thanh, hình ảnh của các bài hát trên màn ảnh nhỏ anh mới chịu bỏ cuộc nằm thiếp đi ngay trên chiếc ghế dài tại phòng khách. Những ngày sau đó anh phải nằm suốt trên giường cho đến khi nhập viện chờ phút vĩnh viễn ra đi.

Khi tôi cùng cô bạn đến thăm anh trên giường bệnh, tôi sững sờ về sự thay đổi sắc diện của anh. Anh không còn là một người nghiêm nghị đầy bí ẩn. Trước mắt tôi là một người đàn ông đứng tuổi, hài lòng với cuộc sống. Tôi buột miệng khen anh “đẹp lão”. Anh mỉm cười thích thú trước nhận xét vô tư này. Anh xiết chặt tay cô bạn tôi để chứng tỏ mình vẫn còn đủ sức lực để chống chọi với căn bệnh. Khuôn mặt anh trông rạng rỡ, tuy ánh mắt có thoáng nét lo âu, buồn bã khi biết mình sắp phải đơn độc bước qua thế giới khác.

Anh ứa nước mắt khi tôi nghiêm trang nói lời vĩnh biệt anh bên giường bệnh. Anh nhẹ gật đầu khi tôi hẹn gặp anh vào kiếp sau. Không hiểu anh cho đó là lời bông đùa hay anh cũng tin như vậy? Khi bước ra khỏi phòng, tôi cảm thấy an tâm và hạnh phúc vì đã góp phần vào việc giúp anh đi hết đoạn đường cuối cùng.

Anh thật may mắn đã ra đi trong tình thương yêu đùm bọc của toàn thể gia đình anh. Tôi tiếc đã biết anh hơi muộn. Nếu không tôi sẽ còn nhiều dịp hàn huyên với anh về các sở thích chung, về những kinh nghiệm trong cuộc sống, về quá khứ của anh.

Tôi không hiểu lúc rời cõi đời này, anh có còn mang theo mối tình tuyệt vọng hay không. Có thể anh đã thanh thản chấp nhận mình là người bại trận trong cuộc tình đơn phương?

Tôi hứa sẽ viết về anh.

Xin gửi anh những dòng tâm sự này và đoạn thơ phỏng dịch từ một bài thơ của một thi sĩ Pháp mà tôi không rõ tên tuổi.

“Tình yêu không chết

Cái Chết chẳng là gì: ta chỉ ở phòng bên

Ta là ta, em vẫn là em.

Đã từng là gì của em, ta sẽ mãi như vậy

Hãy nói với ta như em hãy từng nói

Dừng dùng lời trang trọng hay buồn thảm

Hãy tiếp tục cười như đã từng cười với ta

....

Hãy nguyện cầu, mỉm cười, nghĩ đến ta...”

Minh-Châu

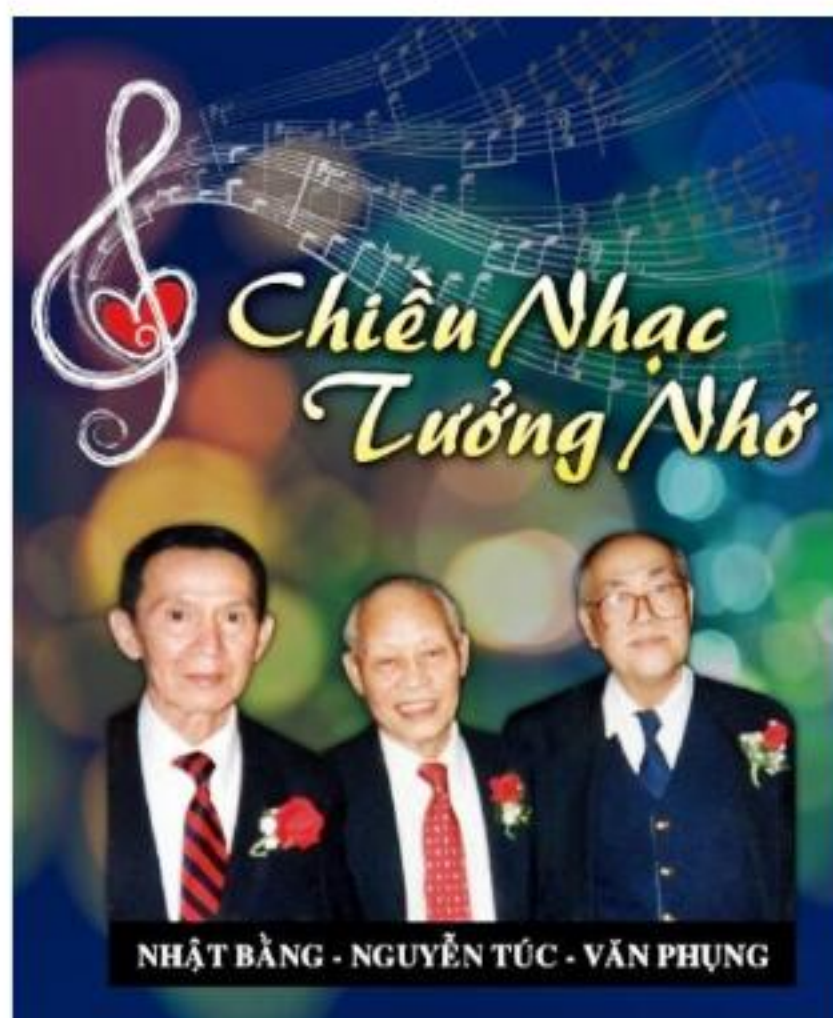
VA 2012

Thân tặng chị T&T

CHIỀU NHẠC TƯỞNG NHỚ

Nhạc Sĩ Nhật Bằng, Nguyễn Túc, Văn Phụng

Virginia 22 tháng 9, 2012



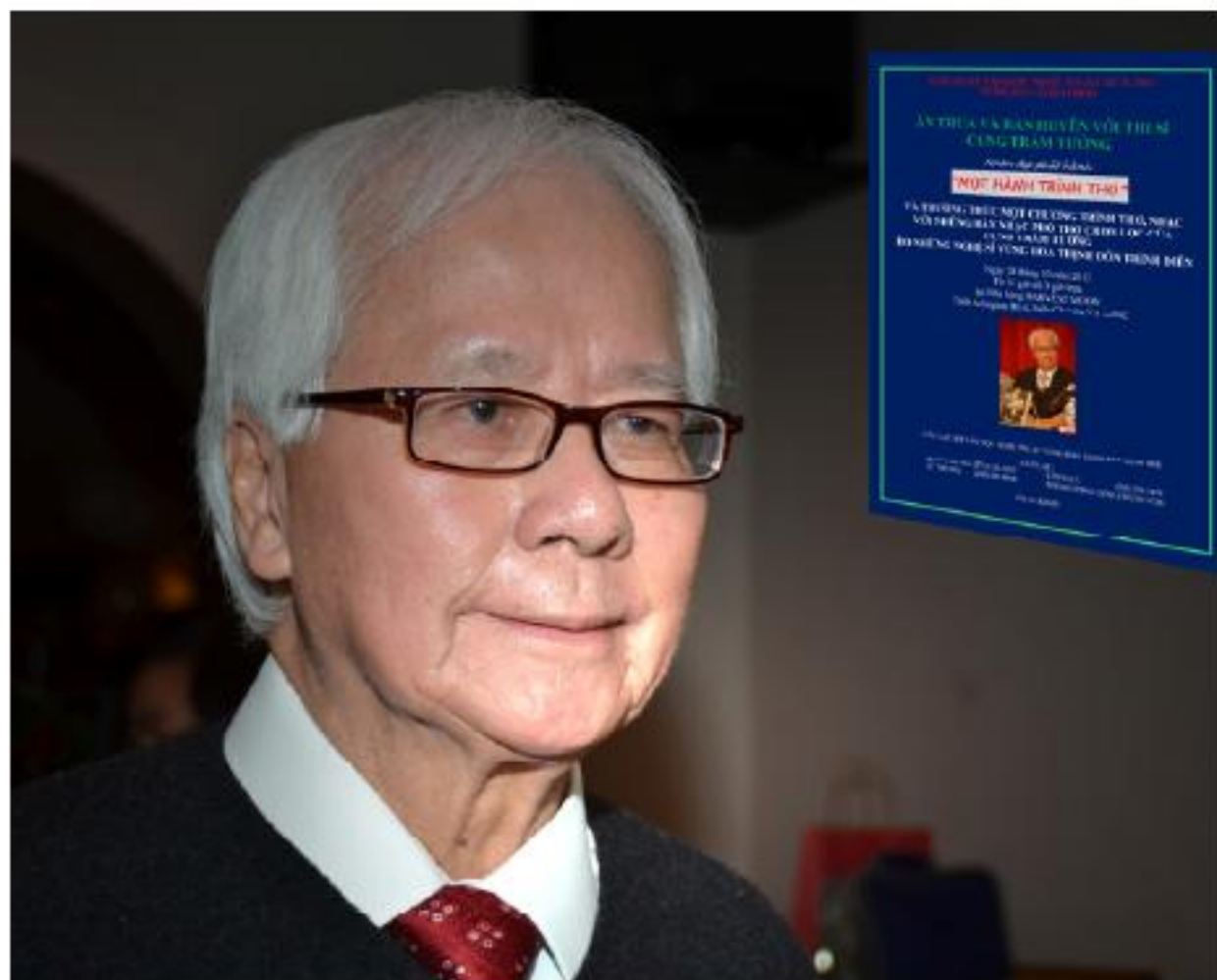
Đứng từ trái: *Đình Hùng Cường, Hà Văn Sang, Phan Anh Dũng, Huệ Trần, Phan Ngọc Trinh*. Ngồi từ trái: *Nguyễn Lâm, Ngô Nguyệt Hằng, Đặng Ngọc Thanh*.



Sỹ Tuấn, Châu Hà, Đèo Văn Sách, Tường Huệ, Phạm Xuân Thái, Thái Phương, Vũ An Thanh.

HỘI NGỘ NHÀ THƠ CUNG TRẦM TƯỚNG

Virginia 28 tháng 10, 2012



Nhà Thơ Cung Trầm Tưởng.



Tâm Đạt, Nhà Thơ Cung Trầm Tưởng,
Nhà Thơ Hoàn Song Liêm,
Nhà Văn Nguyễn Thị Ngọc Dung.



Hàng trước: Phan Khâm, Vũ Hối, Nguyễn Quốc Khải.

Hàng sau: Diana Duyên, Diễm Hoa, Đăng Nguyên, Thúy Diễm, Ngô Thy Vân, Nguyễn Lân.



Hàng trước: Diễm Hoa, ÔB Nguyễn Văn Thành, Đăng Nguyên,
Hàng sau: Nguyễn Minh Nữ, Nguyễn Lâm, Ngọc Dung, Vũ Hối, Phan Khâm.



Thân hữu, Thúy Hiền, Thúy Diễm, Ngọc Dung, Diana Duyên, Chu Thanh Quỳ.

THIỆP MỜI

Trân trọng kính mời quý vị tham dự
Kỷ niệm 18 năm sinh hoạt văn học nghệ thuật của

TAM CÁ NGUYỆT SAN CỎ THƠM

Chủ Nhật 5 tháng 5 năm 2013

Khai mạc đúng 6 giờ tại Harvest Moon Restaurant
7260 Arlington Boulevard, Falls Church VA 22042
Điện thoại (703) 573-6000

Chương trình có dạ tiệc, văn nghệ, dạ vũ với sự tham dự
của một số nghệ sĩ vùng Thủ Đô và lân cận.

Giá vé: 30 Mỹ kim

LIÊN LẠC

Nguyễn T. Ngọc Dung: (703) 471-1271	Hồng Thủy: (301) 466-6120
Phan Khâm: (301) 592-8608	Phong Thu: (202) 657-8654
Phan Anh Dũng (804) 276-7960	Bạch Mai: (703) 455-2711
Thái Phụng: (804) 639-6137	Phạm Văn Tuấn: (703) 707-1602
Trương Anh Thụy: (703) 525-4538	Đặng Nguyên: (443) 303-2939



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- **Lunch: \$7.95**
- **Dinner: \$9.95**

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm**
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm**

Trân Trọng Kính Mời

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO (SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM

PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35.00 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40.00 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION
11623 CHAPEL CROSS WAY
RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO LÀ
ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM**

Giá báo: \$7.00